

TRANH MINH HỌA

KINH PHÁP CÚ

(DHAMMAPADA)

Tịnh Minh dịch

Biên soạn:

© Tranh vẽ: TkN - Thích nữ Tịnh Chúc



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Lời Giới Thiệu

Kinh Pháp Cú là một trong 15 quyển kinh thuộc Tiểu Bộ Kinh trong Kinh Tạng Pali. Nhiều học giả coi bộ kinh này như là Thánh Thư của đạo Phật. “Pháp” có nghĩa là đạo lý, chân lý, triết lý. “Cú” là lời nói, câu kệ. “Pháp Cú” là những câu nói về chánh pháp, những lời dạy của đức Phật, khi còn tại thế trong suốt thời gian 45 năm giáo hóa của Ngài, khế hợp với chân lý, thích hợp với căn cơ của chúng sanh, nên Kinh Pháp Cú còn được gọi là “Lời vàng Phật dạy”.

Kinh Pháp Cú là một tập hợp những câu kệ ngắn gọn nhưng đầy ý nghĩa cao sâu và thiết thực, thâm tóm tinh hoa giáo lý của Đức Phật. Các câu này về sau được các vị đại đệ tử của Ngài sắp xếp thành 423 bài kệ, chia ra làm 26 phẩm. Đọc những bài kệ trong kinh này, ta cảm thấy như chính mình được trực tiếp nghe lời Phật dạy từ hơn 2500 năm trước vọng lại. Mỗi bài kệ có thể xem là chứa đựng một cách súc tích và trung thành nhất những lời dạy, những giáo lý căn bản nguyên thủy của Đức Phật.

Với mong muốn đem lại cho tất cả mọi người, mọi lứa tuổi dù ở cương vị nào khi đọc quyển kinh này cũng đạt được nhiều lợi ích an lạc. Nhất là các trẻ em chưa thể hiểu rõ về những lời dạy sâu xa của Đức Thế Tôn, khi nhìn vào hình ảnh tranh vẽ, cũng có thể minh họa và phản ánh phần nào về cuộc đời của Đức Phật và những lời dạy cao quý của Ngài một cách sống động hơn.

Nguyên tác xin trân trọng giới thiệu quyển sách minh họa kinh Pháp Cú trình bày ở thể loại tranh vẽ đề diễn đạt một cách gần gũi súc tích, trung thành với ý nguyện của nguyên tác mong rằng tác phẩm này sẽ góp được một phần nhỏ bé và khiêm tốn trong việc truyền bá Phật pháp, lợi lạc quần sanh.

Ngoài thời gian tu tập, chấp tác, con đã dành hết thời gian trong ngày đọc và suy ngẫm từng lời Kinh mà Phật đã dạy, để những bức họa đầy đủ ý nghĩa và sống động hơn.

Tác phẩm minh họa Kinh Pháp Cú đã được hoàn thành trong mùa An cư kiết hạ PL.2567-DL.2023

Con xin thành kính dâng lên cúng dường Mười phương ba ngôi cao cả cùng các bậc ân nhân đã hết lòng trợ duyên cho con hoàn thành tâm nguyện.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!



Hưng Thiện: 2567-2023

Tranh vẽ: TkN-Thích Nữ Tịnh Chúc



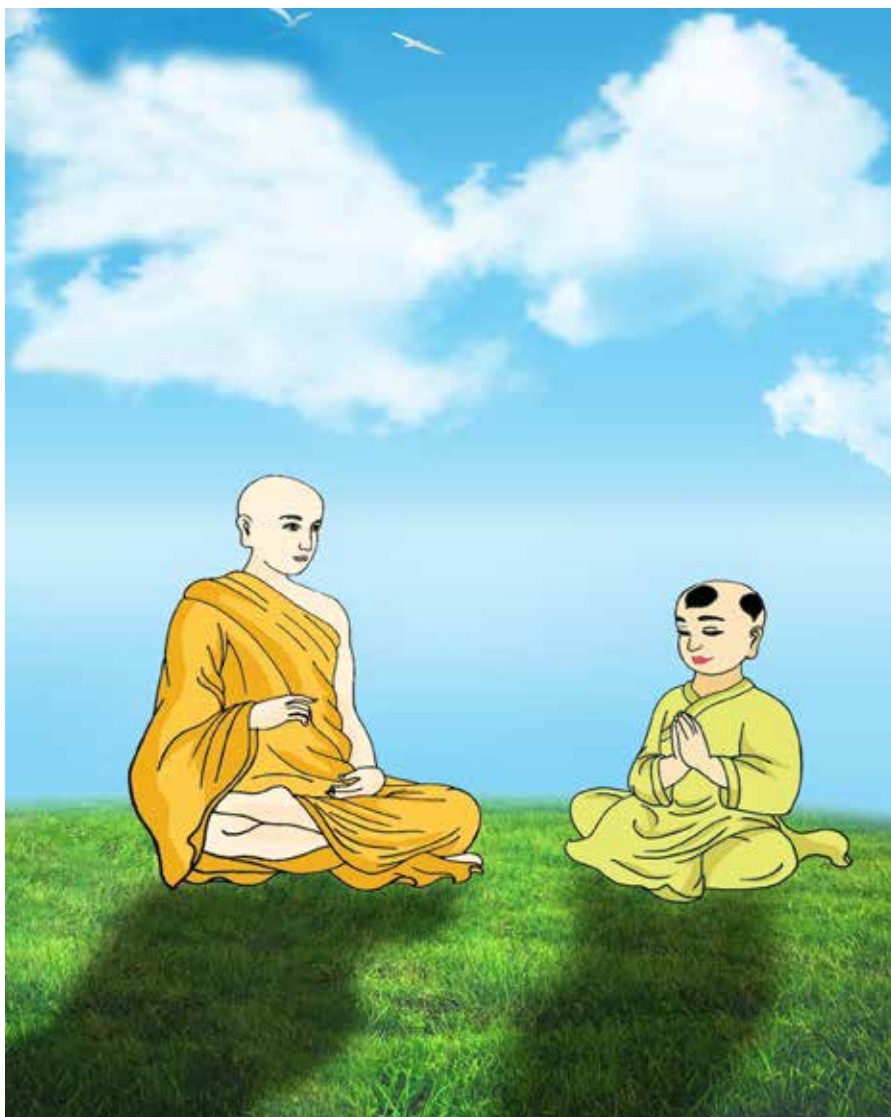
PHẨM I
PHẨM SONG YẾU
(THE TWIN VERSES)



1

*Tâm dẫn đầu các pháp.
Tâm là chủ, tạo tác.
Nếu nói hay hành động,
Với tâm niệm bất tịnh,
Khổ nào liền theo sau,
Như xe theo bò vậy.*

*Mind is the forerunner of (all evil) states.
Mind is chief; mind-made are they.
If one speaks or acts with wicked mind,
because of that, suffering follows one,
even as the wheel follows the hoof of the
draught-ox. -- 1*



2

*Tâm dẫn đầu các pháp.
Tâm là chủ, tạo tác.
Nếu nói hay hành động,
Với tâm niệm thanh tịnh,
An lạc liền theo sau,
Như bóng chẳng rời hình.*

*Mind is the forerunner of (all good).
Mind is chief; mind-made are they.
If one speaks or acts with pure mind,
because of that, happiness follows one,
even as one's shadow that never leaves.*

– 2



3

*Hắn mắng tôi, đánh tôi,
Hắn hạ tôi, cướp tôi,
Liền ôm niềm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi.*

*"He abused me, he beat me,
he defeated me, he robbed me",
in those who harbour such thoughts
hatred is not appeased. -- 3*



4

*Hắn mắng tôi, đánh tôi,
Hắn kỏi, cướp tôi,
Đi xả niềm hận ấy,
Hận thù tự nhiên nguôi.*

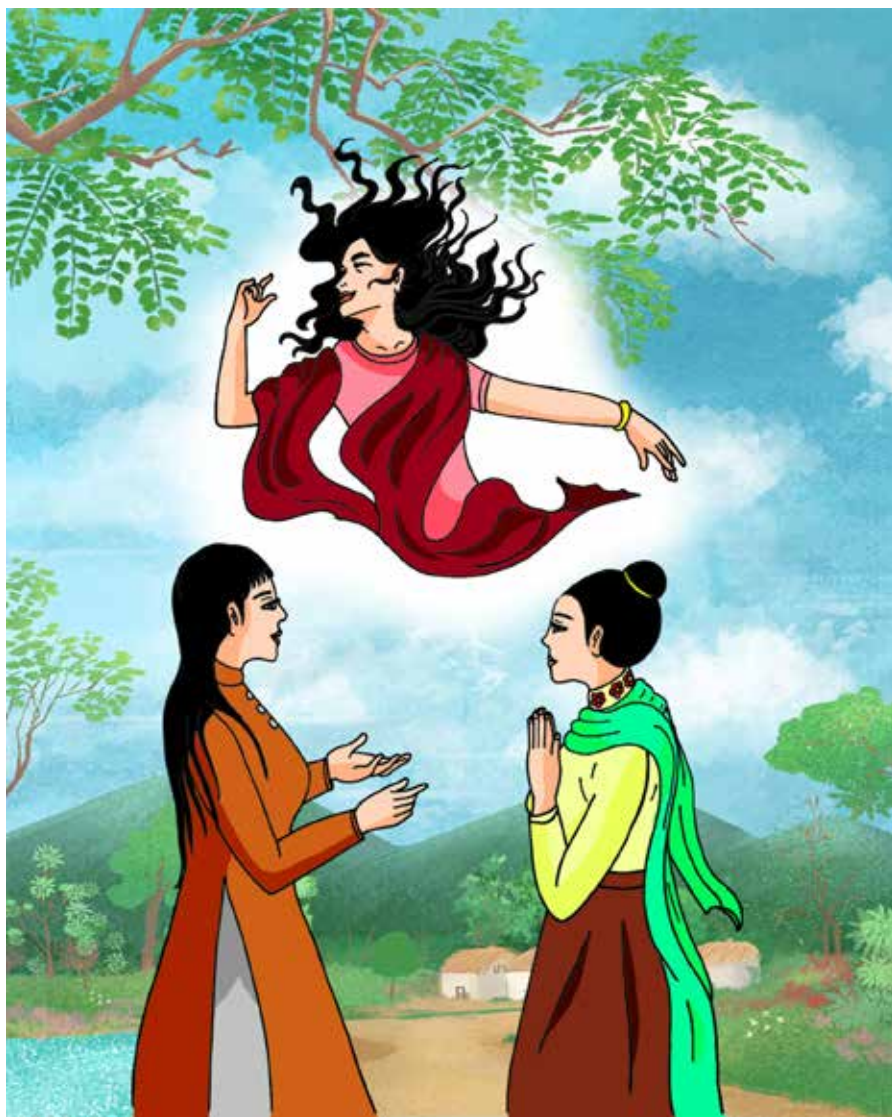
*"He abused me, he beat me,
he defeated me, he robbed me",
in those who do not harbour such
thoughts hatred is appeased. -- 4*



5

*Hận thù diệt hận thù,
Đời này không thể có,
Từ bi diệt hận thù,
Là định luật nghìn thu.*

*Hatred never cease through hatred in
this world;
through love alone they cease.
This is an eternal law. -- 5*



6

*Người kia không biết rằng,
Ta chết vì cãi nhau,
Hi nhận ra điều đó,
Tranh cãi lắng dịu mau.*

*The others know not that in this quarrel
we perish;
those of them who realize it,
have their quarrels calmed thereby. -- 6*



7

*Si sống theo lạc thú,
 Không nhiếp hộ các căn,
 Ăn uống thiếu tiết độ,
 Lười biếng kém siêng năng,
 Sẽ bị Ma vương kéo,
 Như cây yếu gió quàn.*

*Whoever lives contemplating pleasant things,
 with senses unrestrained,
 in food immoderate,
 indolent inactive,
 him verily Maara overthrows,
 as the wind (overthrows) a weak tree. -- 7*



8

*Đi sống quán bất tịnh,
Nhập hộ được các căn,
Ăn uống có tiết độ,
Thành tín và siêng năng,
Ma vương không chuyển nổi,
Như núi đá gió qua.*

*Whoever lives contemplating "the Impurities",
with senses restrained,
in food moderate,
full of faith, full of sustained energy,
him Maara overthrows not,
as the wind (does not overthrow) a rocky
mountain. – 8*



9

*Ai mặc áo cà sa,
Tâm chưa sạch uế trược,
Không tự chế, không thực,
Không xứng mặc cà sa.*

*Whoever, unstainless,
without self control and truthfulness,
should don the yellow robe,
is not worthy of it. -- 9*



10

*Hi tẩy trừ uế trước,
Giới luật khéo nghiêm trì,
Tự chế, sống chân thực,
Vững đáng mặc pháp y.*

*He who is purged of all stain,
is well-established in morals
and endowed with self-control and truthfulness,
is indeed worthy of the yellow robe. -- 10*



11

*Phi chân tưởng chân thực,
Chân thực thấy phi chân,
Liêm ấp tà vọng,
Không bao giờ đạt chân.*

*In the unessential they imagine the essential,
in the essential they see the unessential,
- they who entertain (such) wrong thoughts
never realize the essence. -- 11*



12

*Chán thực, biết chán thực,
Phi chán, biết phi chán,
Hi nuôi dưỡng chánh niệm,
Hi hẳn đạt được chán.*

*What is essential they regard as essential,
what is unessential they regard as unessential,
- they who entertain (such) right thoughts,
realize the essence. -- 12*



13

*Như ngôi nhà vụng lợp,
Nước mưa len lỏi vào,
Cảm không tu cũng vậy,
Tham dục rỉ rả vào!*

*Even as rain penetrates
as ill-thatched house,
so does lust penetrate
an undeveloped mind. -- 13*



14

*Như ngôi nhà khéo lợp,
Nước mưa không thấm vào,
Tâm khéo tu cũng vậy,
Tham dục khó lọt vào!*

*Even as rain does not penetrate
a well-thatched house,
so does lust not penetrate
a well-developed mind. -- 14*

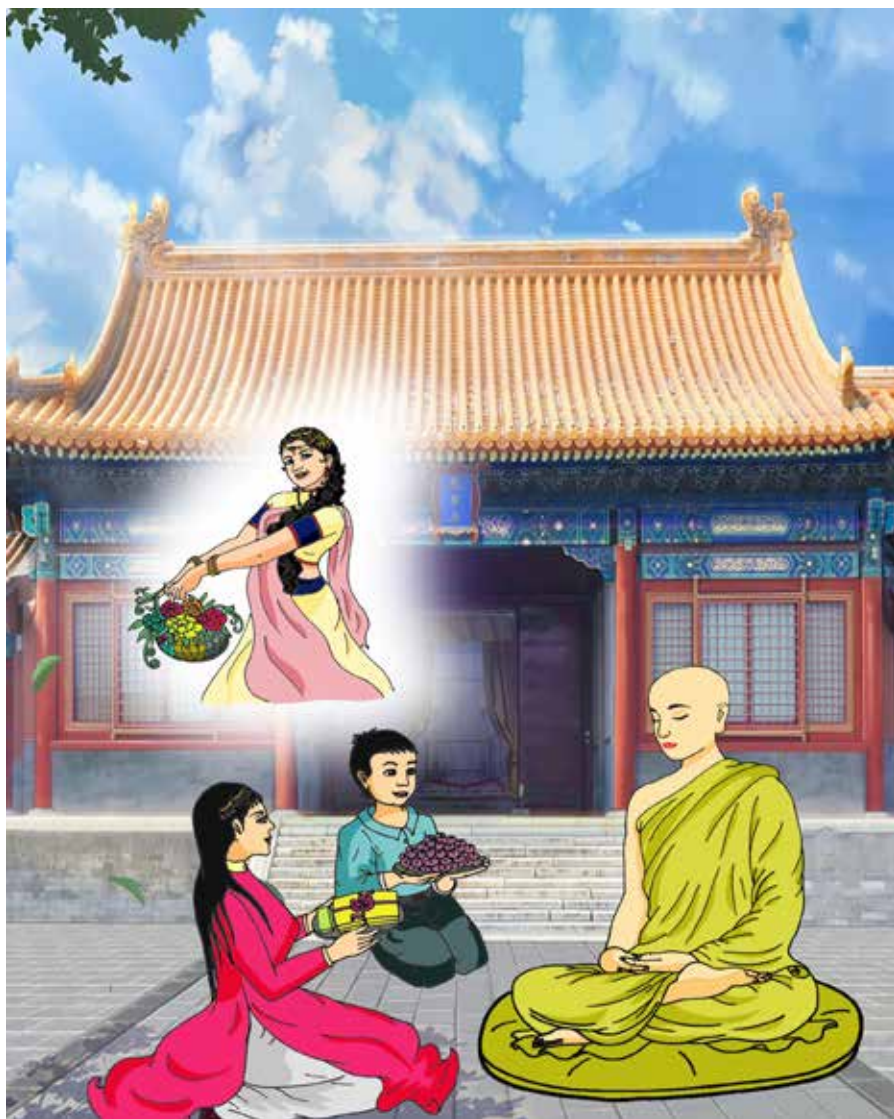


15

*Nay buồn, đời sau buồn,
 Làm ác hai đời buồn.
 Hân u buồn, tàn tạ,
 Chấy ứ nghiệp mình luôn.*

*Here he grieves, hereafter he grieves.
 In both states the evil-doer grieves.
 He grieves, he is afflicted,
 perceiving the impurity of his own deeds.*

-- 15



16

*Này vui, đời sau vui.
Làm phúc hai đời vui.
Hân an vui, hoan hỷ,
Chấy tịnh nghiệp mình nưối.*

*Here he rejoices, hereafter he rejoices.
In both states the well-doer rejoices.
He rejoices, exceedingly rejoices,
perceiving the purity of his own deeds.*

-- 16



17

*Nay than, đời sau than.
 Làm ác hai đời than.
 Hân than: “Ta làm ác.”
 Đọa cõi khổ, càng than.*

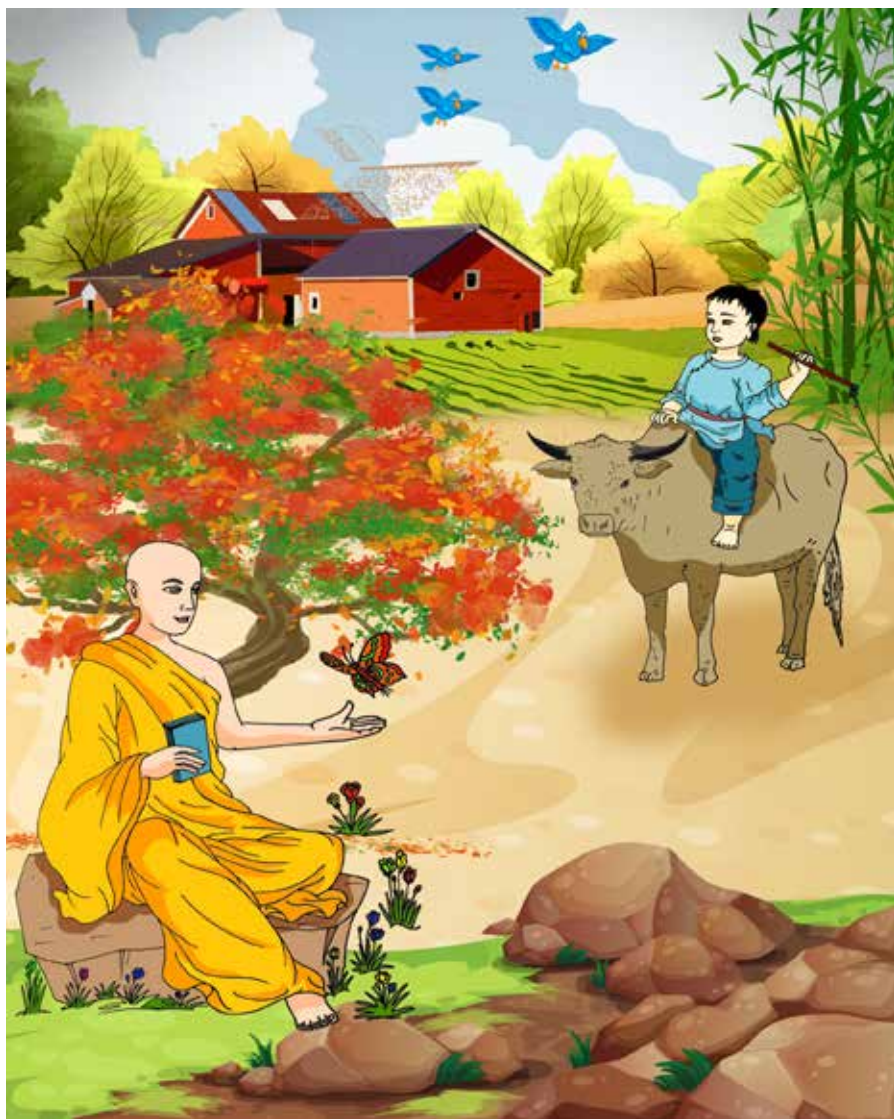
*Here he suffers, hereafter he suffers.
 In both states the evil-doer suffers.
 “Evil have I done” (thinking thus), he suffers.
 Furthermore, he suffers, having gone to a
 woeful state. -- 17*



18

*Nay mừng, đời sau mừng.
Làm phúc hai đời mừng.
Hân mừng: “Ta làm phúc.”
Sanh cảnh lành, mừng hơn.*

*Here he is happy, hereafter he is happy.
In both states the well-doer is happy.
“Good have I done” (thinking thus), he
is happy.
Furthermore, he is happy, having gone
to a blissful state. -- 18*



19

*Dầu đọc tụng nhiều kinh,
Tâm buông lung cầu thả,
Như kẻ chăn bò thuê,
Khó hưởng Sa môn quả.*

*Though much he recites the Sacred Texts,
but acts not accordingly,
that heedless man is like a cowherd
who counts others' kine.
He has no share in the fruits of the Holy
Life. -- 19*



20

*Dầu đọc tụng ít kinh,
Nhưng hành trì giáo pháp,
Như thật, tâm giải thoát,
Từ bỏ tham sân si,
Hai đời không chấp trì,
Thọ hưởng Sa môn quả.*

*Though little he recites the Sacred Texts,
but acts in accordance with the teaching,
forsaking lust, hatred and ignorance,
truly knowing, with mind well freed,
clinging to naught here and hereafter,
he shares the fruits of the Holy Life. -- 20*



PHẨM II
PHẨM TINH CẦN
(HEEDFULNESS)



21

*Tinh cần là đường sanh,
Buông lung là ngô tử,
Tinh cần là bất tử,
Buông lung như thây ma!*

*Heedfulness is the path to the deathless,
heedlessness is the path to death.
The heedful do not die;
the heedless are like unto the dead. -- 21*



22

*Hiếu rõ sai biệt ấy,
Người trí luôn tỉnh cần,
H hoan hỷ không phóng dật,
Vui thánh quả xuất trần.*

*Distinctly understanding this (difference),
the wise (intent) on heedfulness,
rejoice in heedfulness,
delighting in the realm of the Ariyas. -- 22*



23

*Hì chuyén táp thiền định,
Quyết tâm tu vững vàng,
Giải thoát mọi trói buộc,
Chứng vô thượng Niết bàn.*

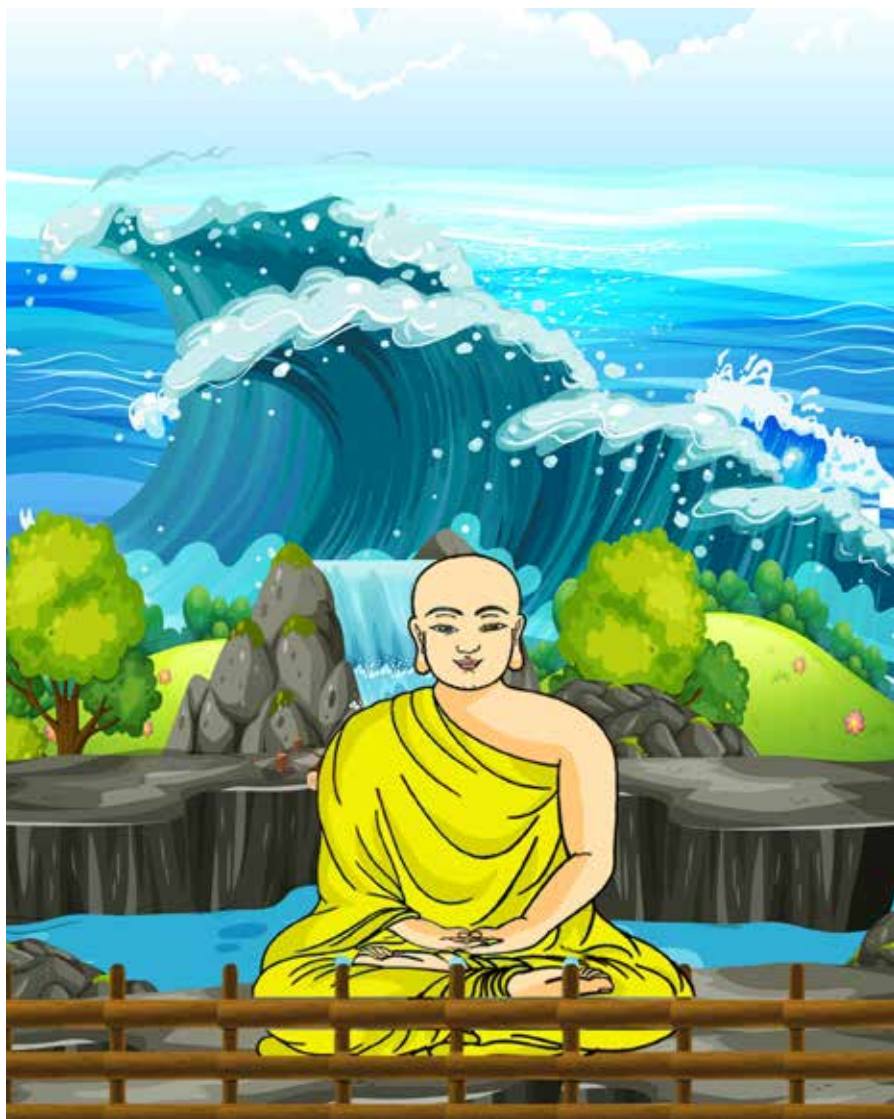
*The constantly meditative,
the ever steadfastly ones
realize the bond-free,
supreme Nibbaana. -- 23*



24

*Hi nỗ lực, chánh niệm,
Trong sạch và nghiêm cần,
Tư chế, sống chân chánh,
Tiếng lành tăng trưởng dần.*

*The glory of him who is energetic,
mindful pure in deed,
considerate, self-controlled, right-living,
and heedful steadily increases. -- 24*



25

*Nhờ nhiệt tâm cố gắng,
Tự chế, sống nghiêm trang,
Người trí xây hòn đảo,
Nước lụt khó ngập tràn.*

*By sustained effort, earnestness,
discipline and self-control
let the wise man make for himself an island,
which no flood overwhelms. -- 25*



26

*Kẻ dằn dện ngu si,
Thích buông lung phóng dật,
Người trí luôn nhiếp tâm,
Như giữ kho bảo vật.*

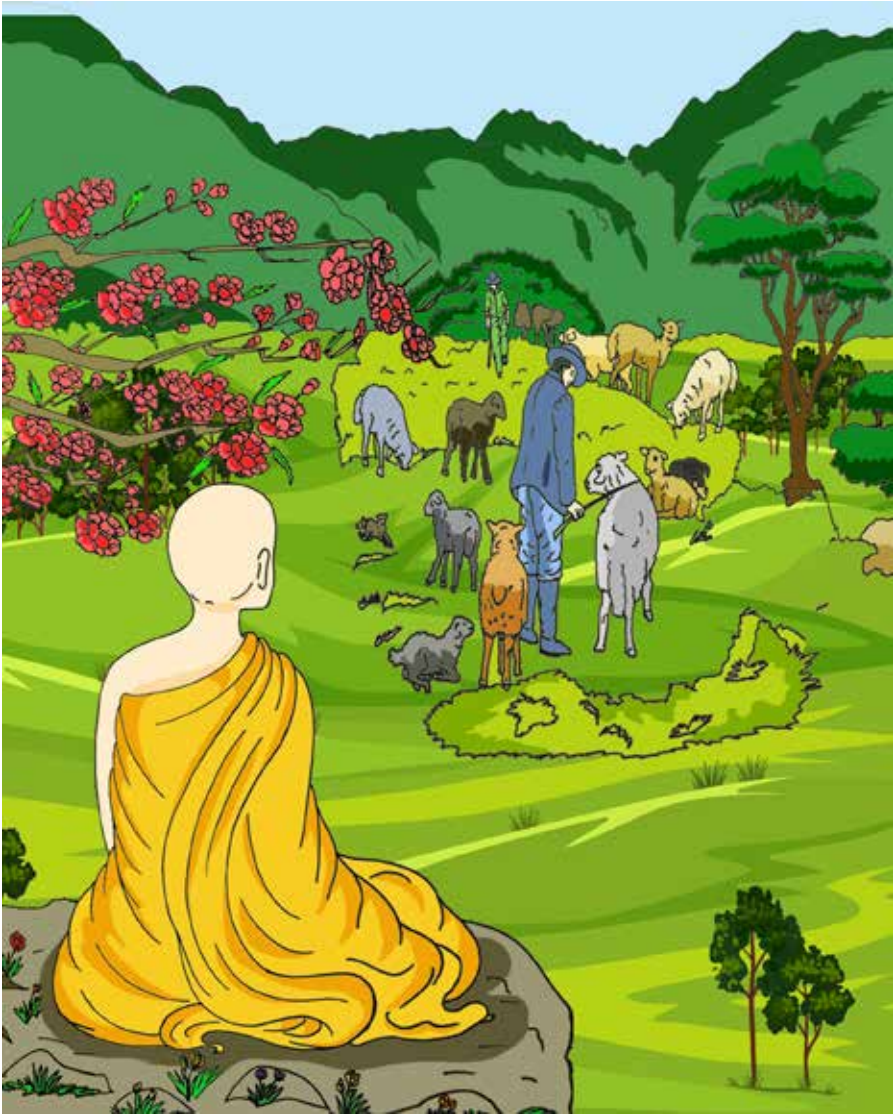
*The ignorant, foolish folk
indulge in heedlessness;
the wise man guards earnestness
as the greatest treasure. -- 26*



27

*Không say sưa dục lạc,
Không phóng dật buông lung,
Người chuyên tu thiền định,
Được an lạc vô cùng.*

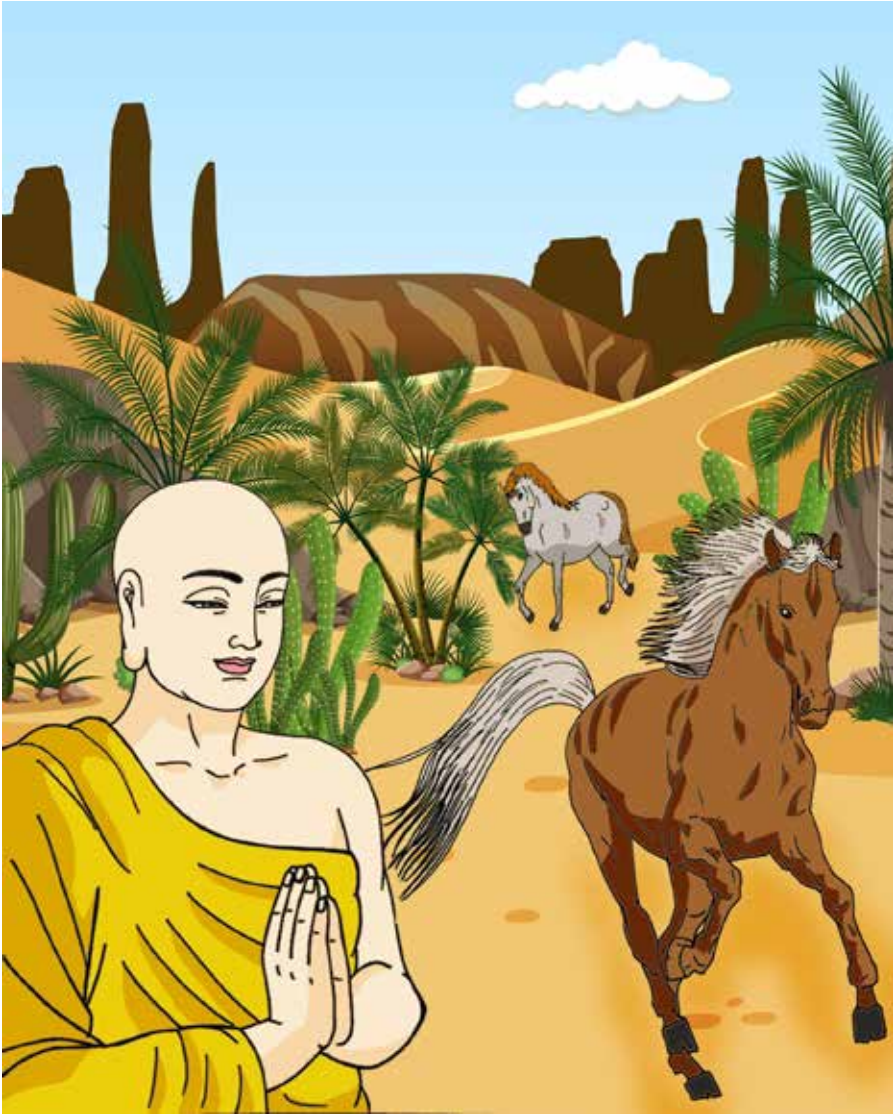
*Indulge not in heedlessness;
have no intimacy with sensuous delights.
Verily, the earnest, meditative person
obtains abundant bliss. -- 27*



28

*Nhờ diệt trừ phóng dật,
Người trí hết ưu phiền,
Lên lầu cao trí tuệ,
Nhìn chúng khổ trần miên,
Như người hiền trên núi,
Nhìn đám ngu đất liền.*

*When an understanding one
discards heedlessness by heedfulness,
he, free from sorrow,
ascends to the palace of wisdom
and surveys the sorrowing folk
as a wise mountaineer
surveys the ignorant groundlings. -- 28*



29

*Tỉnh cần giữa phóng dật,
Tỉnh thức giữa ngủ mê,
Người trí như tuấn mã,
Bỏ xa con ngựa hèn.*

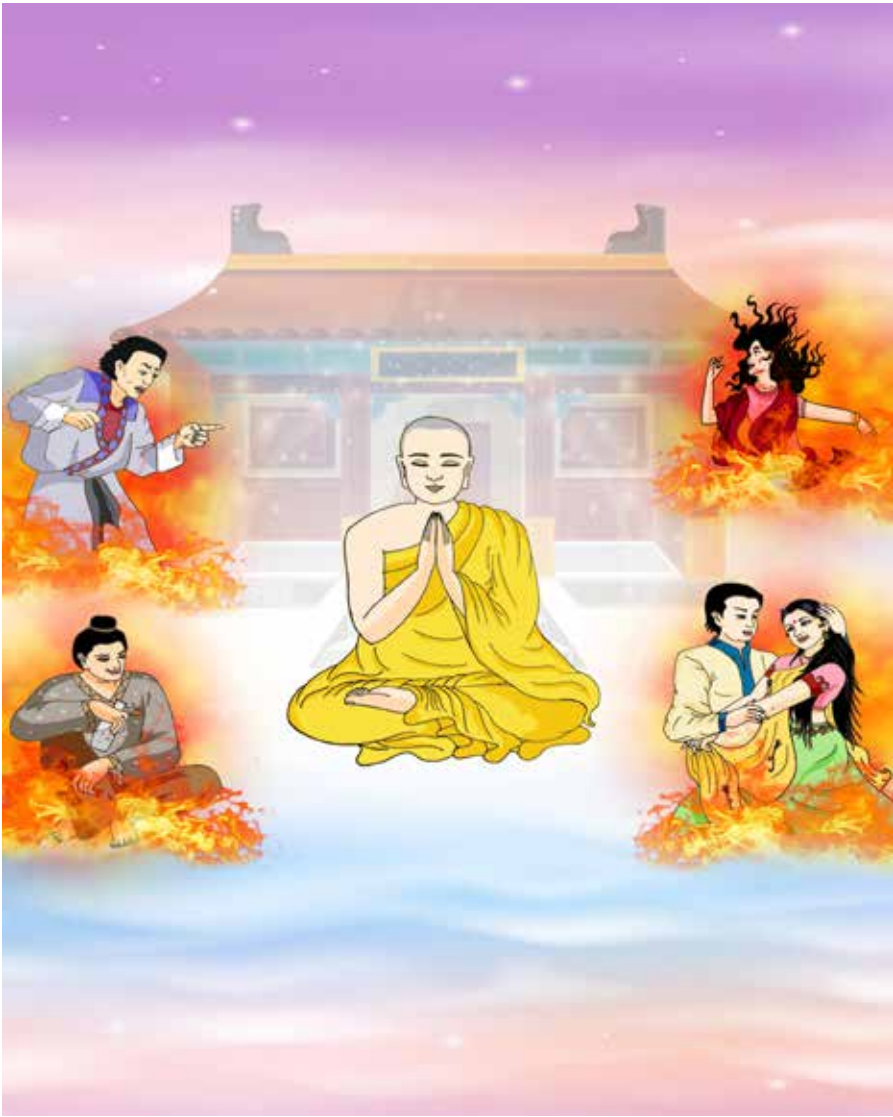
*Heedful amongst the heedless,
wide awake amongst the slumbering,
the wise man advances as does a swift horse,
leaving a weak jade behind. -- 29*



30

*Đề Thích đạt thiên vương,
Nhờ tinh cần đi tới,
Tinh cần được ca ngợi,
Buông lung bị trách chê.*

*By earnestness Maghavaa
rose to the lordship of the gods.
Earnestness is ever praised;
negligence is ever despised. -- 30*



31

*Tỷ kheo sợ phóng dật,
Thích nỗ lực tinh cần,
Như ngọn lửa lan dần
Chiêu sạch mọi kiết sử.*

*The Bhikkhu who delights in heedfulness,
and looks with fear on heedlessness,
advances like fire,
burning all fetters great and small. -- 31*



32

*Tỷ kheo thích tỉnh cần,
Sợ hãi nhìn phóng dật,
Đi không bị thối thất,
Nhất định gần Niết bàn.*

*The Bhikkhu who delights in heedfulness,
and looks with fear on heedlessness,
is not liable to fall.*

He is in the presence of Nibbana. -- 32



PHẨM III
PHẨM TÂM Ý
(MIND)



33

*Tâm dao động bất thường,
Khó hộ trì nhiếp phục,
Người trí điều tâm phúc,
Như thợ tên uốn tên.*

*The flickering, fickle mind,
difficult to guard, difficult to control -
- the wise person straightens it
as a fletcher straightens an arrow. -- 33*



34

*Như cá vớt khỏi nước,
Quăng trên bờ đất khô.
Cảm lo sợ vùng vầy,
Vượt thoát cảnh ma đồ.*

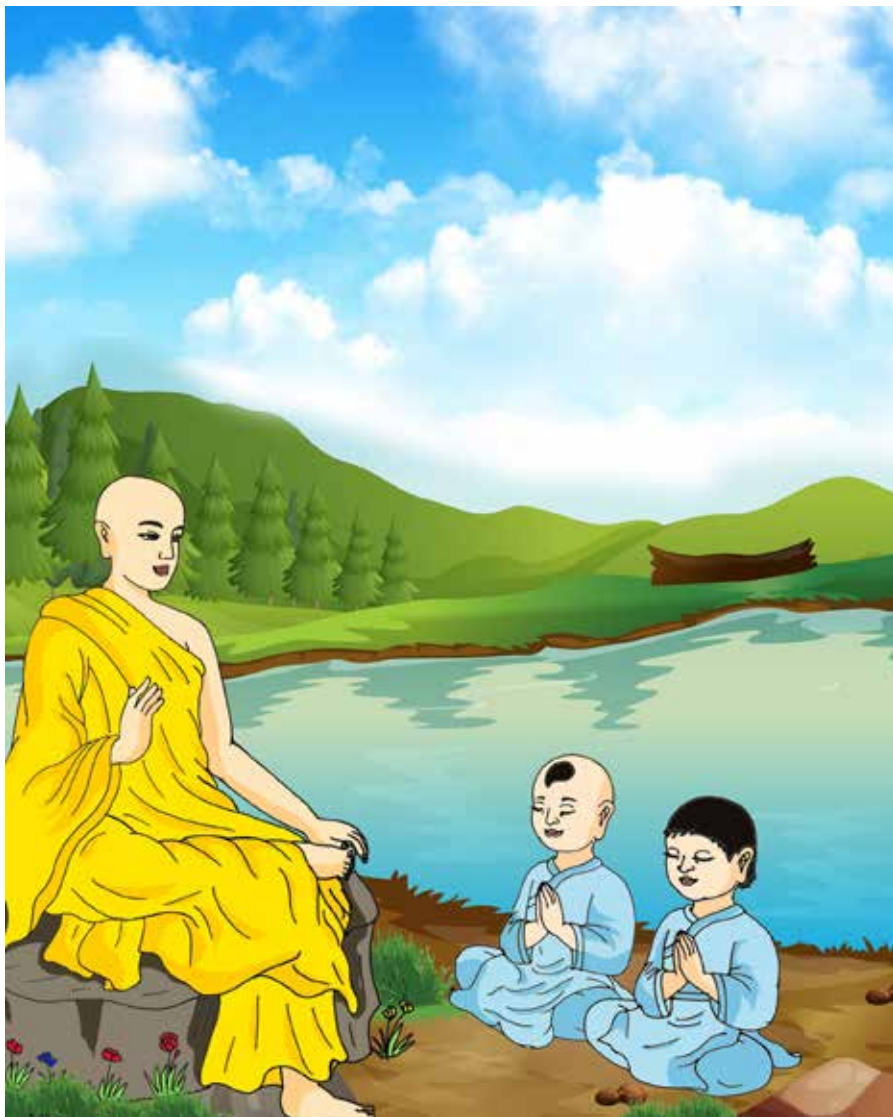
*Like a fish that is drawn
from its watery abode
and thrown upon land,
even so does this mind flutter.
Hence should the realm of the passions be
shunned. -- 34*



35

*Tâm đổi thay khó kiểm,
Vùn vút theo dục trần,
Lành thay điều phục tâm,
Điều tâm thì an lạc.*

*The mind is hard to check,
swift, flits wherever it listeth:
to control it is good.
A controlled mind is conducive to
happiness. -- 35*



36

*Tâm tế vi, khó thấy,
Vùn vút theo dục trần,
Người trí phòng hộ tâm,
Phòng tâm thì an lạc.*

*The mind is very hard to perceive,
extremely subtle, flits wherever it listeth.
Let the wise person guard it;
a guarded mind is conducive to happiness. – 36*



37

*Tâm lang thang cô độc,
Vô hình, ẩn hang sâu (*),
Người điều phục tâm rồi,
Hẳn thoát vòng ma buộc.*

*Faring far, wandering alone,
bodiless, lying in a cave, is the mind.
Those who subdue it
are freed from the bond of Maara. -- 37*

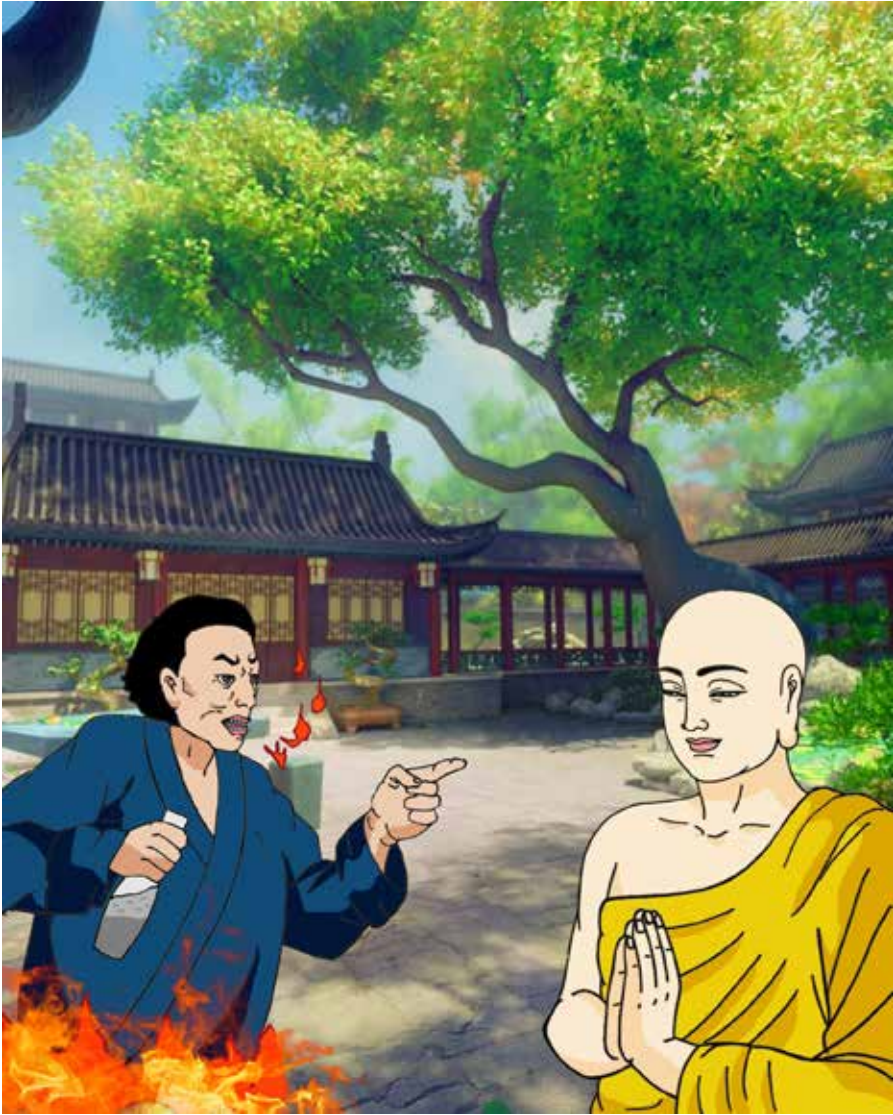
(*) Trú xứ của thức



38

*Người tâm không an định,
Chánh pháp không liễu tri,
Còn tâm bị lung lạc,
Trí tuệ chẳng đạt gì.*

*He whose mind is not steadfast,
he who knows not the true doctrine,
he whose confidence wavers -
the wisdom of such a one will never be
perfect. -- 38*



39

*Người tâm không ái dục,
Không bị sân nhuế hành,
Vượt trên mọi thiện ác,
Tỉnh giác, hết sợ quanh.*

*He whose mind is not soaked (by lust),
he who is not affected (by hatred),
he who has transcended both good and evil -
for such a vigilant one there is no fear.*

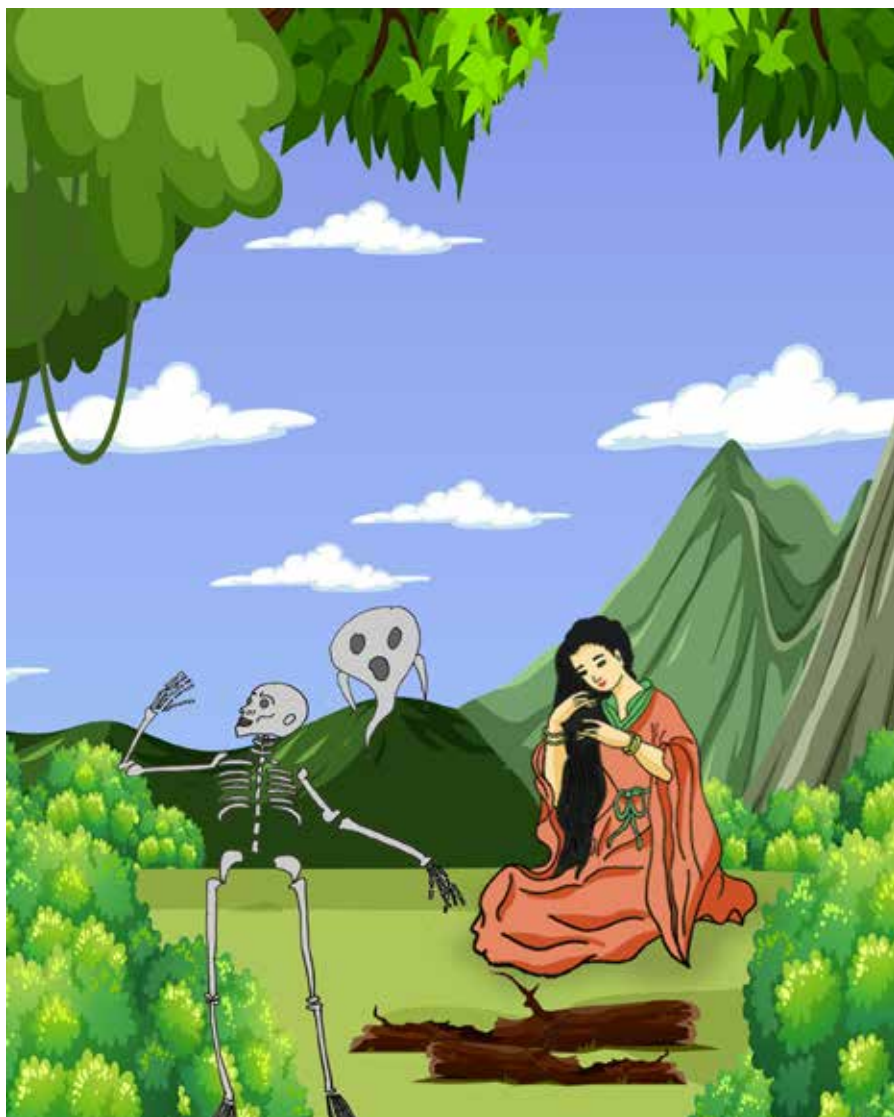
-- 39



40

*Biết thân như nôi đất,
Trụ tâm như thành trì,
Danh ma bằng gươm trí.
Chủ thắng, đừng lụy gì.*

*Realizing that this body is (as fragile) as a jar,
establishing this mind (as firm) as a (fortified) city,
he should attack Maara with the weapon of wisdom.
He should guard his conquest and be without
attachment. -- 40*



41

*Rời đây thân xác này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vất nằm vô thức,
Như gỗ mục bên đường.*

*Before long alas! this body will lie upon the ground,
cast aside, devoid of consciousness,
even as a useless charred log. -- 41*



42

*Kẻ thù hại kẻ thù,
Oan gia hại oan gia,
Không bằng tâm niệm ác,
Do chính ta hại ta.*

*Whatever (harm) a foe may do to a foe,
or a hater to a hater,
an ill-directed mind can do one far
greater (harm). -- 42*



43

*Mẹ cha hay bà con,
Không làm gì được cả,
Chính nhờ tâm nguyện lành,
Đưa ta lên cao cả.*

*What neither mother, nor father,
nor any other relative can do,
a well-directed mind does
and thereby elevates one. -- 43*



PHẨM IV
PHẨM HOA HƯƠNG
(FLOWERS)



44

*Ai chinh phục thiên giới,
Địa cầu và Dạ-ma,
Thống giảng kinh Pháp cú,
Như người khéo hái hoa.*

*Who will comprehend this earth (self),
and this realm of the Yama,
and this together with the devas?
Who will investigate the well taught Path of
Virtue,
even as an expert (garland maker) will pick
flowers? -- 44*



45

Thầy học () chỉnh phục đất,
Thiên giới và Dạ - ma,
Thống giảng kinh Pháp cú,
Như người khéo hái hoa.*

() Vị chứng quả Dự lưu cho đến Bất lai*

*A disciple in training (sekha), will com-
prehend this earth,
and this realm of Yama
together with the realm of the devas.
A disciple in training will investigate
the well-taught Path of Virtue
even as an expert (garland-maker) will
pick flowers. -- 45*



46

*Hình hài như huyễn hóa,
Thân xác tựa bọt bèo,
Bẻ tên hoa dục vọng,
Cứ thần hết đời theo.*

*Knowing that this body is like foam,
and comprehending its mirage-nature,
one should destroy the flower-shafts of
sensual passions (Maara),
and pass beyond the sight of the King of
Death. -- 46*



47

*Người hái hoa dục lạc,
Tâm tham nhiễm say sưa,
Cử thần sẽ kéo bừa,
Như lụt cuốn làng ngủ.*

*The man who gathers flowers (of sensual
pleasure),
whose mind is distracted,
death carries off
as a great flood sweeps away a sleeping village.*

— 47



48

*Người hái hoa dục lạc,
Tâm tham nhiễm say sưa,
Dục vọng, ý chưa vơi,
Đã bị tử thần kéo.*

*The man who gathers flowers (of sensual
pleasure),
whose mind is distracted,
and who is insatiate in desires,
the Destroyer brings under his sway. -- 48*



49

*Tỳ kheo vào làng xóm,
Như ong đến vườn hoa,
Lấy mật xong bay ra,
Không hại gì hương sắc.*

*As a bee without harming the flower,
its colour or scent,
flies away, collecting only the honey,
even so should the sage wander in the village.*

– 49



50

*Đừng tò mò vạch lỗi,
Việc người làm hay chưa,
Hãy nhìn lại việc mình,
Đã làm hay vất vả.*

*Let not one seek others' faults,
things left done and undone by others,
but one's own deeds done and undone.*

-- 50



51

*Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương,
Nói hay, làm không được,
Kết quả có chi lường.*

*As a flower that is lovely and beautiful
but is scentless,
even so fruitless is the well-spoken word
of one who does not practise it. -- 51*



52

*Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương,
Nói hay và làm giỏi,
Kết quả thật vô lường.*

*As a flower that is lovely, beautiful,
and scent-laden,
even so fruitful is the well-spoken word
of one who practises it. — 52*



53

*Nhiều tràng hoa được kết,
Từ những đóa hoa tươi,
Chân sanh diệt kiếp người,
Phải làm nhiều việc thiện.*

*As from a heap of flowers
many a garland is made,
even so many good deeds should be done
by one born a mortal. -- 53*



54

*Hương các loại hoa thơm,
Không thể bay ngược gió,
Hương người đức hạnh đó,
Ngược gió bay muôn phương.*

*The perfume of flowers blows not against the
wind,
nor does the fragrance of sandalwood, tagara
and jasmine
but the fragrance of the virtuous blows
against the wind;
the virtuous man pervades every direction.*

– 54



55

*Hương chiến đàn, già la,
Hương sen và vũ quý,
Ngàn ấy loại hương vị,
Không sánh bằng giới hương!*

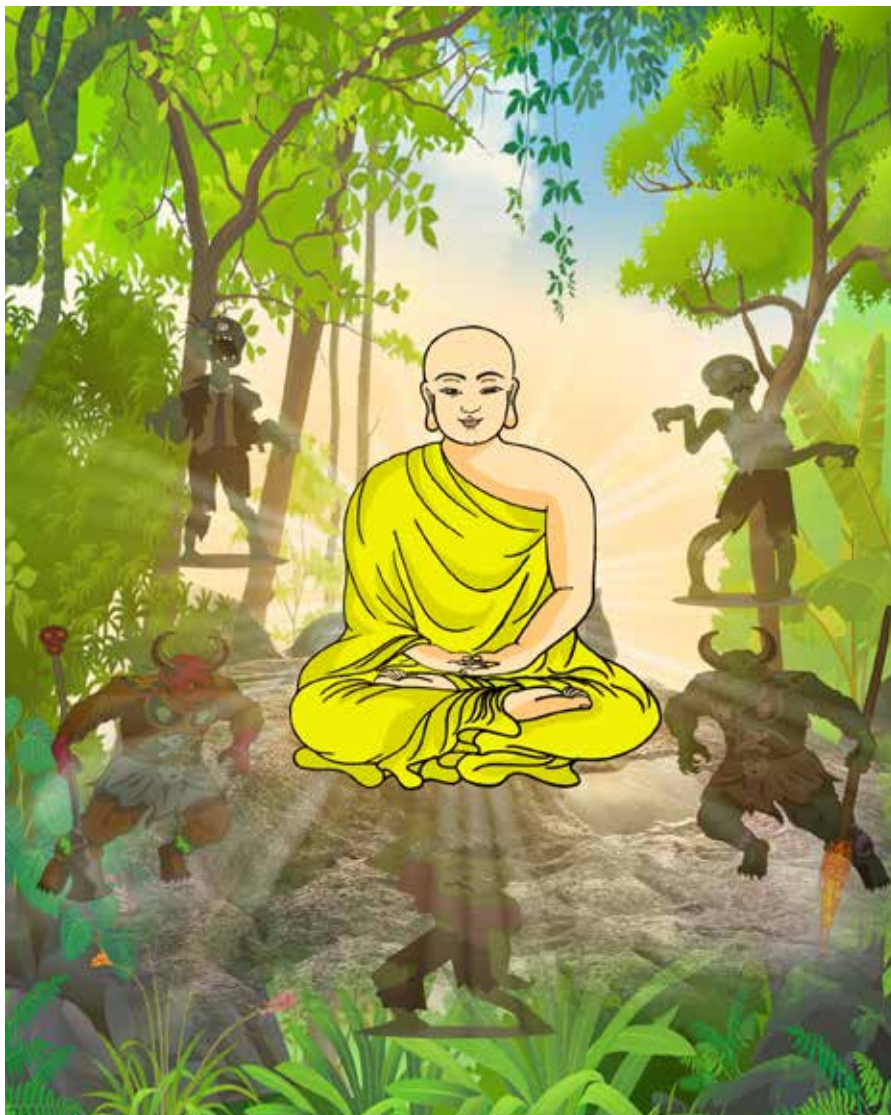
*Sandalwood, tagara, lotus, jasmine:
above all these kinds of fragrance,
the perfume of virtue is by far the best.
– 55*



56

*Hương chiến đàn, già la,
Chưa phải là thơm phúc,
Hương người có giới đức,
Vong ngát cả chư thiên.*

*Of little account is the fragrance of
tagara or sandal;
the fragrance of the virtuous,
which blows even amongst the gods, is
supreme. -- 56*



57

*Những ai sống đức hạnh,
Cẩn trọng và trang nghiêm,
Giải thoát bằng chánh trí,
Hề ma không thể tìm.*

*Maara finds not the path of those
who are virtuous, careful in living,
and freed by right knowledge. -- 57*



58

*Giữa đống rác bẩn thỉu,
Vất bỏ bên đường hoang,
Hoa sen thơm ngào ngạt,
Đẹp lòng khách qua đường.*

*As upon a heap of rubbish
thrown on the highway,
a sweet-smelling lovely lotus may grow
– 58*



59

*Cũng vậy giữa nhân gian,
Ngập tràn rác trần thế,
Dệ tử bậc chánh giác,
Sai sáng khắp quần mê.*

*Even so amongst worthless beings,
a disciple of the Fully Enlightened One
outshines the blind worldlings in wisdom.*

– 59



PHẨM V
PHẨM NGU SI
(FOOLS)



60

*Mắt ngủ thấy đêm dài,
Mệt nhọc thấy đường xa,
Kẻ ngu luôn hỏi mãi,
Chánh pháp biết đâu là!*

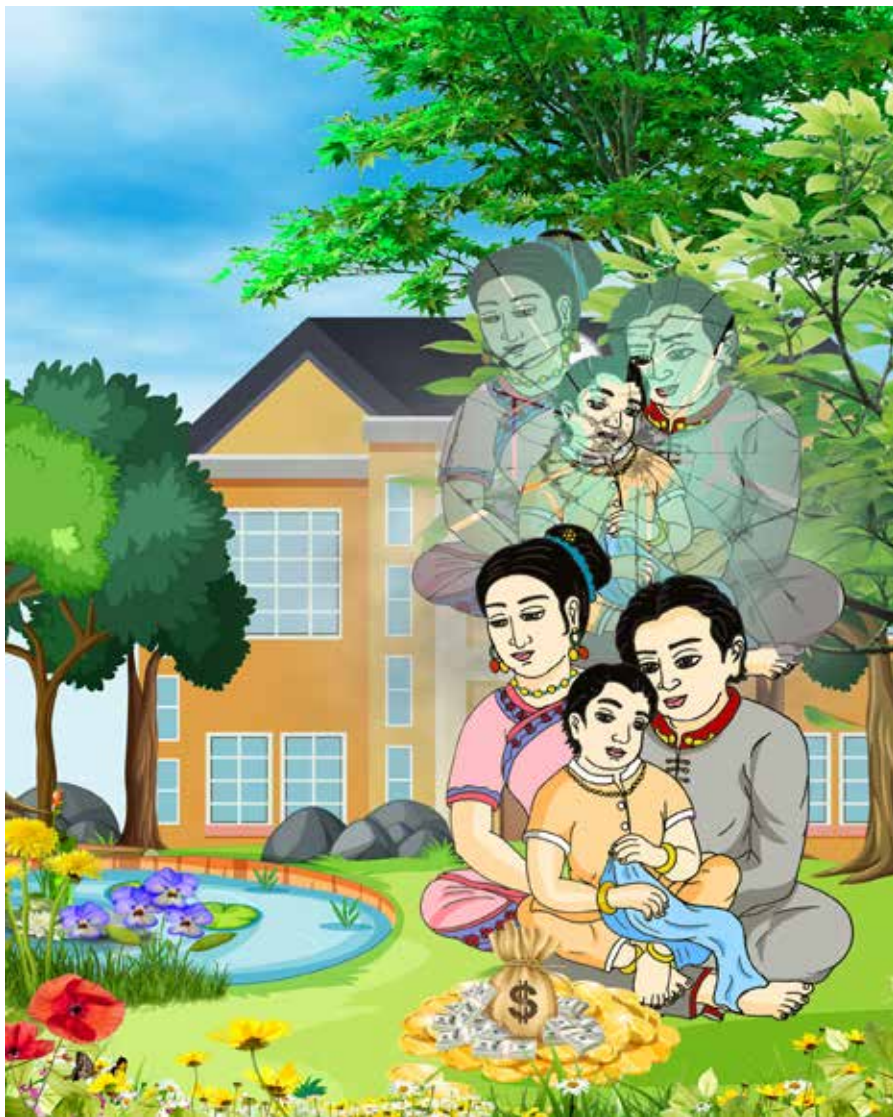
*Long is the night to the wakeful;
long is the league to the weary;
long is Sa'msaara to the foolish
who know not the Sublime Truth. -- 60*



61

*Nếu tìm không gặp bạn,
Hơn mình hay ngang mình,
Thà quyết sống một mình,
Chớ thân cận kẻ ngu.*

*If, as the disciple fares along,
he meets no companion who is better or equal,
let him firmly pursue his solitary career.
There is no fellowship with the foolish. -- 61*



62

*Con ta, tài sản ta,
Kẻ ngu mãi lo xa,
Chính ta còn không có,
Tài sản, con đâu ra?*

*"Sons have I; wealth have I":
Thus is the fool worried.
Verily, he himself is not his own.
Whence sons? Whence wealth? -- 62*



63

*Người ngu biết mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí,
Người ngu cho mình trí,
Chật đáng gọi chứ ngu!*

*The fool who knows that he is a fool
is for that very reason a wise man;
the fool who thinks that he is wise
is called a fool indeed. -- 63*



64

*Kẻ ngu dầu trộn đời,
Thân cận với người trí,
Cũng không hiểu pháp vị,
Như múc trong nồi canh.*

*Though a fool, through all his life,
associates with a wise man,
he no more understands the Dhamma
than a spoon (tastes) the flavour of soup.*

-- 64



65

*Người trí với người trí,
Gần nhau trong phút giây,
Chánh pháp nhận ra ngay,
Như lưỡi nếm canh vầy.*

*Though an intelligent person,
associates with a wise man for only a moment,
he quickly understands the Dhamma
as the tongue (tastes) the flavour of soup.*

-- 65



66

*Kẻ ngu si thiếu trí,
 Tự ngã hóa ra thù,
 Làm nghiệp tạo lần hồi,
 Phải chịu quả cay đắng.*

*Fools of little wit move about
 with the very self as their own foe,
 doing evil deeds
 the fruit of which is bitter. -- 66*



67

*Người tạo nghiệp bất thiện,
Làm xong sanh ăn năn,
Mặt đầm lệ than rằng,
Phải chịu quả cay đắng.*

*That deed is not well done when,
after having done it, one repents,
and when weeping, with tearful face,
one reaps the fruit thereof. -- 67*



68

*Người tạo được thiện nghiệp,
Làm xong không ăn năn,
H hoan hỷ, lòng phơi phới,
Hái quả phúc thường hằng.*

*That deed is well done when,
after having done it, one repents not,
and when, with joy and pleasure,
one reaps the fruit thereof. – 68*



69

*Thế nghiệp chưa chín mùi,
Kẻ ngu tưởng đường mật,
Thế nghiệp khi chín thật,
Kẻ ngu gánh khổ đau.*

*As sweet as honey is an evil deed,
so thinks the fool so long as it ripens not;
but when it ripens, then he comes to grief.
— 69*



70

*Kẻ ngu sống hằng tháng,
Nhờ ngọn cỏ cỏ - xa,
Chưa bằng phần mười sáu,
Người hiểu chánh pháp mà!*

*Month after month a fool may eat only as
much food
as can be picked up on the tip of a kusa
grass blade;
but he is not worth a sixteenth part of them
who have comprehended the Truth. -- 70*



71

*Ấc nghiệp chưa kết trái,
Như sữa chưa đông ngay,
Nùng đốt kẻ ngu này,
Tựa lửa phủ tro vầy.*

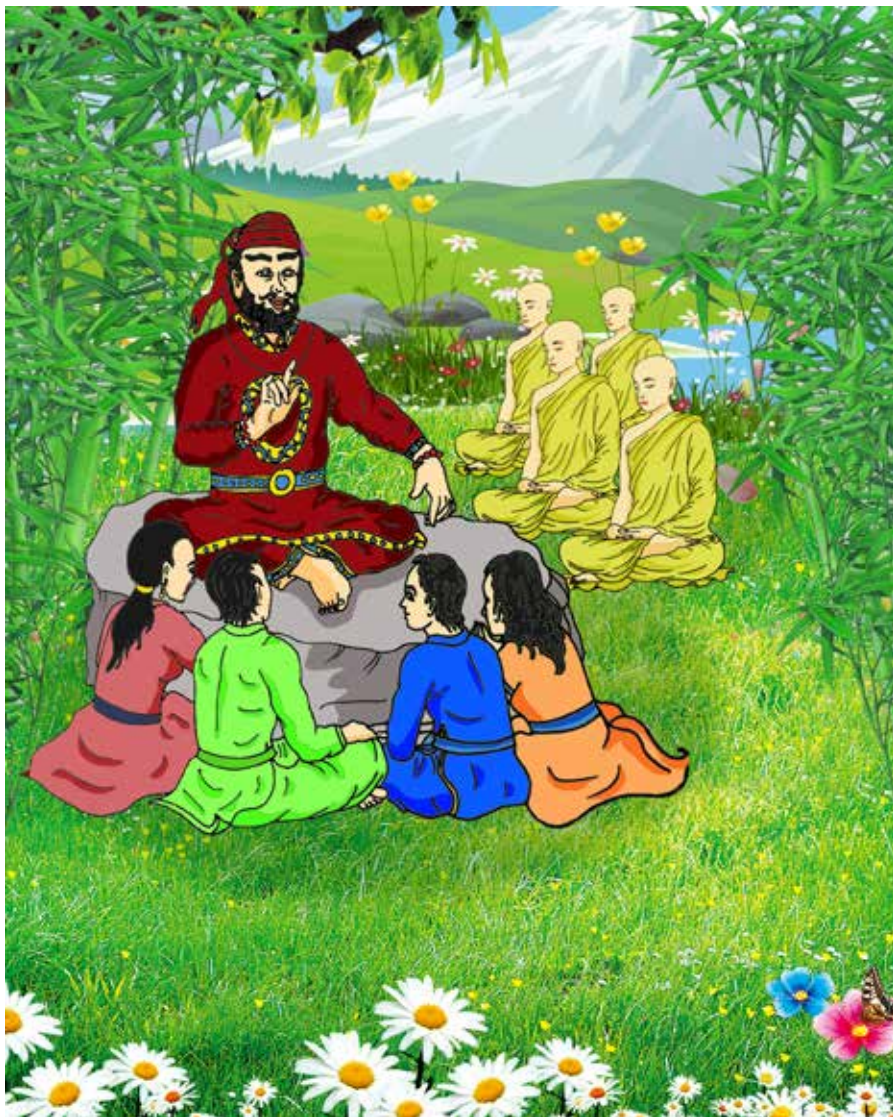
*Verily, an evil deed committed does not
immediately bear fruit,
just as milk curdles not at once;
smouldering, it follows the fool
like fire covered with ashes. -- 71*



72

*Kiến thức và danh vọng,
Trở lại hại kẻ ngu,
Tiêu diệt ngay vận tốt,
Bừa nổi cả đầu ngu.*

*To his ruin, indeed, the fool gains knowledge
and fame;
they destroy his bright lot and cleave his head.
-- 72*



73

*Kẻ ngu ham danh hão,
Khỏi ngồi trước sa môn,
Ưu quyền trong tu viện,
Chích mọi người suy tôn.*

*The fool will desire undue reputation,
precedence among monks,
authority in the monasteries,
honour among other families. -- 73*



74

*Hãy để cả tăng tục,
Cho rằng: “Việc ta làm,
Mặc dù lớn hay nhỏ,
Đều phải theo ý ta.”
Kẻ ngu ôm khát vọng,
Dục, mạn lớn dần ra.*

*Let both laymen and monks think,
“by myself was this done;
in every work, great or small, let them
refer to me”.
Such is the ambition of the fool;
his desires and pride increase. -- 74*



75

*Đường này đến thế gian.
Đường kia đến Niết bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Phải ý thức rõ ràng.
Đừng đắm say thế lợi.
Hãy tu hạnh ly tham.*

*Surely the path that leads to worldly gain is one,
and the path that leads to Nibbana is another;
understanding this,
the bhikkhu, the disciple of the Buddha,
should not rejoice in worldly favours,
but cultivate detachment. -- 75*



PHẨM VI
PHẨM HIỀN TRÍ
(THE WISE)



76

*Nếu gặp bậc hiền trí,
Chỉ trách điều lỗi làm,
Hãy tha thiết kết thân,
Như người chỉ kho báu,
Kết thân người như vậy,
Không xấu, tốt hơn nhiều.*

*Should one see a wise man,
who, like a revealer of treasure,
points out faults and reproves;
let one associate with such a wise person;
it will be better, not worse,
for him who associates with such a one. – 76*



77

*Những ai thường khuyên dạy,
Ngăn chặn tội ác sanh,
Được người hiền tán thành,
Bị kẻ ác ghét bỏ.*

*Let him advise, instruct,
and dissuade one from evil;
truly pleasing is he to the good,
displeasing is he to the bad. -- 77*



78

*Chớ thân bạn xấu ác.
Chớ thân kẻ đê hèn,
Hãy thân bạn hiền lành.
Hãy thân người cao thượng.*

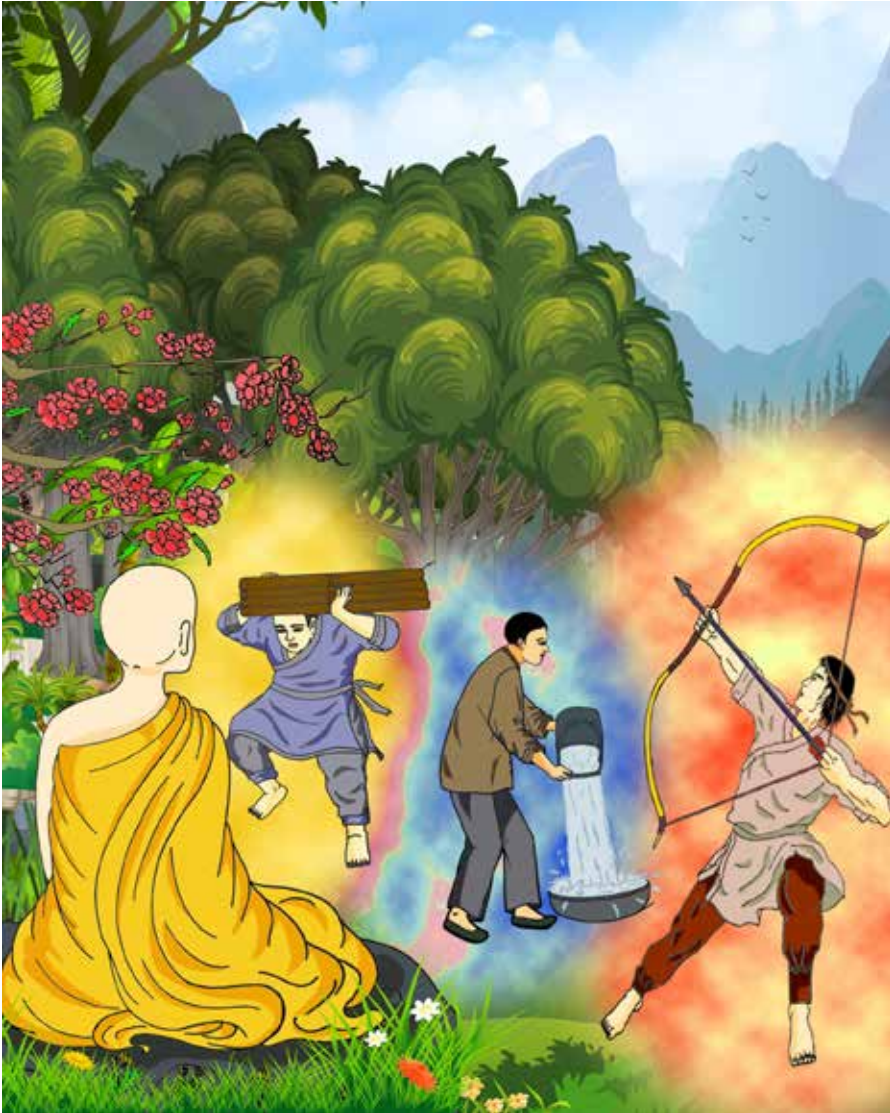
*Associate not with evil friends,
associate not with mean men;
associate with good friends,
associate with noble men. -- 78*



79

*Ài thắm nhuận chánh pháp,
Người ấy tâm an bình,
Bậc trí vui chánh pháp,
Do thánh nhưn thuyết mình.*

*He who imbibes the Dhamma
abides in happiness with mind pacified;
the wise man ever delights in the Dhamma
revealed by the Ariyas. -- 79*



80

*Người đem nước dẫn nước,
Cày làm tên vót tên,
Thợ mộc uốn gỗ bèn,
Bậc trí tự điều phục.*

*Irrigators lead the waters;
fletcher's bend the shafts;
carpenters bend the wood;
the wise control themselves. -- 80*



81

*Như tảng đá kiên cố,
Không gió nào chuyển lay,
Bậc trí cũng thế này,
Khên chê chửi dáo động.*

*As a solid rock is not shaken by the wind,
even so the wise are not ruffled
by praise or blame. -- 81*



82

*Như hồ nước sâu thẳm,
Yên lặng và trong xanh,
Bậc trí nghe giáo pháp,
Cảm thanh tịnh an lành.*

*Just as a deep lake is clear and still,
even so, on hearing the teachings,
the wise become exceedingly peaceful.*

— 82



83

*Hiền giả bỏ tất cả,
Thánh giả xả ái dục,
Khổ đau hay hạnh phúc,
Trí giả chẳng mừng lo.*

*The good give up (attachment for) everything;
the saintly prattle not with sensual craving:
whether affected by happiness or by pain,
the wise show neither elation nor depression.*

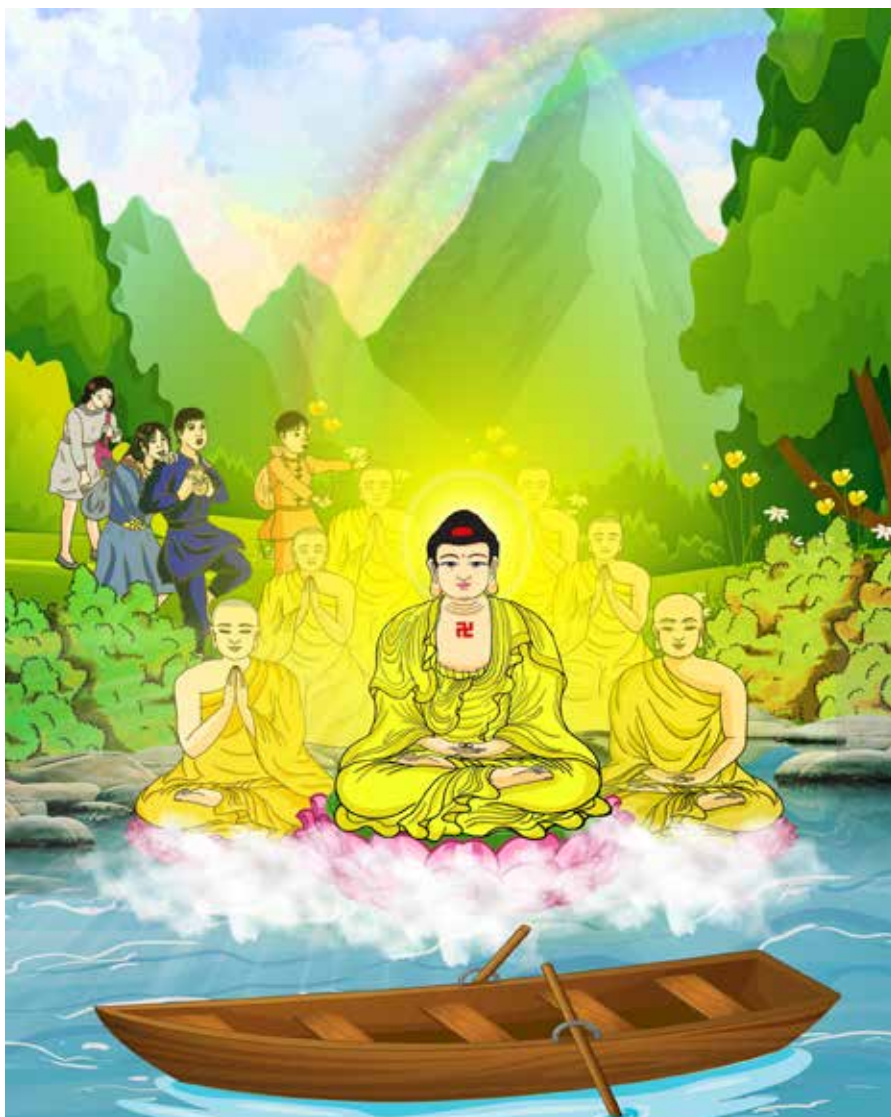
– 83



84

Đừng vì mình vì người,
 Làm điều gì sai trái,
 Đừng mong cầu con cái,
 Tài sản hay đất đai,
 Bằng hành động làm sai,
 Thành công do bất chính,
 Người ấy thật đức hạnh,
 Trí tuệ và chân thành.

Neither for the sake of oneself
 nor for the sake of another
 (does a wise person do any wrong);
 he should not desire son, wealth or kingdom
 (by doing wrong):
 by unjust means he should not seek his own success.
 Then (only) such a one is indeed virtuous,
 wise and righteous. – 84



85

*Ít người giữa nhân loại,
Đến được bờ bên kia,
Bao nhiêu người còn lại,
Quanh bờ bên này kia!*

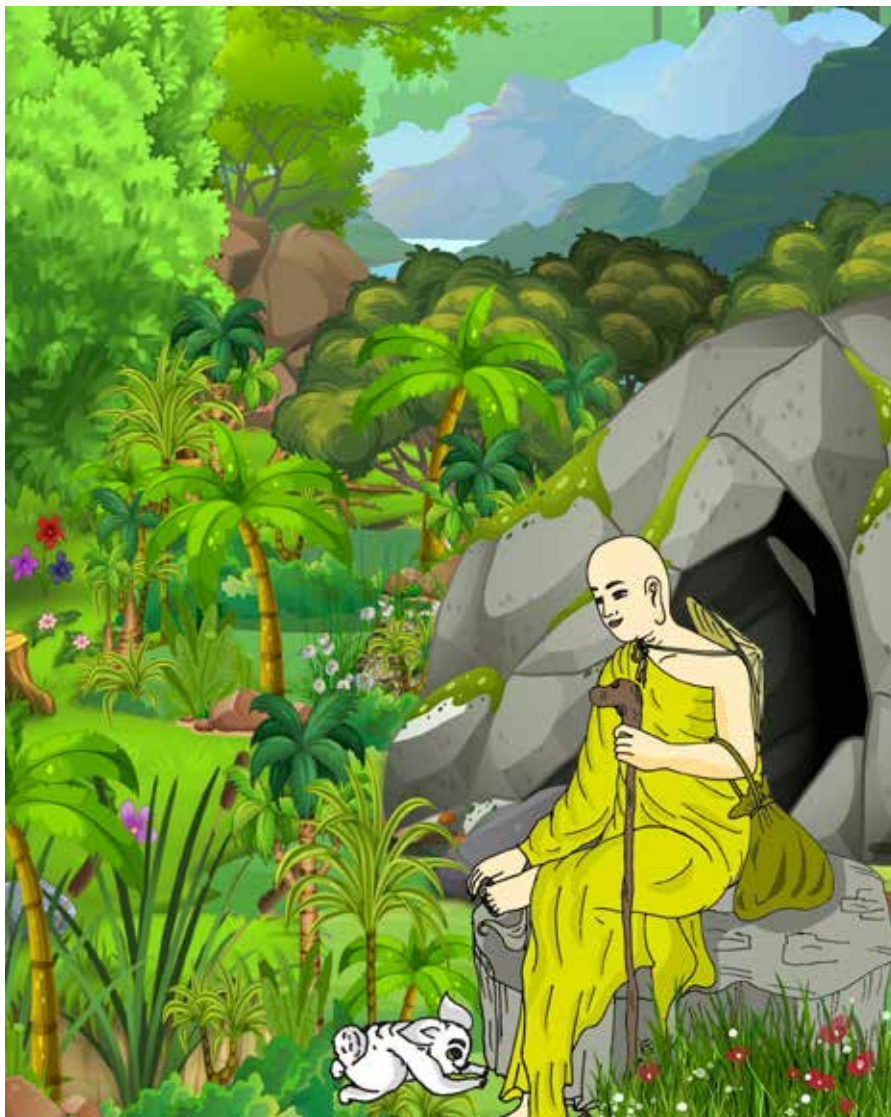
*Few are there amongst men
who go Beyond;
the rest of mankind
only run about on the bank. -- 85*



86

*Hi tu tập đúng pháp,
Được thuyết giảng rõ ràng,
Sẽ đạt đến Niết bàn,
Vượt cõi dục khó vượt.*

*But those who act rightly according to the
teaching,
which is well expounded,
those are they who will reach the Beyond -
Nibbaana -
(crossing) the realm of passions, so hard to
cross. – 86*



87

*Người trí bỏ pháp đen,
Tu tập pháp trắng cả,
Từ già nhà, xuất gia,
Vui viễn ly, tịch tịnh.*

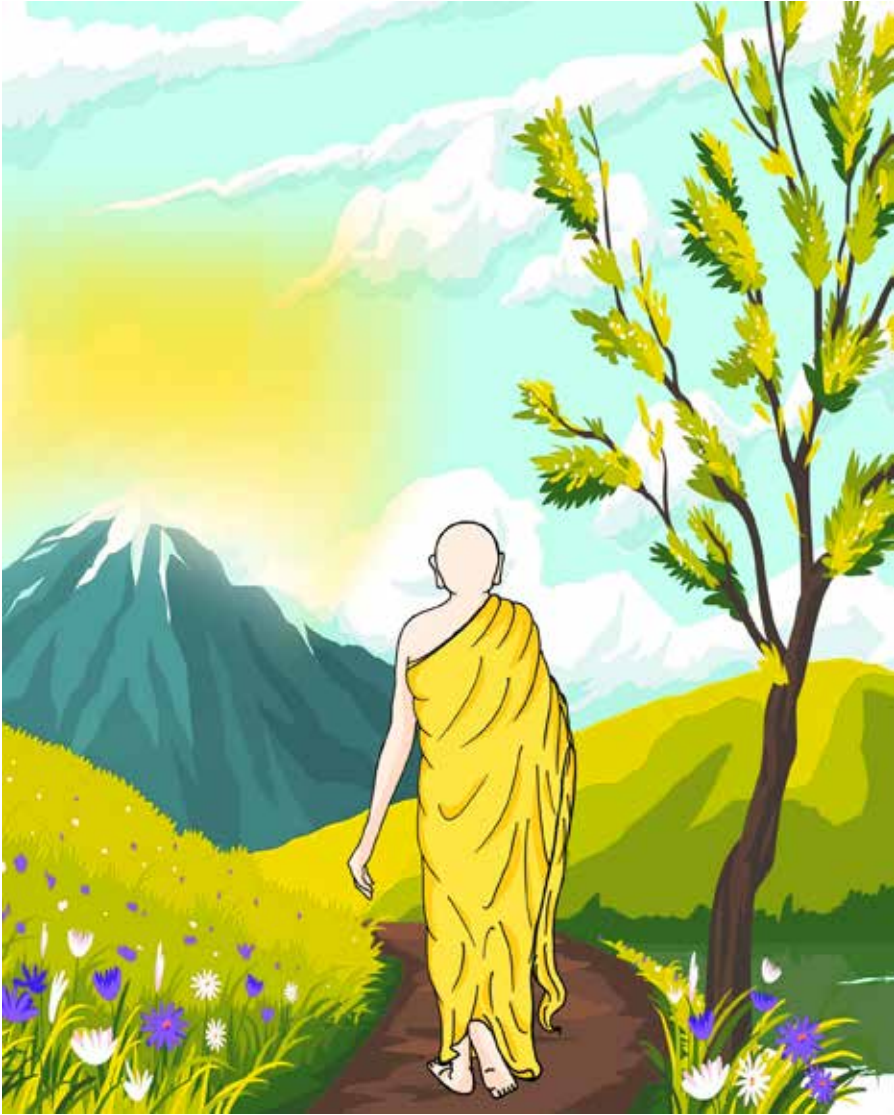
*Coming from home to the homeless,
the wise man should abandon dark
and cultivate the bright. -- 87*



88

*Từ bỏ mọi dục lạc,
Giải thoát hết chướng phiền,
Người trí nên trước tiên,
Thanh lọc tâm ô nhiễm.*

*He should seek great delight in detachment
(Nibbaana),
so hard to enjoy.
Giving up sensual pleasures, with no impediments,
the wise man should cleanse himself
of the impurities of the mind. – 88*



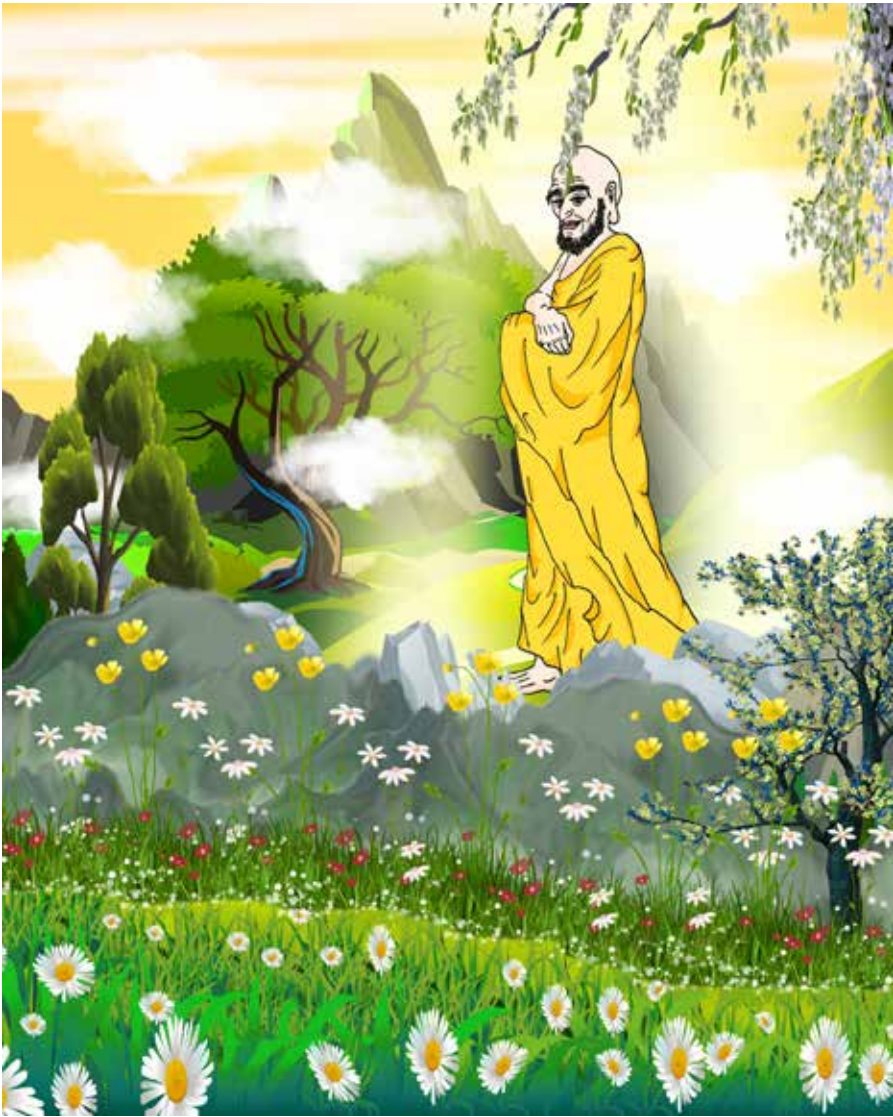
89

*Hi chánh tâm tu tập,
Hành pháp Thất giác chi,
Từ bỏ tâm ái nhiễm,
Vui đoạn tánh chấp trì,
Sẽ thanh tịnh sáng chói,
Đạt Niết bàn đời nay*

*Whose minds are well perfected
in the Factors of Enlightenment,
who, without clinging,
delight in "the giving up of grasping" (i.e.,
Nibbaana),
they, the corruption-free, shining ones,
have attained Nibbaana even in this world.*
-- 89



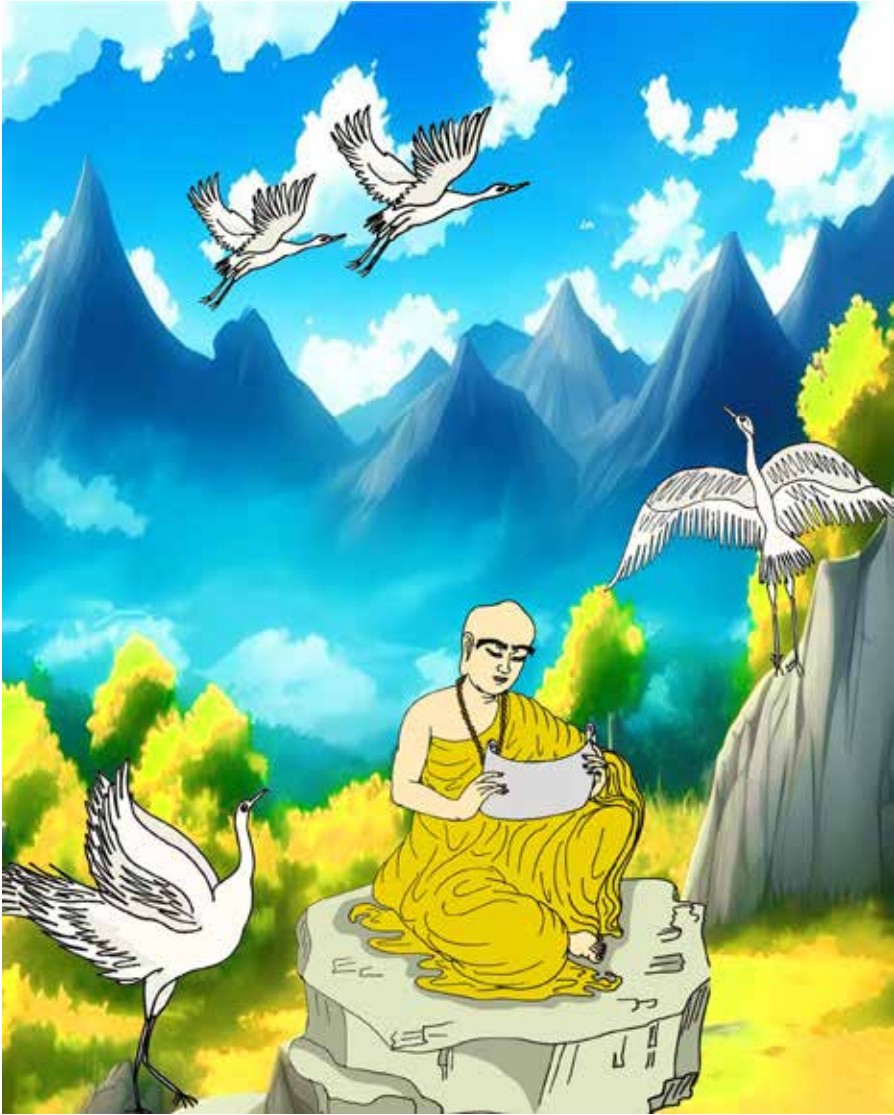
PHẨM VII
PHẨM A-LA-HÁN
(THE WORTHY)



90

*Đi đi đường đến đích,
Diệt trừ hết ưu sầu,
Giải thoát mọi ràng buộc,
Cham dứt chẳng còn đau.*

*For him who has completed the journey,
for him who is sorrowless,
for him who from everything is wholly free,
for him who has destroyed all ties,
the fever (of passion) exists not. -- 90*



91

*Hi nỗ chánh niệm,
Không lưu luyến nơi nào,
Như ngỗng trời rời ao,
Từ bỏ mọi chỗ trú.*

*The mindful exert themselves.
To no abode are they attached.
Like swans that quit their pools,
home after home they abandon (and go).*

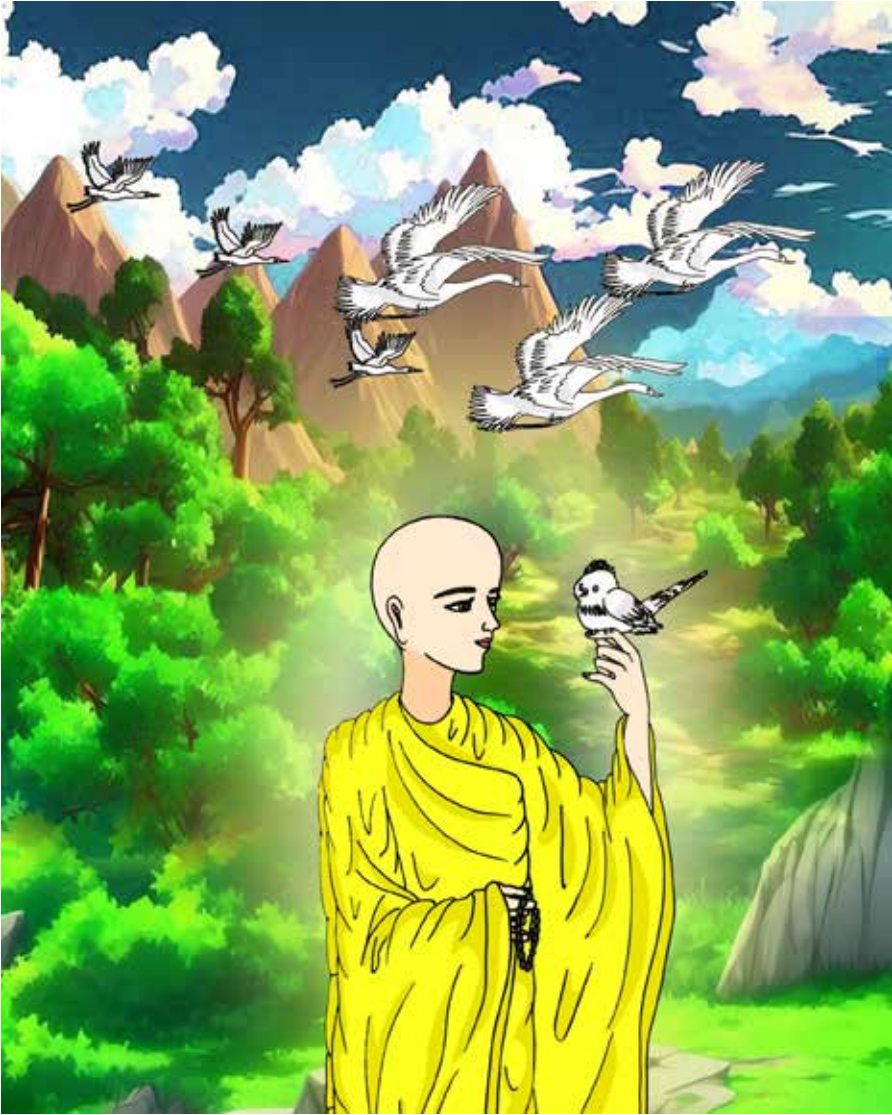
– 91



92

*Âi từ bỏ tích lũy,
 Quán tưởng khi uống ăn,
 Không - vô tướng - giải thoát,
 Theo hướng đó tu hành,
 Như giữa trời chim lượn,
 Tìm đâu ra mối manh!*

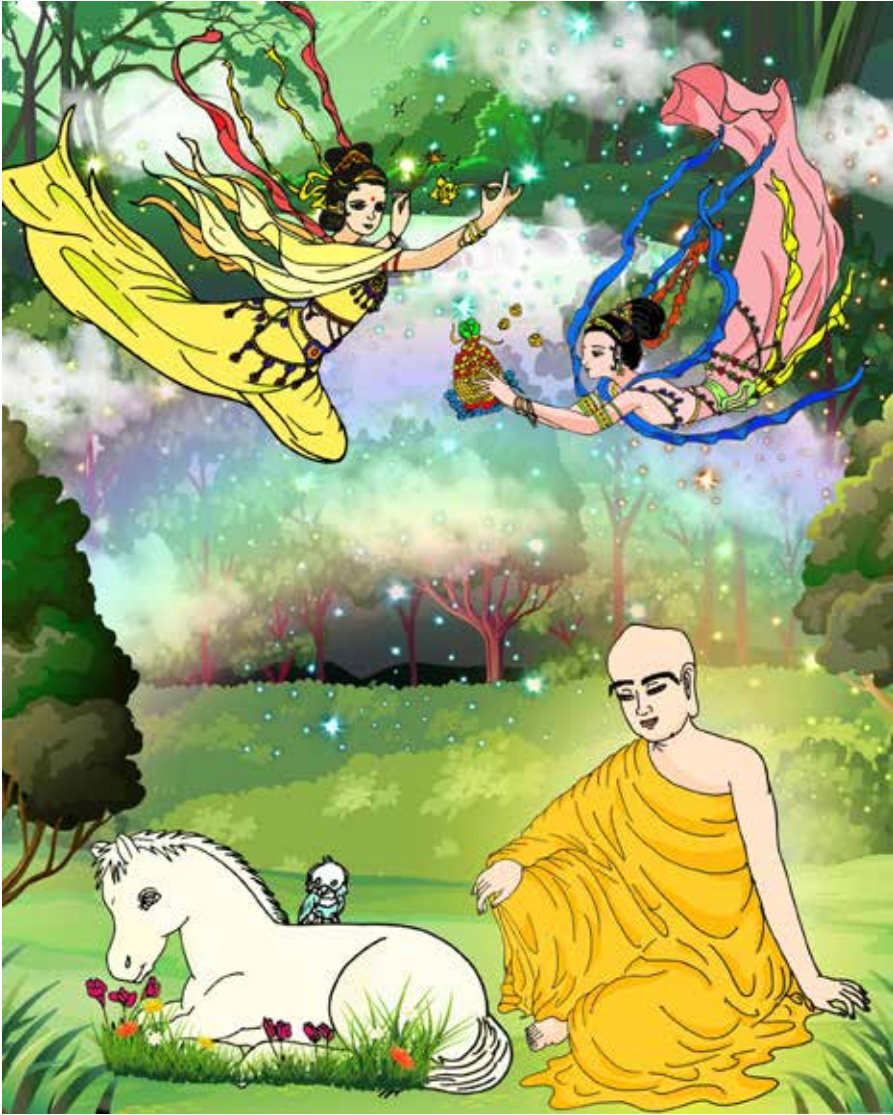
*They for whom there is no accumulation,
 who reflect well over their food,
 who have Deliverance, which is Void and
 Signless,
 as their object
 - their course like that of birds in the air,
 cannot be traced. — 92*



93

*Hi diệt trừ lậu hoặc,
Ấn uống chẳng tham tranh,
Không - vô tướng - giải thoát,
Theo hướng đồ tu hành,
Như giữa trời chim lượn,
Tìm đâu ra mối manh!*

*He whose corruptions are destroyed,
he who is not attached to food,
he who has Deliverance, which is Void
and Signless,
as his object
- his path, like that of birds in the air,
cannot be traced. -- 93*



94

*Đi nhiếp hộ các căn,
Như chiến mã thuần thực,
Mạn trù, lậu hoặc dứt,
Chư thiên cũng kính phục.*

*He whose senses are subdued,
like steeds well-trained by a charioteer,
he whose pride is destroyed
and is free from the corruptions,
- such a steadfast one even the gods hold dear.*

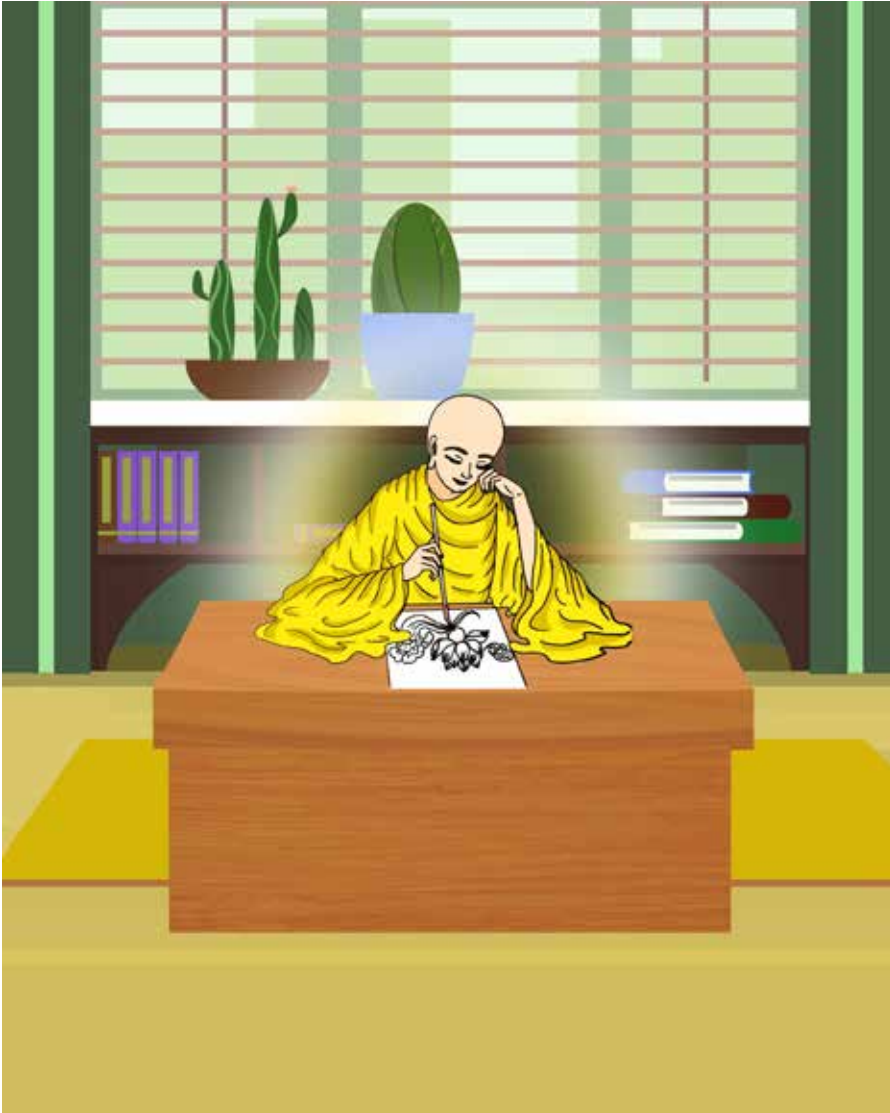
-- 94



95

*Như đất không hiểm hận,
Như trụ chốn kiên trì,
Như hồ không vẩn đục,
Quán hồi hết chuyển đi.*

*Like the earth a balanced
and well-disciplined person resents not.
He is comparable to an Indakhiila.
Like a pool unsullied by mud, is he;
to such a balanced one
life's wanderings do not arise. -- 95*



96

*Người tâm thường an tịnh,
Ngôn hành đều tịnh an,
Chánh trí, chơn giải thoát,
An tịnh thể hoàn toàn.*

*Calm is his mind, calm is his speech,
calm is his action,
who, rightly knowing, is wholly freed,
perfectly peaceful, and equipoised. -- 96*



97

*Không tin tưởng người khác,
Thông đạt lý vô sanh,
Cắt đứt mọi hệ lụy,
Triệt tiêu các mối manh,
Tận diệt mọi tham ái,
Bậc thượng sĩ tu hành.*

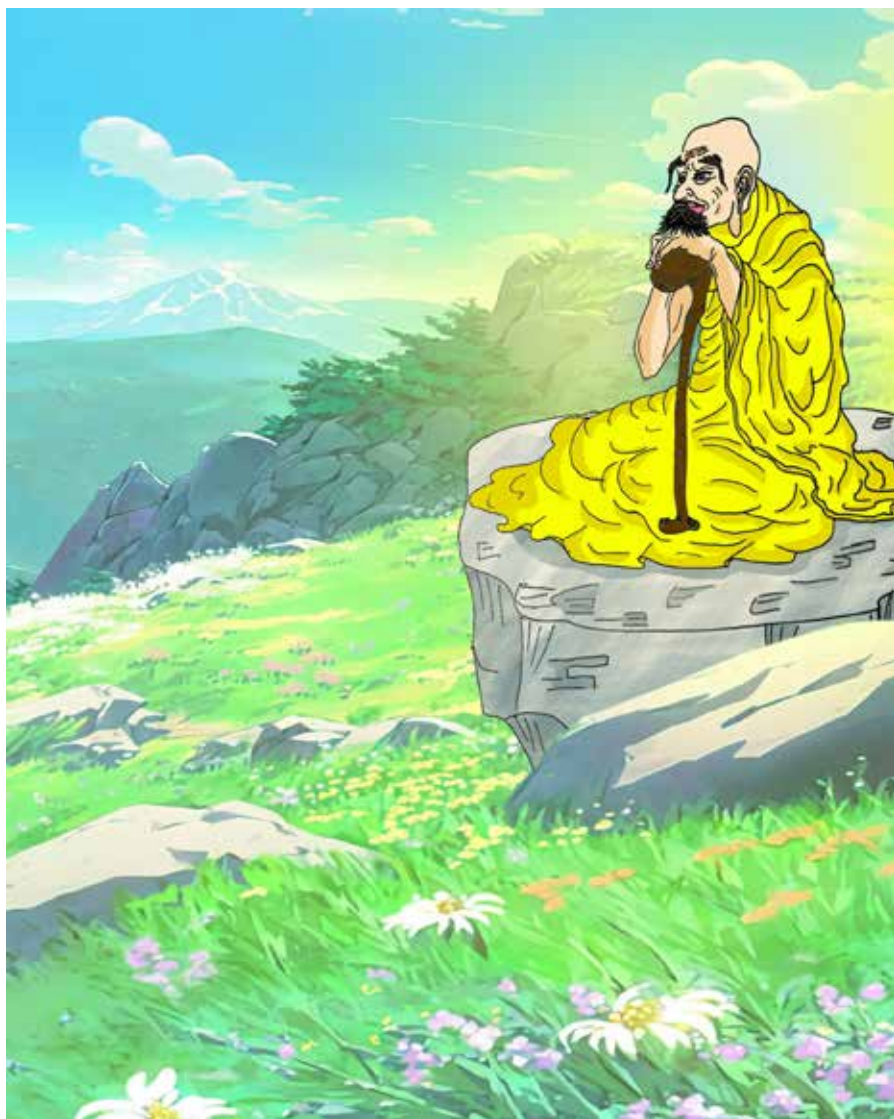
*The man who is not credulous,
who understands the Uncreate(Nibbaana),
who has cut off the links,
who has put an end to occasion (of good
and evil),
who has all eschewed all desires,
he indeed, is a supreme man. — 97*



98

*Làng mạc hay núi rừng,
Thung lũng hay đồi cao,
Là hán trú chỗ nào,
Nơi ấy được an lạc.*

*Whether in village, or in forest,
in vale or on hill,
wherever Arahants dwell,
-delightful, indeed, is that spot. — 98*



99

*Phàm phu không ưa thích,
An trú giữa núi rừng,
Bậc lý tham vui mừng,
Vì không tìm dục lạc.*

*Delightful are the forests where worldlings
delight not;
the passionless will rejoice (therein),
(for) they seek no sensual pleasures. -- 99*



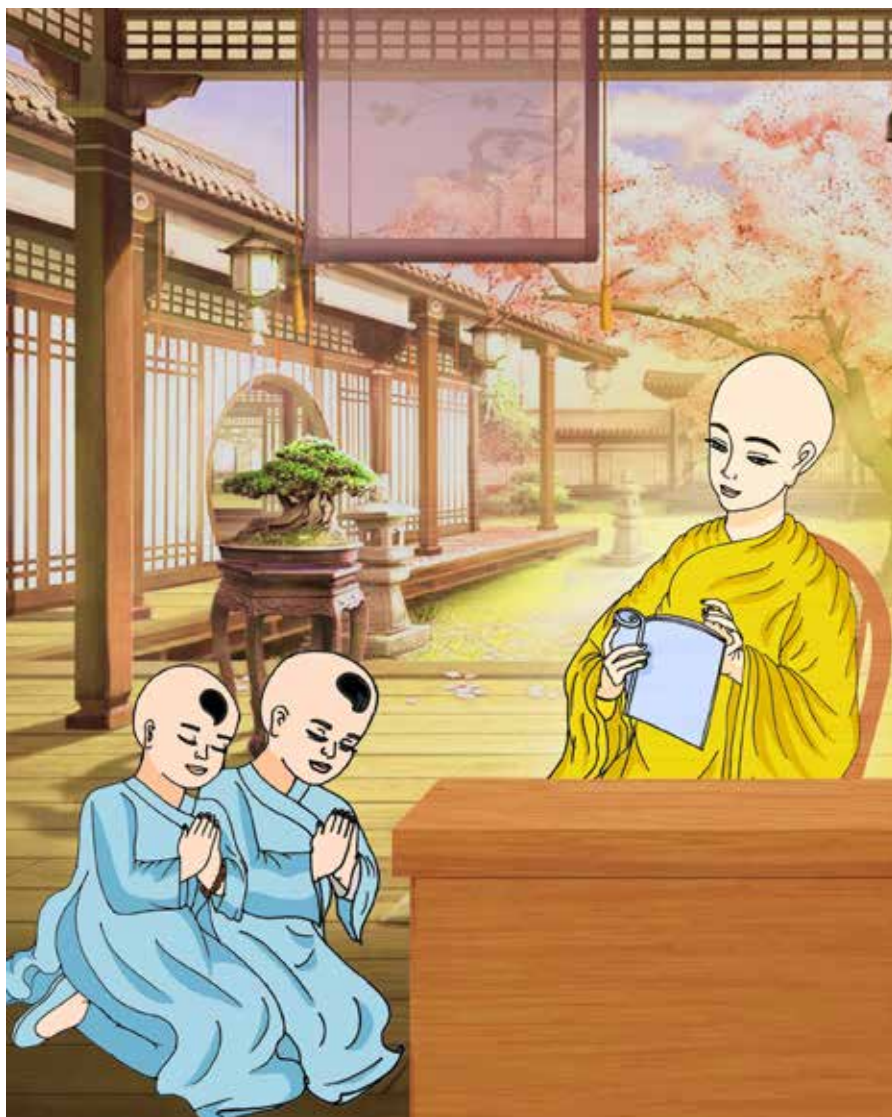
PHẨM VIII
PHẨM MUÔN NGÀN
(THOUSANDS)



100

*Chỉ một lời lợi ích,
Nghe xong tâm bình an,
Hơn tưng cả muôn ngàn,
Lời lời đều vô dụng.*

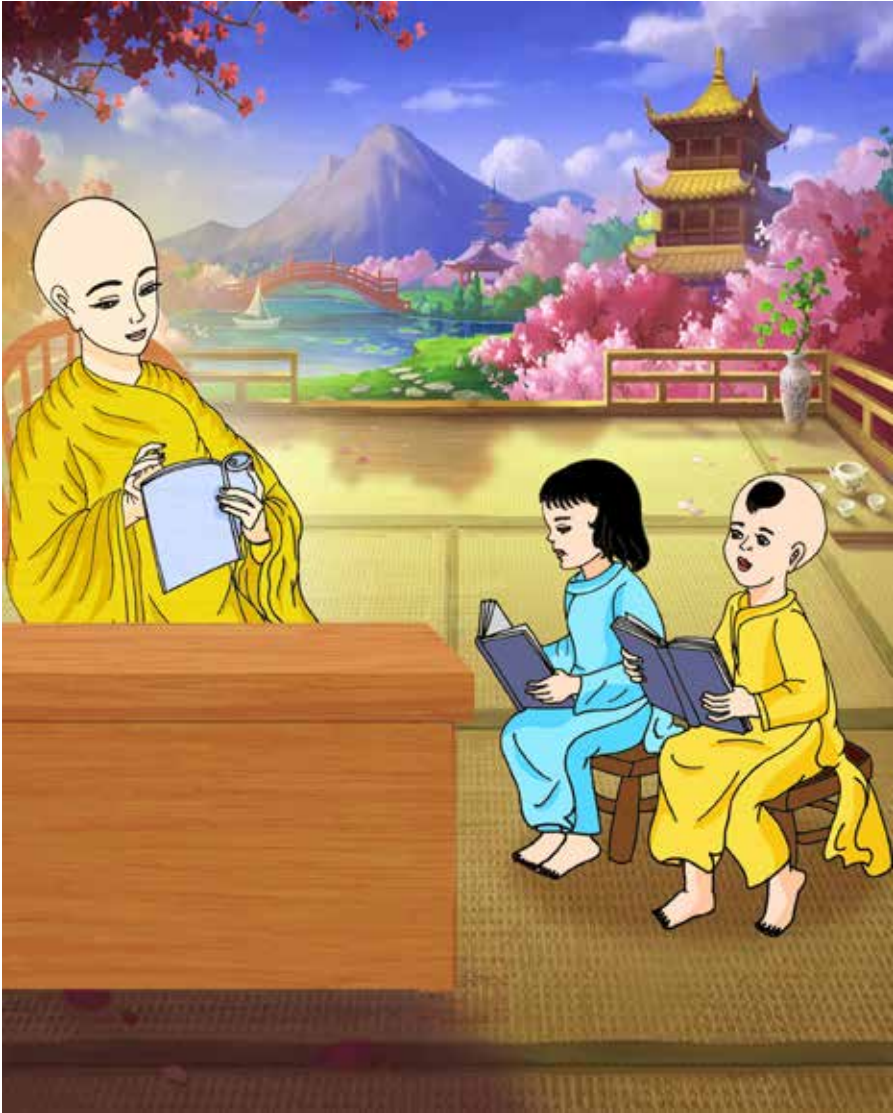
*Better than a thousand utterances,
comprising useless words,
is one single beneficial word,
by hearing which one is pacified. – 100*



101

*Chỉ một câu hữu ích,
Nghe xong tâm bình an,
Hơn tụng cả muôn ngàn,
Những lời kệ vô dụng.*

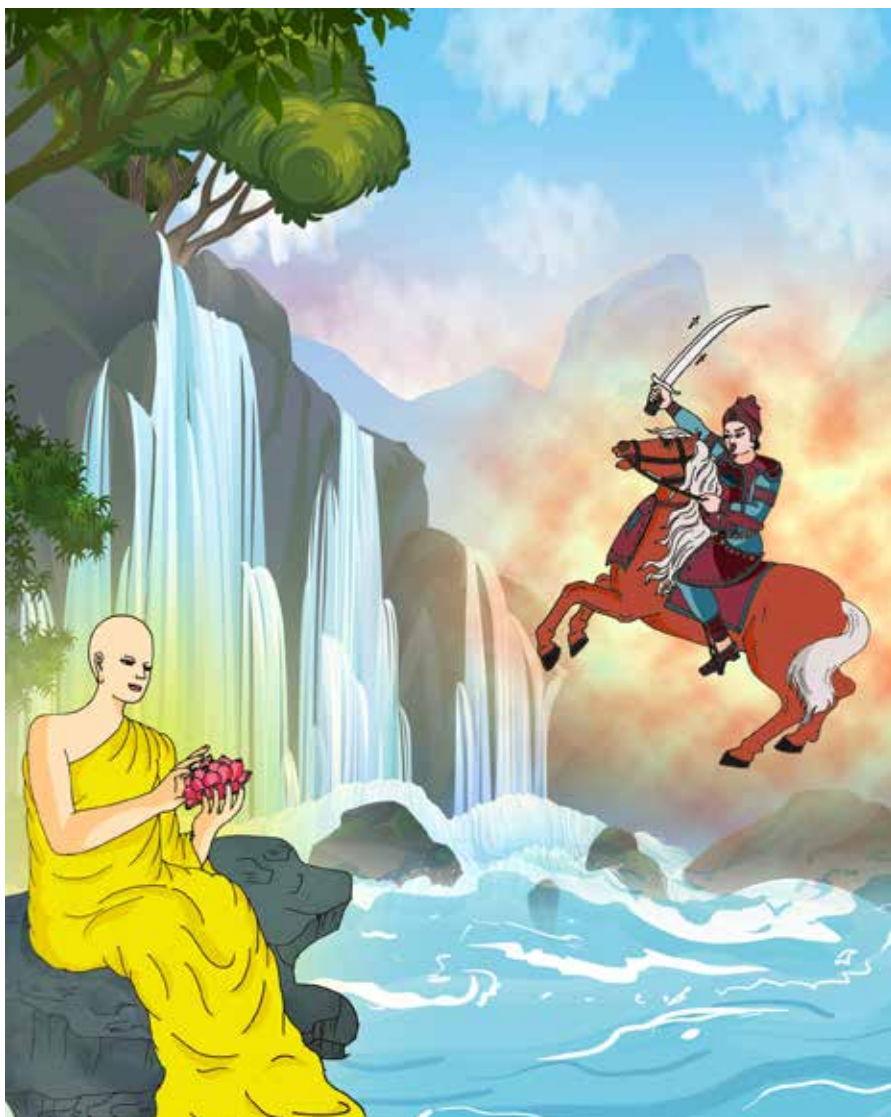
*Better than a thousand verses,
comprising useless words,
is one beneficial single line,
by hearing which one is pacified. -- 101*



102

*Chỉ một lời chánh pháp,
Nghe xong tâm bình an,
Hơn tụng cả muôn ngàn,
Những lời kệ vô dụng.*

*Should one recite a hundred verses,
comprising useless words,
better is one single word of the Dhamma,
by hearing which one is pacified. – 102*



103

*Dầu tại bãi chiến trường,
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Không bằng tự thắng mình,
Chiến công ấy - kỳ tích!*

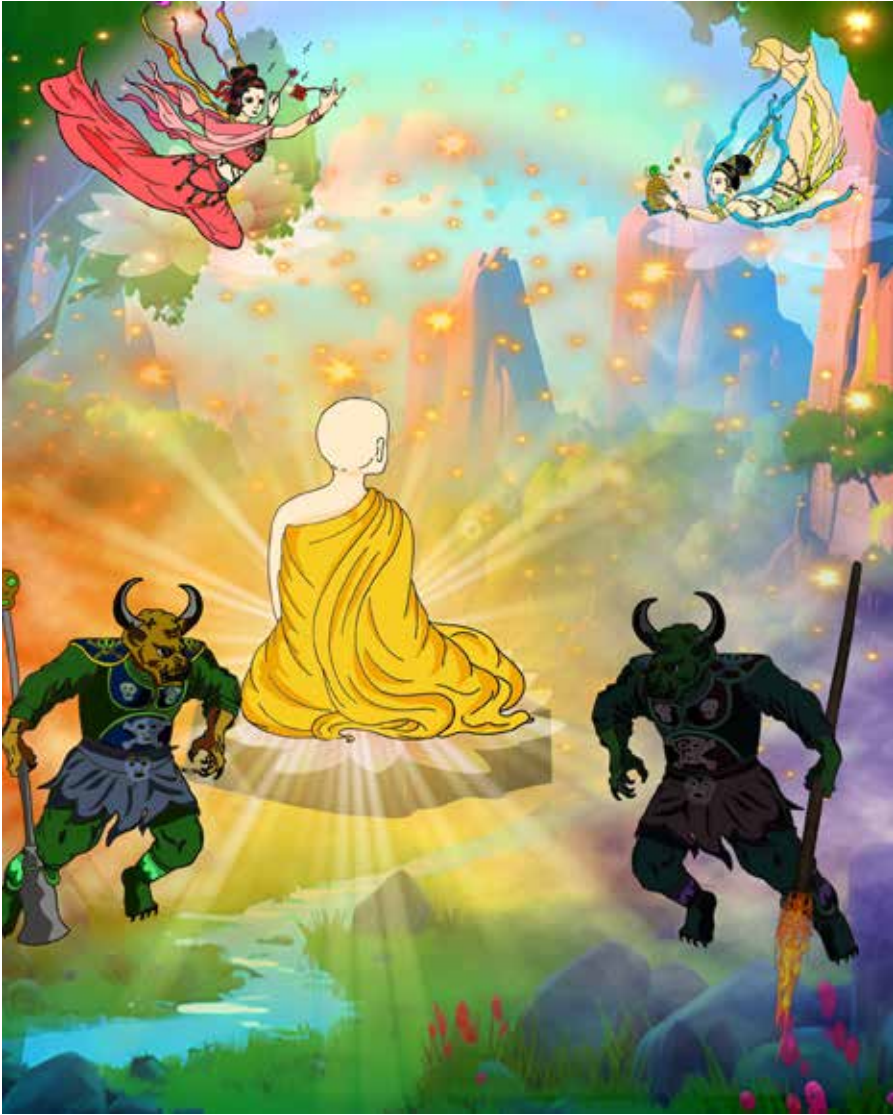
*Though one should conquer a men in
battlefield,
yet he, indeed, is the noblest victor
who has conquered himself. – 103*



104

*Tự thắng mình vẻ vang,
Hơn chinh phục kẻ khác,
Người điều phục được mình,
Chường tự chế an lạc.*

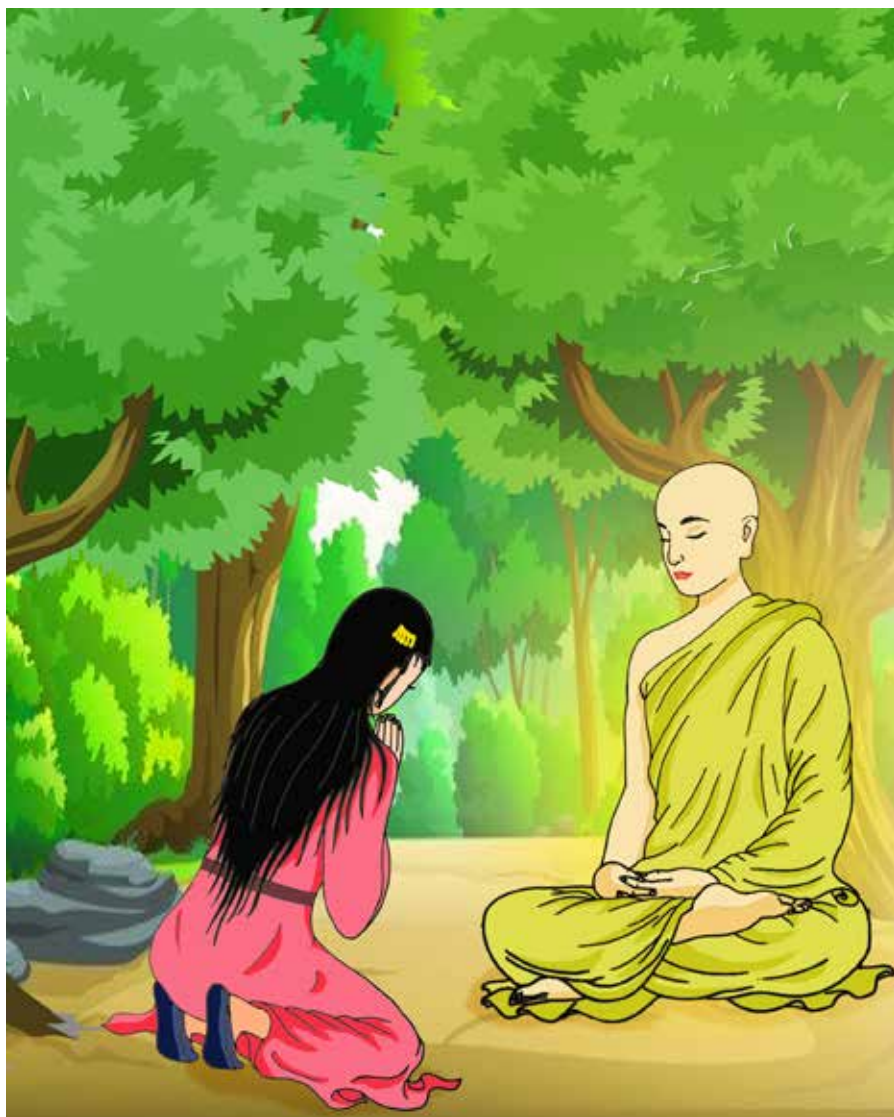
*Self-conquest is, indeed, far greater
than the conquest of all other folk. -- 104*



105

*Chiến thần, càn thác bà,
Ma vương, hay Phạm thiên,
Không thể chinh phục nổi,
Người điều phục tự nhiên.*

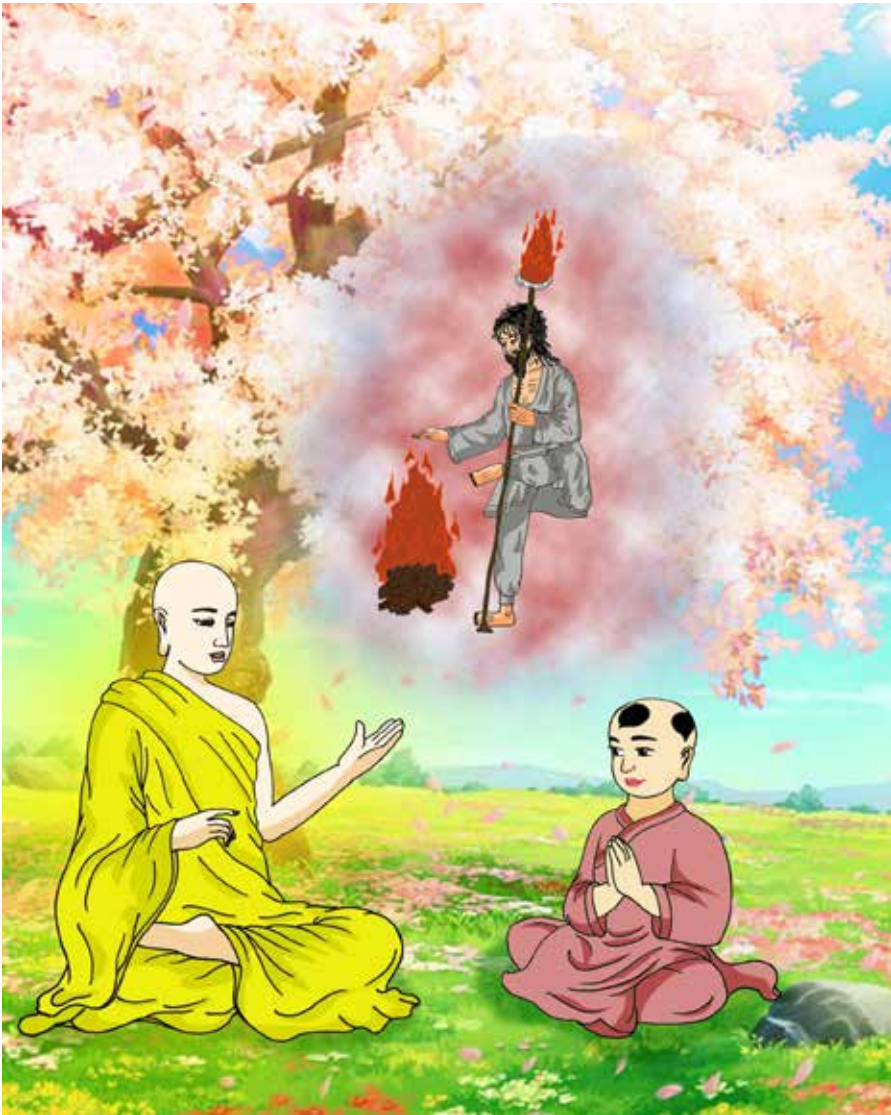
*Neither a god nor a Ghandabba,
nor Maara together with Brahmaa,
can win back the victory of such a person
who is self-subdued
and ever lives in restraint. -- 105*



106

*Tháng tháng cúng ngàn vàng,
Tế tự cả trăm năm,
Không bằng trong giây lát,
Kính lễ bậc thánh tăng,
Kính lễ vậy hơn rằng,
Tế tự hàng thế kỷ.*

*Though month after month with a thousand,
one should make an offering for a hundred years,
yet, if, only for a moment,
one should honour (a Saint) who has perfected
himself
- that honour is, indeed,
better than a century of sacrifice. – 106*



107

*Dầu trăm năm thành kính,
Thờ lửa tại rừng xanh,
Không bằng trong giây lát,
Kính lễ bậc thánh tăng,
Kính lễ vậy hơn rằng,
Bái lửa hằng thế kỷ.*

*Though, for a century
a man should tend the (sacred) fire in
the forest,
yet, if, only for a moment,
he should honour (a Saint) who has
perfected himself
- that honour is, indeed, better than a
century of fire-sacrifice. -- 107*



108

*Cầu phước suốt cả năm,
Cúng dường hoặc bố thí,
Không bằng một phần tư,
Kính lễ bậc chánh trí.*

*In this world whatever gift or alms a person
seeking merit
should offer for a year,
all that is not worth a single quarter
of the reverence towards the Upright which is
excellent. -- 108*



109

*Thường tôn trọng kính lễ,
Bậc trưởng lão cao minh,
Bốn phước lành tăng trưởng,
Thọ-vui-khỏe-đẹp xinh.*

*For one who is in the habit of constantly
honouring
and respecting the elders,
four blessings increase
- age, beauty, bliss, and strength. -- 109*



110

*Dù sống đến trăm năm,
Phá giới, không an tịnh,
Chẳng bằng sống một ngày,
Trì giới, tu thiền định.*

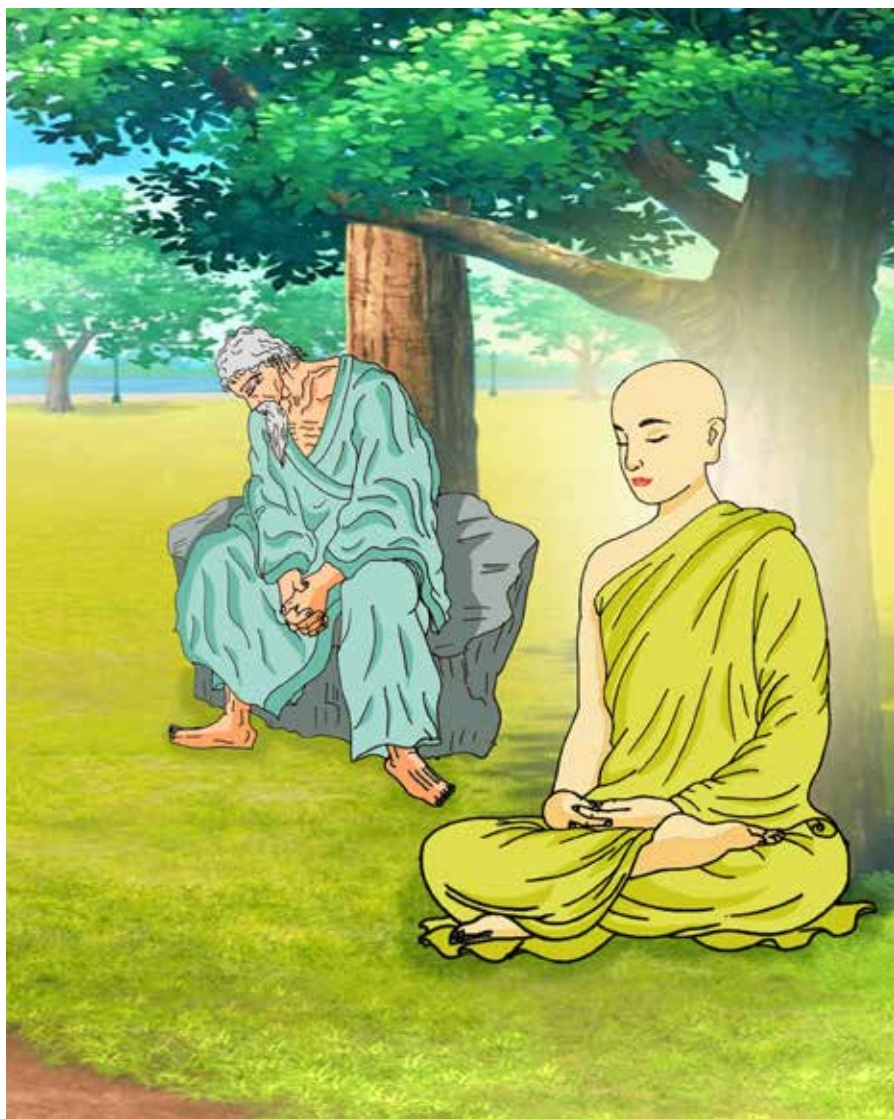
*Though one should live a hundred years,
immoral and uncontrolled,
yet better, indeed, is a single day's life
of one who is moral and meditative. -- 110*



111

*Dù sống đến trăm năm,
Không trí tuệ, an tịnh,
Chẳng bằng sống một ngày,
Có trí tuệ, thiền định.*

*Though one should live a hundred years
without wisdom and control,
yet better, indeed, is a single day's life
of one who is wise and meditative. – 111*



112

*Dù sống đến trăm năm,
Lười biếng không tinh tấn,
Chẳng bằng sống một ngày,
Nỗ lực tu tinh tấn.*

*Though one should live a hundred years
idle and inactive,
yet better, indeed, is a single day's life
of one who makes an intense effort. – 112*



113

*Dù sống đến trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Chẳng bằng sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.*

*Though one should live a hundred years
without comprehending
how all things rise and pass away,
yet better, indeed, is a single day's life
of one who comprehends
how all things rise and pass away. — 113*



114

*Dù sống đến trăm năm,
Không thấy pháp bất diệt,
Chẳng bằng sống một ngày,
Thấy được pháp bất diệt.*

*Though one should live a hundred years
without seeing the Deathless State,
yet better, indeed, is a single day's life
of one who sees the Deathless State. --*

114



115

*Dù sống đến trăm năm,
Không thấy pháp tối thượng,
Chẳng bằng sống một ngày,
Thấy được pháp tối thượng.*

*Though one should live a hundred years
not seeing the Truth Sublime,
yet better, indeed, is a single day's life
of one who sees the Truth Sublime. -- 115*



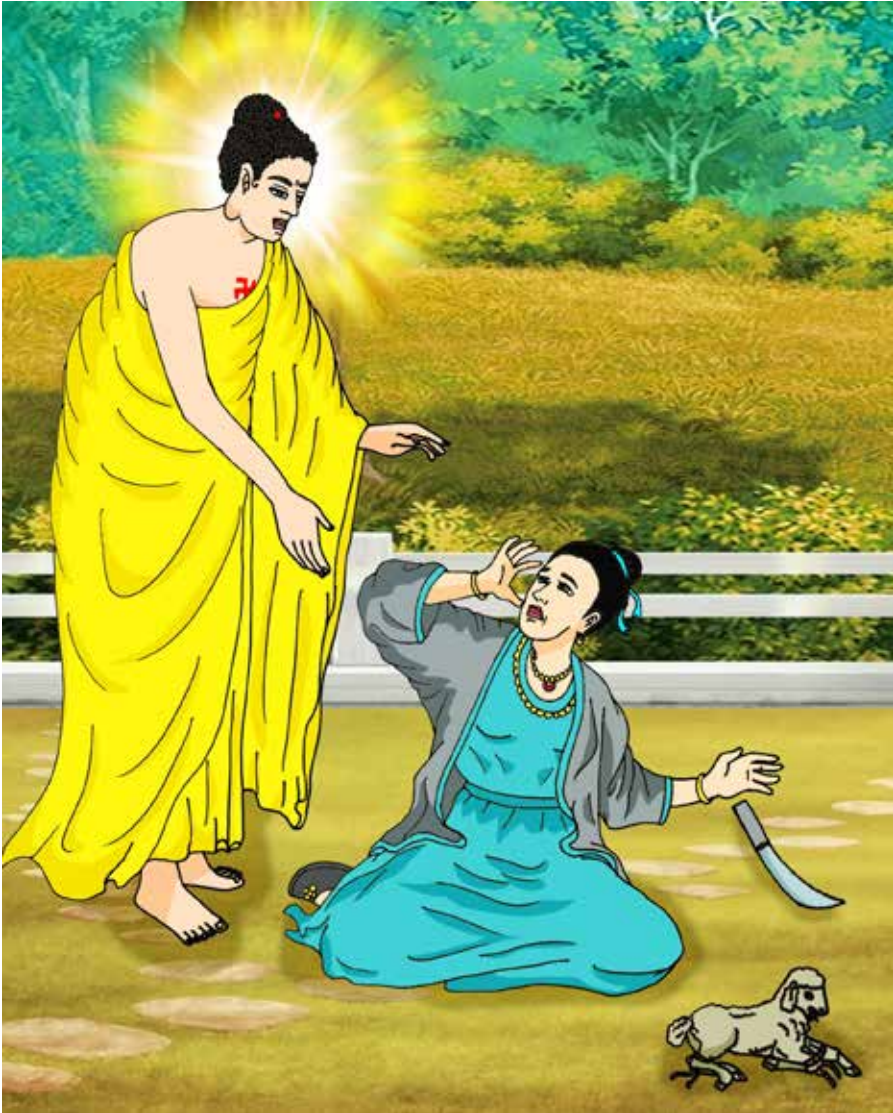
PHẨM IX
PHẨM ÁC HẠNH
(EVIL)



116

*Hãy gấp rút làm lành,
Dừng để tâm ác sanh,
Đi chậm làm việc thiện,
Ác nghiệp sẽ lộng hành.*

*Make haste in doing good;
check your mind from evil;
for the mind of him
who is slow in doing meritorious actions
delights in evil. -- 116*



117

*Đã phạm phải điều ác,
Chớ tiếp tục phạm hoài,
Đừng ham làm việc ác,
Tích ác, khổ đặng dài.*

*Should a person commit evil,
he should not do it again and again;
he should not find pleasure therein:
painful is the accumulation of evil. -- 117*



118

*Đã làm được việc thiện,
Nên tiếp tục làm thêm,
Hãy vui làm việc thiện,
Tích thiện, sống êm đềm.*

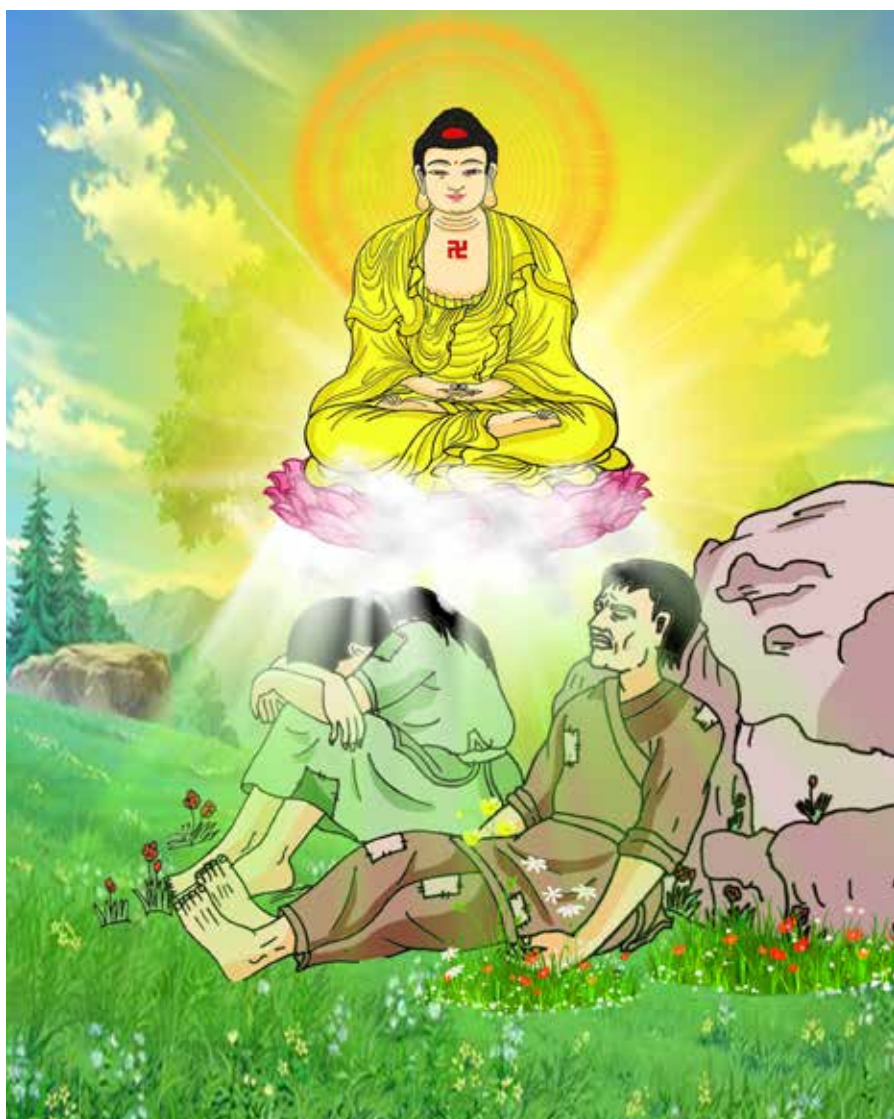
*Should a person perform a meritorious action,
he should do it again and again;
he should find pleasure therein:
blissful is the accumulation of merit. – 118*



119

*Kẻ ác lại gặp may,
Khi ác chưa thật chín,
Một khi trái ác chín,
Kẻ ác gặp ác ngay.*

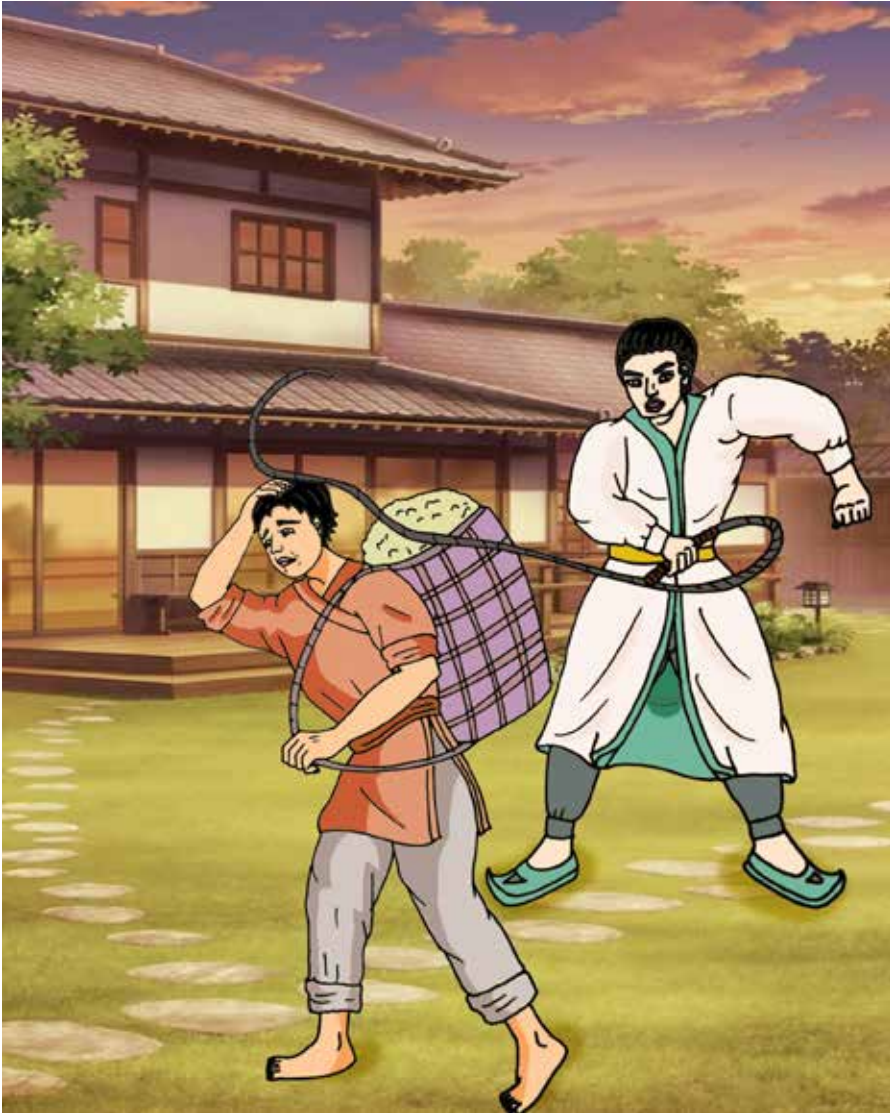
*Even an evil-doer sees good
as long as evil ripens not;
but when it bears fruit,
then he sees the evil results. -- 119*



120

*Người thiện lại gặp ác,
Khi thiện chưa chín muồi,
Khi trái thiện chín muồi,
Người thiện lại gặp phúc.*

*Even a good person sees evil
so long as good ripens not;
but when it bears fruit,
then the good one sees the good results. – 120*



121

*Chớ khinh thường điều ác,
Cho rằng “chưa đến ta”.
Như nước nhỏ từng giọt,
Từ từ bình tràn ra,
Kẻ ngu đầy tội ác,
Do chất chứa dần dà.*

*Do not disregard evil,
saying, “It will not come nigh unto me”;
by the falling of drops even a water-jar is filled;
likewise the fool, gathering little by little,
fills himself with evil. -- 121*



122

*Đừng khinh thường việc thiện,
Cho rằng: “Chưa đến ta.”
Như nước nhỏ từng giọt,
Từ từ bình tràn ra,
Người trí được toàn thiện,
Do tích lũy dần dà.*

*Do not disregard merit,
saying “It will not come nigh unto me”;
by the falling of drops even a water-jar is filled;
likewise the wise man, gathering little by little,
fills himself with good. – 122*



123

*Như thương gia nhiều của,
Ít bạn, tránh đường nguy,
Muốn tránh chất độc hại,
Để nghiệp phải tránh đi.*

*Just as a merchant,
with a small escort and great wealth,
avoids a perilous route,
just as one desiring to live avoids poison,
even so should one shun evil things. -- 123*

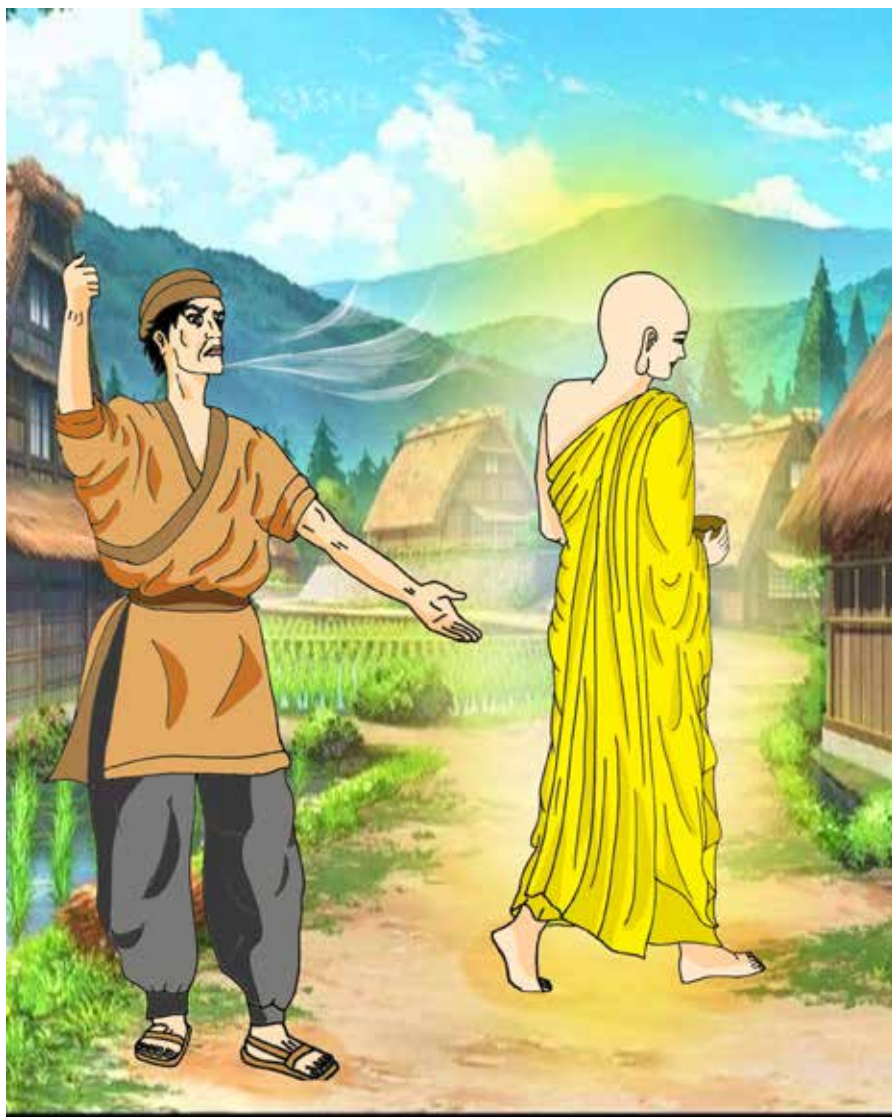


124

*Bàn tay không thương tích,
Cầm thuốc độc không sao,
Người không làm việc ác,
Không bị ác nhiễm vào.*

*If no wound there be in one's hand,
one may carry poison in it.
Poison does not affect one who has no wound.
There is no ill for him who does no wrong.*

- 124



125

*Hại người không ác tâm,
Thanh tịnh và vô tội,
Tội ác dội kẻ ngu,
Như ngược gió tung bụi.*

*Whoever harms a harmless person,
one pure and guiltless,
upon that very fool the evil recoils
like fine dust thrown against the wind. -- 125*



126

*Một số sanh bào thai,
 Kẻ ác đọa ngục hình,
 Người hiền lên thiên giới,
 Là hán chứng vô sinh.*

*Some are born in a womb;
 evil-doers (are born) in woeful states;
 the well-conducted go to blissful states;
 the Undeiled Ones pass away into Nibbana.*

– 126



127

*Không trời cao biển rộng,
Không hang động núi rừng,
Đã tạo nghiệp ác độc,
Trên đời hết chỗ dung.*

*Not in the sky, nor in mid-ocean,
nor in a mountain cave,
is found that place on earth
where abiding one may escape
from (the consequences) of one's evil deed.*

– 127



128

*Không trời cao biển rộng,
Không hang động núi rừng,
Đã tạo nghiệp ác độc,
Cử thần quyết không dung.*

*Not in the sky, nor in mid-ocean,
nor in a mountain cave,
is found that place on earth
where abiding one will not be overcome by
death. — 128*



PHẨM X
PHẨM HÌNH
(THE ROD OR PUNISHMENT)



129

*Hình phạt, ai cũng kinh,
Mất mạng, ai cũng khiếp.
Lấy ta suy ra người,
Chớ giết, chớ bảo giết.*

*All tremble at the rod. All fear death.
Comparing others with oneself,
one should neither strike nor cause to strike.
-- 129*



130

*Hình phạt ai cũng kinh,
Sinh mệnh, ai cũng tiếc,
Lấy ta suy ra người,
Chớ giết, chớ bảo giết*

*All tremble at the rod. Life is dear to all.
Comparing others with oneself,
one should neither strike nor cause to strike.
-- 130*



131

*Hi mưu cầu hạnh phúc,
Bằng cách hại chúng sanh,
Các loài thích an lành,
Đời sau chẳng hạnh phúc.*

*Whoever, seeking his own happiness,
harms with the rod other pleasure-loving
beings,
experiences no happiness hereafter. -- 131*



132

*Hi mưu cầu hạnh phúc,
Bằng cách không sát sanh,
Các loài thích an lành,
Đời sau được hạnh phúc.*

*Whoever, seeking his own happiness,
harms not with rod other pleasure-loving
beings,
experiences happiness hereafter. -- 132*



133

*Chớ buông lời cay nghiệt,
Nhiếc người, người nhiec ta,
Khổ thay lời hiềm hận,
Vung đật mãi lại qua.*

*Speak not harshly to anyone.
Those thus addressed will retort.
Painful, indeed, is vindictive speech.
Blows in exchange may bruise you. -- 133*



134

*Nếu tự mình im lặng,
Như chuông nứt nhiều lần,
Người ấy chứng Niết bàn,
Hận thù không còn nữa.*

*If, like a cracked gong, you silence yourself,
you have already attained Nibbana:
no vindictiveness will be found in you.*

– 134



135

*Như gậy người chăn bò,
Lùa bò ra đồng cỏ,
Già chết cũng thế đó,
Vua người đến diệt vong.*

*As with a staff the herdsman drives his
kine to pasture,
even so do old age and death
drive out the lives of beings. -- 135*



136

*Kẻ ngu gây ác nghiệp,
Không biết việc mình làm,
Tự chuốc khổ thọ thân,
Như bị lửa thiêu đốt.*

*So, when a fool does wrong deeds,
he does not realize (their evil nature);
by his own deeds the stupid man is tormented,
like one burnt by fire. -- 136*



137

*Dùng hung khí trừng phạt,
Người hiền thiện từ tâm,
Sẽ bị nghiệp hành thân,
Một trong mười oan nghiệt.*

*He who with the rod harms the rodless
and harmless,
soon will come to one of these states:
– 137*



138

*Hoặc khổ đau khốc liệt,
Hoặc tai biến tổn thân,
Hoặc bệnh ác vô ngần,
Hoặc tán tâm loạn ý.*

*He will be subject to acute disaster, bodily injury,
or even grievous sickness, or loss of mind. -- 138*



139

*Hoặc bị vua bức bách,
Hoặc bị tội vu oan,
Hoặc quyền thuộc lý tan,
Hoặc gia tài đổ nát.*

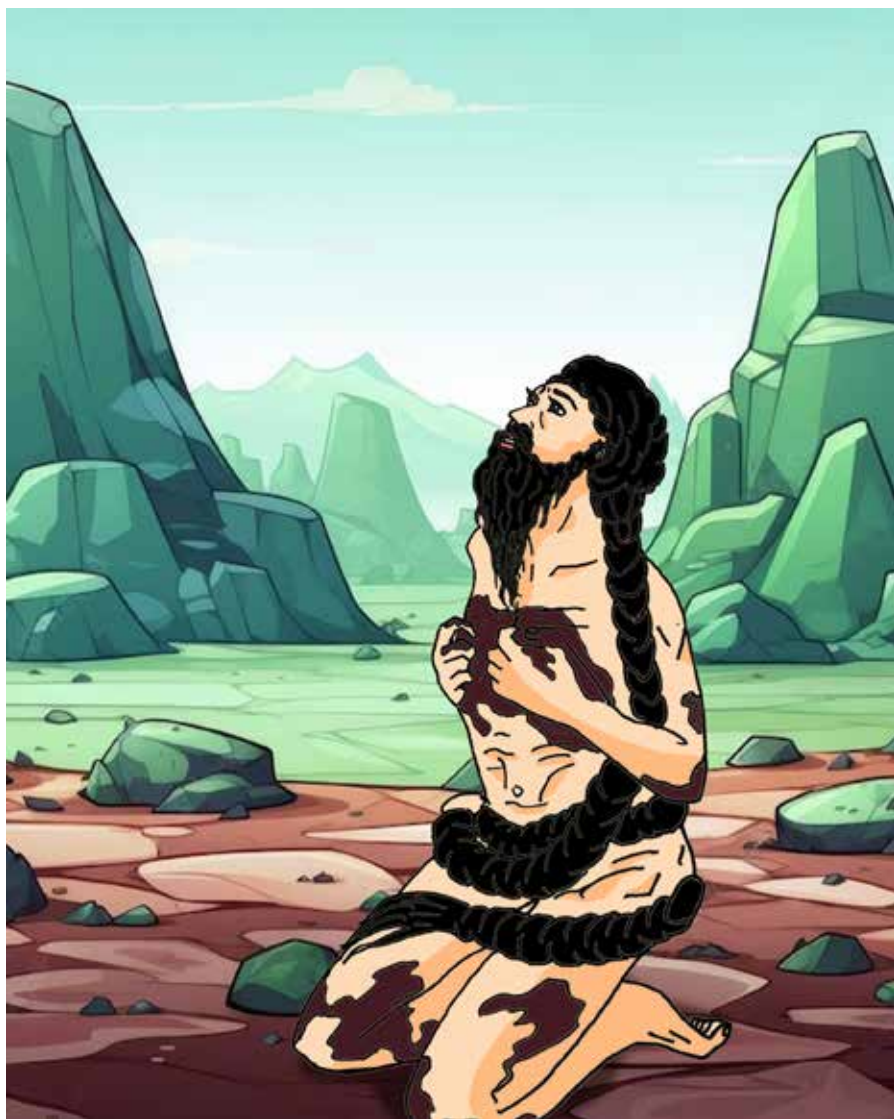
*Or oppression by the king, or heavy accusation,
or loss of relatives,
or destruction of wealth. -- 139*



140

*Hoặc nhà cửa cháy mạt,
Hoặc mất mạng, tán thân,
Kịp đến khi mãn phần,
Chắc chắn đọa địa ngục.*

*Or ravaging fire that will burn his house.
Upon the dissolution of the body
such unwise man will be born in hell. – 140*



141

*Chẳng phải sống lỏa thể,
Bện tóc, mình trét bùn,
Tuyết thục, nằm trên đất,
Bối trơ, ngồi xồm chân,
Là sạch được thân tâm,
Nếu chưa dứt nghi hoặc.*

*Not wandering naked, nor matted locks,
nor filth, nor fasting, nor lying on the ground,
nor dust, nor ashes,
nor striving squatting on the heels,
can purify a mortal
who has not overcome doubts. -- 141*



142

*Dù trang sức lộng lẫy,
Nhưng nhiếp phục an bình,
Tự chế, tu phạm hạnh,
Không sát hại sanh linh,
Đó là Bà-la-môn,
Tỷ kheo hay khát sĩ.*

*Though gaily decked, if he should live in peace,
(with passions) subdued, (and senses) controlled,
certain (of the four Paths of Saint-hood), perfectly
pure,
laying aside the rod (in his relations)
towards all living beings,
a Braahmana indeed is he, an ascetic is he,
a bhikkhu is he. – 142*



143

*Hiếm thấy ai ở đời,
Biết tự chế khiêm tốn,
Tránh mọi lời thương tổn,
Như ngựa hiền tránh roi.*

*(Rarely) is found in this world anyone who,
restrained by modesty, avoids reproach,
as a thorough-bred horse (avoids) the whip.
– 143*



144

*Như ngựa hiền phải roi,
Hay nhiệt tâm hăng hái,
Giới đức, tín, tinh cần,
Trạch pháp, tu thiền định,
Minh hạnh, tâm chánh tịnh,
Diệt thống khổ ưu phiền.*

*Like a thorough-bred horse touched by the whip,
even so be strenuous and zealous.
By confidence, by virtue, by effort,
by concentration, by investigation of the Truth,
by being endowed with knowledge and conduct,
and by being mindful,
get rid of this great suffering. – 144*



145

*Người đem nước dẫn nước,
Cây làm tên vót tên,
Thợ mộc uốn gỗ bèn.
Bậc trí tự điều phục.*

*Irrigators lead the waters.
Fletchers bend the shafts.
Carpenters bend the wood.
The virtuous control themselves. -- 145*



PHẨM XI
PHẨM GIÀ YẾU
(OLD AGE)



146

*Hân hoan vui thú gì,
 Khi trần gian hực lửa?
 Tối tăm mãi vậy bủa,
 Sao không tìm ánh dương?*

*What is laughter, what is joy,
 when the world is ever burning?
 Shrouded by darkness,
 would you not seek the light? -- 146*



147

*Nhìn hình hài xinh đẹp,
Một khối nặng khổ đau,
Bệnh tật, nhiều lo nghĩ,
Có gì vĩnh cửu đâu!*

*Behold this beautiful body, a mass of sores,
a heaped-up (lump), diseased, much thought of,
in which nothing lasts, nothing persists. --*

147



148

*Thân xác này kiệt quệ,
 Ở tập bệnh hoại hư,
 Khối nhiễm ô tan rã,
 Chết kết thúc mạng người!*

*Thoroughly worn out is this body,
 a nest of diseases, perishable.
 This putrid mass breaks up.
 Truly, life ends in death. -- 148*



149

*Những que xương trắng đục,
Như trái bầu mùa thu,
Bị vất nằm lẫn lóc,
Vui sướng gì ngắm v!*

*Like gourds cast away in autumn
are these dove-hued bones.
What pleasure is there
in looking at them? -- 149*



150

*Thành này xây bằng xương,
Trét tô bằng thịt máu,
Già chết và kiêu mạn,
Huỷ báng chứa nơi đây.*

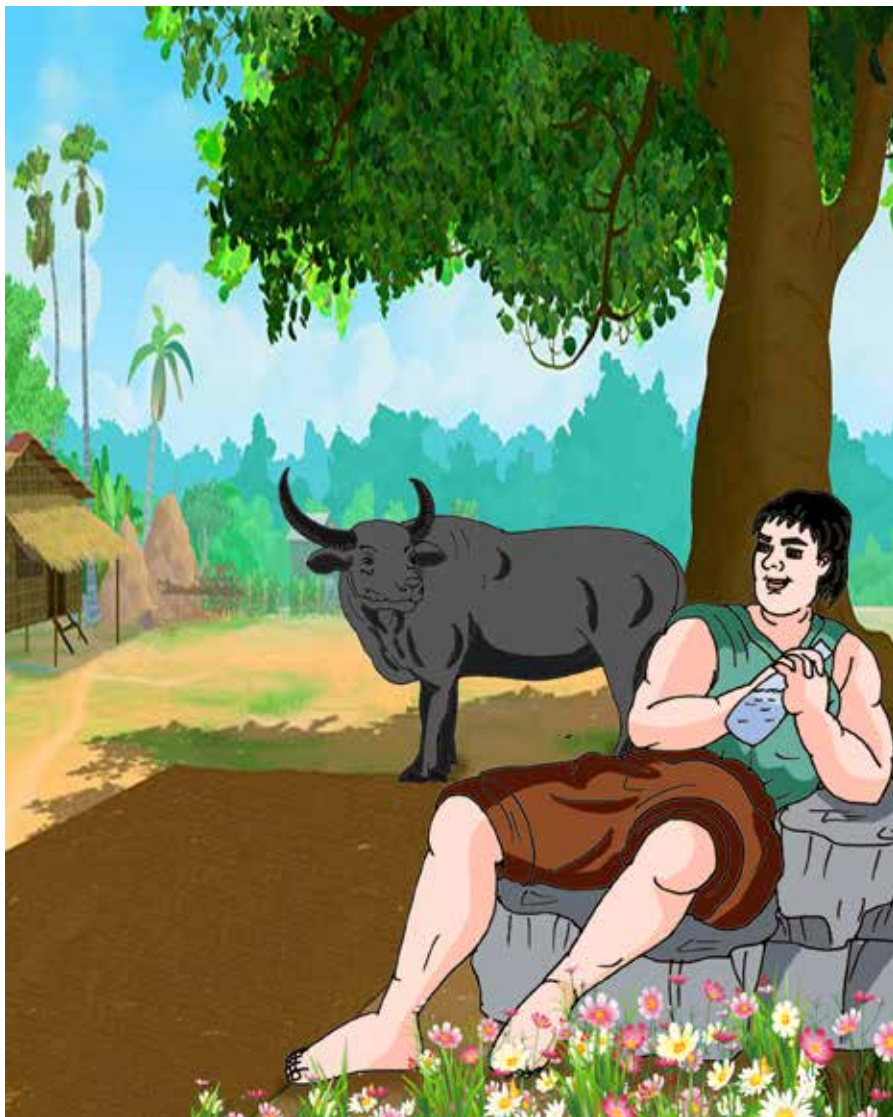
*Of bones is (this) city made,
plastered with flesh and blood.
Herein are stored decay, death,
conceit, and detraction. -- 150*



151

*Ve vua đẹp sẽ cũ,
Thân xác này sẽ già,
Pháp thiện nhưn bất lão,
Đe thiện nhưn truyền ra.*

*Even ornamented royal chariots wear out.
So too the body reaches old age.
But the Dhamm of the Good grows not old.
Thus do the Good reveal it among the Good.
-- 151*



152

*Người ít nghe kém học,
Phát triển như trâu bò,
Thịt xương ngày một to,
Trí tuệ chẳng tăng trưởng.*

*The man of little learning grows old like
the ox.*

His muscles grow; his wisdom grows not.

-- 152



153

*Lạng thang bao kiếp sống,
Ta tìm kẻ xây nhà,
Tìm mãi vẫn không ra,
Nên luôn hồi đau khổ.*

*Through many a birth I wandered in
Sa'msaara,
seeking, but not finding, the builder of
the house.
Sorrowful is it to be born again and again.
-- 153*



154

Hỡi kẻ làm nhà kia! (1)
 Ta thấy mặt ngươi rồi,
 Rủi mè (2) đòn dồng (3) gãy,
 Ngươi hết làm nhà thôi,
 Tâm ta chừ tịch tịnh,
 Tham ái dứt bật rồi.

(1) Ái dục; (2) Thiên nã; (3) Vô minh

O house-builder! Thou art seen.
 Thou shalt build no house again.
 All thy rafters are broken.
 Thy ridge-pole is shattered.
 My mind has attained the Unconditioned.
 Achieved is the end of craving. -- 154



155

*Lúc trẻ không phạm hạnh,
Tiền của chả góp gom,
Như cò già ủ rũ,
Bên hồ không cá tôm!*

*They who have not led the Holy Life,
who in youth have not acquired wealth,
pine away like old herons
at a pond without fish. -- 155*



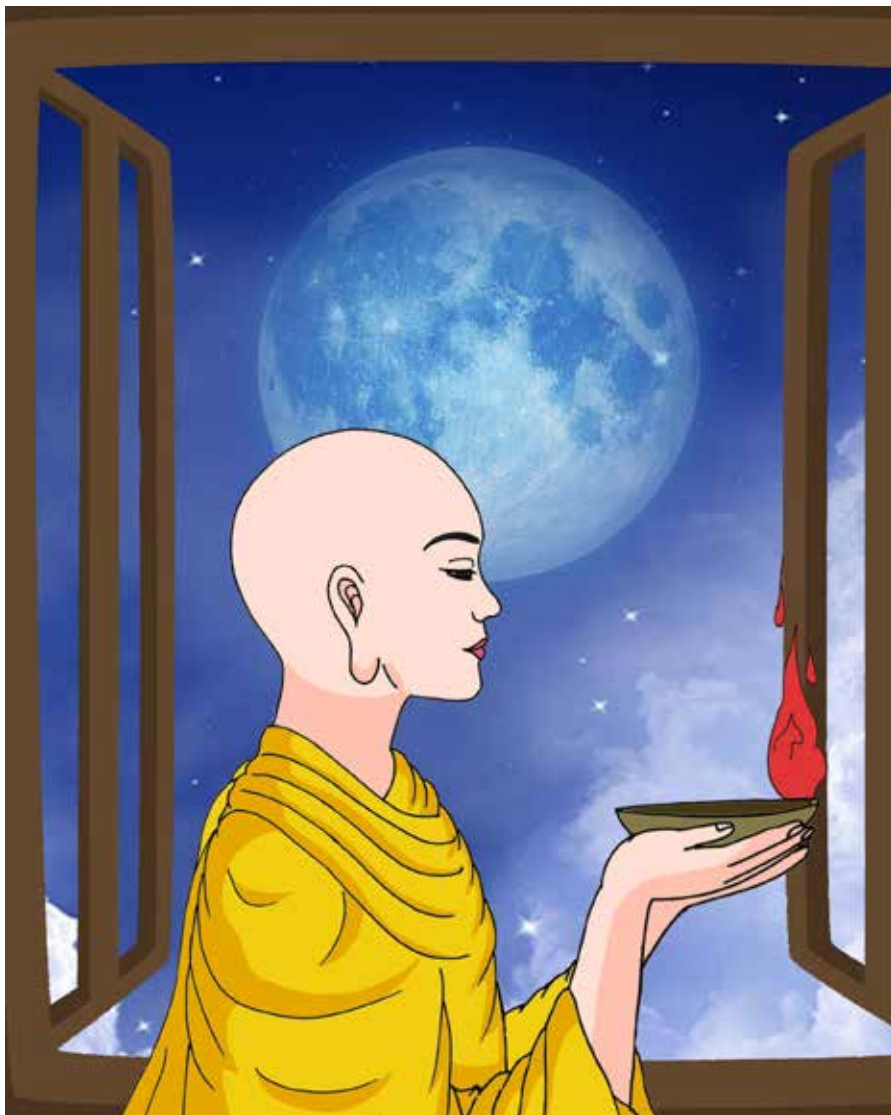
156

*Lúc trẻ không phạm hạnh,
Tiền của chả góp gom,
Như cánh cung mòn gãy,
Than đi vãng chẳng còn!*

*They who have not led the Holy Life;
who in youth have not acquired wealth,
lie like worn-out bows,
sighing after the past. -- 156*



PHẨM XII
PHẨM TỰ NGÃ
(THE SELF)



157

*Nếu ta yêu quý ta,
Phải bảo vệ tốt đã,
Một trong ba canh ấy,
Người trí phải tỉnh ra.*

*If one holds dear, one should protect
oneself well.*

*During every one of the three watches
the wise man should keep vigil. -- 157*



158

*Người trí trước đặt mình,
Vào nếp sống chánh hạnh,
Sau ra giáo hóa người,
Đi khỏi bị khiển trách.*

*Let one first establish oneself in what
is proper,
and then instruct others.
Such a wise man will not be defiled.*

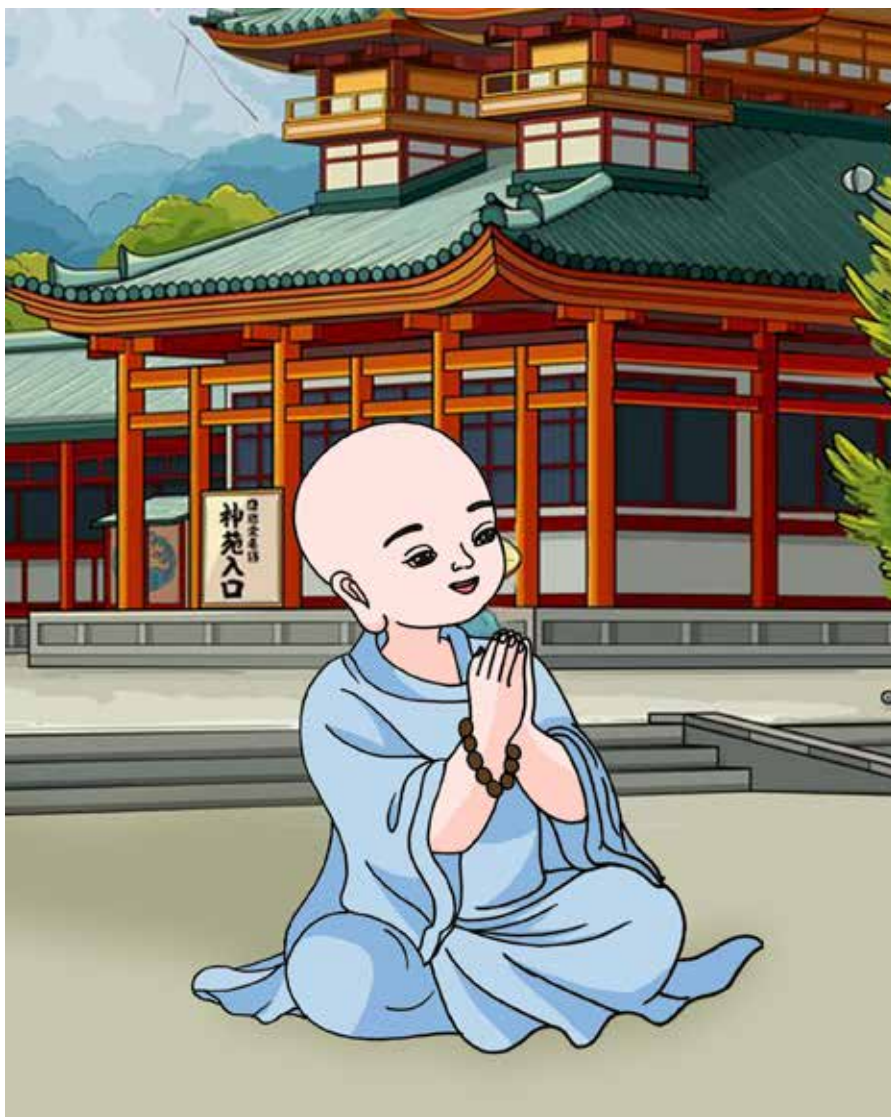
-- 158



159

*Hãy làm cho kỳ được,
 Những điều mình dạy người,
 Khéo nhiếp mình, nhiếp người,
 Khó thay tự điều nhiếp!*

*As he instructs others so should he
 himself act.
 Himself fully controlled, he should
 control (others);
 for oneself, indeed, is difficult to con-
 trol. -- 159*



160

*Hãy nương tựa chính mình,
Chữ nương tựa ai khác?
Người khéo điều phục mình,
Đạt chỗ tựa khó đạt.*

*Oneself, indeed, is one's saviour,
for what other saviour would there be?
With oneself well controlled,
one obtains a saviour difficult to find.*

-- 160



161

*Hết nghiệp do mình gây,
Hết nghiệp do mình tạo,
Hết nghiệp nghiền kẻ ngu,
Như kim cương mài ngọc.*

*By oneself alone is evil done;
it is self-born, it is self-caused.
Evil grinds the unwise
as a diamond grinds a hard gem.*

-- 161



162

*Kẻ rung tay phá giới,
Như cây bị giây leo,
Tự chuốc lấy hiểm nghèo,
Kẻ thù muốn như vậy.*

*He who is exceedingly corrupt,
like a maaluvaa creeper strangling a sal tree,
does to himself
what even an enemy would wish for him.*

-- 162



163

*Việc ác rất dễ làm,
Nhưng chẳng lợi cho ta,
Việc ăn ích từ thiện,
Chật khó làm lắm đa!*

*Easy to do are things that are hard
and not beneficial to oneself,
but very, very, difficult, indeed,
to do is that which is beneficial and good.*

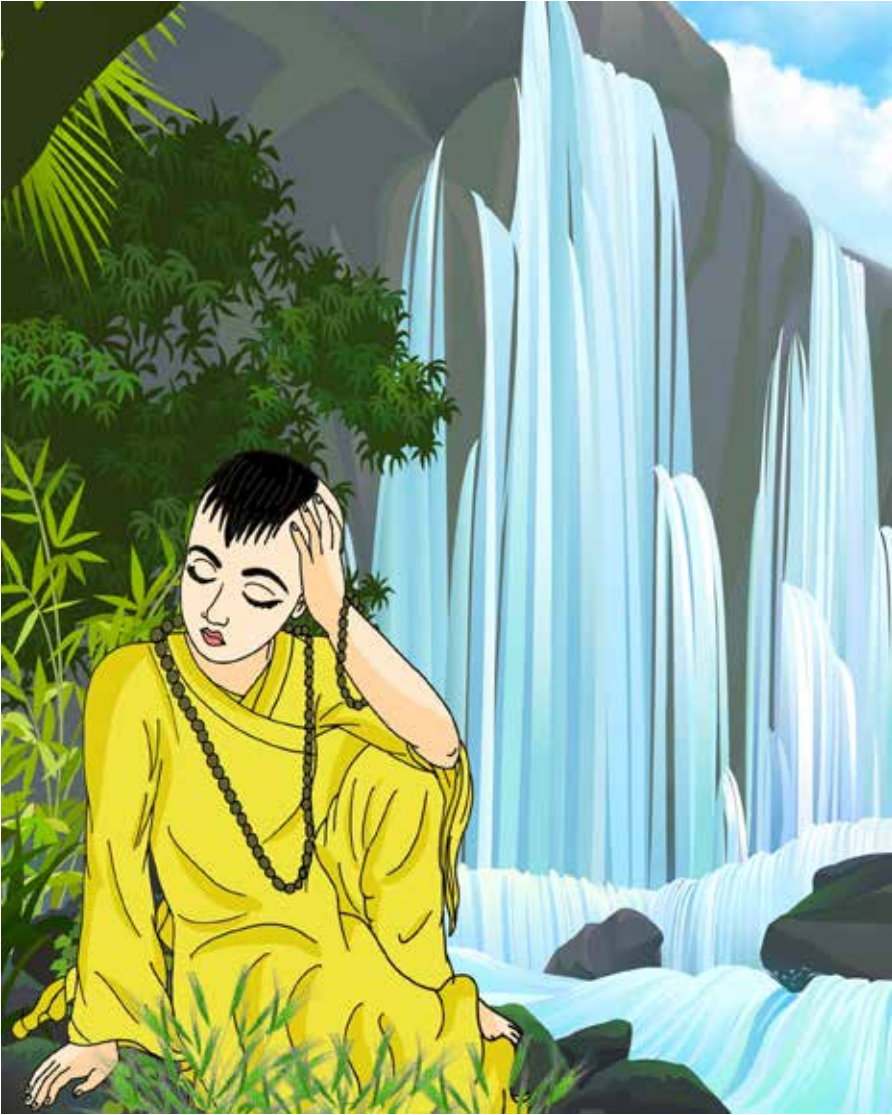
-- 163



164

*Kẻ ngu ôm tà kiến,
Khinh miệt pháp Thánh tăng,
Bậc La hán, chánh hạnh,
Sẽ tự diệt căn lành,
Như trái cây lau chín,
Tự hủy hoại thân nhanh*

*The stupid man, who, on account of
false views,
scorns the teaching of the Arahants,
the Noble Ones, and the Righteous,
ripens like the fruit of the kaashta reed,
only for his own destruction. -- 164*



165

*Tự ta gây ác nghiệp.
 Tự ta nhiễm cấu trần,
 Tự ta tránh ác nghiệp,
 Tự ta tịnh thân tâm.
 Nhiễm tịnh do ta cả.
 Không ai thanh tịnh ai.*

*By oneself, indeed, is evil done;
 by oneself is one defiled.
 By oneself is evil left undone;
 by oneself indeed, is one purified.
 Purity and impurity depend on oneself.
 No one purifies another. -- 165*



166

*Dù lợi người bao nhiêu,
Cũng đừng quên tự lợi,
Hiếu rõ được tự lợi,
Quyết chí đạt lợi riêng.*

*For the sake of others' welfare, however,
great,
let not one neglect one's own welfare.
Clearly perceiving one's own welfare,
let one be intent on one's own goal. -- 166*



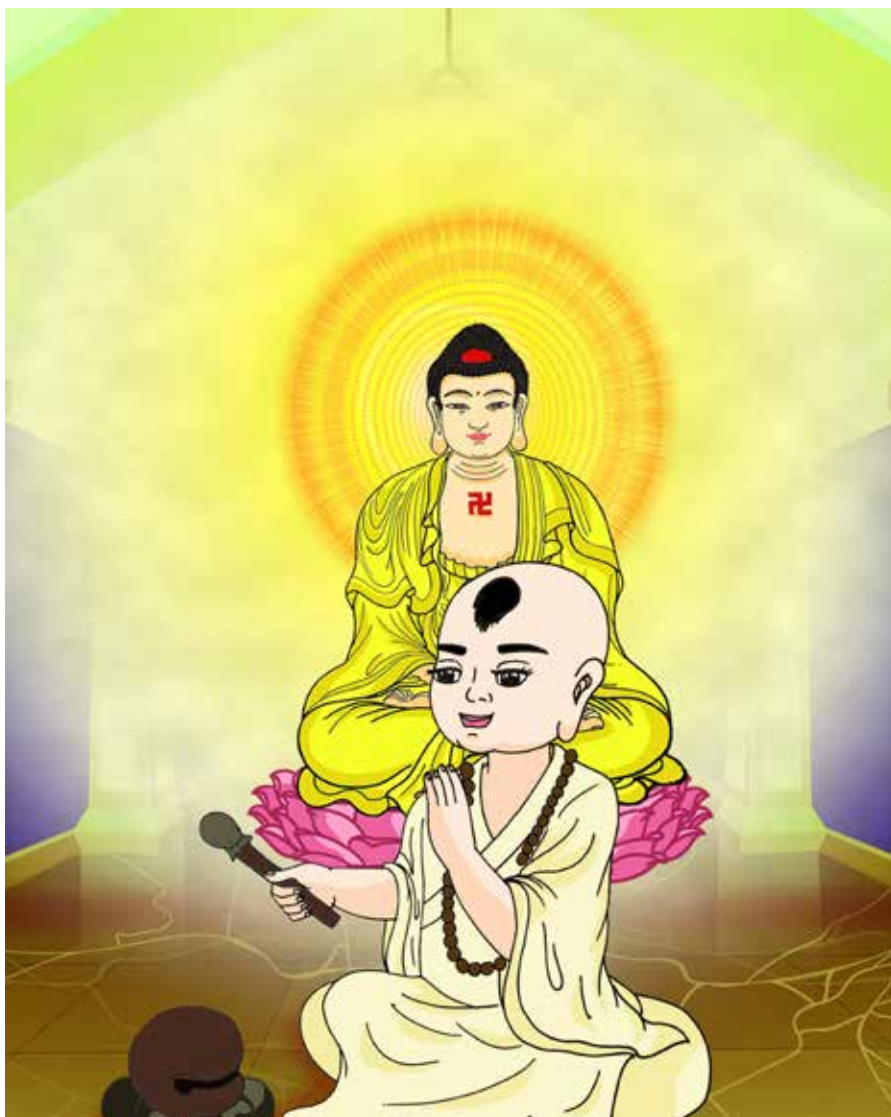
PHẨM XIII
PHẨM THẾ GIAN
(THE WORLD)



167

*Chớ theo đời tì tiện.
Chớ nường thời buồng lung.
Chớ vương vùu tục trần.
Chớ ếm ấp tà vọng.*

*Do not serve mean ends,
Do not live in heedlessness.
Do not embrace false views.
Do not be a world-upholder. -- 167*



168

*Tỉnh cần, chớ phóng dật.
Chánh hạnh, chớ buông lung.
Người chuyên tâm chánh hạnh,
Đời đời vui khôn cùng.*

*Be not heedless in standing (at people's
doors for alms).
Observe (this) practice scrupulously.
He who observes this practice lives
happily both in this world and in the next.
— 168*



169

*Hãy sống đời chánh hạnh,
Chớ phóng dật buông lung,
Người chuyên tâm chánh hạnh,
Đời đời vui khôn cùng.*

*Scrupulously observe (this) practice.
Do not observe it unscrupulously.
He who observes this practice
lives happily both in this world and in the
next. -- 169*



170

*Như bọt nước trôi sông.
Như huyền hóa bình bồng.
Nếu nhìn đời như vậy,
Cử thần hết thấy ông.*

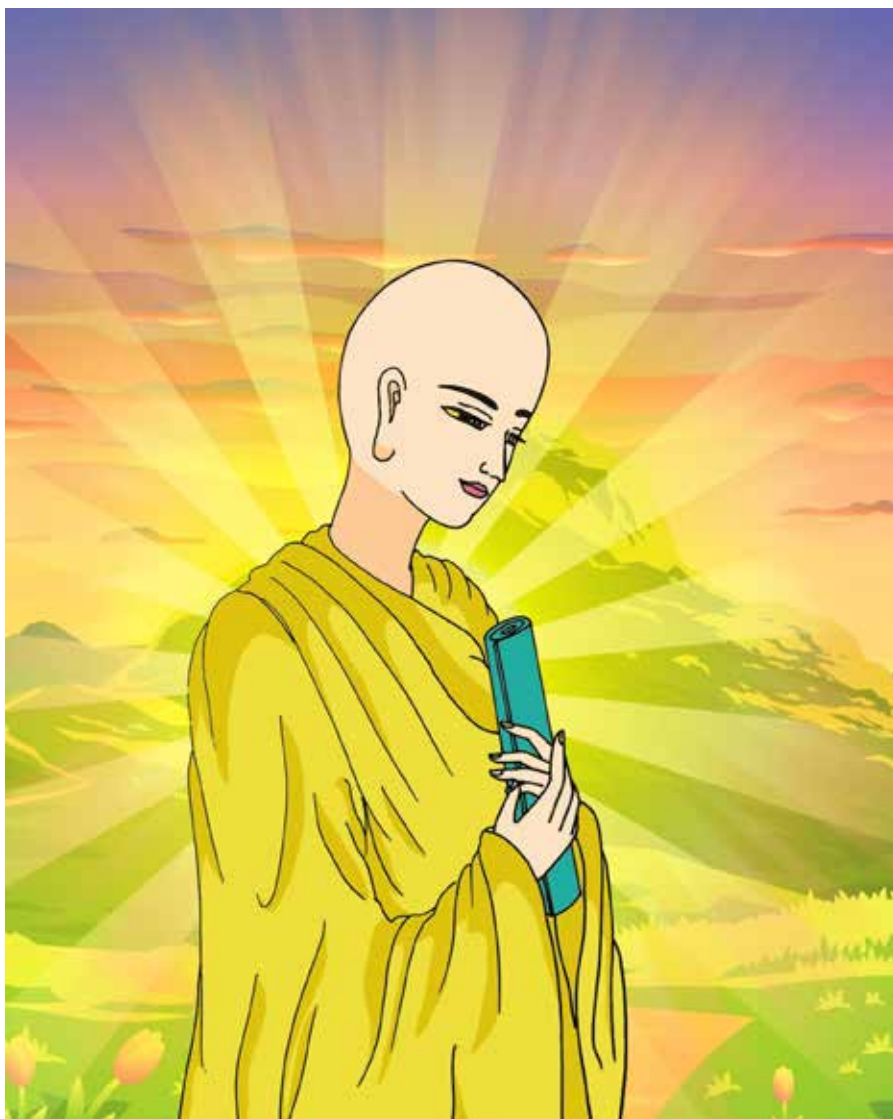
*Just as one would look upon a bubble,
just as one would look upon a mirage
- if a person thus looks upon the world,
the King of Death sees him not. – 170*



171

*Hãy xem thế gian này,
Như xe vua lộng lẫy,
Kẻ ngu ngấm mê mải,
Người trí chẳng bận tâm.*

*Come, behold this world
which is like unto an ornamented royal chariot,
wherein fools flounder,
but for the wise there is no attachment. – 171*



172

*Hi trước sống buông lung,
Sau tỉnh chuyên chánh hạnh,
Sẽ soi sáng nhân gian,
Như trăng lên mây tạnh.*

*Whoever was heedless
before and afterwards is not;
such a one illumines this world
like the moon freed from clouds. -- 172*



173

*Ái xưa tan ác nghiệp,
Bằng thiện ý, hạnh lành,
Sẽ soi sáng quần sanh,
Như trăng lên mây tạnh.*

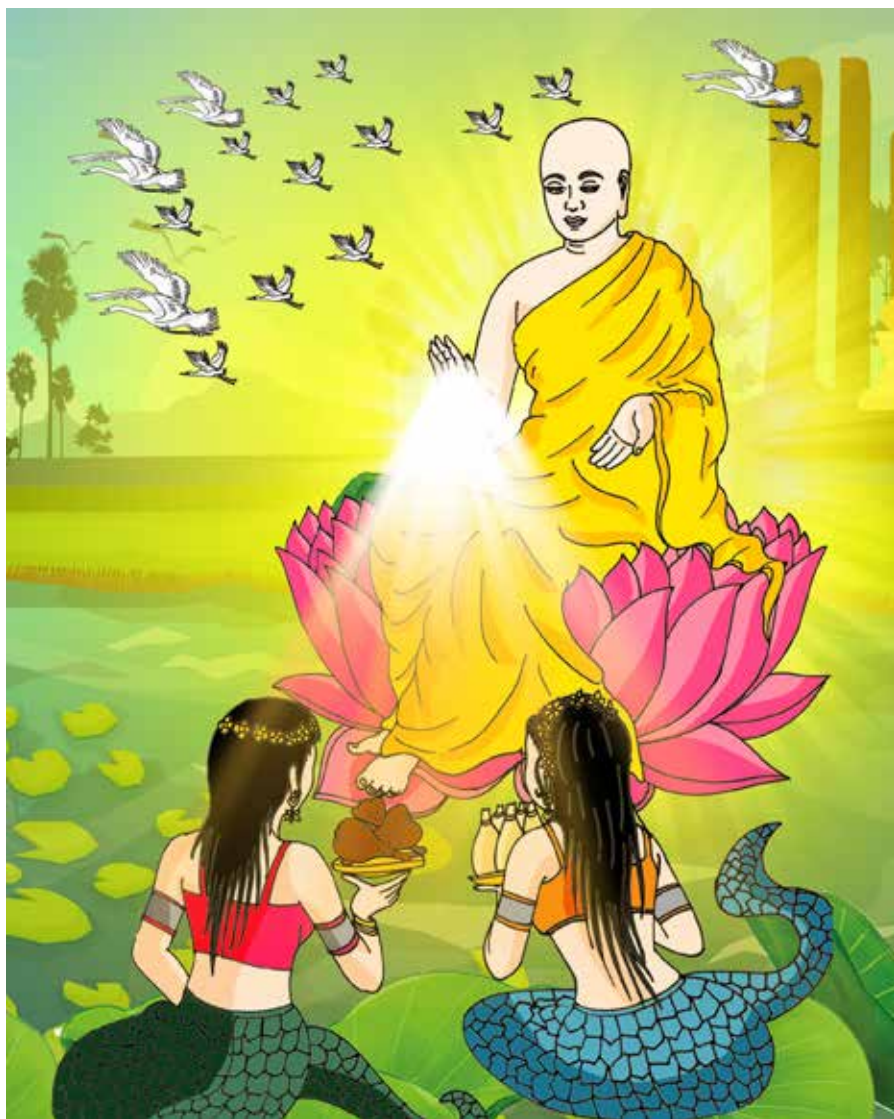
*Whoever, by a good deed, covers the evil done,
such a one illumines this world
like the moon freed from clouds. -- 173*



174

*Chiến hạ thật mù quáng,
Mấy ai sáng suốt nào,
Như chim thoát khỏi lưới,
Mấy con vút trời cao.*

*Blind is this world.
Few are those who clearly see.
As birds escape from a net
few go to a blissful state. – 174*



175

*Như thiên nga giữa trời,
Thần thông bay khắp nơi,
Hàng phục ma quân hết,
Bậc trí siêu thoát đời.*

*Swans wing along on the path of the sun.
(Men) go through air by psychic powers,
The wise are led away from the world,
having conquered Maara and his host. -- 175*



176

*Hĩ nói lời hư vọng,
Hĩ phá pháp nhất thừa,
Hĩ bất đời sau ấy,
Không ác nào không bù!*

*There is no evil that cannot be done by the liar,
who has transgressed the one law (of
truthfulness)
and who is indifferent to a world beyond.*

– 176

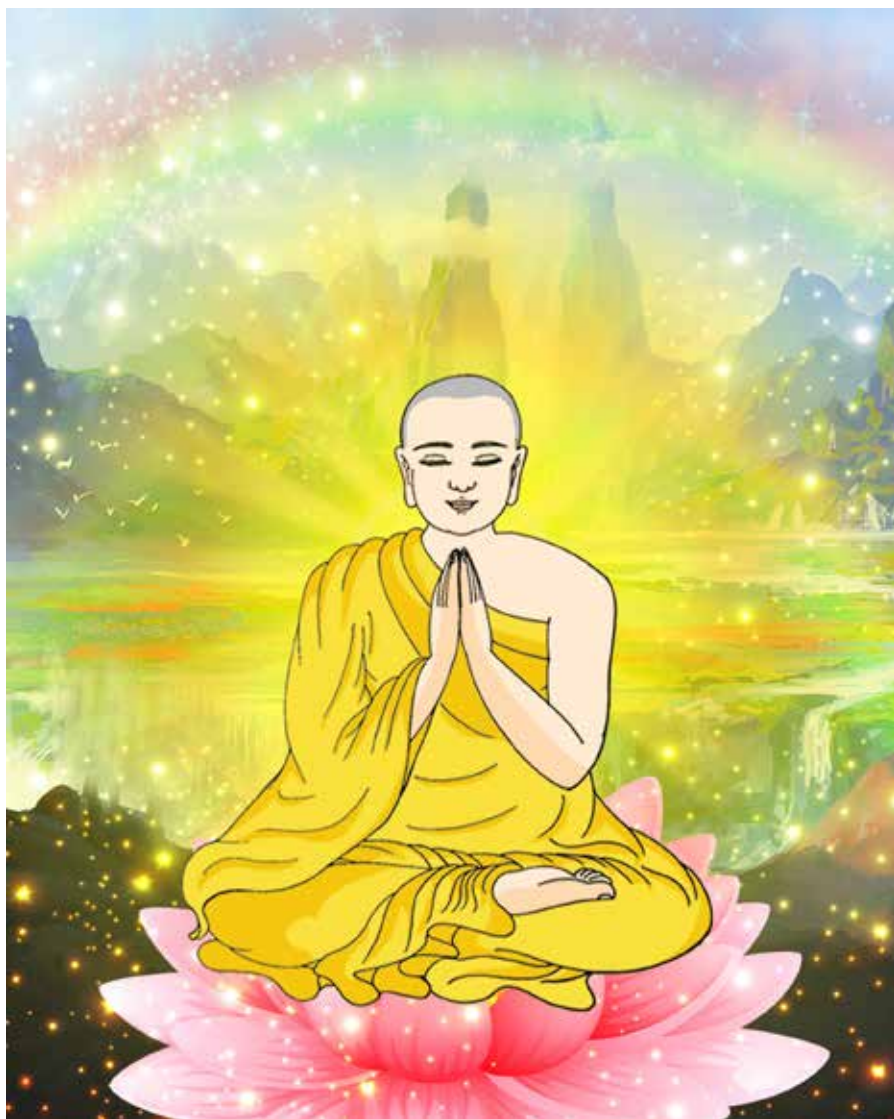


177

*Kẻ ngu ghét hào phóng,
Người bần chẳng sanh thiên.
Bậc trí vui bố thí,
Đời sau hưởng phúc điền.*

*Verily misers go not to the celestial realms.
Fools do not indeed praise liberality.
The wise man rejoices in giving
and thereby become happy thereafter. --*

177



178

*Đắc quả Tu-đà-hoàn,
Hơn chính phúc nhân gian,
Hơn tái sinh thiên giới,
Hơn bá chủ trần gian.*

*Better than absolute over the earth,
better than going to heaven,
better than even lordship over all the worlds
is the Fruit of a Stream-Winner. -- 178*



PHẨM XIV
PHẨM PHẬT ĐÀ
(THE BUDDHA)



179

*Sạch dục lạc tham ái,
Bặt khát vọng trên đời,
Trí lực Phật vô lượng.
Cám dỗ sao được ư?*

*Whose conquest (of passion) is not turned into
defeat,
no conquered (passion) of his in this world
follows him -
that trackless Buddha of infinite range,
by which way will you lead him? – 179*



180

*Giải thoát mọi ràng buộc,
Bật ái dục trên đời,
Trí lực Phật vô lượng,
Cám dễ sao được ư?*

*Him in whom there is not that entangling,
embroiling craving to lead (to any life),
him the trackless Buddha of infinite range,
- by which way will you lead him? – 180*



181

*Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Bậc chánh giác, chánh niệm,
Chư thiên cũng kính quý.*

*The wise ones who are intent on meditation,
who delight in the peace of renunciation
(i.e., Nibbana),
such mindful perfect Buddhas
even the gods hold (most) dear. -- 181*

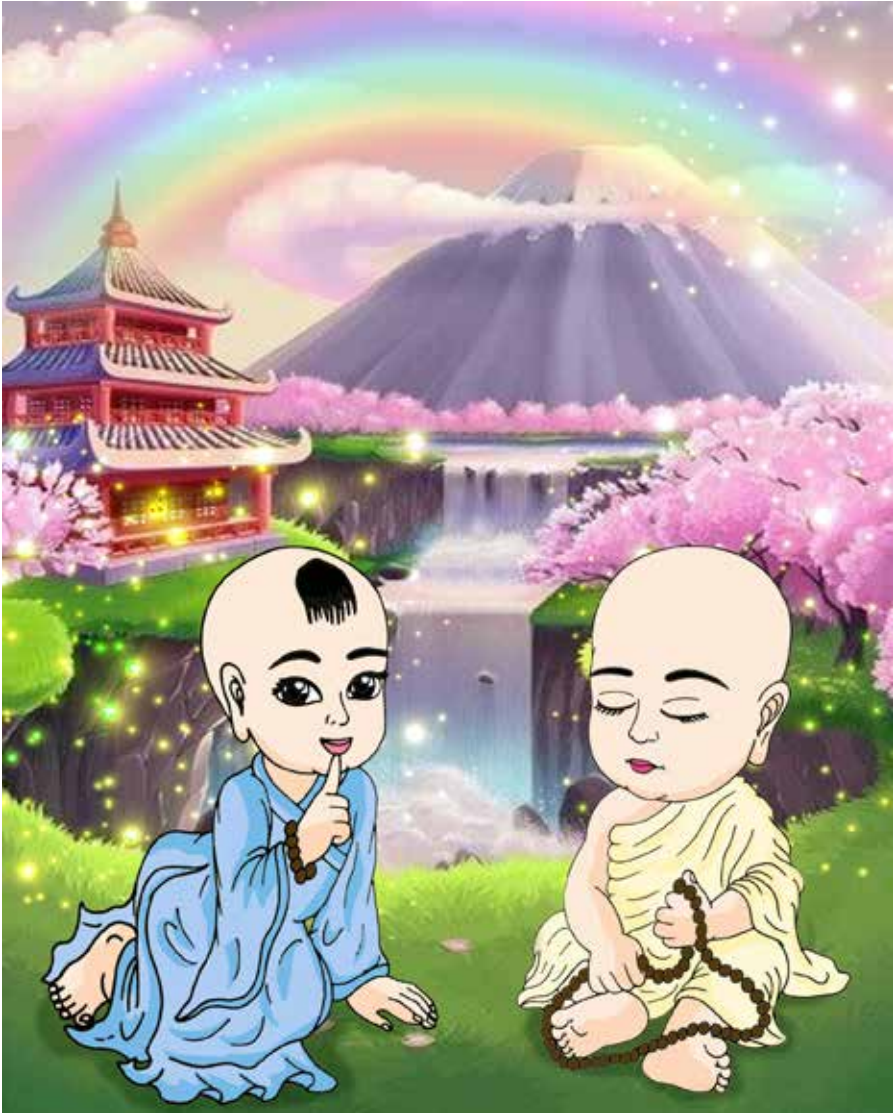


182

*Khó thay được làm người!
Khó thay sống vui tươi!
Khó thay nghe diệu pháp!
Khó thay Phật ra đời!*

*Rare is birth as a human being.
Hard is the life of mortals.
Hard is the hearing of the Sublime Truth.
Rare is the appearance of the Buddhas.*

– 182



183

*Đừng làm các điều ác,
Tu tập mọi hạnh lành
Giữ tâm ý trong sạch.
Đó là lời Phật dạy.*

*Not to do any evil,
to cultivate good,
to purify one's mind,
this is the Teaching of the Buddhas. – 183*



184

*Chư Phật thường giảng dạy:
Nhân nhục hạnh tối cao,
Niết bàn quả tối thượng,
Vượt già nhiều hại người,
Đầu còn sa môn tướng!*

*Forbearing patience is the highest austerity.
Nibbaana is supreme, say the Buddhas.
He, verily, is not a recluse who harms another.
Nor is he an ascetic who oppresses others.
— 184*



185

*Chớ hăm hại hủy báng.
Giới căn bản nghiêm trì.
Ăn uống có tiết độ.
An trụ nơi viễn ly.
Chuyên tu tập thiền định.
Lời chư Phật nhớ ghi!*

*Not insulting, not harming,
restraint according to the Fundamental
Moral Code (Paatimokkha),
moderation in food, secluded abode,
intent on higher thoughts,
- this is the Teaching of the Buddhas. -- 185*



186

*Dầu mưa tuyền vàng bạc,
Dục lạc vẫn chưa vơi,
Càng khoái lạc say sưa,
Ái khổ nhiều, vui ít.*

*Not by a shower of gold coins
does contentment arise in sensual pleasures.
Of little sweetness, and painful,
are sensual pleasures. – 186*



187

*Biết vậy nên người trí,
Chẳng thích lạc chư thiên.
Dệ tử bậc Chánh giác,
Quyết diệt tham ái liền.*

*Knowing thus, the wise man finds no delight
even in heavenly pleasures.*

*The disciple of the Fully Enlightened One
delights in the destruction of craving. – 187*



188

*Lắm người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ nương vào,
Hoặc rừng thẳm núi cao,
Hoặc vườn cây đền tháp.*

*To many a refuge fear-stricken men
betake themselves
- to hills, woods, groves,
trees, and shrines. – 188*



189

*Nương tựa vậy chưa yên,
 Chưa tới thượng phước điền,
 Người nương tựa như vậy,
 Choát sao hết ưu phiền!*

*Nay no such refuge is safe,
 no such refuge is supreme.
 Not by resorting to such a refuge
 is one freed from all ill. – 189*



190

*Hi nường tựa theo Phật,
Chánh pháp và thánh tăng,
Dùng chánh kiến thấy rõ,
Bốn thánh đế thường hằng.*

*He who has gone
for to the Buddha, the Dhamma, and
the Sangha,
sees with right knowledge
the four Noble Truths -- 190*



191

*Một khổ, hai nguyên nhân,
Ba vượt khổ, xuất trần,
Bốn là đường tám nhánh,
Tận diệt khổ, khổ nhân.*

*- Sorrow, the Cause of Sorrow,
the Transcending of Sorrow
and the Noble Eightfold Path
which leads to the Cessation of
Sorrow. -- 191*



192

*Nương tựa vậy là yên,
Là tối thượng phước điền,
Người nương tựa như vậy,
Giải thoát hết ưu phiền.*

*This, indeed, is refuge secure.
This, indeed, is refuge supreme.
By seeking such refuge
one is released from all sorrow. – 192*



193

*Chánh nhân rất khó gặp,
Vì không hiện khắp nơi,
Bậc trí sanh ở đâu,
Gia tộc đó an lạc.*

*Hard to find is a man of great wisdom:
such a man is not born everywhere.
Where such a wise man is born,
that family thrives happily. -- 193*



194

*Vui thay Phật đản sinh!
Vui thay Pháp thuyết minh!
Vui thay Tăng hòa hợp!
Vui thay Giới tu hành!*

*Happy is the birth of Buddhas.
Happy is the teaching of the sublime Dhamma.
Happy is the unity of the Sangha.
Happy is the discipline of the united ones.*

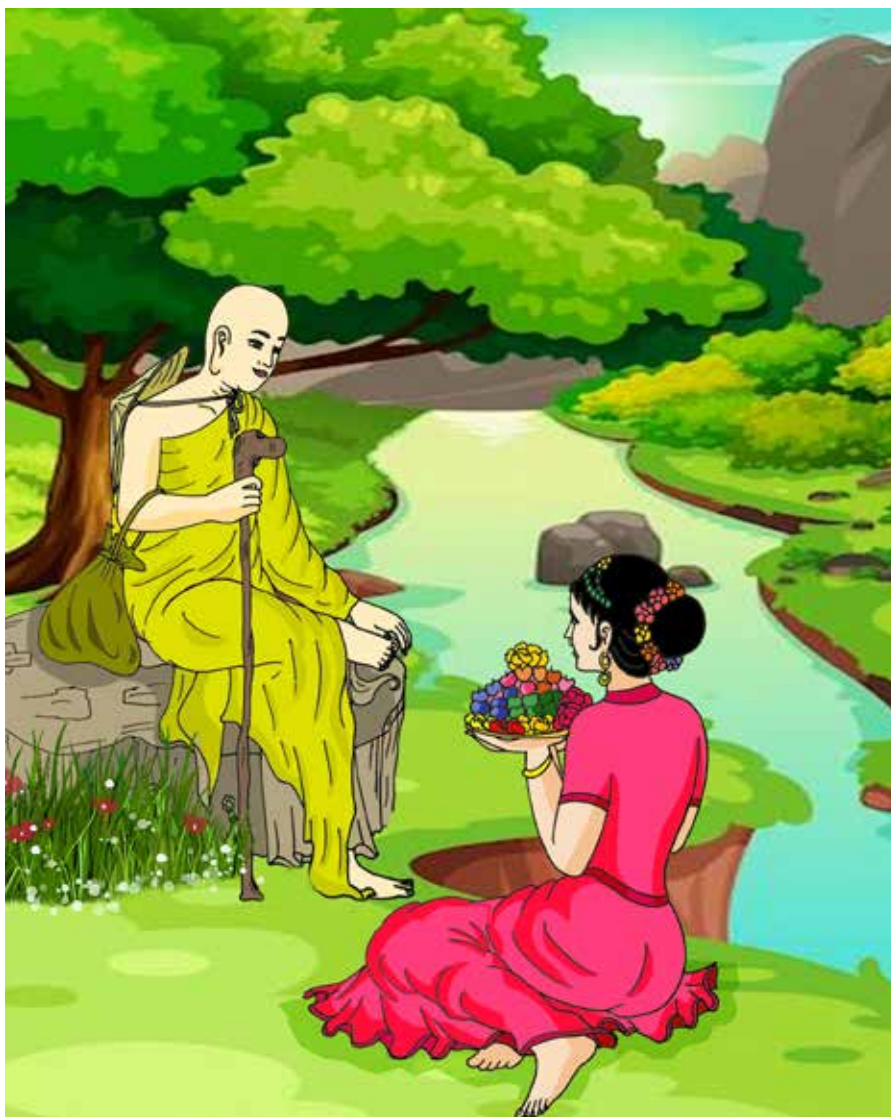
— 194



195

*Kính lễ bậc đáng kính,
Chư Phật hay môn đồ,
Các bậc sambah chưng ngại,
Đoạn ưu khổ tế thê.*

*He who reverences those worthy of reverence,
whether Buddhas or their disciples;
those who have overcome the impediments
and have got rid of grief and lamentation,
– 195*



196

*Công đức người kính lễ,
Bạc vô úy, tịch tịnh,
Thật vô lượng vô biên,
Không thể nào lường định.*

*- the merit of him who reverences
such peaceful and fearless Ones
cannot be measured by anyone
as such and such. -- 196*



PHẨM XV
PHẨM AN LẠC
(HAPPINESS)



197

*Lành thay ta vui sống,
Trì ái giữa oán thù,
Giữa những người oán thù,
Ta sống không thù oán.*

*Ah, happily do we live without hate
amongst the hateful;
amidst hateful men
we dwell unhating. -- 197*



198

*Lành thay ta vui sống,
Khỏe mạnh giữa yếu đau,
Giữa những người yếu đau,
Ta sống không đau yếu.*

*Ah, happily do we live in good health
amongst the ailing;
amidst ailing men
we dwell in good health. -- 198*



199

*Lành thay ta vui sống,
Vô dục giữa khát khao,
Giữa những người khát khao,
Ta sống không khao khát.*

*Ah, happily do we live without yearning
(for sensual pleasures)
amongst those who yearn (for them);
amidst those who yearn (for them)
we dwell without yearning. – 199*



200

*Lành thay ta vui sống,
Không vướng ngại ngấm ngàm,
Tận hưởng nguồn hỷ lạc,
Như chư thiên Quang Âm.*

*Ah, happily do we live,
we who have no impediments.
Feeders of joy shall we be
even as the gods of the Radiant Realm.*

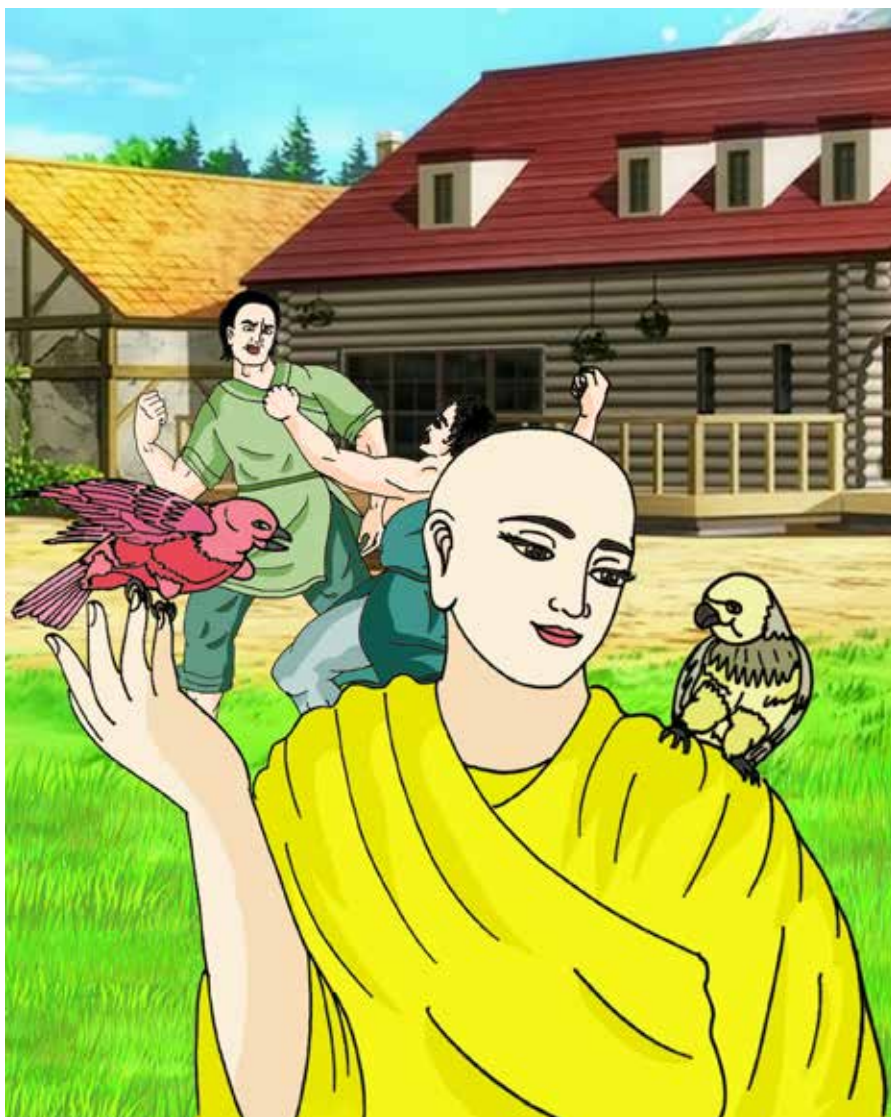
— 200



201

*Chiến thắng gây thù hận,
Thất bại chước khổ đau,
Từ bỏ mọi thắng bại,
An tịnh liền theo sau.*

*Victory breeds hatred.
The defeated live in pain.
Happily the peaceful live,
giving up victory and defeat. – 201*



202

*Lửa nào bằng lửa tham.
Hết nào bằng ác hận.
Khổ nào bằng khổ thân.
Vui nào bằng Tịnh tịnh.*

*There is no fire like lust,
no crime like hate.
There is no ill like the body,
no bliss higher than Peace (Nibbana).*

– 202

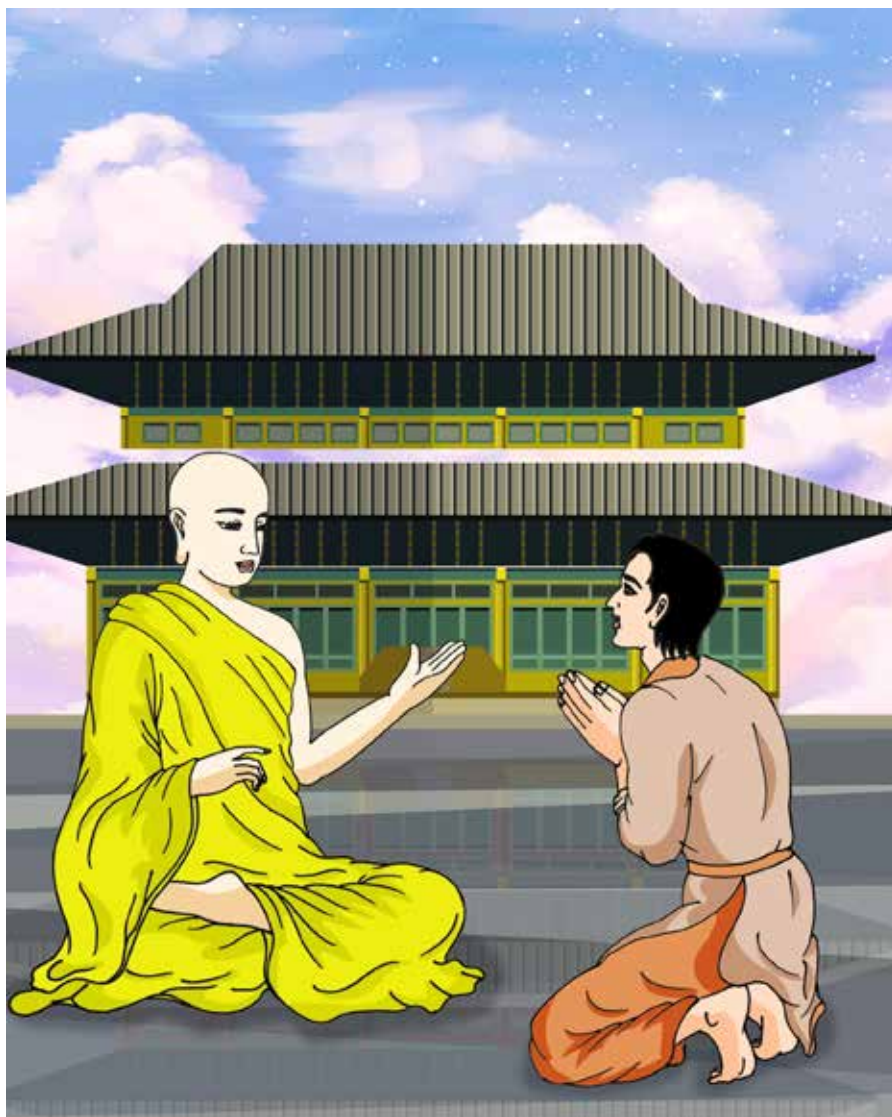


203

*Đói bụng, bệnh tối trọng.
Thân xác, khổ vô vàn.
Hiếu đúng sự thật ấy,
Đạt vô thượng Niết bàn.*

*Hunger is the greatest disease.
Aggregates are the greatest ill.
Knowing this as it really is,
(the wise realize) Nibbaana, bliss supreme.*

— 203



204

*Sức khỏe là lợi ích.
Biết đủ là giàu sang.
Thành tín là họ hàng.
Niết bàn là hạnh phúc.*

*Health is the highest gain.
Contentment is the greatest wealth.
The trusty are the best kinsmen.
Nibbaana is the highest bliss. -- 204*



205

*Đi nếm mùi tịch tịnh,
 Hưởng hương vị độc cư,
 Thoát âu lo cấu nhiễm,
 Pháp hỷ được cả người.*

*Having tasted the flavour of seclusion
 and the flavour of appeasement,
 free from anguish and stain becomes he,
 imbibing the taste of the joy of the Dhamma.*

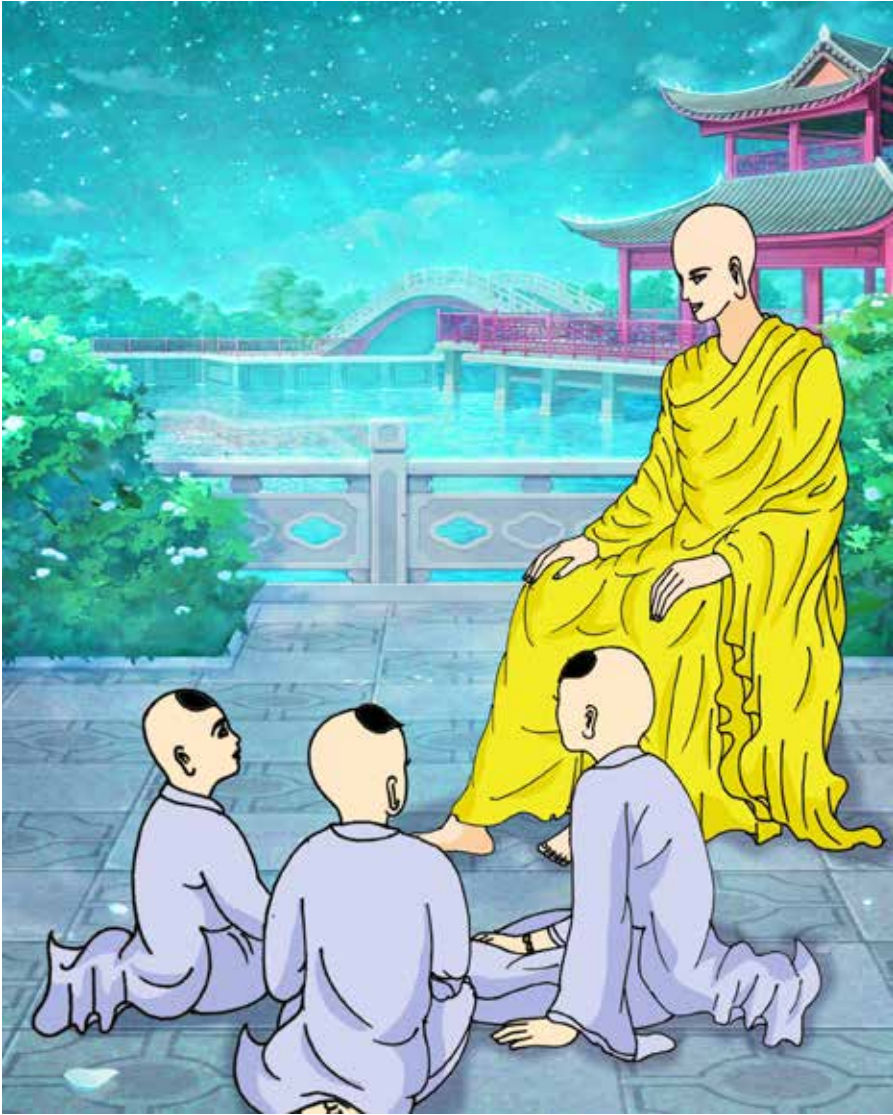
— 205



206

*Lành thay gặp thánh nhân,
Phúc thay được kết thân,
Không gặp kẻ ngu muội,
Chúc anh lạc muôn phần.*

*Good is the sight of the Ariyas:
their company is ever happy.
Not seeing the foolish,
one may ever be happy. – 206*



207

*Sống với kẻ si mê,
 Ở bốn bề sầu tủi.
 Gần gũi người ngu muội,
 Khó như gần kẻ thù.
 Thân cận bậc trí tu,
 Vui như gặp thân thuộc.*

*Truly he who moves in company with fools
 grieves for a long time.
 Association with the foolish
 is ever painful as with a foe.
 Happy is association with the wise,
 even like meeting with kinsfolk. — 207*



208

*Nên gần bậc hiền trí,
Bậc trí giới đa văn,
Bậc đạo hạnh, thánh tăng,
Bậc thiện nhơn, túc trí,
Thân cận vậy thật quý,
Như trăng theo đường sao.*

*Therefore:-
With the intelligent, the wise, the learned,
the enduring, the dutiful and the Ariya -
with a man of such virtue and intellect
should one associate,
as the moon (follows) the starry path.
-- 208*



PHẨM XVI
PHẨM HỦ ÁI
(AFFECTION)



209

*Miệt mài điều đáng tránh,
Bướng xả việc nghiên tâm,
Ganh tị bậc chuyên tâm,
Bỏ đích, theo dục lạc.*

*Applying oneself to that which should be
avoided,
not applying oneself to that which should
be pursued,
and giving up the quest, one who goes after
pleasure
envies them who exert themselves. -- 209*



210

*Chớ gần người yêu quý,
Chớ thân kẻ ghét hờn,
Yêu không gặp, ghét hờn,
Ghét phải gần, đau khổ.*

*Consort not with those that are dear,
never with those that are not dear;
not seeing those that are dear
and seeing those that are not dear,
are both painful. -- 210*



211

*Yêu xa nhau là khổ,
Thế nên chớ vắn vường,
Người dứt niệm ghét thương,
Là thoát vòng trối buộc.*

*Hence hold nothing dear,
for separation from those that are dear is bad;
bonds do not exist for those to whom
naught is dear or not dear. – 211*



212

*Thân ái sinh ưu sầu,
Thân ái sinh sợ hãi,
Đi thoát khỏi thân ái,
Đi hết mọi âu lo.*

*From endearment springs grief,
from endearment springs fear;
for him who is wholly free from endearment
there is no grief, much less fear. – 212*



213

*Hỷ ái sinh ưu sầu,
Hỷ ái sinh sợ hãi,
Đi thoát khỏi hỷ ái,
Đi hết mọi âu lo.*

*From affection springs grief,
from affection springs fear;
for him who is wholly free from affection
there is no grief, much less fear. – 213*



214

*Luyện ái sinh ưu sầu,
Luyện ái sinh sợ hãi,
Đi thoát khỏi luyện ái,
Đi hết mọi âu lo.*

*From attachment springs grief,
from attachment springs fear;
for him who is wholly free from attachment
there is no grief, much less fear. -- 214*



215

*Dục ái sinh ưu sầu,
Dục ái sinh sợ hãi,
Đi thoát khỏi dục ái,
Đi hết mọi âu lo.*

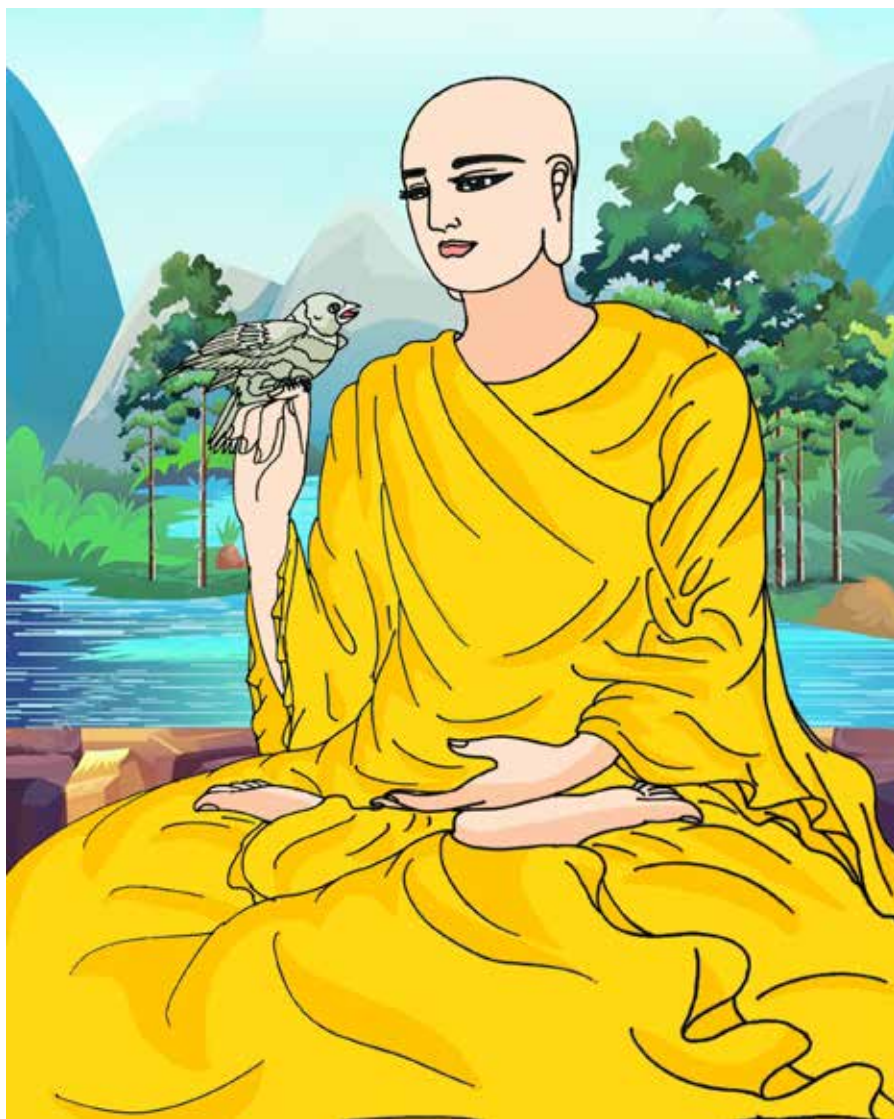
*From lust springs grief,
from lust springs fear;
from him who is wholly free from lust
there is no grief, much less fear. -- 215*



216

*Tham ái sinh ưu sầu,
Tham ái sinh sợ hãi,
Đi thoát khỏi tham ái,
Đi hết mọi âu lo.*

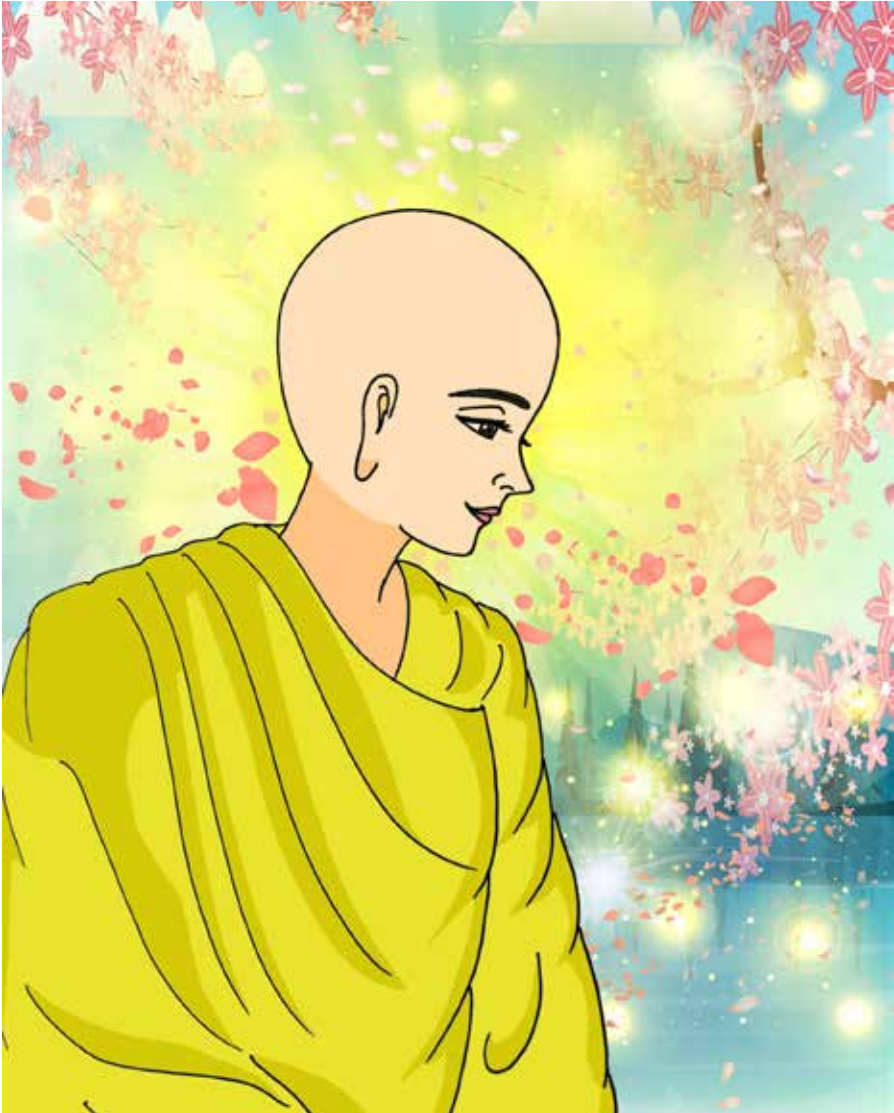
*From craving springs grief,
from craving springs fear;
for him who is wholly free from craving
there is no grief, much less fear. – 216*



217

*Dù giới đức chánh kiến,
Liều ngộ pháp chân như,
Thành tựu mọi công hạnh,
Quần chúng yêu kính người.*

*Whoso is perfect in virtue, and insight,
is established in the Dhamma,
has realized the Truths, and fulfils his own duties,
- him do folk hold dear. -- 217*

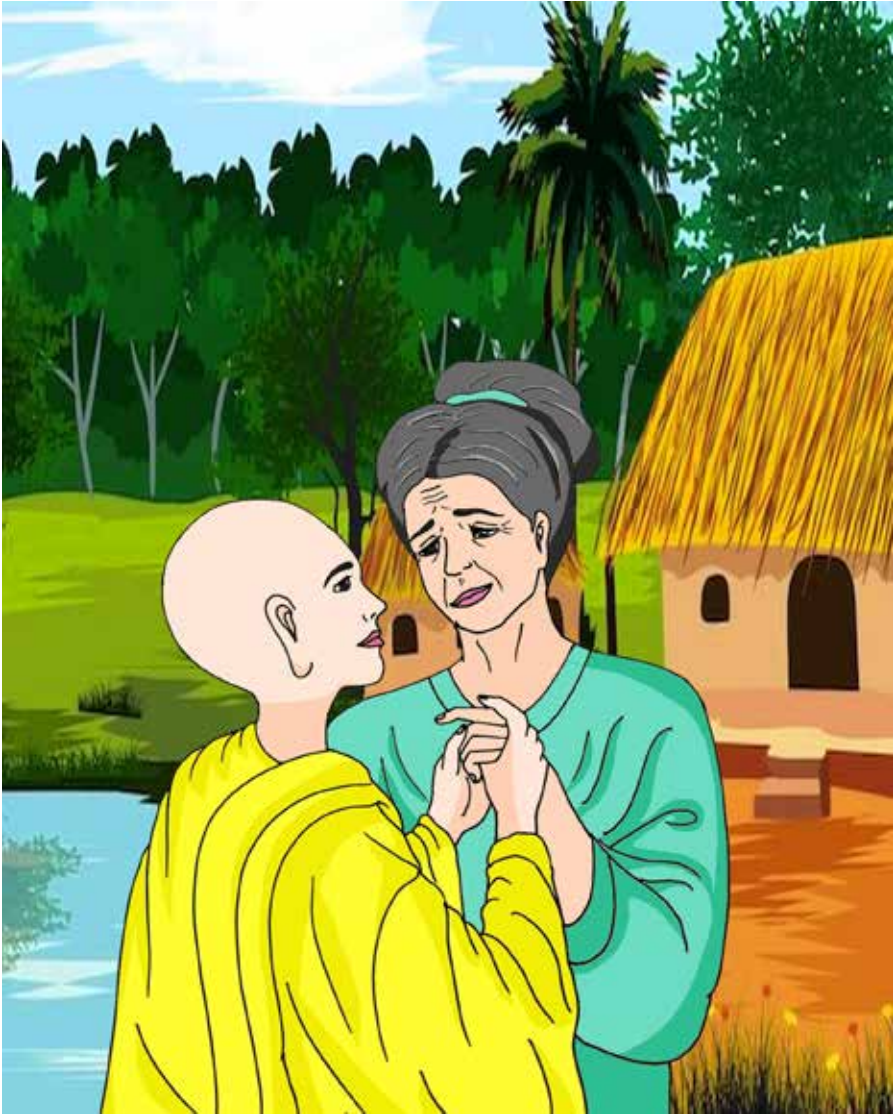


218

*Tu tập pháp ly ngôn,
Tâm thành cầu thánh quả,
Ý dục lạc buông xả,
Không gọi bậc Chướng ngại (*).*

() quả Bất lai*

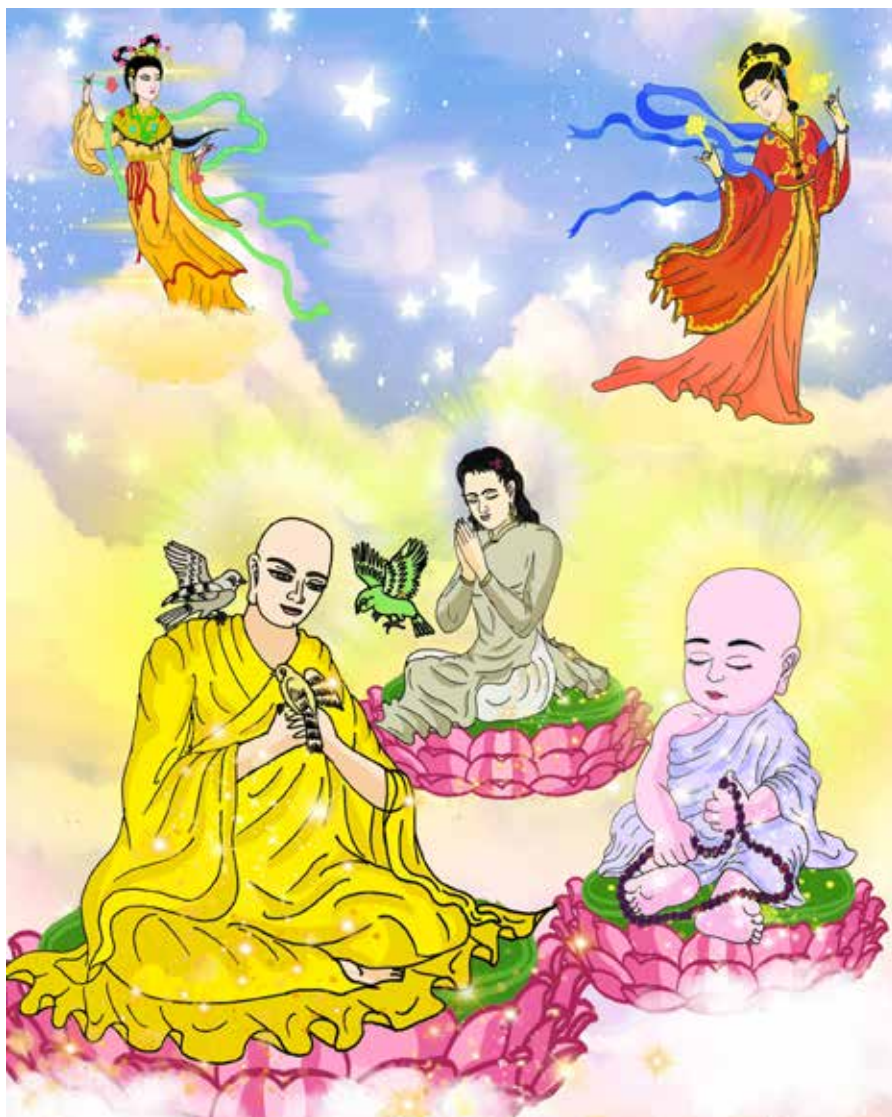
*He who has developed a wish for the
Undeclared (Nibbana),
he whose mind is thrilled (with the three
Fruits),
he whose mind is not bound by material
pleasures,
such a person is called
an “Upstream-bound One”. – 218*



219

*Bao lâu xa cố hương,
Ngay về được an khang,
Ba con và bạn hữu,
Mừng đón người thân thương.*

*A man long absent
and returned safe from afar,
his kinsmen, friends, and well-wishers
welcome on his arrival. – 219*



220

*Người làm phước cũng vậy,
Được thiện nghiệp đón chào,
Đời này và đời sau,
Như bà con thân thuộc.*

*Likewise, his good deeds will receive the
well-doer
who has gone from this world to the next,
as kinsmen will receive a dear one on his
return. — 220*



PHẨM XVII
PHẨM PHẪN NỘ
(ANGER)



221

*Diệt phẫn nộ kiêu mạn,
 Dứt phiền não buộc ràng,
 Đoạn chấp thủ, danh sắc.
 Khổ não hết đeo mang.*

*One should give up anger.
 One should abandon pride.
 One should overcome all fetters.
 Ills never befall him
 who clings not to mind and body
 and is passionless. – 221*



222

*Hi dần cơn phẫn nộ,
Như hãm xe đang lăn,
Vị ấy đánh xe thật,
Người khác phụ cương phanh.*

*Whoso checks his uprisen anger
as though it were a rolling chariot,
him I call a true charioteer.
Other charioteers are mere rein-holders.*

– 222



223

*Từ bi thắng sân hận.
 Hiền thiện thắng hung tàn.
 Bỏ thí thắng xan tham.
 Chân thật thắng hư ngụy.*

*Conquer anger by love.
 Conquer evil by good.
 Conquer the stingy by giving.
 Conquer the liar by truth. – 223*



224

*Hãy nói lời chân thật.
Bỏ thù, chớ giận hờn.
Làm được ba điều ấy,
Đạt đến cảnh thiên chơn.*

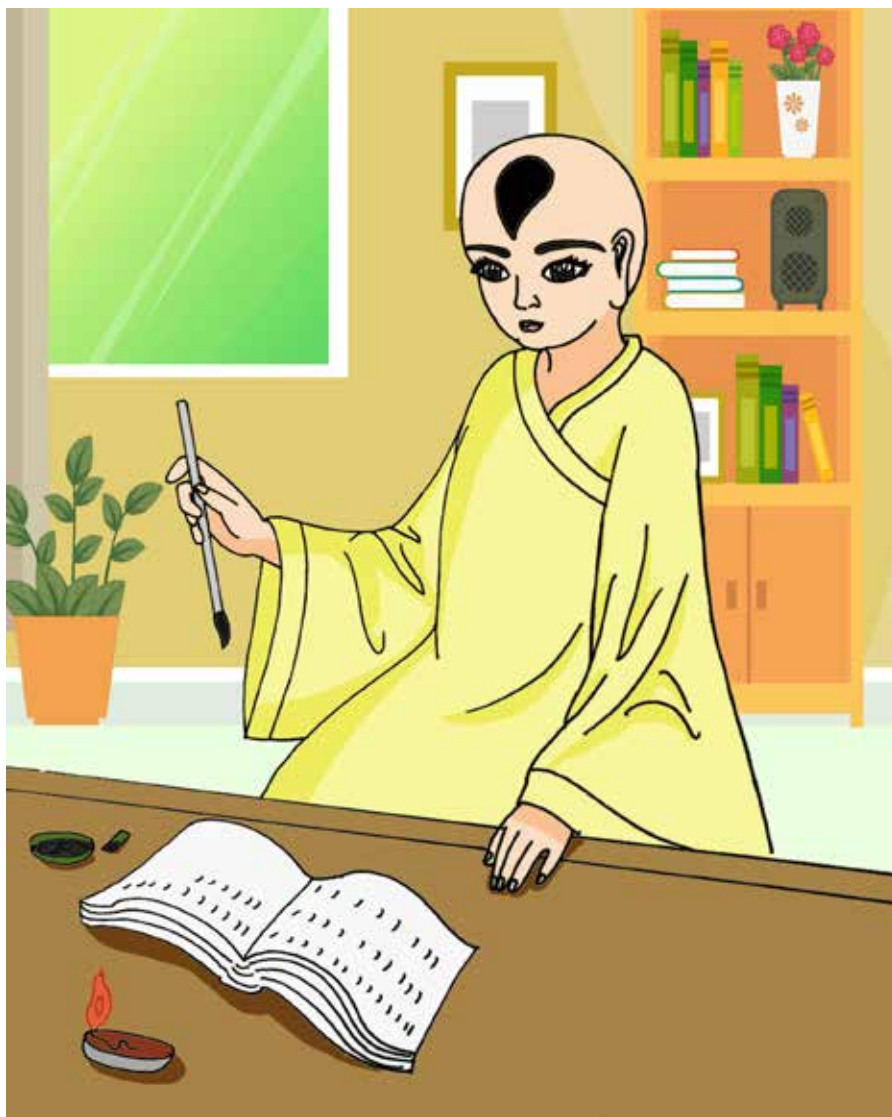
*One should utter the truth.
One should not be angry.
One should give even from a scanty store
to him who asks.
Along these three paths one may go
to the presence of the gods. -- 224*



225

*Hiền sĩ không sát hại,
 Điều phục thân mạng hoại,
 Đạt cảnh giới bất tử,
 Giải thoát hết bị ai.*

*Those sages who are harmless,
 and are ever restrained in body,
 go to the deathless state (Nibbaana),
 whither gone they never grieve. -- 225*



226

*Hết ngày đêm tu tập,
Chuyên tâm hướng Niết bàn,
Thời thời thường tỉnh giác,
Lậu hoặc ắt tiêu tan.*

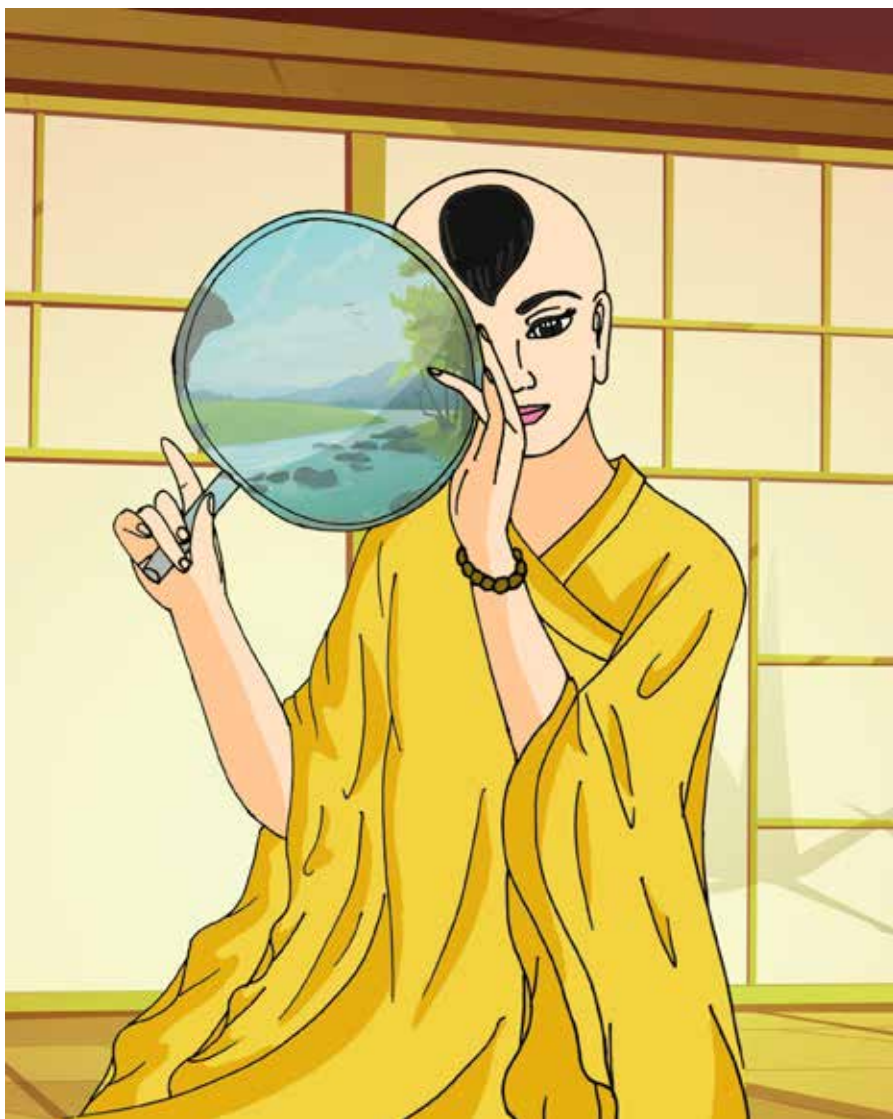
*The defilements of those who are ever
vigilant,
who discipline themselves day and night,
who are wholly intent on Nibbaana,
are destroyed. -- 226*



227

*Váy đó A-tu-la,
 Vừa nay đều thế cả,
 Ngồi im bị đả phá,
 Nói nhiều bị người chê,
 Nói ít bị người phê,
 Không ai không bị trách,
 Trên trần thế bộn bề!*

*This, O Atula, is an old saying;
 it is not one of today only:
 they blame those who sit silent,
 they blame those who speak too much.
 Those speaking little too they blame.
 There is no one who is not blamed in
 this world. -- 227*



228

*Vừa, vị lai, và nay,
Đâu có sự kiện này,
Kẻ hoàn toàn bị trách,
Người chỉ được khen hay!*

*There never was, there never will be,
nor does there exist now,
a person who is wholly blamed or wholly
praised. -- 228*



229

*Hi ngày ngày phản tỉnh,
Sống trong sạch đường đường,
Dạy đời giới định tuệ,
Bậc trí thường tán dương.*

*Examining day by day, the wise praise him
who is of flawless life, intelligent,
endowed with knowledge and virtue. -- 229*



230

*Người hạnh tợ vàng y,
Ai dám chê trách gì,
Chư thiên còn ca ngợi,
Phạm thiên cũng kính qui.*

*Who deigns to blame him
who is like a piece of refined gold?
Even the gods praise him;
by Brahma too he is praised. -- 230*



231

*Giữ thân đừng nóng giận,
 Điều phục thân an hòa,
 Từ bỏ thân làm ác,
 Thân chánh trực hiền hòa.*

*One should guard against misdeeds
 (caused by) the body,
 and one should be restrained in body.
 Giving up evil conduct in body,
 one should be of good bodily conduct.*

– 231



232

*Giữ lời đừng nóng giận,
Điều phục lời nhu hòa,
Từ bỏ lời thô ác,
Lời từ tốn ôn hòa.*

*One should guard against misdeeds
(caused by) speech,
and one should be restrained in speech.
Giving up evil conduct in speech,
one should be of good conduct in speech.*

– 232



233

*Giữ ý đừng nóng giận,
 Điều phục ý khiêm hòa,
 Từ bỏ ý độc ác,
 Ý quảng đại bao la!*

*One should guard against misdeeds
 (caused by) the mind,
 and one should be restrained in mind.
 Giving up evil conduct in mind,
 one should be of good conduct in mind.
 – 233*



234

*Điều phục được thân nghiệp,
Chế ngự được ngôn từ,
Chức liễm được tâm tư,
Bậc trí khéo tự chế.*

*The wise are restrained in deed;
in speech, too, they are restrained.
The wise, restrained in mind,
are indeed those who are perfectly
restrained. -- 234*



PHẨM XVIII
PHẨM CẤU UẾ
(IMPURITIES OR TAINTS)



235

*Người nay như lá héo,
Điểm sứ đang ngóng chờ,
Trước cửa chết trở về,
Tư lương người chẳng có.*

*Like a withered leaf are you now.
The messengers of death wait on you.
On the threshold of decay you stand.
Provision too there is none for you. – 235*



236

*Hãy tự xây hòn đảo.
Sáng suốt gấp tính chuyên,
Trừ tham dục, cầu uế,
Lên thánh địa chư thiên.*

*Make an island unto yourself.
Strive quickly; become wise.
Purged of stain and passionless,
you shall enter the heavenly stage of the
Ariyas. -- 236*



237

*Đời người nay ủa tàn,
Sắp bị diêm sứ mang,
Đường trường không chỗ nghỉ,
Chẳng còn chút hành trang.*

*Your life has come to an end now.
To the presence of death you are setting out.
No halting place is there for you by the way.
Provision too there is none for you. -- 237*

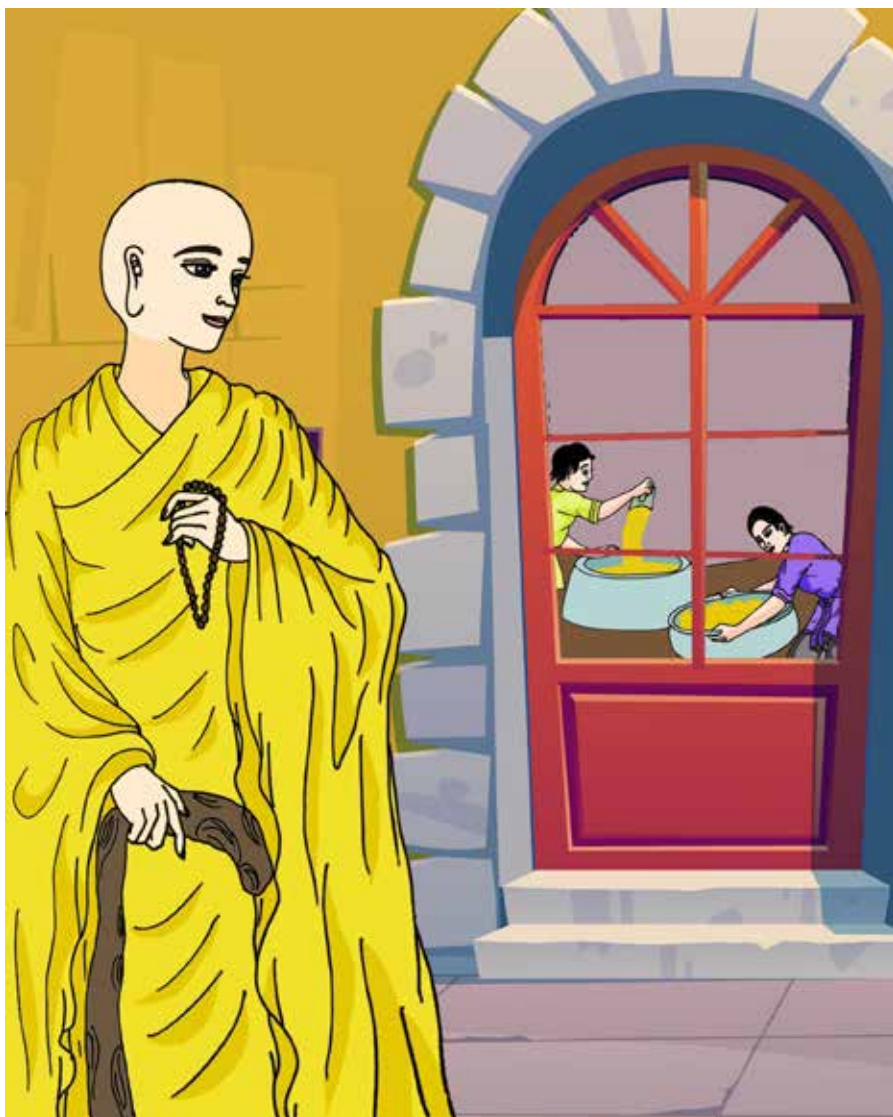


238

*Hãy tự xây hòn đảo,
Sáng suốt gấp tính chuyên,
Trừ tham dục cấu uế,
Dứt sanh lão ưi phiền.*

*Make an island unto yourself.
Strive without delay; become wise.
Purged of stain and passionless,
you will not come again to birth and old age.*

– 238



239

*Bạc trí tẩy cầu uế,
 Gột rửa từng sát na,
 Như thợ bạc tinh luyện,
 Từ từ lọc quặng ra.*

*By degrees, little by little, from time to time,
 a wise person should remove his own impurities,
 as a smith removes (the dross) of silver. -- 239*



240

*Sét phát sanh từ sắt,
Lại ăn sắt dần dà,
Phạm nhân chịu đau khổ,
Do ác nghiệp mà ra.*

*As rust sprung from iron
eats itself away when arisen,
even so his own deeds
lead the to states of woe. – 240*



241

*Không tụng, sét sách kinh,
Không siêng, dơ cửa nhà,
Lười biếng, bản thân ta.
Bề tha, nhếp người gác.*

*Non-recitation is the rust of incantations;
non-exertion is the rust of homes;
sloth is the taint of beauty;
carelessness is the flaw of a watcher. -- 241*



242

*Tà hạnh, như đàn bà,
Kéo kiệt, bản kẻ thí,
Lạc phép, vết han rỉ,
Cả đời nay đời sau.*

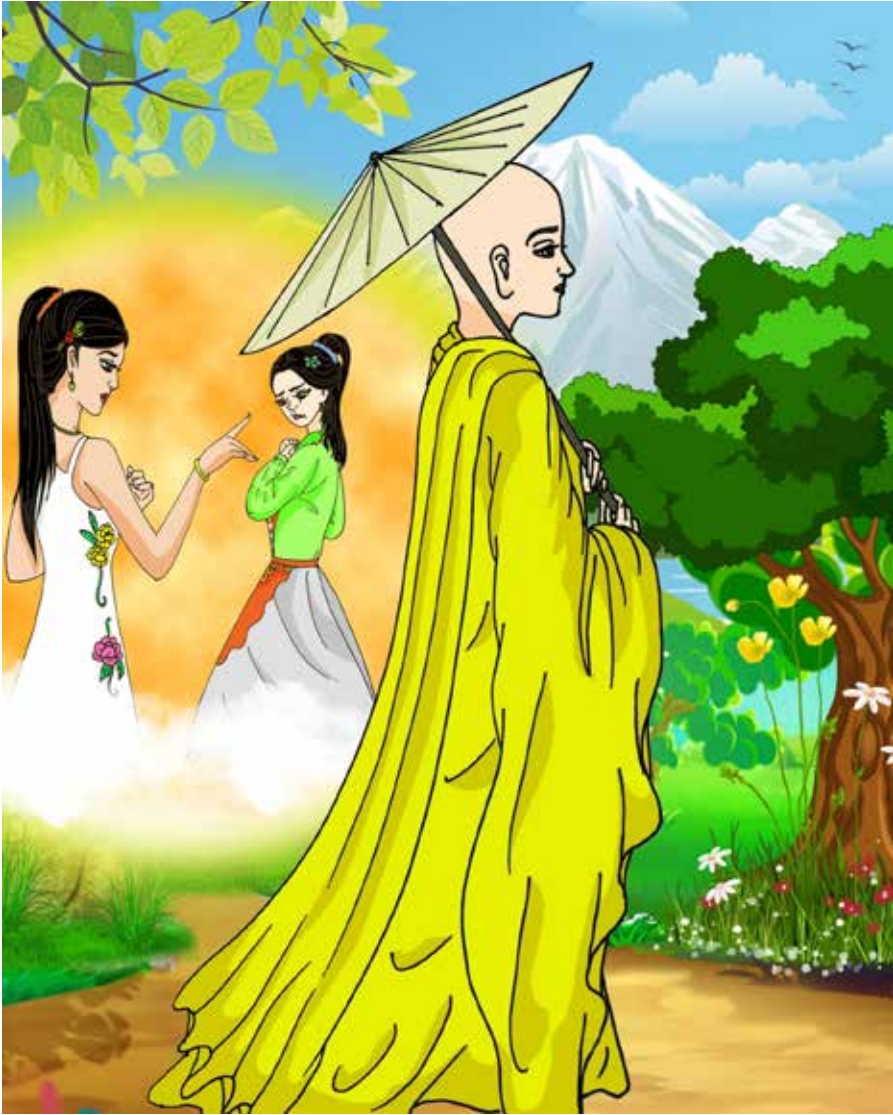
*Misconduct is the taint of a woman.
Stinginess is the taint of a donor.
Taints, indeed, are all evil things
both in this world and in the next. -- 242*



243

*Trong các loại bẩn ấy,
Vô minh nhứt tột cùng,
Trừ cầu ược, thanh tịnh,
Tỷ kheo ắt viên dung.*

*A worse taint than these
is ignorance, the greatest taint.
Abandoning this taint,
be taintless, O Bhikkhus! -- 243*



244

*Dễ thay sống trơ trác,
Lẽ mắng như quạ điều,
Miệng bêu rêu, ngạo mạn.
Lòng ô nhiễm, tự kiêu.*

*Easy is the life of a shameless one
who is as impudent as a crow,
back-biting, presumptuous,
arrogant, and corrupt. – 244*



245

*Khó thay sống khiêm tốn.
Thanh tịnh tâm vô tư,
Giản dị đời trong sạch,
Sáng suốt trọn kiếp người.*

*Hard is the life of a modest one
who ever seeks purity, is detached,
humble, clean in life, and reflective.
– 245*



246

*Ở đời ai sát sanh,
Láo khoét không chân thật,
Lừa đảo trộm tài vật,
Gián dũ vợ người ta,*

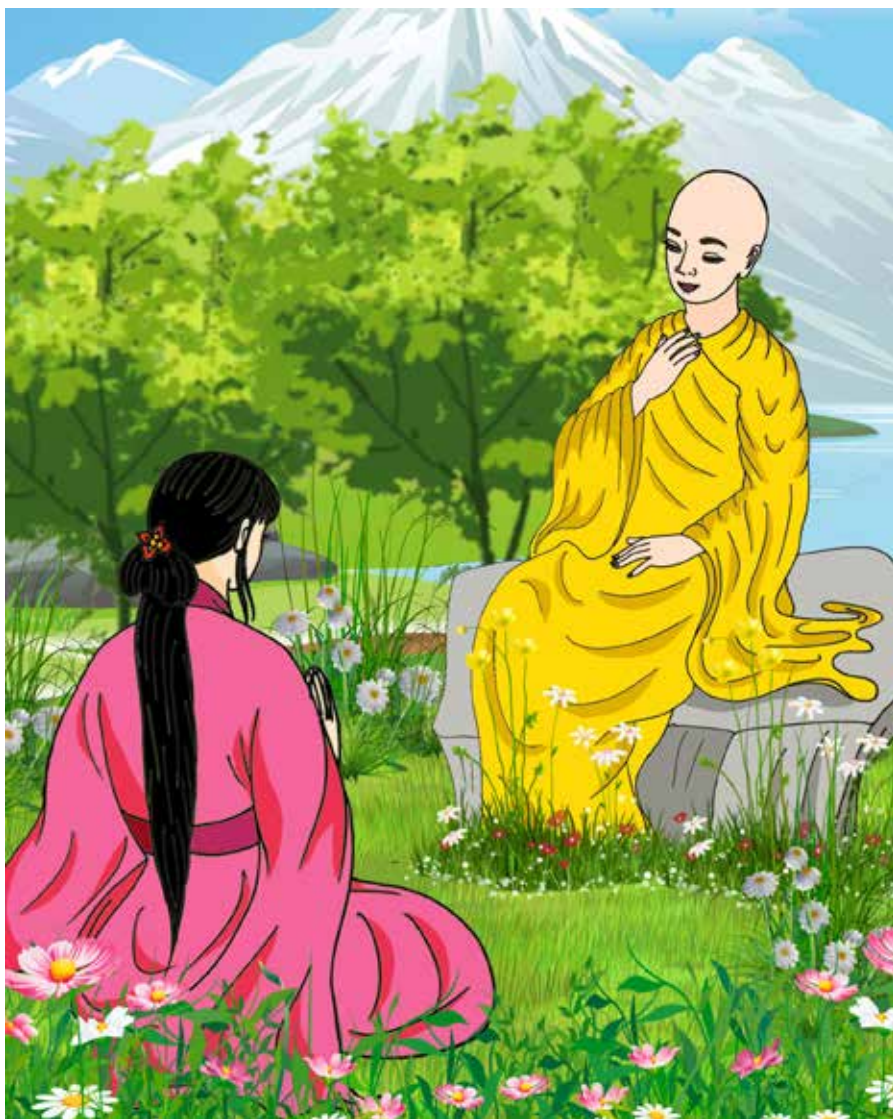
*Whoso in this world destroys life,
tells lies,
takes what is not given,
goes to others' wives, – 246*



247

*Say sưa đến sa đà,
 Nghiện ngập suốt ngày tháng,
 Hạng người ấy không quản,
 Bứng gốc mình dời nay.*

*And is addicted to intoxicating drinks,
 such a one digs up
 his own root in this world. -- 247*



248

*Bậc thiện nên nên biết,
Không tự chế là ác,
Dừng để tham, phi pháp,
Dìm người khổ triền miên.*

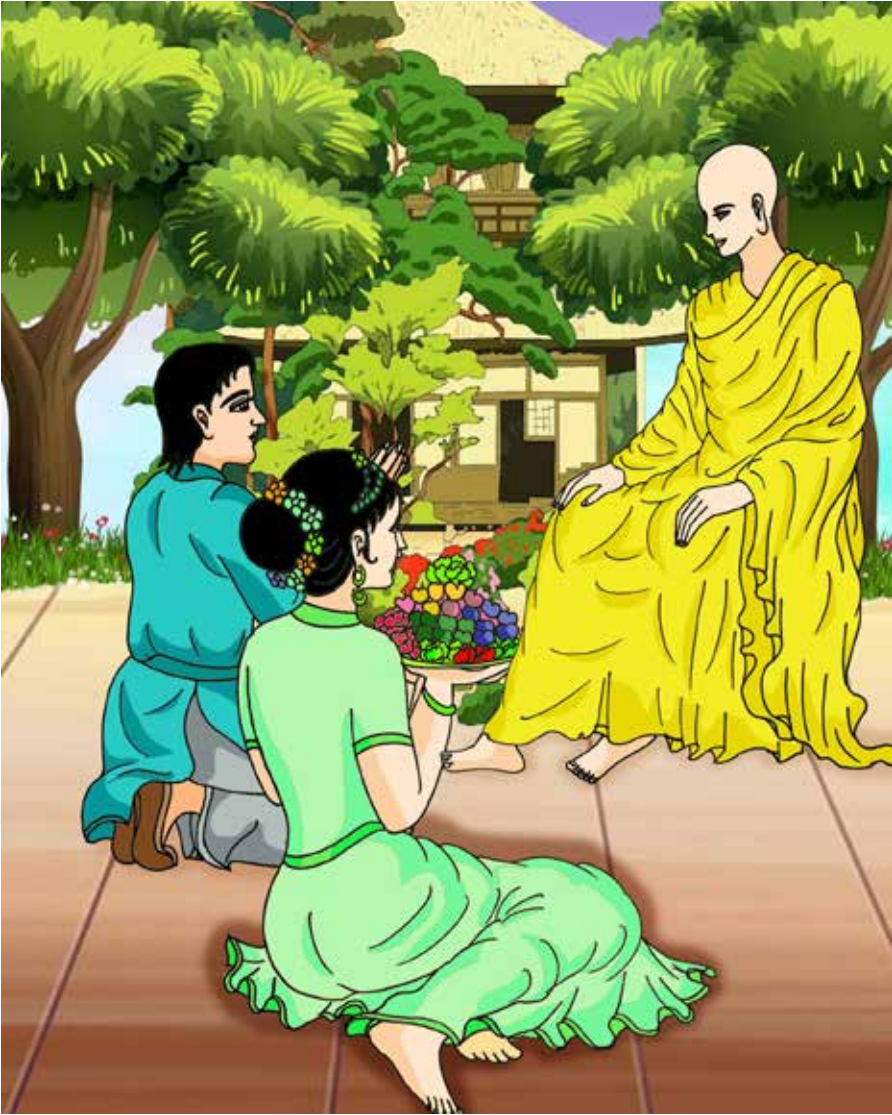
*Know thus O good man:
"Not easy of restraint are evil things".
Let not greed and wickedness
drag you to protracted misery. – 248*



249

Do tín tâm hoan hỷ,
 Nên người ta bố thí,
 Li đem lòng ganh tị,
 Miếng ăn uống của người,
 Kẻ ấy trong tâm tư,
 Ngay đêm chẳng an tịnh.

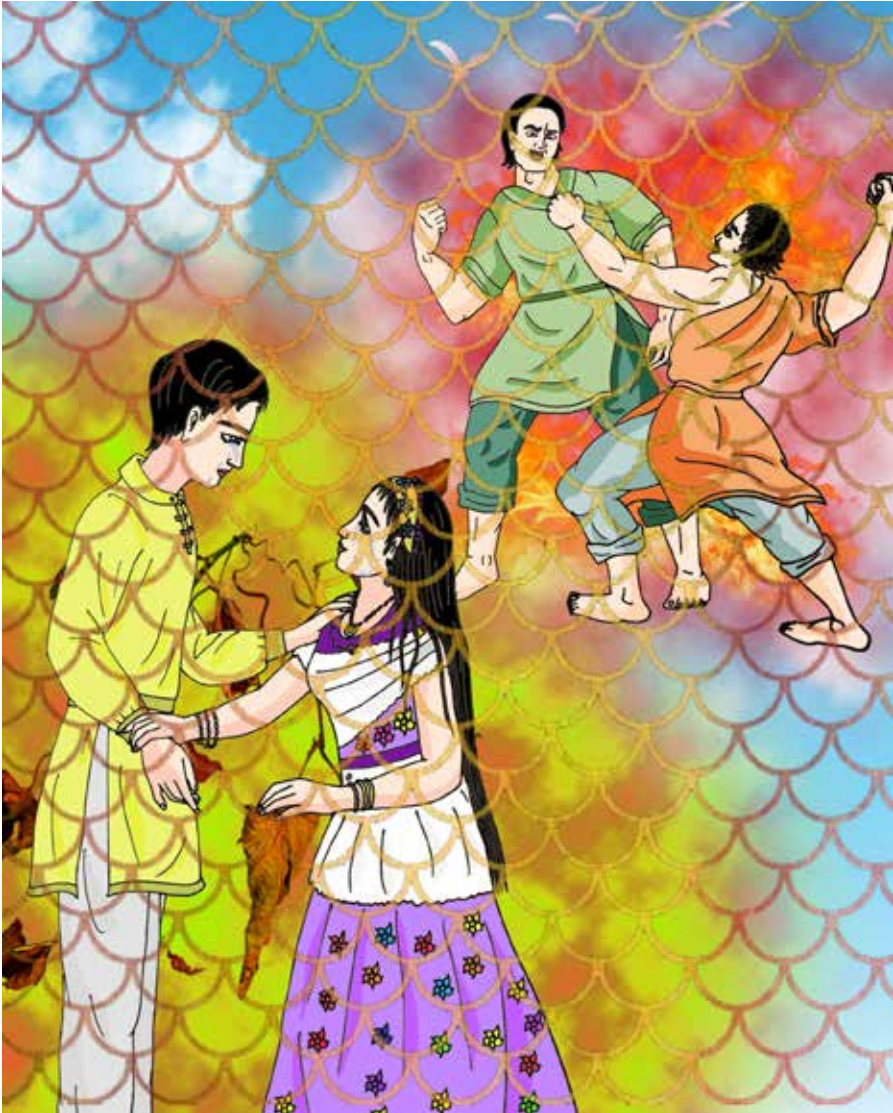
People give according to their faith
 and as they are pleased.
 Whoever therein is envious
 of others' food and drink,
 gains no peace either
 by day or by night. -- 249



250

*Hi nhỏ, chặt gốc rễ,
Tận diệt thói ghét ghen,
Người ấy cả ngày đêm,
Cảm thường được an tịnh.*

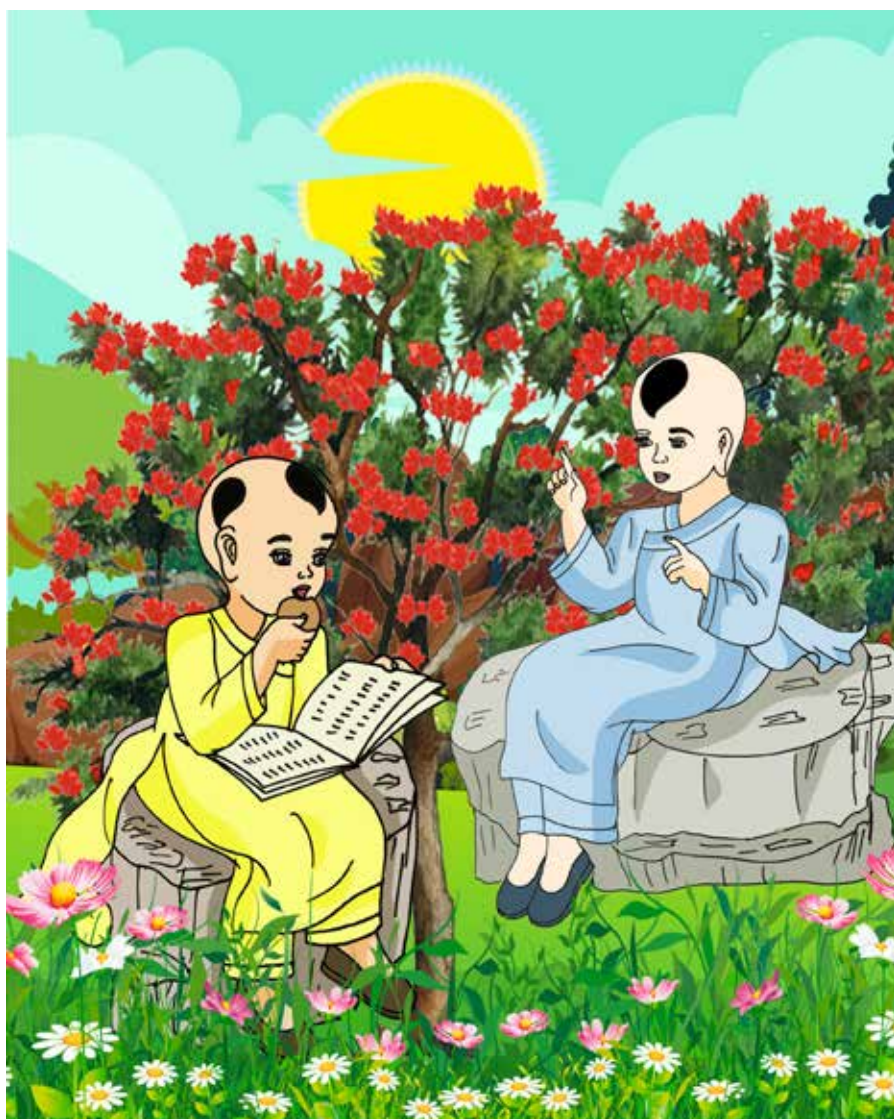
*But he who has
this (feeling) fully cut off,
uprooted and destroyed,
gains peace by day and by night. -- 250*



251

*Lửa nào bằng tham dục.
 Cháp nào bằng hận sân.
 Lưới nào bằng si ám.
 Sông nào bằng ái ân.*

*There is no fire like lust,
 no grip like hate,
 no net like delusion,
 no river like craving. – 251*



252

*Lỗi người thật dễ thấy.
Lỗi mình khó thấy thay!
Lỗi người thì cố bới,
Như sàng sảy trấu mảy.
Lỗi mình thì cố dấu,
Như bầy chim, nấp ngay.*

*Easily seen are others' faults,
hard indeed to see are one's own.
Like chaff one winnows others' faults,
but one's own (faults) one hides,
as a crafty fowler conceals himself by
camouflage. -- 252*



253

*Nhìn thấy lỗi của người,
Mình sinh tâm tức giận,
Thế là phiền não tăng,
Lậu hoặc khó diệt tận.*

*He who sees others' faults,
and is ever irritable,
-the corruptions of such a one grow.
He is far from the destruction of corruptions.*
- 253

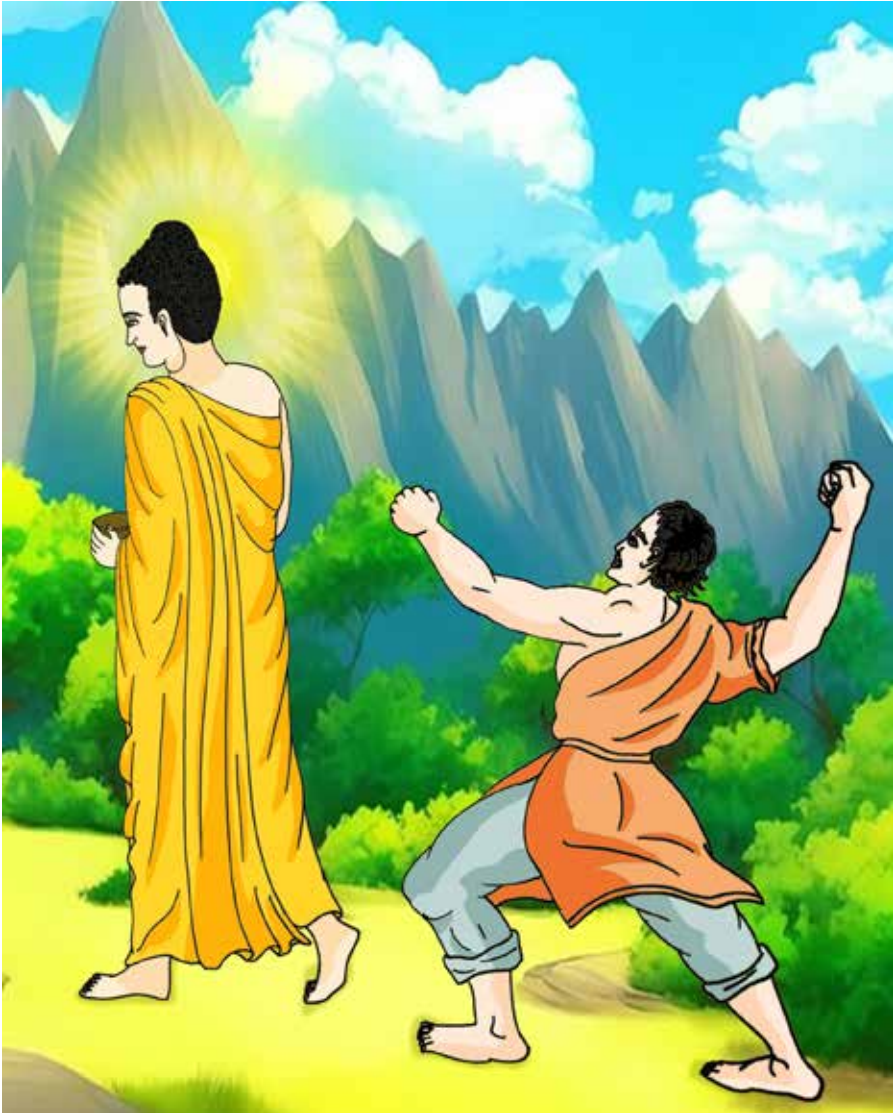


254

*Hủ không không dấu vết,
Ngoại đạo không sa môn,
Nhân loại thích chướng ngại.
Như Lai thoát chướng phiền.*

*In the sky there is no track.
Outside there is no Saint.
Mankind delights in obstacles.
The Tathaagatas are free from obstacles.*

— 254



255

*Hủ không không dấu vết,
Ngoại đạo không sa môn,
Năm uẩn không vĩnh cửu,
Chư Phật không động sòn*

*In the sky there is no track.
Outside there is no Saint.
There are no conditioned that are eternal.
There is no instability in the Buddhas.*

— 255



PHẨM XIX
PHẨM PHÁP TRỤ
(THE JUST OR RIGHTEOUS)



256

*Người ấy thiếu công bình,
 Vì phán xử vội vã.
 Bậc trí nên xét cả,
 Hai trường hợp chánh tà.*

*He is not thereby just
 because he hastily arbitrates cases.
 The wise man should investigate
 both right and wrong. -- 256*



257

*Bậc trí hướng dẫn người,
Vô tư và đúng pháp.
Người bảo vệ luật pháp,
Hân tôn trọng pháp luật.*

*The intelligent person who leads others
not falsely but lawfully and impartially,
who is a guardian of the law,
is called one who abides by the law
(dhamma.t.tha). -- 257*



258

*Không phải vì nói nhiều,
Là xứng danh bậc trí.
Người an tâm, vô úy,
Chấn thiện là hiền tài.*

*One is not thereby a learned man
merely because one speaks much.
He who is secure, without hate,
and fearless is called "learned". – 258*



259

*Không phải vì nói nhiều,
Là thợ trò chánh pháp.
Người nghe ít diệu pháp,
Nhưng trực nhận viên dung,
Chánh pháp không buông lung,
Là thợ trò chánh pháp.*

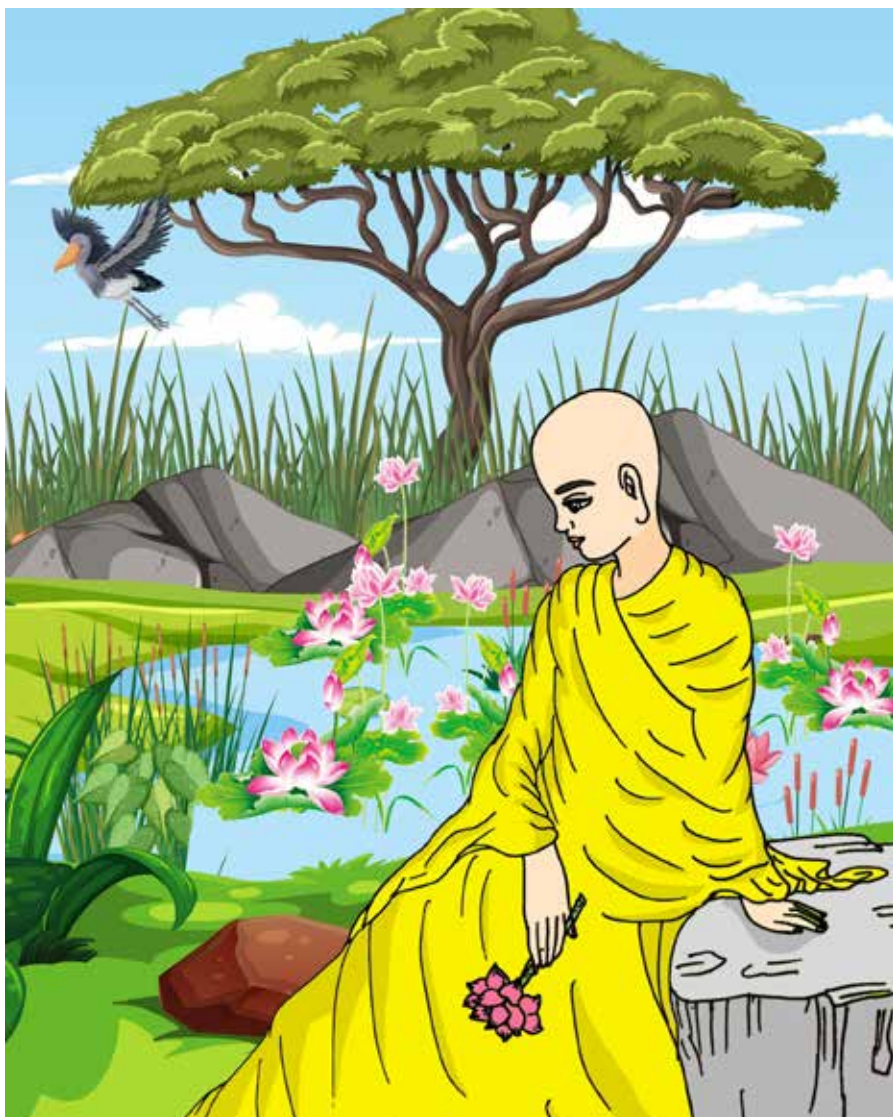
*One is not versed in the Dhamma
merely because one speaks too much.
He who hears little
and sees the Dhamma mentally,
and who does not neglect the Dhamma,
is, indeed, versed in the Dhamma. -- 259*



260

*Không phải vì bạc đầu,
Là xứng danh Trường lão.
Vị ấy dù tuổi cao,
Nhưng là sự già hão!*

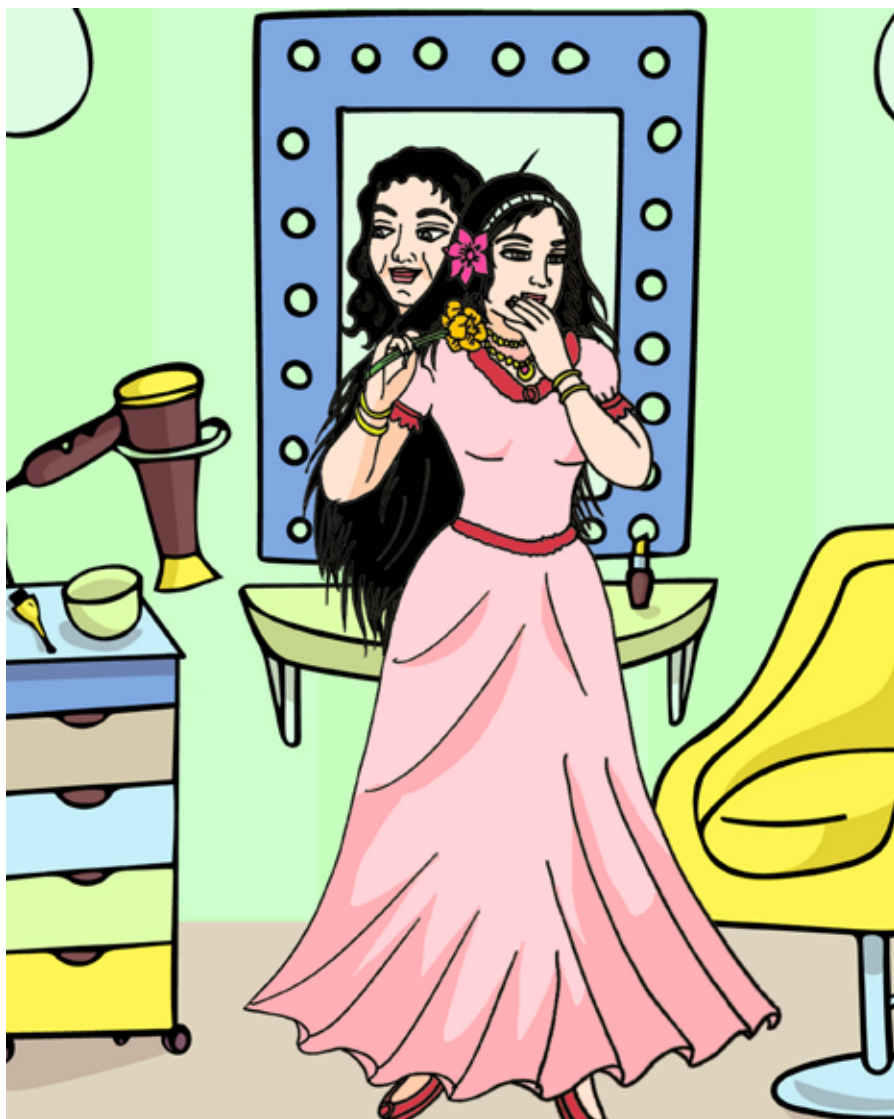
*He is not thereby an Elder (thera)
merely because his head is grey.
Ripe is he in age.
“Old-in-vain” is he called. -- 260*



261

*Sống chân thật, chánh hạnh,
Vô hại, điều phục mình,
Bậc trí trừ cầu uế,
Là Tuồng lão cao minh.*

*In whom are truth, virtue,
harmlessness, and control,
that wise man who is purged of impurities,
is, indeed, called an Elder. – 261*



262

*Không phải tài hùng biện,
Hay vóc dáng đường đường,
Là ra bậc hiền lương,
Nếu ganh, tham, dối trá!*

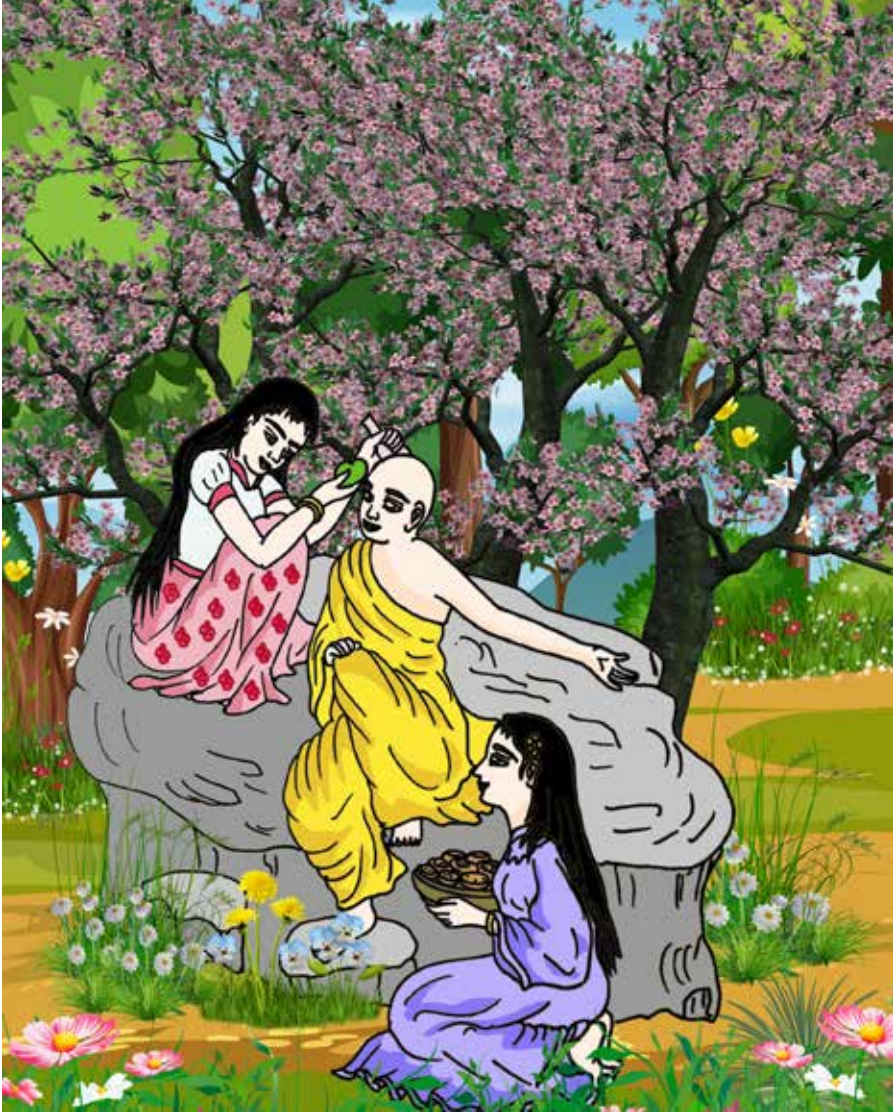
*Not by mere eloquence,
nor by handsome appearance,
does a man become good-natured,
should he be jealous, selfish,
and deceitful. – 262*



263

*Nhỏ chặt sạch gốc rễ,
Đập tắt tâm tham lường,
Bậc trí diệt sân hận,
Là xứng danh hiền lương.*

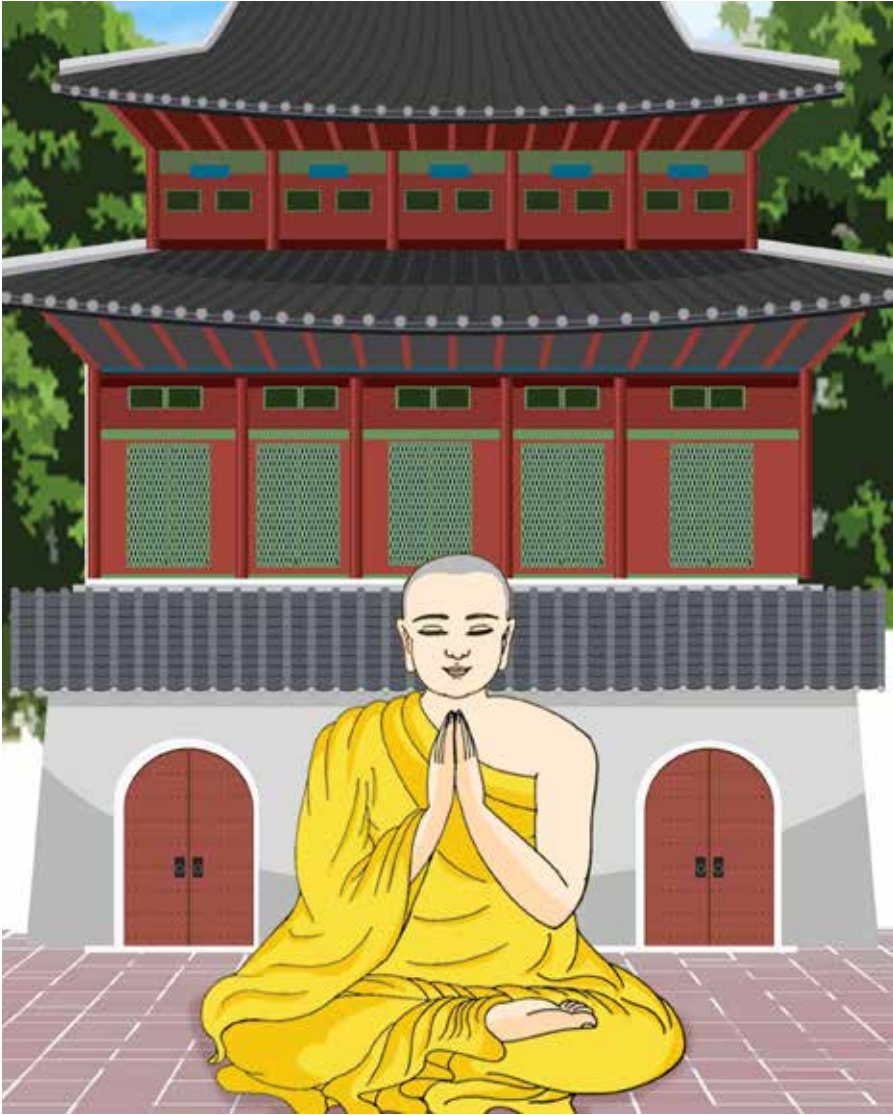
*But in whom these are wholly cut off,
uprooted and extinct,
that wise man who is purged of hatred,
is, indeed, called good-natured. -- 263*



264

*Không phải đầu cạo nhẵn,
Là nên danh sa môn,
Nếu bụng lưng lác khoét,
Đầy tham dục tám hồn!*

*Not by a shaven head
does an undisciplined man,
who utters lies, become a monk.
How will one who is full of desire and greed
be a monk? – 264*



265

*Li hàng phục trợn vện,
Mọi ác nghiệp tế thỏ,
Vị ấy là sa môn,
Nhờ trừ nghiệp thô tế.*

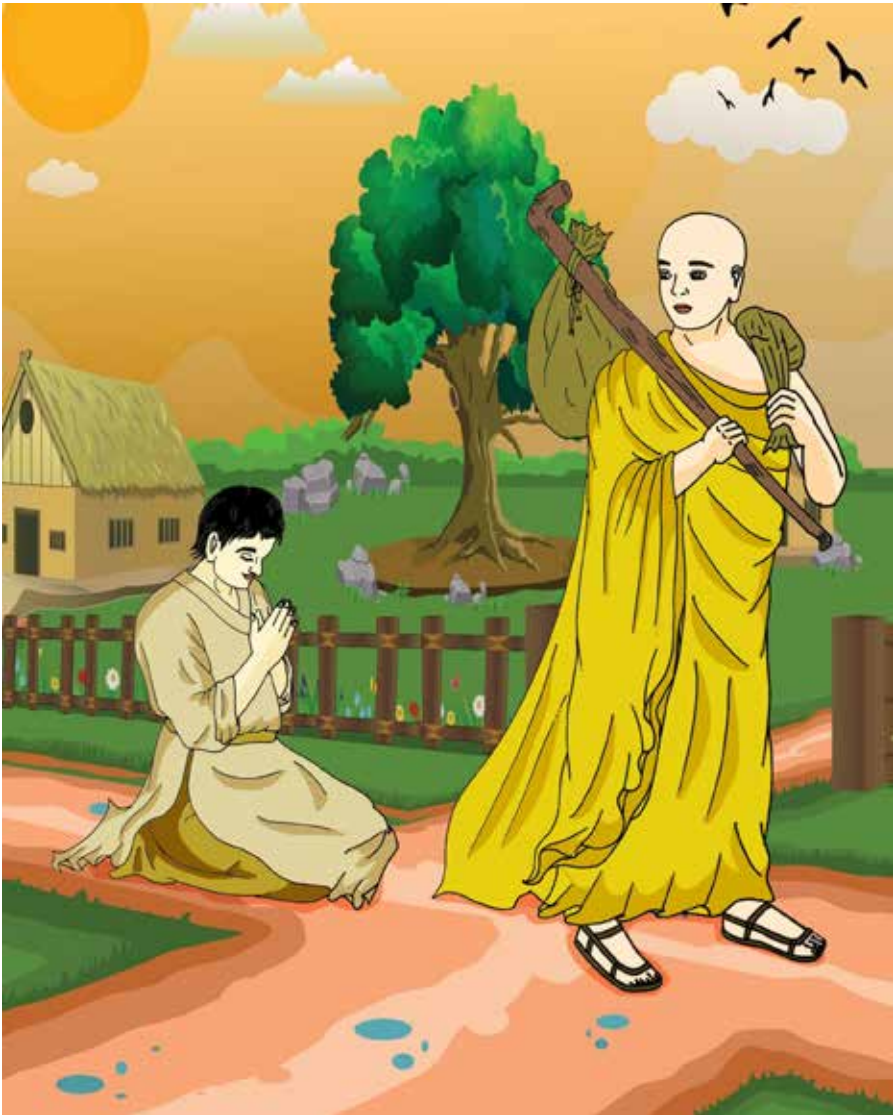
*He who wholly subdues evil deeds
both small and great
is called a monk
because he has overcome all evil. -- 265*



266

*Không phải đi khát thực,
Là đích thực tỳ kheo,
Bậc đích thực tỳ kheo,
Là sống theo giới luật.*

*He is not thereby a bhikkhu
merely because he begs from others;
by following the whole code (of morality)
one certainly becomes a bhikkhu and
not (merely) by such begging. — 266*



267

*Hi siêu việt thiện ác,
Sống đức hạnh tuyệt vời,
Chấn triệt được lẽ đời,
Là tỳ kheo đích thực.*

*Herein he who has transcended
both good and evil,
whose conduct is sublime,
who lives with understanding in this world,
he, indeed, is called a bhikkhu. -- 267*



268

*Im lặng nhưng ngu si,
Đâu phải là hiền trí,
Như cầm cân công lý,
Bác trí chọn điều lành.*

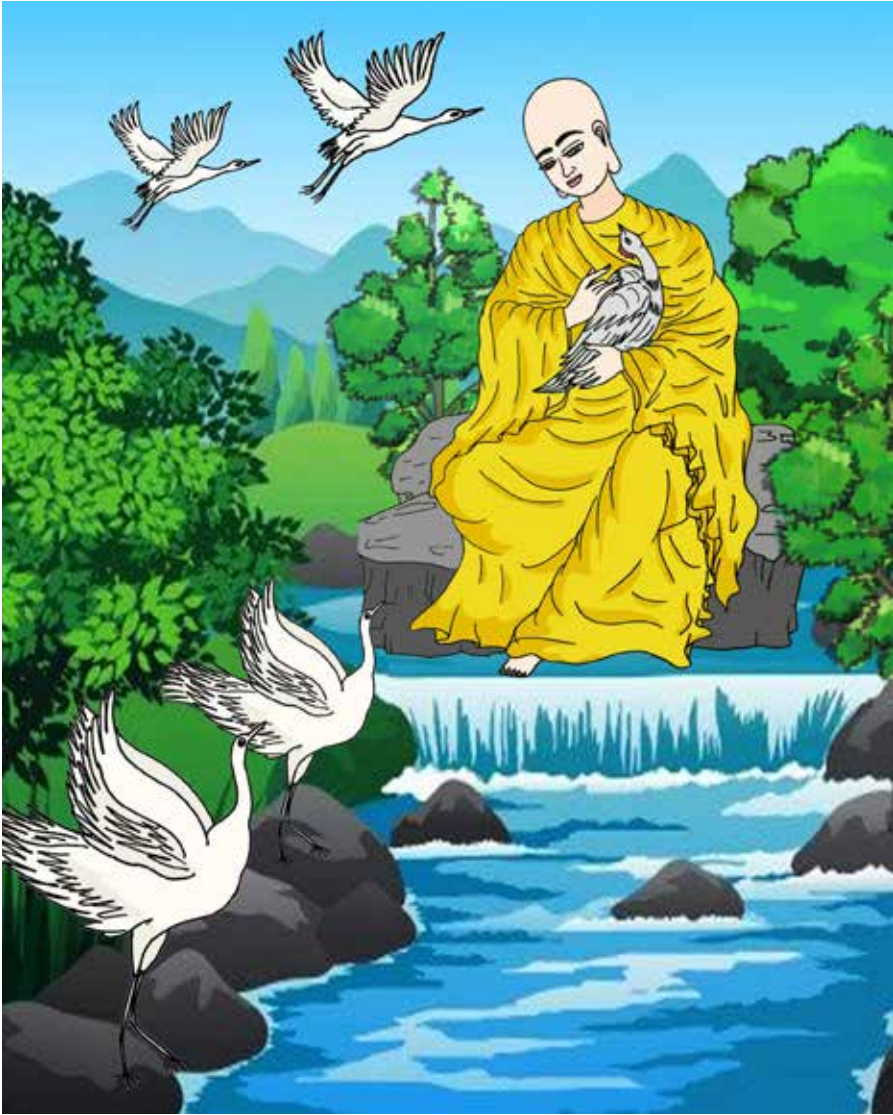
*Not by silence (alone) -
does he who is dull and ignorant become a sage;
but that wise man who,
as if holding a pair of scales,
embraces the best and shuns evil,
is indeed a sage. -- 268*



269

*Từ bỏ mọi ác pháp,
Là xứng danh bậc trí,
Người được gọi hiền sĩ,
Am hiểu cả hai đời.*

*For that reason, he is a sage.
He who understands both worlds
is, therefore, called a sage. -- 269*



270

*Còn sát hại chúng sanh,
Đâu phải là hiền thánh,
Không sát hại chúng sanh,
Là đích thị thánh hiền.*

*He is not therefore an Ariya (Noble)
in that he harms living beings;
through his harmlessness
towards all living beings
is he called an Ariya (Noble). -- 270*



271

*Không phải giữ giới luật,
Khổ hạnh hay học nhiều,
Thiền định, hay ẩn dật,
Mà sanh tâm tự kiêu.*

*Not only by mere morality and austerities
nor again by much learning,
nor even by developing mental concentration,
nor by secluded lodging, -- 271*



272

*“Ca hưởng phúc xuất thế,
Nhàm phu hưởng được nào”,
Tỷ kheo, chớ tự mãn,
Lậu hoặc hãy triệt tiêu.*

*(thinking) “I enjoy the bliss of renunciation
not resorted to by the worldling”
(not with these) should you, O bhikkhu, rest
content
without reaching the extinction of the
corruptions. – 272*



PHẨM XX
PHẨM CHÍNH ĐẠO
(THE WAY OR THE PATH)



273

*Tám chánh, đường thù thắng,
Bốn câu, lý tuyệt luân.
Ly tham, pháp tối thượng.
Pháp nhân, đáng siêu quần.*

*The best of paths is the Eightfold Path.
The best of truths are the four Sayings.
Non-attachment is the best of states.
The best of bipeds is the Seeing One.*

— 273



274

*Hướng trí kiến thanh tịnh,
Duy chỉ có đường này.
Nếu người theo đường này,
Ma vương ắt rối loạn.*

*This is the only Way.
There is none other for the purity of vision.
Do you follow this path.
This is the bewilderment of Maara. – 274*



275

*Đi trên đường Tám Chánh,
Là tránh mọi đau thương.
Ta dạy người con đường,
Nhờ sạch mọi gai góc.*

*Entering upon that path,
you will make an end of pain.
Having learnt the removal of thorns,
have I taught you the path. – 275*

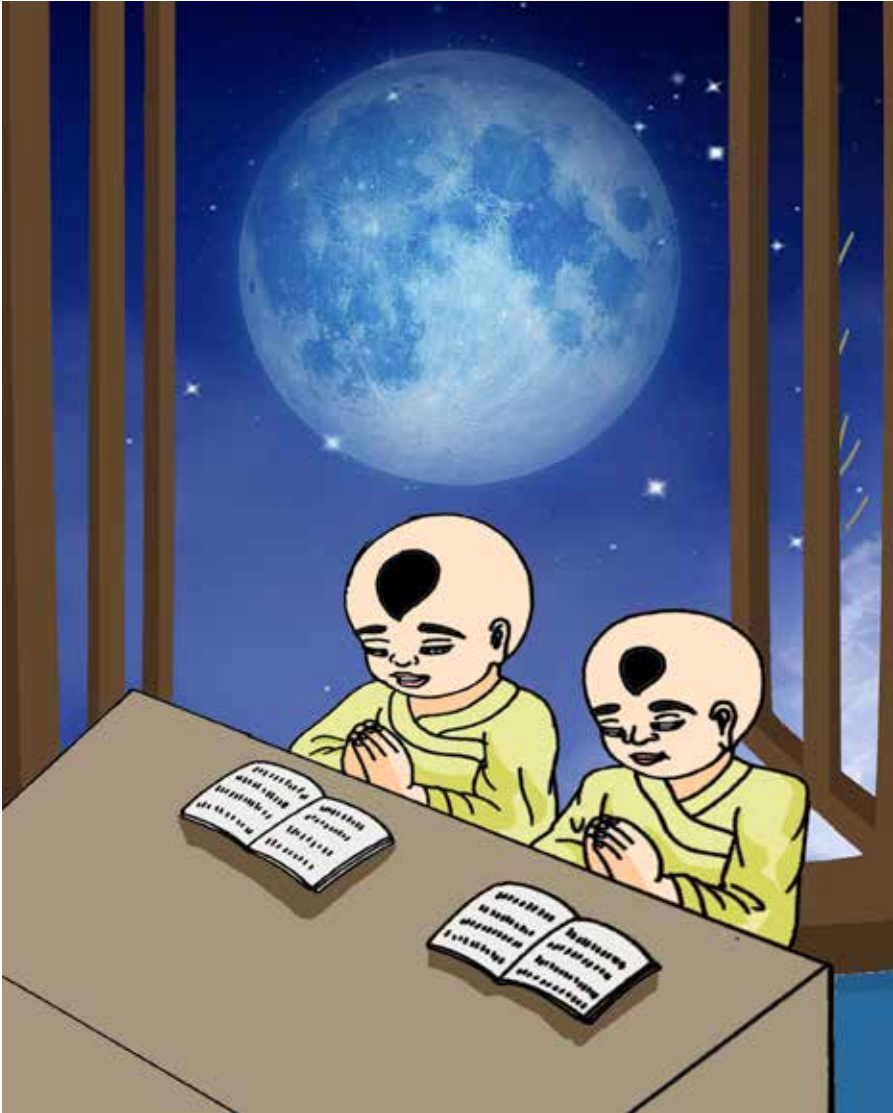


276

*Hãy nỗ lực tinh tấn,
Như Lai bậc dẫn đường.
Đi tu tập thiền định,
Để thoát vòng Ma vương.*

*Striving should be done by yourselves;
the Tathaagatas are only teachers.
The meditative ones, who enter the way,
are delivered from the bonds of Maara.*

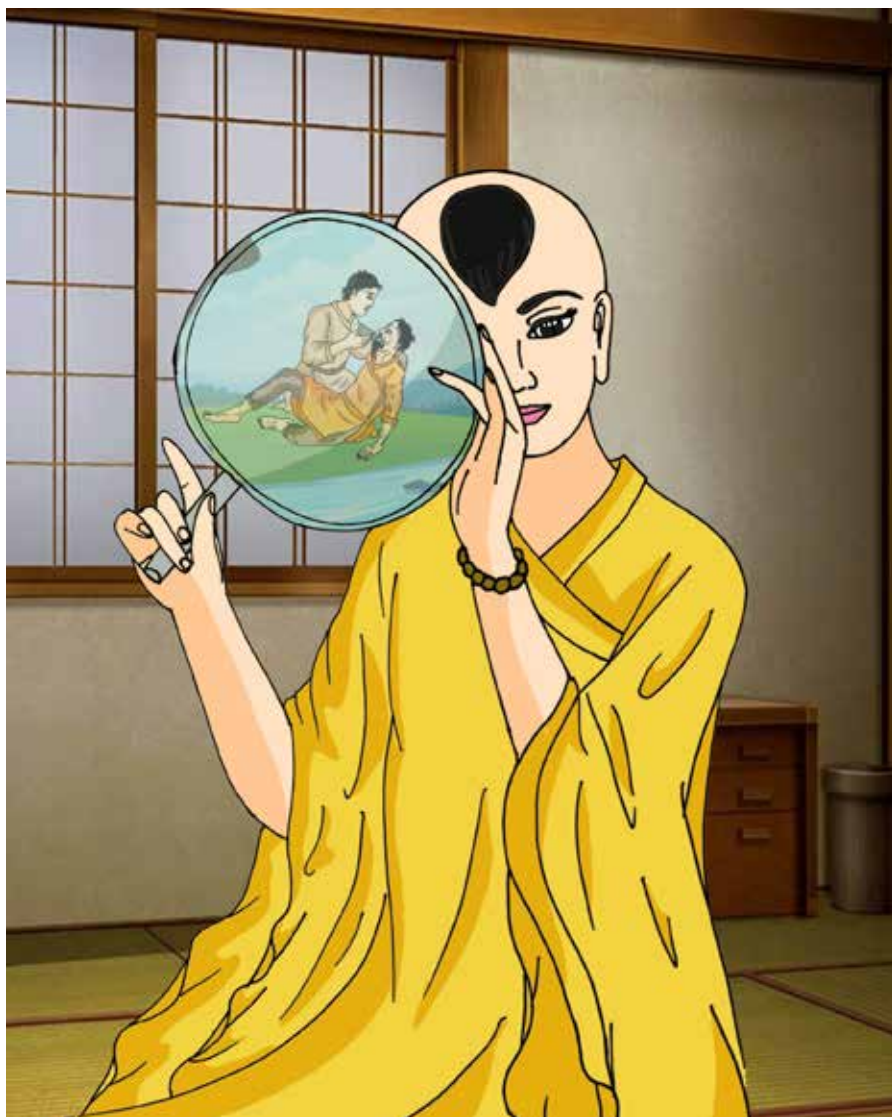
-- 276



277

*Nhờ trí tuệ quán chiếu,
Thấy các hành vô thường;
Thế là chán đau thương,
Đầy chính đường thanh tịnh.*

*Transient are all conditioned things:
when this, with wisdom, one discerns,
then is one disgusted with ill;
this is the path to purity. -- 277*



278

*Nhờ trí tuệ quán chiếu,
Thấy các hành khổ đau;
Thế là chán khổ đau,
Đầy chính đường thanh tịnh.*

*“Sorrowful are all conditioned things”:
when this, with wisdom, one discerns,
then is one disgusted with ill;
this is the path to purity. -- 278*



279

*Nhờ trí tuệ quán chiếu,
Thấy pháp vô ngã rồi;
Thế là chán khổ thôi,
Đầy chính đường thanh tịnh.*

*“All Dhammas are without a soul”:
when this, with wisdom, one discerns,
then is one disgusted with ill;
this is the path to purity. – 279*



280

*Khi cần không nỗ lực,
Trẻ khỏe nhưng lười,
Chí cùn, trí thụ động,
Ngộ đạo sao được người!*

*The inactive idler who strives not
when he should strive,
who, though young and strong, is slothful,
with (good) thoughts depressed,
does not by wisdom realize the Path. — 280*



281

*Chân không được làm ác,
Khéo giữ ý giữ lời,
Thường thanh tịnh ba nghiệp,
Đạt đạo thánh nhân thôi.*

*Watchful of speech, well restrained in mind,
let him do nought unskilful through his body.
Let him purify these three ways of action
and win the path realized by the sages.*

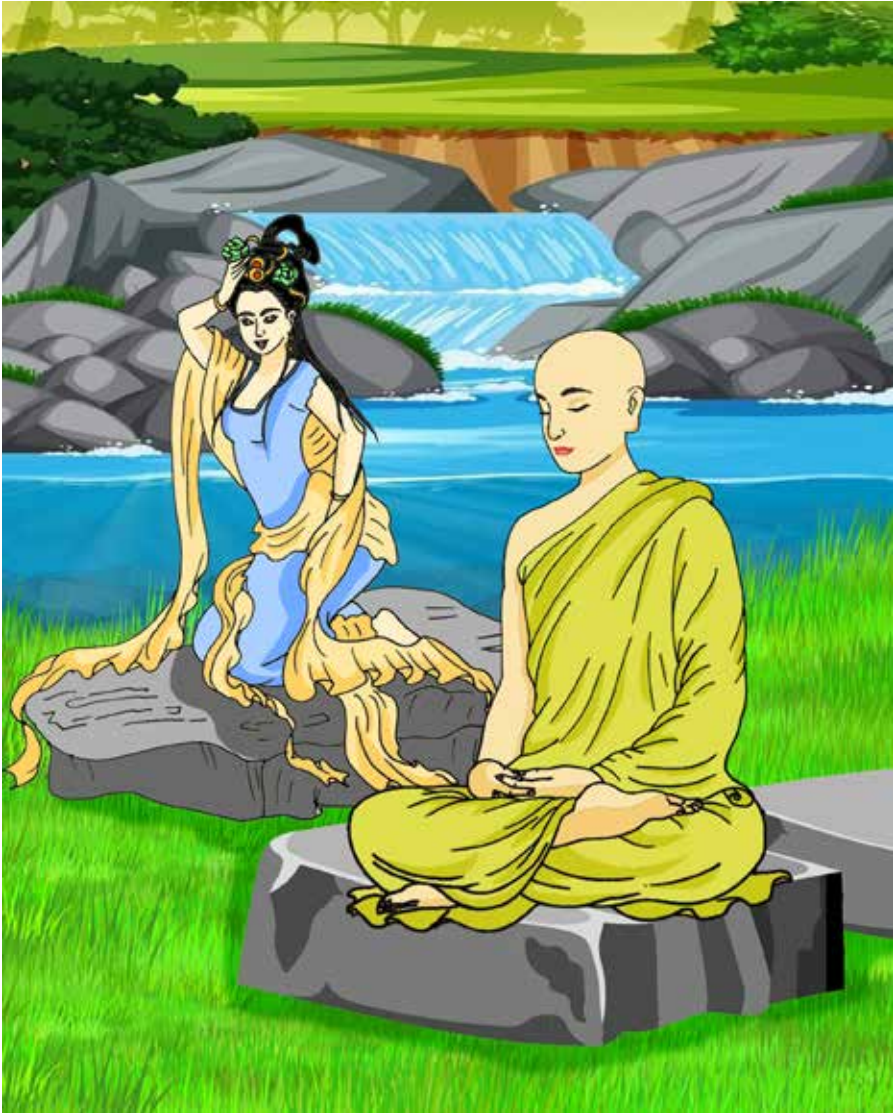
-- 281



282

*Tu thiền trí tuệ sanh.
Bỏ thiền trí tuệ diệt.
Được mất khéo phân biệt,
Biết rõ đường chánh tà,
Trí nỗ lực theo đà,
Trí tuệ dần tăng trưởng.*

*Verily, from meditation arises wisdom.
Without meditation wisdom wanes.
Knowing this twofold path of gain and loss,
let one so conduct oneself
that wisdom may increase. -- 282*



283

*Đốn rừng chớ đốn cây,
 Vì rừng gây sợ hãi.
 Nên đốn rừng tham ái,
 Tỳ kheo, hãy ly tham.*

*Cut down the forest (of the passions), but not
 real trees.*

*From the forest (of the passions) springs fear.
 Cutting down both forest and brushwood
 (of the passions),
 be forestless, O bhikkhus. – 283*

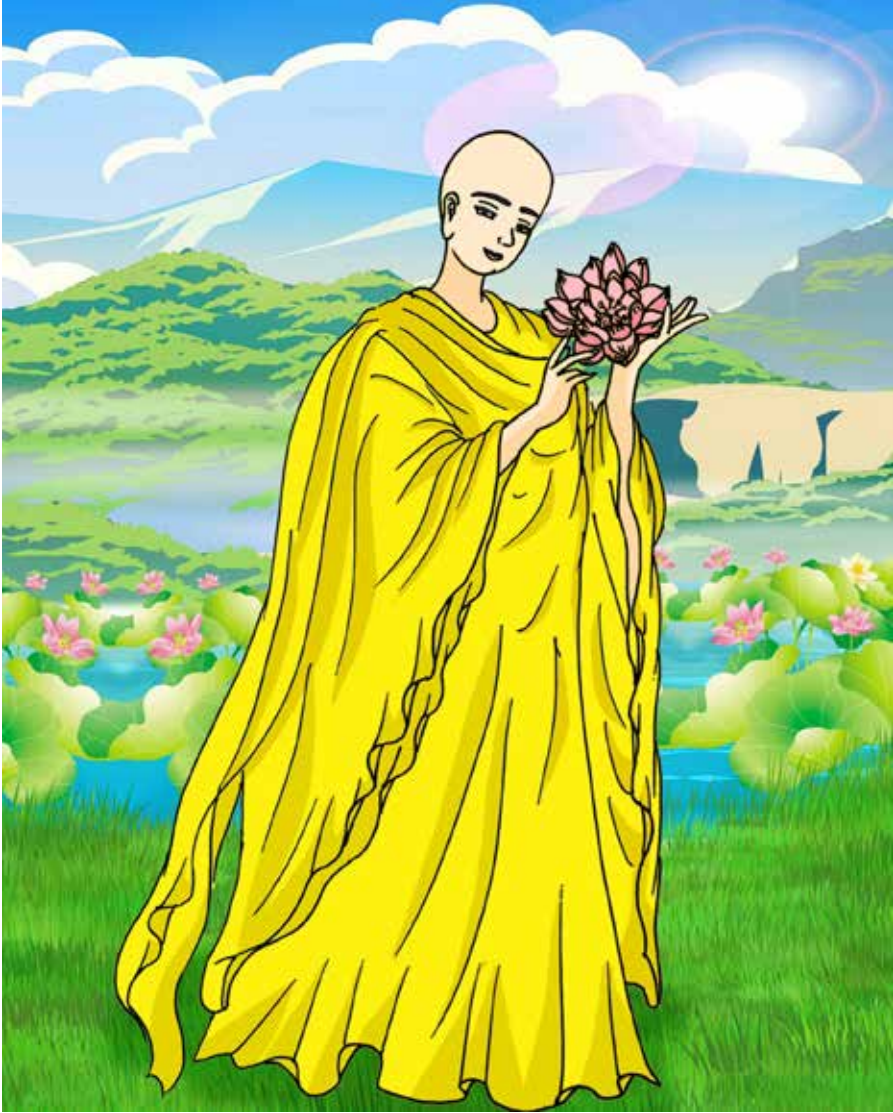


284

*Bao lâu chưa đoạn tuyệt,
Hi dục giữa gái trai,
Cảm tư đeo đuổi hoài,
Như bé con theo mẹ.*

*For as long as the slightest brushwood
(of the passions)
of man towards women is not cut down,
so long is his mind in bondage,
like the milch calf to its mother-cow.*

– 284



285

*Hãy cắt tiết ái dục,
Như tay ngắt sen thu.
Đạo tịch tịnh gắng tu,
Bậc Thiện Thế dạy vậy.*

*Cut off your affection,
as though it were an autumn lily, with the hand.
Cultivate the very path of peace.
Nibbaana has been expounded
by the Auspicious One. -- 285*

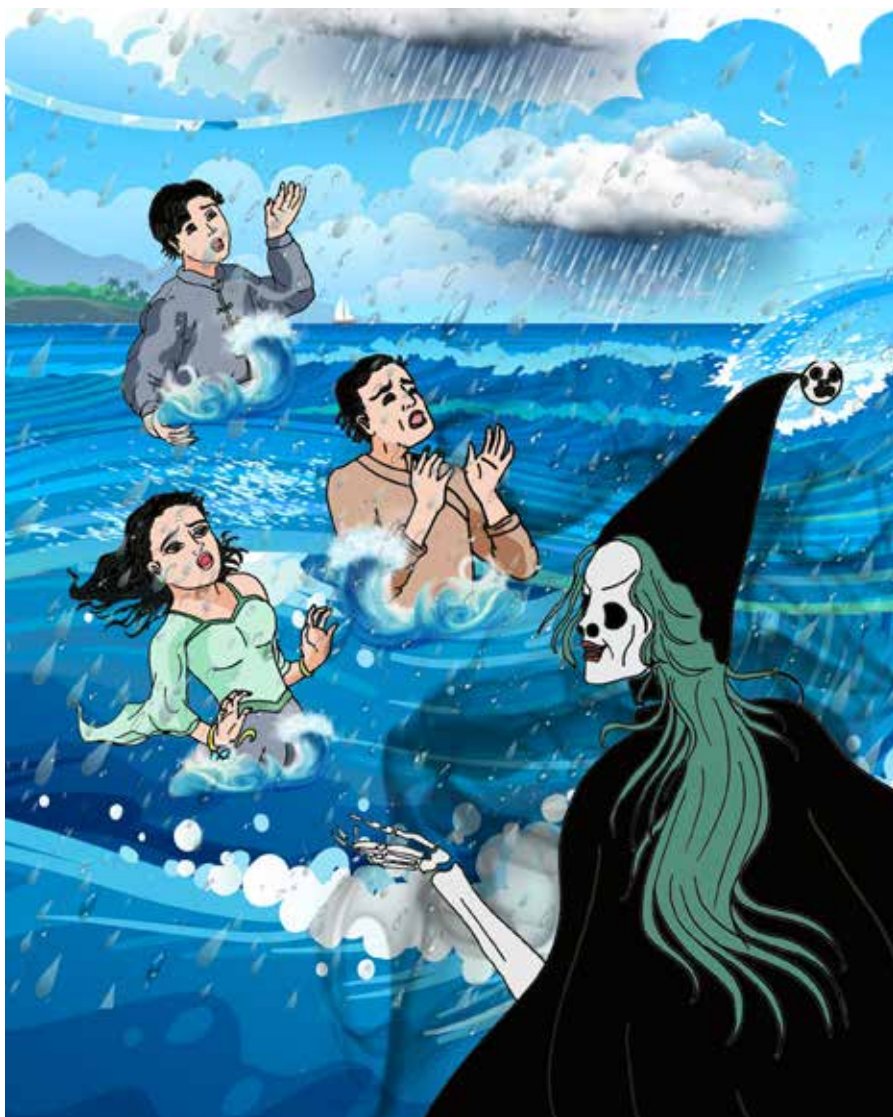


286

*Mùa mưa ta ở đây,
Hè thu ta ở đây.
Kẻ ngu si nghĩ vậy,
Nào đâu thấy hiểm nguy.*

*Here will I live in the rainy season,
here in the autumn and in the summer:
thus muses the fool.
He realizes not the danger (of death).*

— 286



287

*Người ham nhiều con cái,
Thích súc vật dư thừa,
Cử thần sẽ kéo bừa,
Như lụt cuốn làng ngủ.*

*The doting man with mind set on children
and herds,
death seizes and carries away,
as a great flood (sweeps away)
a slumbering village. – 287*



288

*Con cái nào chờ che,
Mẹ cha nào ở bé,
Thần thích nào bảo vệ,
Khi bị thần chết lột.*

*There are no sons for one's protection,
neither father nor even kinsmen;
for one who is overcome by death
no protection is to be found among
kinsmen. -- 288*



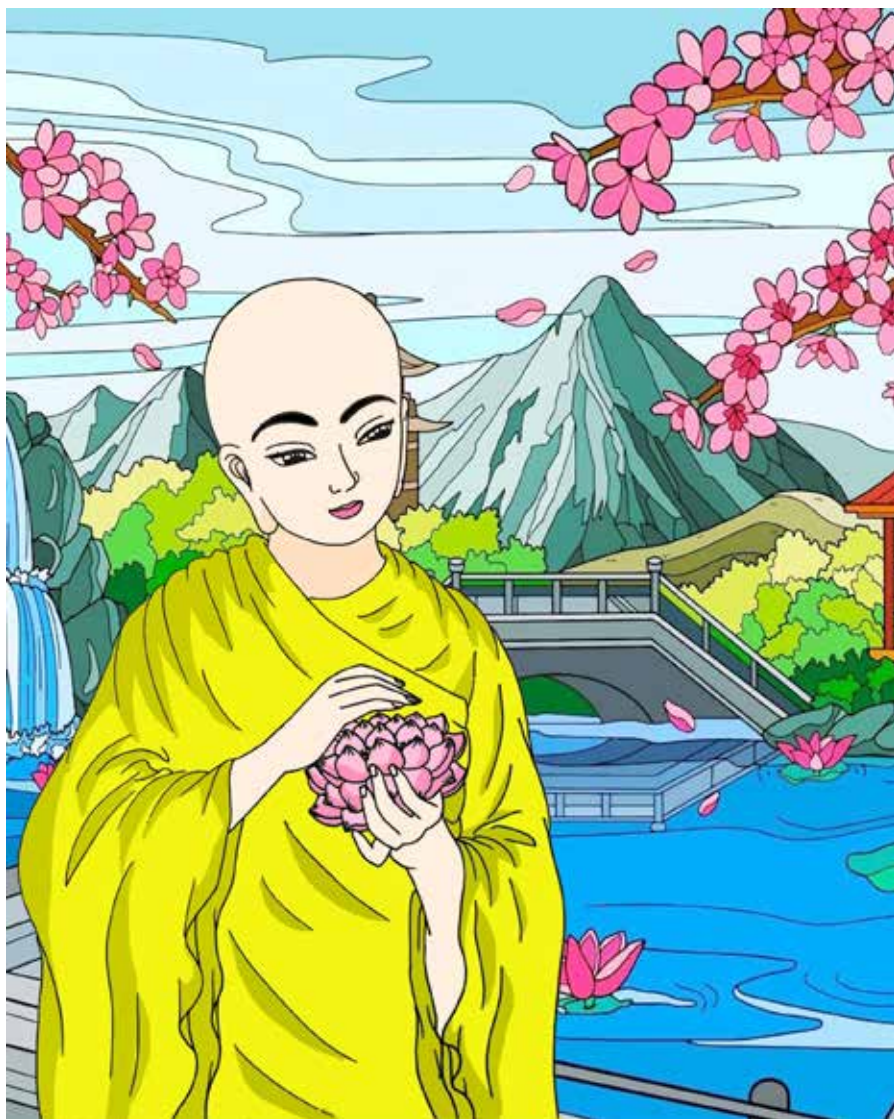
289

*Hiếu rõ sự lý trên,
Bậc trí nên trì giới,
Khai sáng đường đi tới,
Trực chỉ đến Niết bàn.*

*Realizing this fact,
let the virtuous and wise person
swiftly clear the way
that leads to Nibbana. – 289*



PHẨM XXI
PHẨM TẠP LỤC
(MISCELLANEOUS)



290

*Nếu bỏ hạnh phúc nhỏ,
Để được hạnh phúc to,
Bậc trí chẳng đắn đo,
Bỏ ngay hạnh phúc nhỏ.*

*If by giving up a lesser happiness,
one may behold a greater one,
let the wise man give up the lesser happiness
in consideration of the greater happiness.*

— 290



291

*Mình mưu cầu hạnh phúc,
Lại gây khổ cho người,
Thế là chuốc hận thù,
Không sao trừ hết hận.*

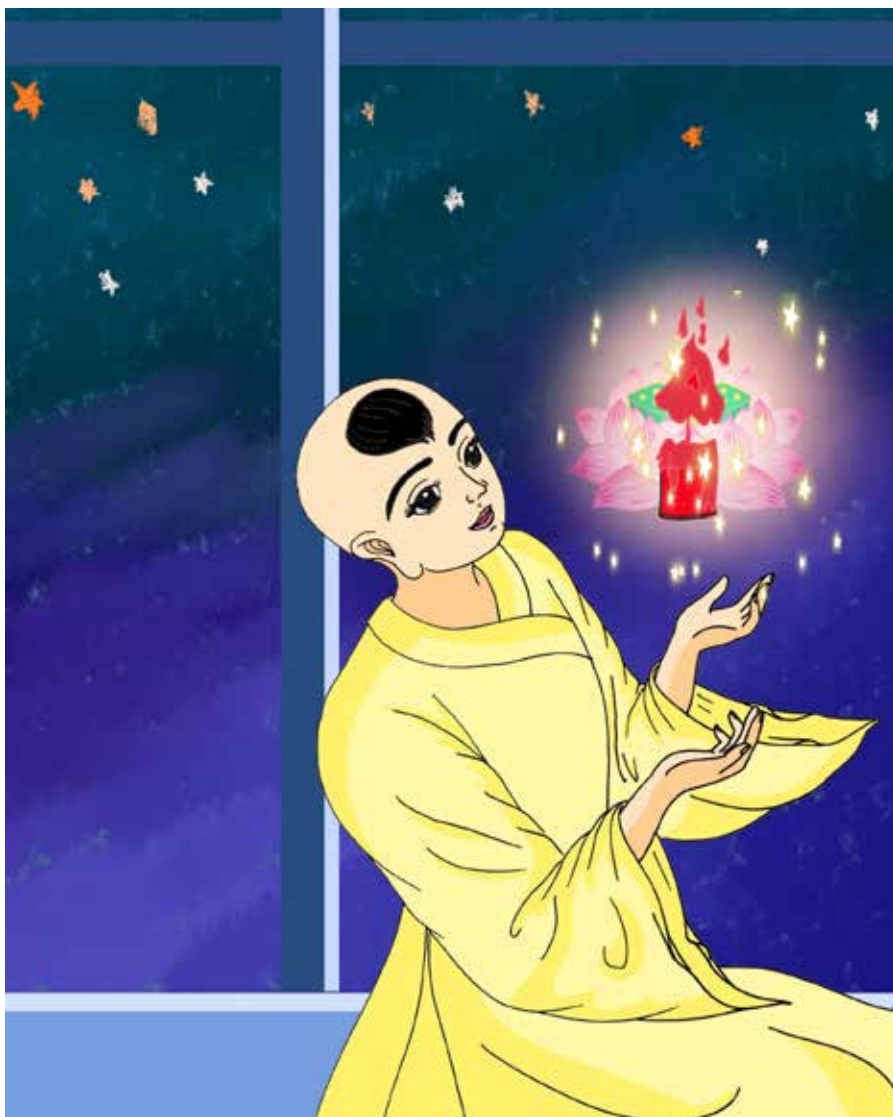
*He who wishes his own happiness
by causing pain to others
is not released from hatred,
being himself entangled in the tangles of
hatred. -- 291*



292

*Việc đáng làm không làm.
Việc không đáng lại làm.
Kẻ phóng dật ngạo mạn,
Lậu hoặc dần dần lan.*

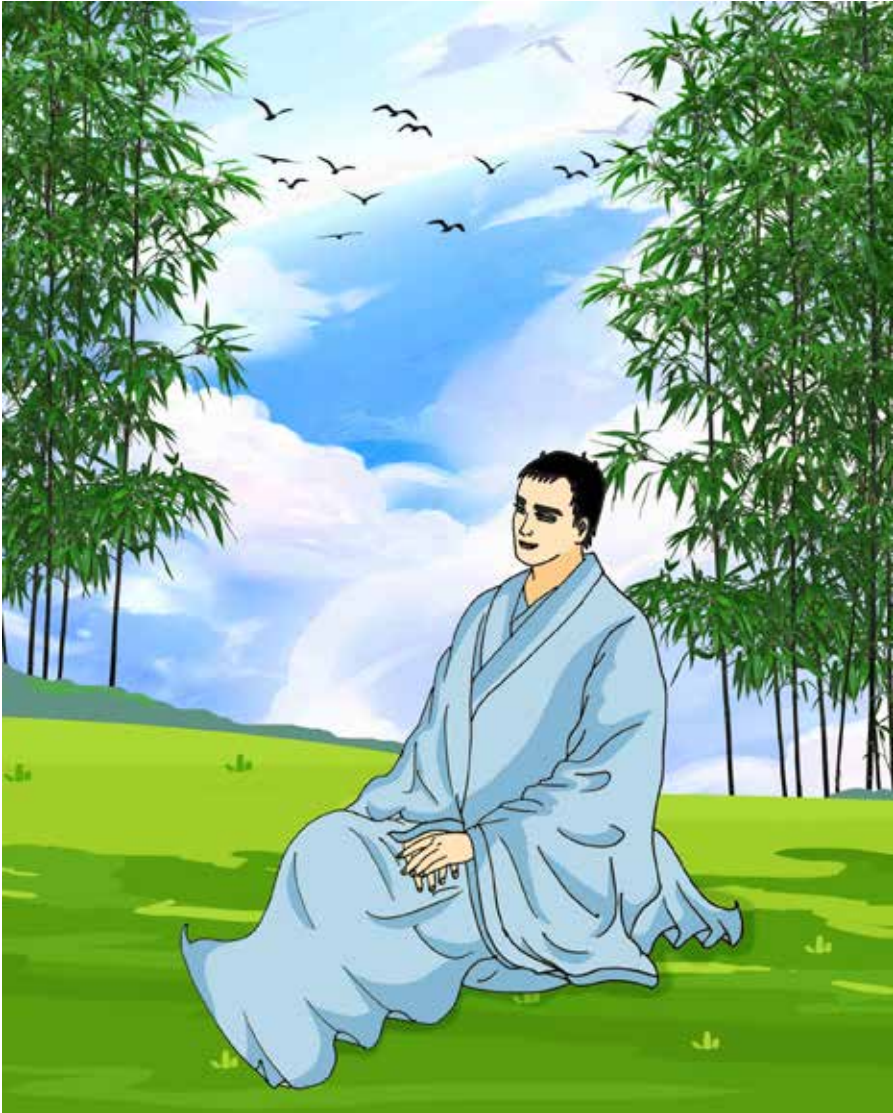
*What should have been done is left undone,
what should not have been done is done.
Of those who are puffed up and heedless
the corruptions increase. – 292*



293

*Người tỉnh chuyên cần mẫn,
Tu tập pháp niệm thân,
Không làm việc không đáng,
Chức hành pháp chánh cần,
Tâm thường niệm tỉnh giác,
Lậu hoặc tiêu tan dần.*

*Those who always earnestly practise
“mindfulness of the body”,
who follow not what should not be done,
and constantly do what should be done,
of those mindful and reflective ones
the corruptions come to an end. – 293*



294

*Giết cả mẹ lẫn cha, (1)
Hạ hai vua Đê lý, (2)
Diệt quê hương quốc sĩ, (3)
Phạm thiên (4) đạt vô ưu.*

- (1) *Hi dục và kiêu mạn.*
(2) *Thường kiến và đoạn kiến*
(3) *Lục căn và lục trần.*
(4) *Đa hán*

*Having slain mother (craving) and father
(conceit)
and two warrior kings
(views based on eternalism and nihilism),
and having destroyed a country
(sense-avenues and sense-objects)
together with its revenue officer (attachment),
ungrieving goes the Braahmana (Arahant).
— 294*

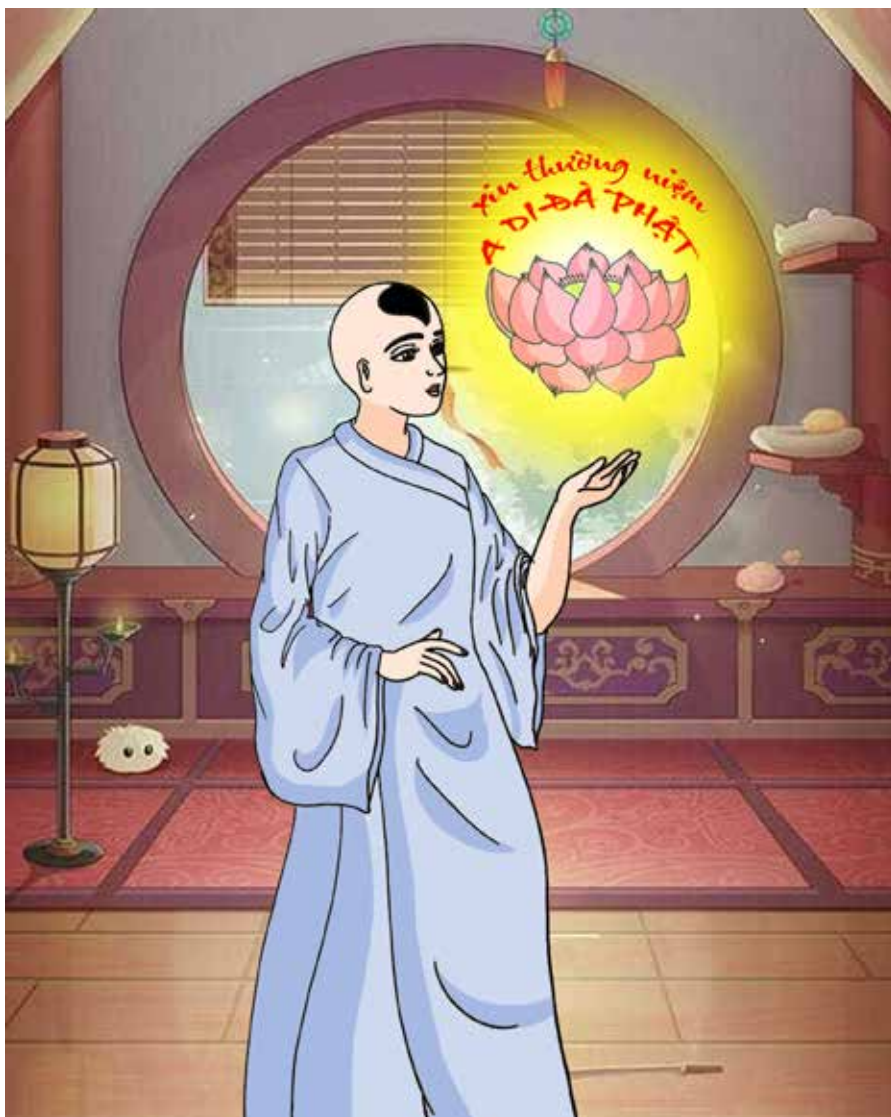


295

*Giết cả mẹ lẫn cha,
Hạ hai vua Phạm chí,
Diệt luôn tướng tài trí, (1)
Phạm thiên đạt vô ưu.*

(1) Ngộ

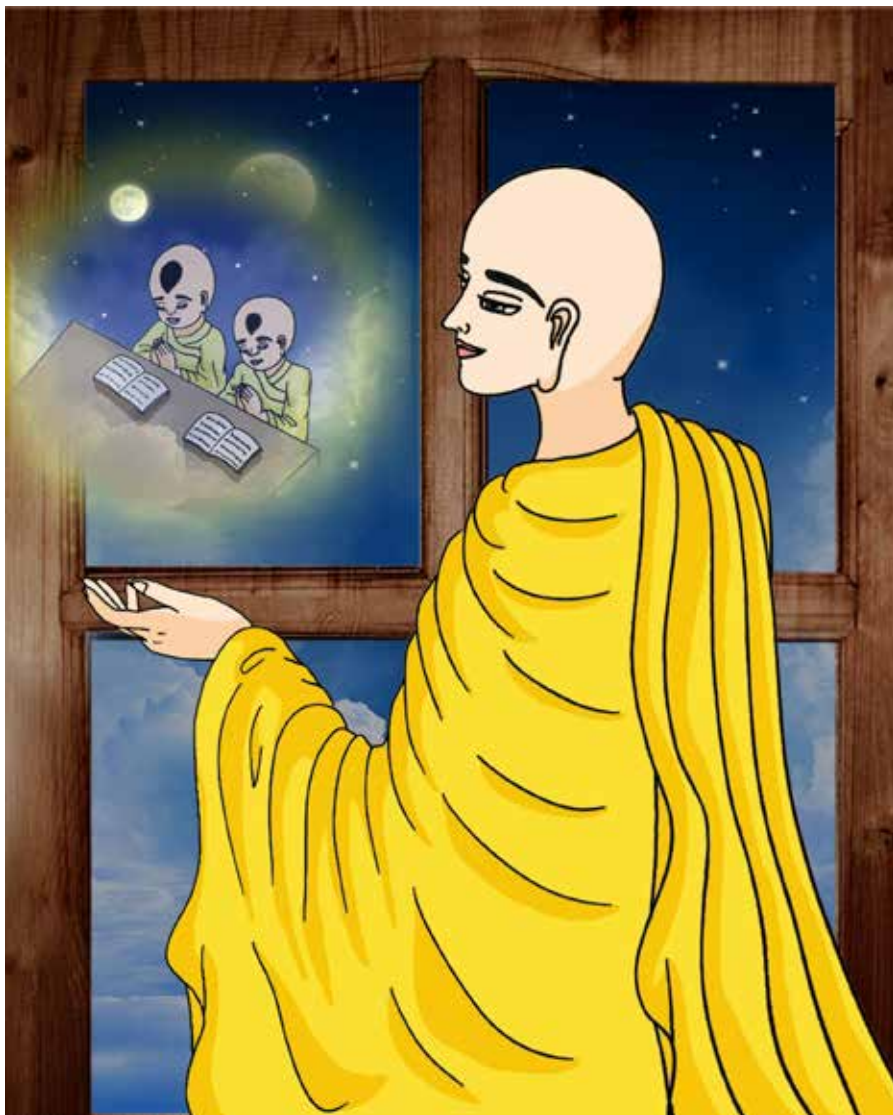
*Having slain mother and father and two
brahmin kings,
and having destroyed the perilous path
(hindrances),
ungrieving goes the Braahmana (Arahant).
-- 295*



296

*Tự thân luôn tỉnh giác.
 Dậy từ Gô-ta-ma,
 Bất luận ngày hay đêm,
 Chuyên tâm niệm Phật-đà.*

*Well awakened the disciples of Gotama
 ever arise
 - they who by day and night
 always contemplate the Buddha. -- 296*



297

*Tự thân luôn tỉnh giác,
Đệ tử Gô-ta-ma,
Bất luận ngày hay đêm,
Chuyên tâm niệm Dạt-ma. (*)*

() Dhamma: Pháp*

*Well awakened the disciples of
Gotama ever arise
- they who by day and night
always contemplate the Dhamma.*

-- 297



298

*Tự thân luôn tỉnh giác
 Dệ tử Gô-ta-ma,
 Bất luận ngày hay đêm,
 Chuyên tâm niệm Tăng-già.*

*Well awakened the disciples of
 Gotama ever arise
 - they who by day and night
 always contemplate the Sangha.
 -- 298*



299

*Tự thân luôn tỉnh giác,
Đệ tử Gô-ta-ma,
Bất luận ngày hay đêm.
Chuyên niệm thân xác ta.*

*Well awakened the disciples of
Gotama ever arise
- they who by day and night
always contemplate the body.
-- 299*



300

*Tự thân luôn tỉnh giác,
Đệ tử Gô-ta-ma
Bất luận ngày hay đêm.
Cám vô hại hiền hòa.*

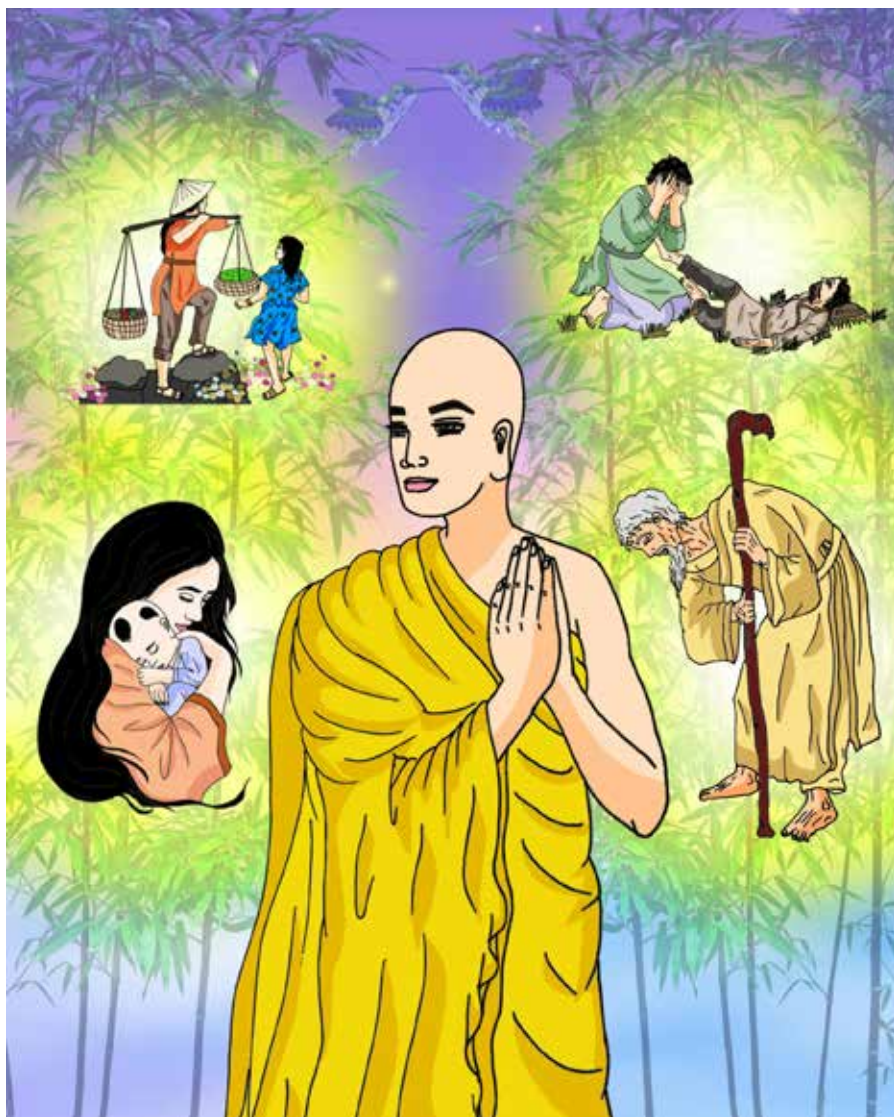
*Well awakened the disciples of Gotama
ever arise
- they who by day and night
delight in harmlessness. -- 300*



301

*Tự thân luôn tỉnh giác,
Đệ tử Gô-ta-ma,
Bất luận ngày hay đêm,
Vui trong cảnh thiền-na.*

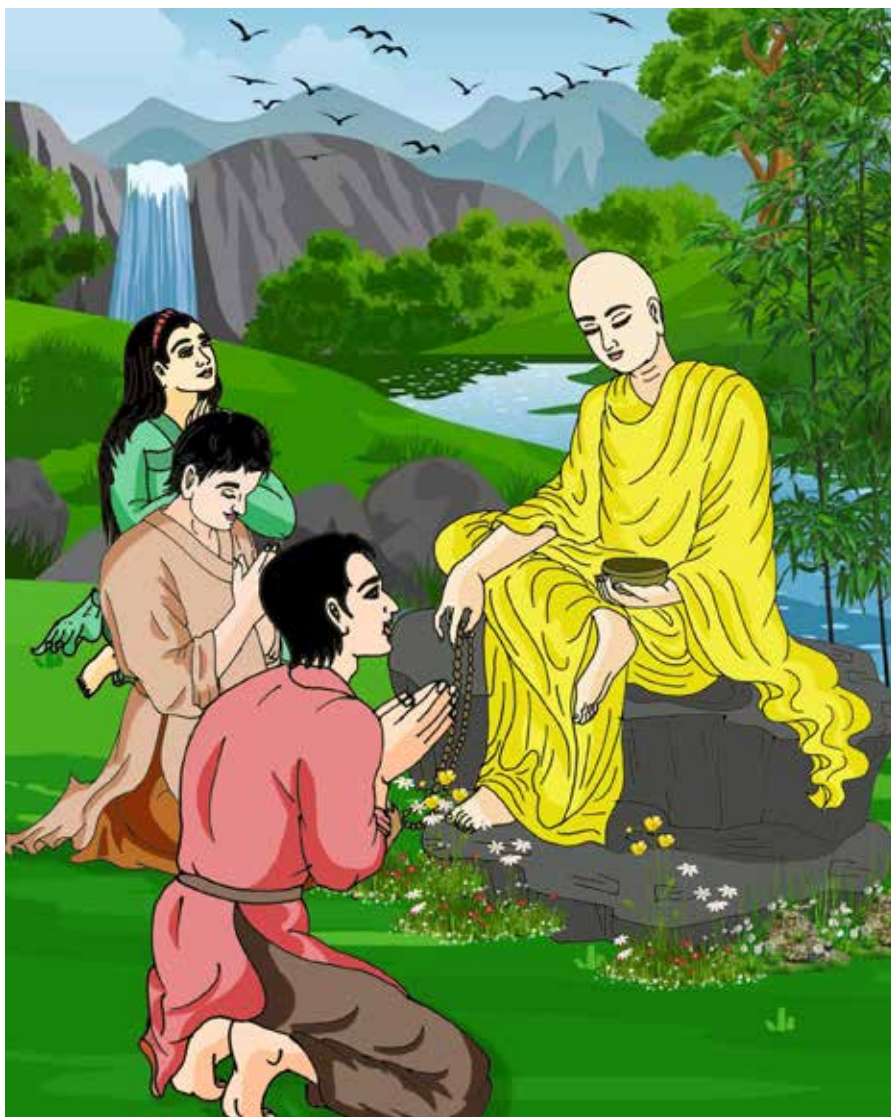
*Well awakened the disciples of
Gotama ever arise
- they who by day and night
delight in meditation. – 301*



302

*Khổ thay vui xuất gia,
 Khổ thay sống tại gia,
 Khổ thay bạn không hợp,
 Khổ thay khách ta bà;
 Thế nên đừng phiêu bạt,
 Đừng đeo đuổi khổ đau.*

*Difficult is renunciation, difficult is it to
 delight therein.
 Difficult and painful is household life.
 Painful is association with those who are
 incompatible.
 Ill befalls a wayfarer (in Sa'msaara).
 Therefore be not a wayfarer, be not a
 pursuer of ill. – 302*



303

*Dù giới hạnh chánh tín,
Nhiều tài sản, danh cao,
Dù đi đến nơi nào,
Cũng được người cung kính.*

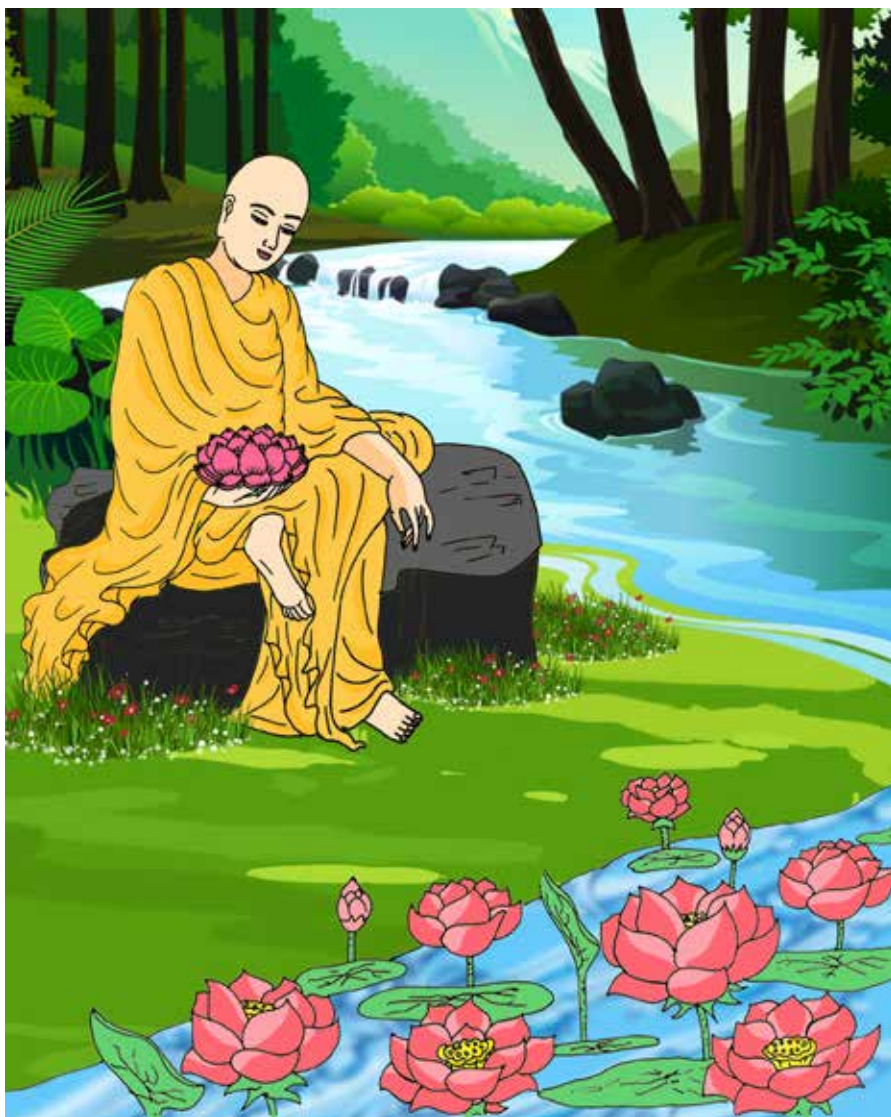
*He who is full of confidence and virtue,
possessed of fame and wealth,
he is honoured everywhere,
in whatever land he sojourns. -- 303*



304

*Người hiền dù ở xa,
Hiện ra như núi tuyết.
Kẻ ác dù đứng gần,
Như tên bắn trong đêm.*

*Even from afar like the Himalaya mountain
the good reveal themselves.
The wicked, though near,
are invisible like arrows shot by night. – 304*



305

*Hi ngồi nằm đơn độc,
Tĩnh tấn đi một mình,
Điều phục được chính mình,
Sẽ vui nơi rừng thẳm.*

*He who sits alone, rests alone, walks
alone unindolent,
who in solitude controls himself,
will find delight in the forest. – 305*



PHẨM XXII
PHẨM ĐỊA NGỤC
(WOEFUL STATE)



306

*Người mồm miệng láo khoét,
Kể làm rồi nói không.
Cả hai chết tương đồng,
Đề tiện, dọa địa ngục.*

*The speaker of untruth goes to a woeful state,
and also he who, having done aught, says,
"I did not".*

*Both after death become equal,
men of base actions in the other world.*

– 306



307

*Nhiều người khoác cà sa,
Hé hãnh, không điều phục,
Kẻ ác, do nghiệp thúc,
Phải đọa địa ngục thôi.*

*Many with a yellow robe on their necks
are of evil disposition and uncontrolled.
Evil-doers on account of their evil deeds
are born in a woeful state. -- 307*



308

*Chà nuốt hòn sắt nóng,
Như ngọn lửa hừng hừng,
Hèn phá giới buông lung,
Sống nhờ cơm tín thí.*

*Better to swallow a red-hot iron ball
(which would consume one) like a flame of fire,
than to be an immoral and uncontrolled person
feeding on the alms offered by people.*

– 308



309

*Bốn tai họa ập đến,
Hành hạ kẻ ngoại tình,
Mang tiếng, ngủ không an.
Bị chê, dọa dũa ngục.*

*Four misfortunes befall a careless man
who commits adultery:
- Acquisition of demerit, disturbed sleep,
thirdly blame, and fourthly a state of woe.
- 309*



310

*Mang tiếng, địa ác thú,
Lo sợ, tâm ít vui,
Quốc vương phạt trọng tội,
Kể gian dẫu vợ người.*

*There is acquisition of demerit as well as evil
destiny.
Brief is the joy of the frightened man and woman.
The King imposes a heavy punishment.
Hence no man should frequent another's wife.
– 310*



311

*Vũng nắm cỏ cu-xa,
Là tay ta bị cắt,
Hạnh sa môn, tà hoặc,
Cắt đoạn địa ngục thôi.*

*Just as kusa grass, wrongly grasped, cuts
the hand,
even so the monkhood wrongly handled
drags one to a woeful state. – 311*



312

*Sống buông lung phóng dật,
Chạy theo thói nhiễm ô,
Hỏi nghi đời phạm hạnh,
Thành quả đạt chi mô!*

*Any loose act, any corrupt practice, a life
of dubious holiness
- none of these is of much fruit. -- 312*



313

*Nếu việc cần phải làm,
Hãy quyết làm hết sức;
Thiếu công phu, nghị lực,
Chỉ tung cát bụi mù!*

*If aught should be done, let one do it.
Let one promote it steadily,
for slack asceticism
scatters dust all the more. – 313*



314

*Chớ phạm phải điều ác,
 Làm ác khổ vô vàn,
 Việc thiện nên chu toàn,
 Làm xong khỏi ân hận.*

*An evil deed is better not done:
 a misdeed torments one hereafter.
 Better it is to do a good deed,
 after doing which one does not grieve.*
 – 314



315

*Như thành sát biên thù,
Trong ngoài canh nghiêm mật,
Hãy phòng hộ chính mình,
Đừng để cơ hội mất,
Hi để cơ hội mất,
Đọa địa ngục khổ đau.*

*Like a border city,
guarded within and without,
so guard yourself.
Do not let slip this opportunity,
for they who let slip the opportunity
grieve when born in a woeful state. – 315*



316

*Việc đáng hổ không hổ,
Việc không đáng lại hổ,
Do ôm ấp tà kiến,
Chúng sanh bị khốn khổ.*

*Beings who are ashamed
of what is not shameful,
and are not ashamed
of what is shameful,
embrace wrong views
and go to a woeful state. – 316*



317

*Việc đáng kinh không kinh,
Việc không đáng lại kinh,
Do ôm ấp tà kiến,
Chúng sanh bị ngục hình.*

*Beings who see fear
in what is not to be feared,
and see no fear in the fearsome,
embrace false views
and go to a woeful state. -- 317*



318

*Không lỗi lại tường có,
Có lỗi lại thấy không,
Do ôm ấp tà kiến,
Chúng sanh khổ vô ngần.*

*Beings who imagine faults in the faultless
and perceive no wrong in what is wrong,
embrace false views and go to a woeful
state. -- 318*



319

*Có lỗi biết rằng có,
Không lỗi biết rằng không,
Nhờ hàm dưỡng chánh kiến,
Chúng sanh sống vô ngần.*

*Beings knowing wrong as wrong
and what is right as right,
embrace right views and go to a
blissful state. -- 319*



PHẨM XXIII
PHẨM VOI RỪNG
(THE ELEPHANT)



320

*Như voi giữa chiến địa,
Kháng cự mọi cung tên,
Ta chịu đựng hủy báng,
Phá giới biết bao người.*

*As an elephant in the battlefield
withstands the arrows shot from a bow,
even so will I endure abuse;
verily most people are undisciplined.*

– 320



321

*Kẻ luyện voi dự hội,
Người luyện ngựa dâng vua,
Bậc tôi luyện thượng thừa,
Chịu đựng mọi hủ bại.*

*They lead the trained (horses or elephants) to an assembly.
The king mounts the trained animal.
Best among men are the trained who
endure abuse. -- 321*



322

*Quý thay lừa thuần thực,
 Quý thay giống ngựa Sindh.
 Quý thay voi ngà báu,
 Tuyệt thay bậc luyện mình.*

*Excellent are trained mules,
 so are thoroughbred horses of Sindh
 and noble tusked elephants;
 but far better is he who has trained himself.*

– 322

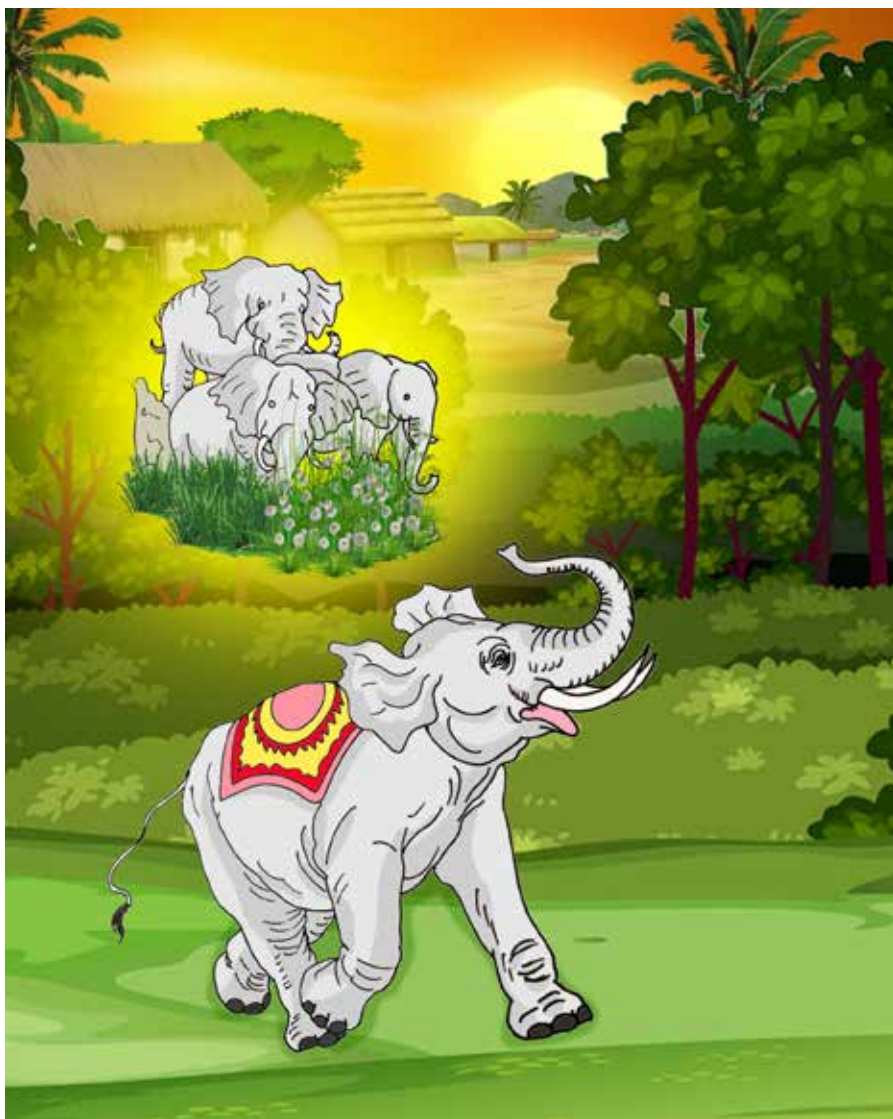


323

*Chẳng phải nhờ voi ngựa,
Đưa ta đến Niết bàn,
Chính bậc tự điều phục,
Đạt đến bờ thành thang.*

*Surely never by those vehicles
would one go to the untrodden land (Nibbaana),
as does one who is controlled
through his subdued and well-trained self.*

– 323



324

*Voi kia tên Tài hộ,
Phát dục tiết mùi hăng,
Bất trị bị giam giữ,
Bỏ ăn, nhớ rừng xanh.*

*The uncontrollable, captive tusker named
Dhanapaalaka,
with pungent juice flowing, eats no morsel;
the tusker calls to mind the elephant forest.*

-- 324



325

*Kẻ ngu si ám độn,
 Ham ăn ngủ như heo,
 Bạ đầu nằm lăn đổ,
 Luân hồi mãi cuốn theo.*

*The stupid one, when he is torpid,
 gluttonous, sleepy,
 rolls about lying
 like a great hog nourished on pig-wash,
 goes to rebirth again and again. -- 325*



326

*Vừa tâm này phóng dăng,
 Theo dục lạc đua đòi,
 Nay chuyên tâm nhiếp phục,
 Như quản trưởng điều voi.*

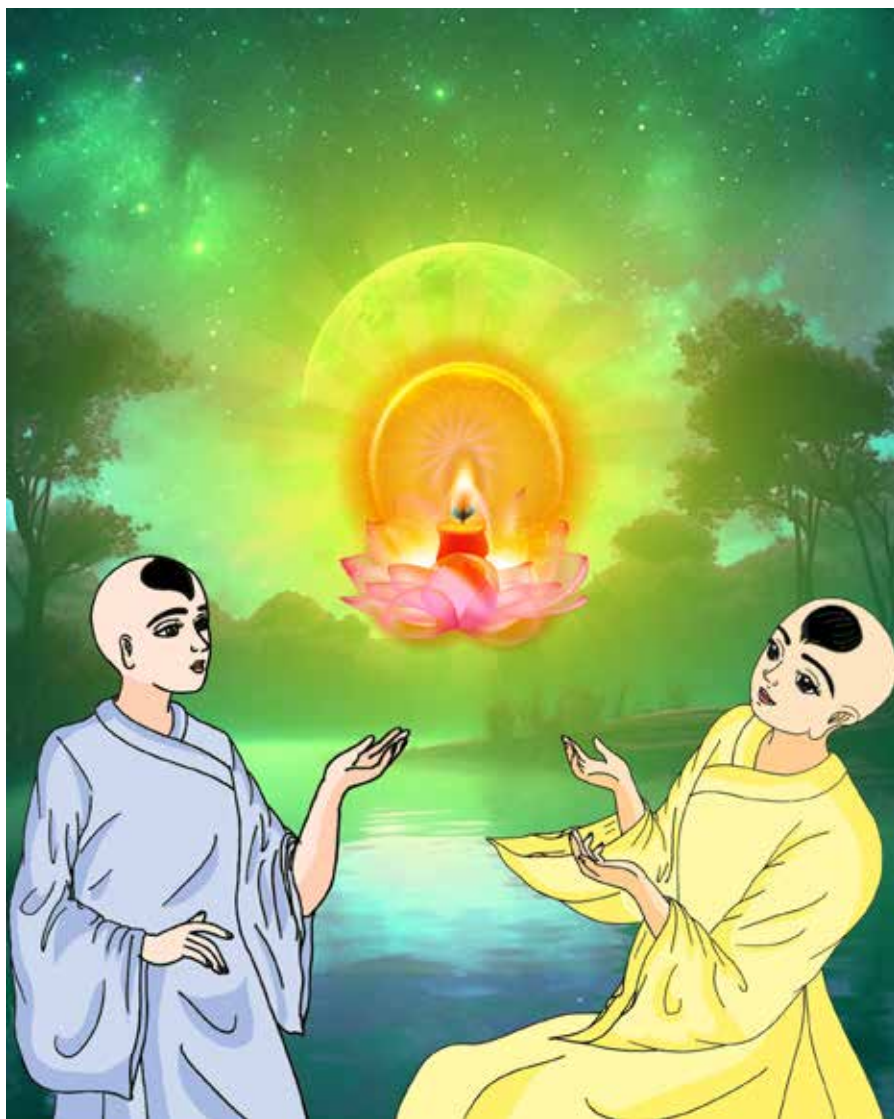
*Formerly this mind went wandering
 where it liked,
 as it wished and as it listed.
 Today with attentiveness
 I shall completely hold it in check,
 as a mahout (holds in check)
 an elephant in must. – 326*



327

*Hãy tỉnh cần, vui vẻ,
Khéo giữ tâm ý thầy,
Tự thoát khỏi ác đạo,
Như voi vượt sình lầy.*

*Take delight in heedfulness.
Guard your mind well.
Draw yourselves out of the evil way
as did the elephant sunk in the mire. — 327*



328

*Nếu gặp bạn sáng suốt,
Cẩn trọng sống hiền lương,
Hàng phục mọi nguy biến,
Hoan hỷ kết bạn đường.*

*If you get a prudent companion
(who is fit) to live with you,
who behaves well and is wise,
you should live with him joyfully and mindfully,
overcoming all dangers. -- 328*



329

*Nếu không gặp bạn trí,
Cần trọng, sống hiền lành,
Nên như vua từ bỏ,
Vương quốc bị xâm lăng,
Hãy sống đời đơn độc,
Như voi giữa rừng xanh.*

*If you do not get a prudent companion
who (is fit) to live with you,
who behaves well and is wise,
then like a king who leaves a conquered
kingdom,
you should live alone
as an elephant does in the elephant forest.*

– 329

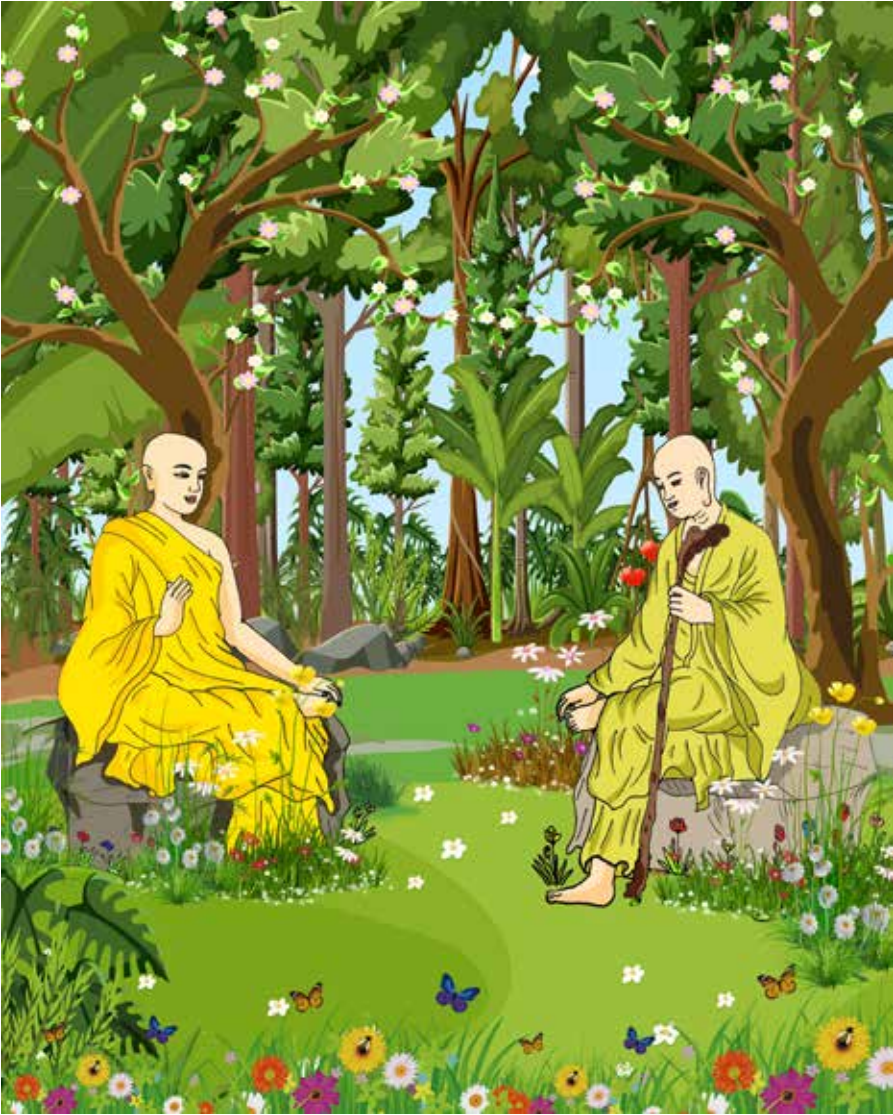


330

*Thà sống cảnh cô đơn,
Hơn bạn bè kẻ ngốc,
Sống lẻ loi đơn độc,
Không gây nghiệp ác hành,
Như voi giữa rừng xanh,
Thánh thanh vô tư lự.*

*Better it is to live alone.
There is no fellowship with the ignorant.
Let one live alone doing no evil, care-free,
like an elephant in the elephant forest.*

– 330



331

*Vui thay được bạn giúp!
Vui thay sống tri túc!
Vui thay chết phước duyên!
Vui thay hết khổ nhục!*

*When need arises, pleasant (is it to have)
friends.*

*Pleasant is it to be content with just this
and that.*

Pleasant is merit when life is at an end.

Pleasant is the shunning of all ill. -- 331



332

*Vui thay hầu mẹ sanh!
 Vui thay hầu cha lành!
 Vui thay hầu hiền thánh!
 Vui thay hầu sư môn!*

*Pleasant in this world is ministering to mother.
 Ministering to father too is pleasant in this
 world.*

*Pleasant is ministering to ascetics.
 Pleasant too is ministering to the Noble Ones.*

– 332



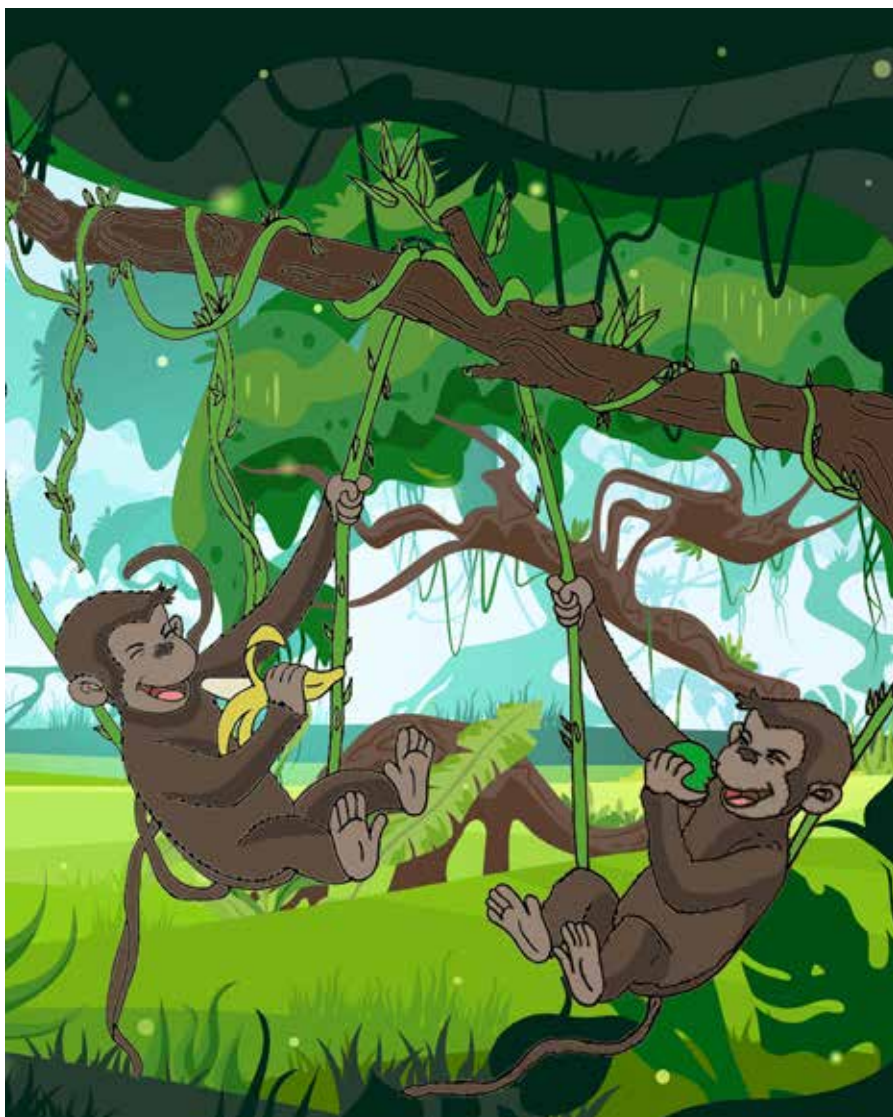
333

*Vui thay già đức hạnh!
Vui thay tâm tín thành!
Vui thay ác không tạo!
Vui thay tuệ viên thành!*

*Pleasant is virtue (continued) until old age.
Pleasant is steadfast confidence.
Pleasant is the attainment of wisdom.
Pleasant is it to do no evil. – 333*



PHẨM XXIV
PHẨM THAM ÁI
(CRAVING)



334

*Kẻ buông lung phóng dật,
Tham ái tựa dây leo,
Dời dỗi vọt nhảy theo,
Như khi chuyên hái trái.*

*The craving of the person addicted to
careless living
grows like a creeper.
He jumps from life to life
like a fruit-loving monkey in the
forest. – 334*

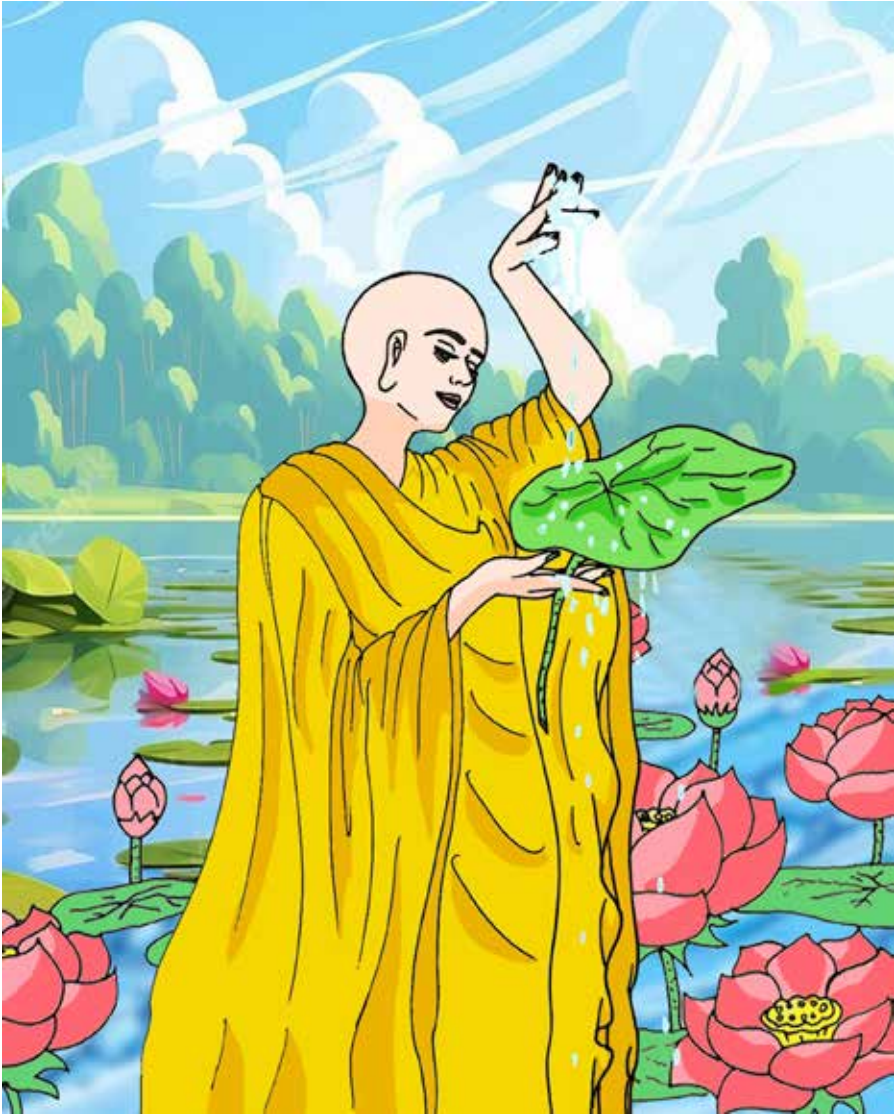


335

*Ai sinh sống trên đời,
Bị ái dục lôi cuốn,
Khổ đau mãi tăng trưởng,
Như cỏ Bị gập mưa.*

*Whomsoever in this world
this base clinging thirst overcomes,
his sorrows flourish
like well-watered būra.na grass.*

– 335



336

*Ai sinh sống trên đời,
Hàng phục được tham ái,
Khổ đau sẽ vượt khỏi,
Như nước trượt lá sen.*

*Whoso in the world overcomes this
base unruly craving,
from him sorrows fall away
like water-drops from a lotus-leaf.*

-- 336



337

*Các người họp nhau đây,
Ta có lời dạy này:
Hãy bới gốc tham ái,
Như đào rễ cỏ Bỉ,
Đừng để Ma vương hại,
Như lau bị lụt dầy.*

*This I say to you:
Good luck to you all who have assembled here!
Dig up the root of craving
like one in quest of bīra.na's sweet root.
Let not Maara crush you again and again
as a flood (crushes) a reed. -- 337*



338

*Đền cây không đào gốc,
Chồi tược sẽ lên hoài,
Tham ái chưa nhổ rễ,
Khổ đau mãi dâng dài.*

*Just as a tree with roots unharmed and firm,
though hewn down, sprouts again,
even so while latent craving is not rooted out,
this sorrow springs up again and again.*

-- 338



339

*Ba mươi sáu dòng ái,
Tuôn chảy theo dục trần,
Ý tham dục cuốn cuộn,
Cuốn phăng kẻ mê dần.*

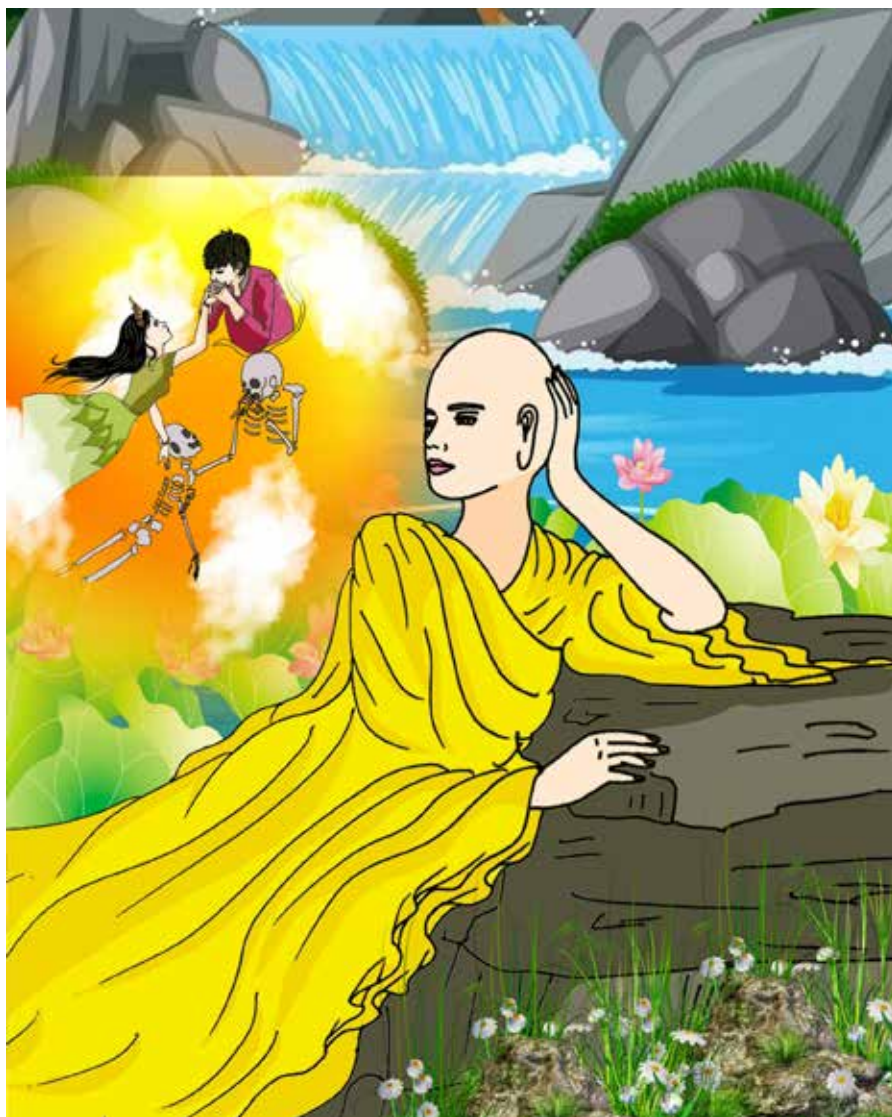
*If in anyone the thirty-six streams (of cravings)
that rush towards pleasurable thoughts are
strong,
such deluded person,
torrential thoughts of lust carry off. – 339*



340

*Dòng ái dục chảy khắp,
Như dây leo mọc tràn,
Thấy dây leo vừa lan,
Liền dùng tuệ đốn gốc.*

*The streams (craving) flow everywhere.
The creeper (craving) sprouts and stands.
Seeing the creeper that has sprung up,
with wisdom cut off root. – 340*



341

*Kẻ đam mê ái dục,
Say đắm theo lục trần,
Tuy mong cầu an lạc,
Sanh tử vẫn hoại thân.*

*In beings there arise pleasures that rush
(towards sense-objects)
and (such beings) are steeped in craving.
Bent on happiness, they seek happiness.
Verily, such men come to birth and decay.
– 341*



342

*Người bị ái buộc ràng,
Hân lo sợ hoang mang,
Như thỏ bị trời chắt,
Đau khổ mãi cứ mang.*

*Folk enwapt in craving are terrified
like a captive hare.
Held fast by fetters and bonds,
for long they come to sorrow again and again.*

– 342

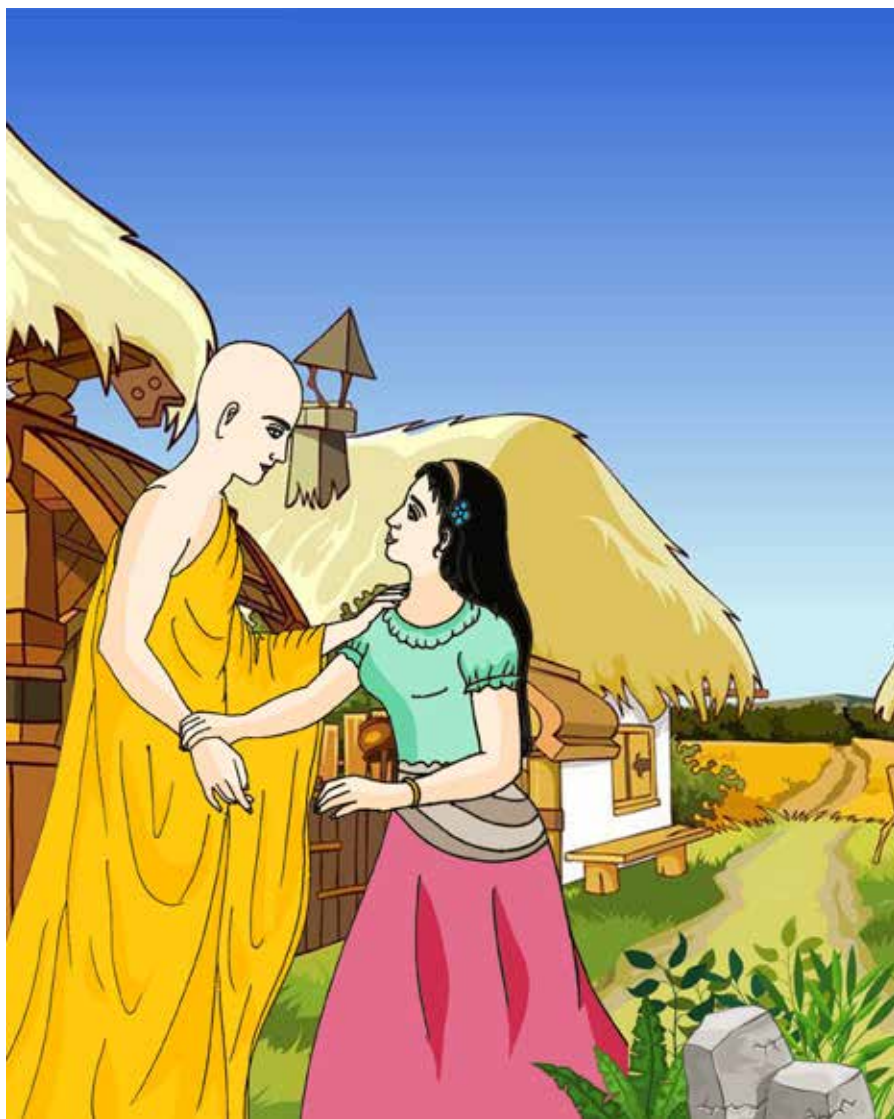


343

*Người bị ái buộc ràng,
Như thỏ bị trời ngang;
Tỷ kheo cầu Niết bàn,
Phải dứt trừ tham dục.*

*Folk, enwrapt in craving, are terrified like
captive hare.*

*Therefore a bhikkhu who wishes
his own passionlessness (Nibbaana)
should discard craving. – 343*



344

*Cắt ái đi xuất gia,
Khô hạnh trong rừng già,
Đã giải thoát dục vọng,
Nhưng lại trở về nhà;
Khà xem hạng người ấy,
Mô rồi buộc lại ta!*

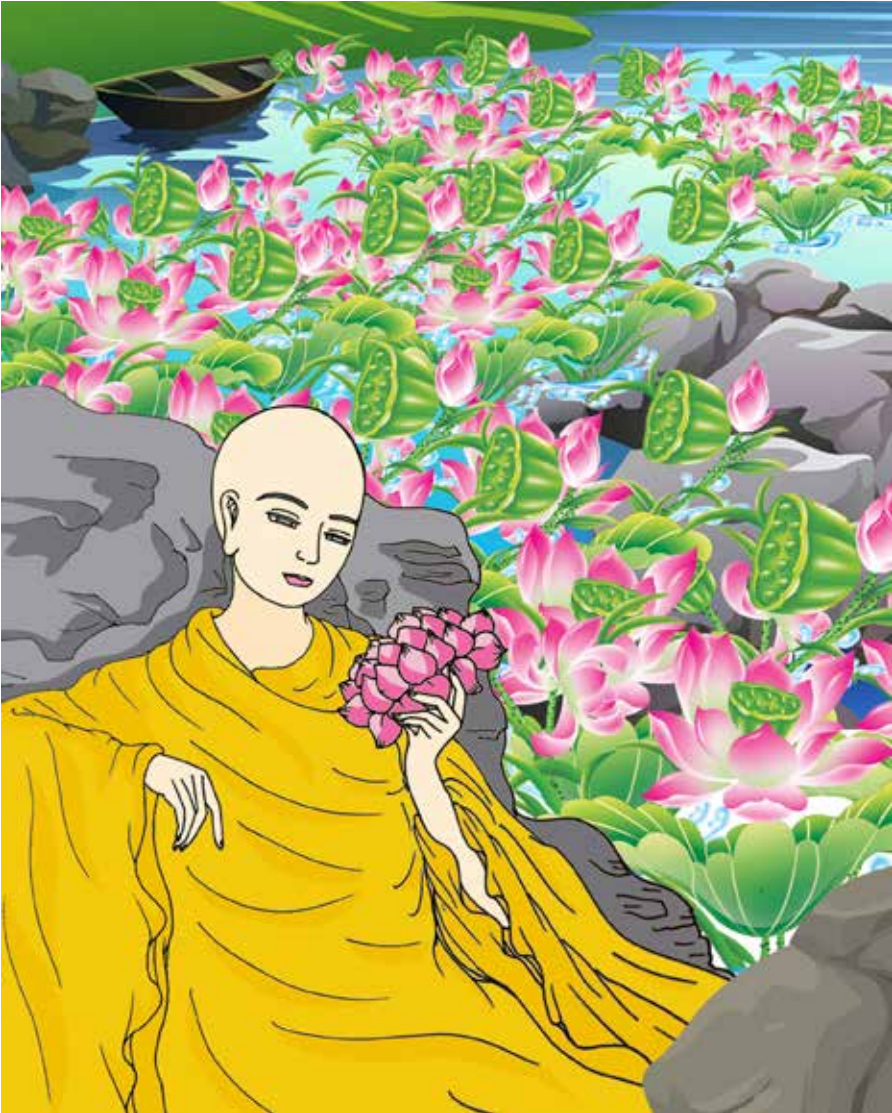
*Whoever with no desire (for the house-hold)
finds pleasure in the forest (of asceticism)
and though freed from desire (for the household),
(yet) runs back to that very home.
Come, behold that man!
Freed, he runs back into that very bondage. -- 344*



345

*Bậc trí giảng dạy rằng:
Dây dầy, gai, gỗ, sắt,
Chưa phải loại buộc chặt,
Ham châu báu vợ con,
Mê trang sức phấn son,
Thử đó buộc chắc nhất.*

*That which is made of iron, wood or hemp,
is not a strong bond, say the wise;
the longing for jewels, ornaments, children,
and wives
is a far greater attachment. -- 345*



346

*Bậc trí giảng dạy rằng:
 Trời buộc đở rất chắc,
 Trời kéo xuống thật chặt,
 Khó tháo gỡ vô vàn,
 Bậc trí nên cắt ngang,
 Từ khước mọi tham ái.*

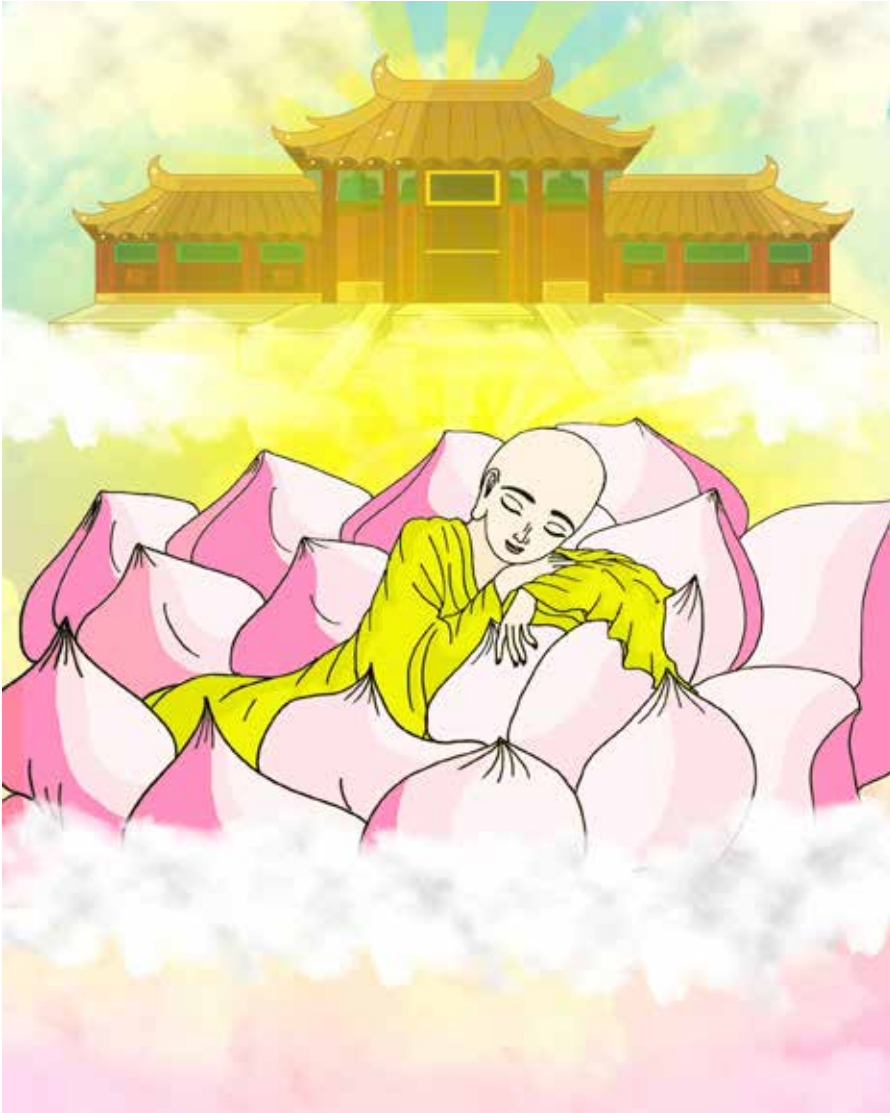
*That bond is strong, say the wise.
 It hurls down, is supple, and is hard to loosen.
 This too the wise cut off, and leave the world,
 with no longing, renouncing sensual
 pleasures. – 346*



347

*Người đắm say ái dục,
Là tự lao xuống dòng,
Như nhện sa vào lưới,
Do chính nó làm xong;
Bạc trí dứt tham ái,
Đã thoát khổ,thong dong.*

*Those who are infatuated with lust
fall back into the stream
as (does) a spider into the web spun by itself.
This too the wise cut off and wander,
with no longing, released from all sorrow.
– 347*



348

*Bỏ quá hiện vì lại,
Tâm ý thoát ai hoài,
Vượt sang bờ hiện hữu,
Đứt sanh lão bị ai!*

*Let go the past.
Let go the future.
Let go the present (front, back and middle).
Crossing to the farther shore of existence,
with mind released from everything,
do not again undergo birth and decay. – 348*



349

*Kẻ vọng tâm tà ý,
Say đắm theo dục trần,
Cham ái ngày tăng trưởng,
Tự làm dây buộc thân.*

*For the person who is perturbed by (evil)
thoughts,
who is exceedingly lustful,
who contemplates pleasant things,
craving increases more and more.
Surely, he makes the bond (of Maara) stronger.*

— 349



350

*Người thích trừ tà ý,
Quán bất tịnh, niệm thường,
Sẽ đoạn diệt tham ái,
Cắt đứt vòng Ma vương.*

*He who delights in subduing (evil) thoughts,
who meditates on "the loathsomeness" (of
the body)
who is ever mindful,
- it is he who will make an end (of craving).
He will sever Maara's bond. -- 350*



351

*Đến đích hết sợ hãi,
Ly ái, tham tiêu tùng,
Cắt tiết gai sanh tử,
Thân này thân cuối cùng.*

*He who has reached the goal,
is fearless, is without craving, is passionless,
has cut off the thorns of life.
This is his final body. – 351*



352

*Đoạn ái dục, chấp thủ,
Khéo giải từ, ngữ nguyên,
Chấu triết dạng cú pháp,
Phối hợp chứng liền liền,
Mang sắc thân lần cuối,
Bậc đại nhân, thâm uyên.*

*He who is without craving and grasping,
who is skilled in etymology and terms,
who knows the grouping of letters and their
sequence,
- it is he who is called the bearer of the final body,
one of profound wisdom, a great man. -- 352*



353

*Ta hàng phục tất cả,
Ta hiểu rõ ngọn ngành,
Ta dứt sạch các pháp,
Ta đoạn tuyệt mối manh,
Ta diệt ái giải thoát,
Ta liễu ngộ viên thành,
Ai là thầy ta nữa?*

*All have I overcome, all do I know.
From all am I detached.
All have I renounced.
Wholly absorbed am I in "the destruction of
craving".
Having comprehended all by myself,
whom shall I call my teacher? -- 353*



354

*Chí nào bằng pháp thí!
Vị nào bằng pháp vị!
Hỷ nào bằng pháp hỷ!
Diệt ái hết khổ lụy!*

*The gift of Truth excels all (other) gifts.
The flavour of Truth excels all (other) flavours.
The pleasure in Truth excels all (other) pleasures.
He who has destroyed craving overcomes all
sorrow. – 354*



355

*Của cải hại kẻ ngu,
Không tìm người trí giác;
Kẻ ngu ham tiền bạc,
Tự hại mình, hại người.*

*Riches ruin the foolish,
but not those in quest of the Beyond (Nibbaana).
Through craving for riches,
the ignorant man ruins himself
as (if he were ruining) others. – 355*



356

*Cỏ dại hại ruộng đồng,
Tham dục hại thế nhân;
Cúng dường bậc lý dục,
Quả phúc thật vô ngần.*

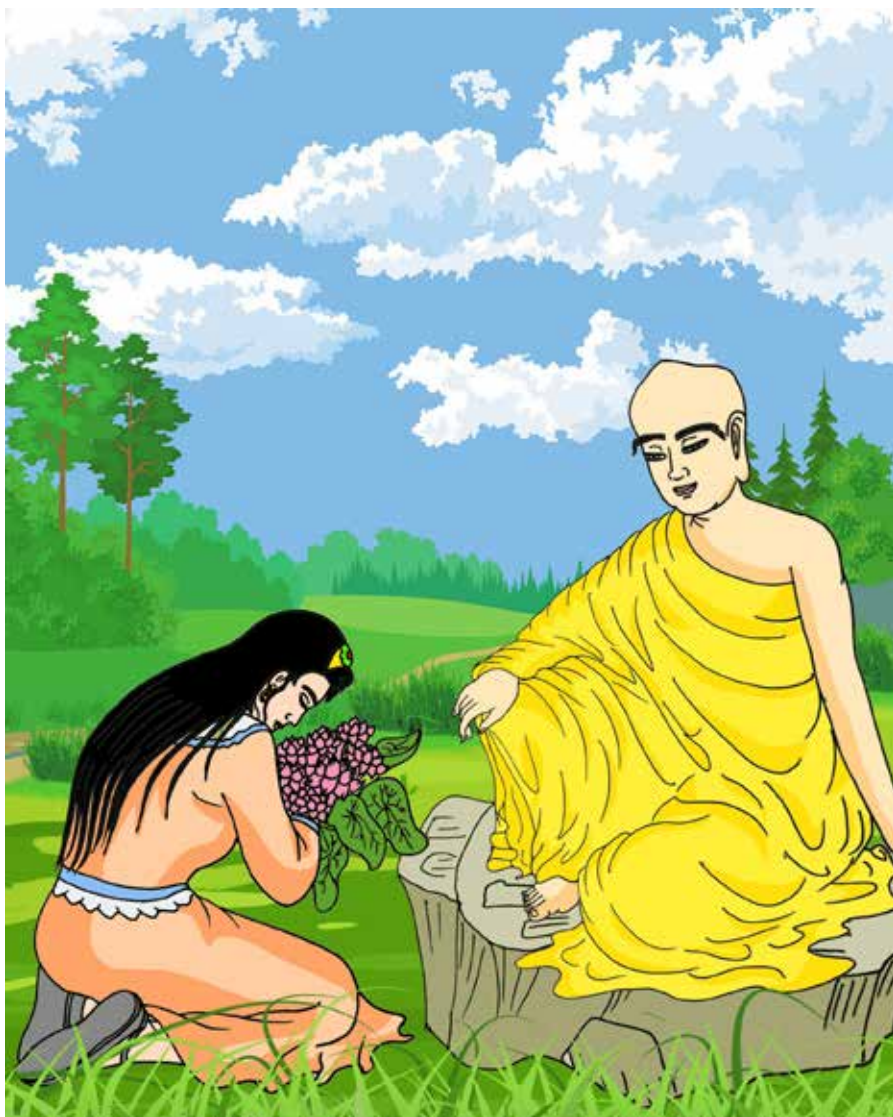
*Weeds are the bane of fields,
lust is the bane of mankind.
Hence what is given to those lustless
yields abundant fruit. – 356*



357

*Cỏ dại hại ruộng đồng,
Sân hận hại thế nhân;
Cúng dường bậc lý hận,
Quả phúc thật vô ngần.*

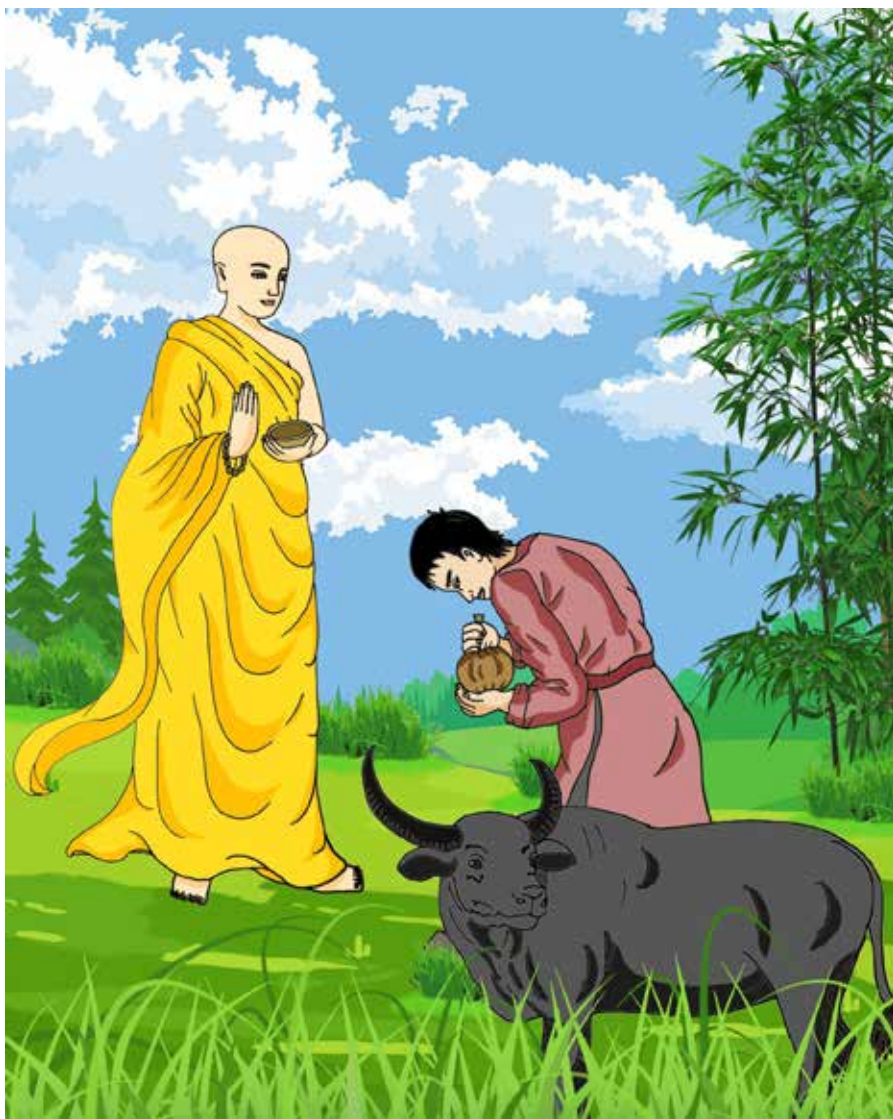
*Weeds are the bane of fields,
hatred is the bane of mankind.
Hence what is given to those rid of hatred
yields abundant fruit. -- 357*



358

*Cỏ dại hại ruộng đồng,
Si ám hại thế nhân;
Cúng dường bậc lý âm,
Quả phúc thật vô ngần.*

*Weeds are the bane of fields,
delusion is the bane of mankind.
Hence what is given to those rid of craving
yields abundant fruit. – 358*



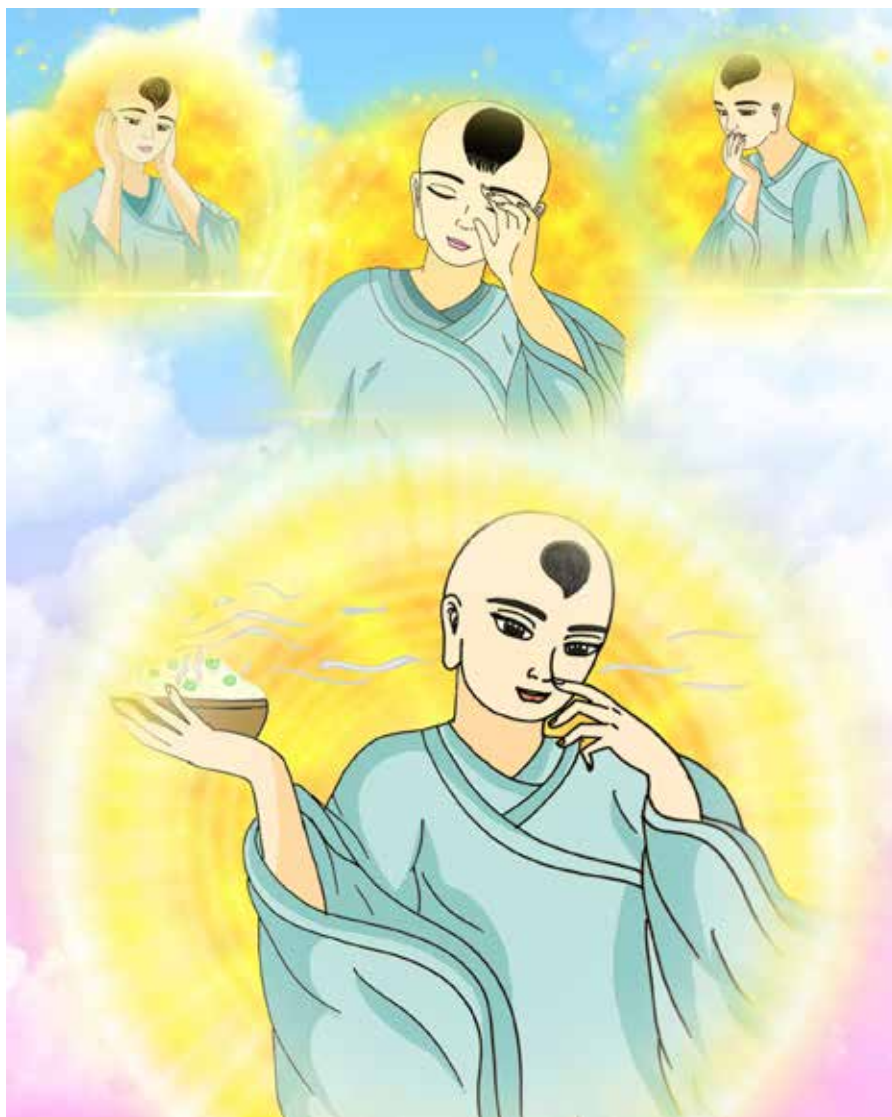
359

*Cỏ dại hại ruộng đồng,
Tham ái hại thế nhân;
Cúng dường bậc lý ái,
Quả phúc thật vô ngần.*

*Weeds are the bane of fields,
craving is the bane of mankind.
Hence what is given to those rid of craving
yields abundant fruit. – 359*



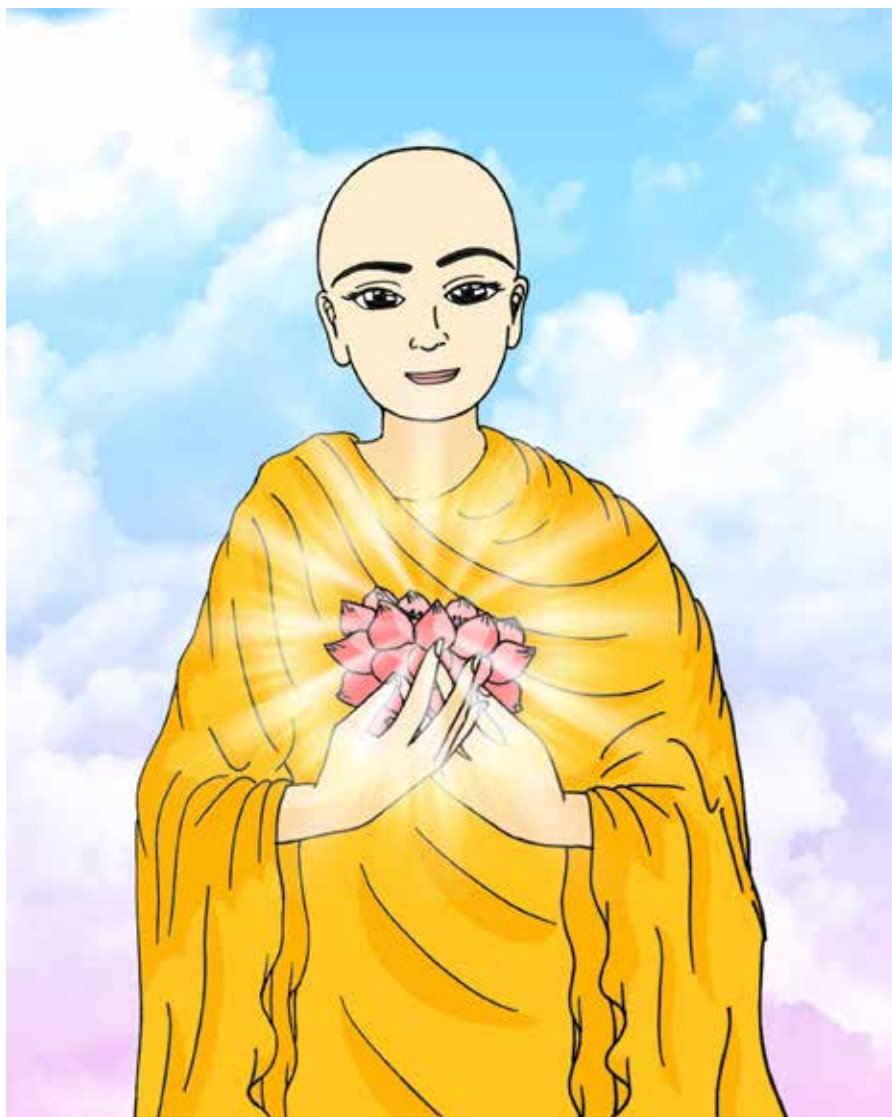
PHẨM XXV
PHẨM TỖ
(THE BHIKKHU OR THE
MENDICANT)



360

*Lành thay điều phục mắt!
Lành thay điều phục tai!
Lành thay điều phục mũi!
Lành thay điều phục lưỡi!*

*Good is restraint in the eye;
good is restraint in the ear;
good is restraint in the nose;
good is restraint in the tongue. -- 360*



361

*Lành thay hàng phục thân!
Lành thay hàng phục ý!
Lành thay lời chế chỉ!
Lành thay phòng mọi điều!
Hàng phục được bấy nhiêu,
Tỷ kheo ấy thoát khổ.*

*Good is restraint in deed;
good is restraint in speech;
good is restraint in mind;
good is restraint in everything.
The bhikkhu, restrained at all points,
is freed from sorrow. -- 361*



362

*Điều phục cả chân tay,
Điều phục ngay đầu óc,
Điều phục lời ngang dọc,
Đón đợc vui thành thiền,
Trì túc sống an nhiên,
Tỷ kheo là vậy đó!*

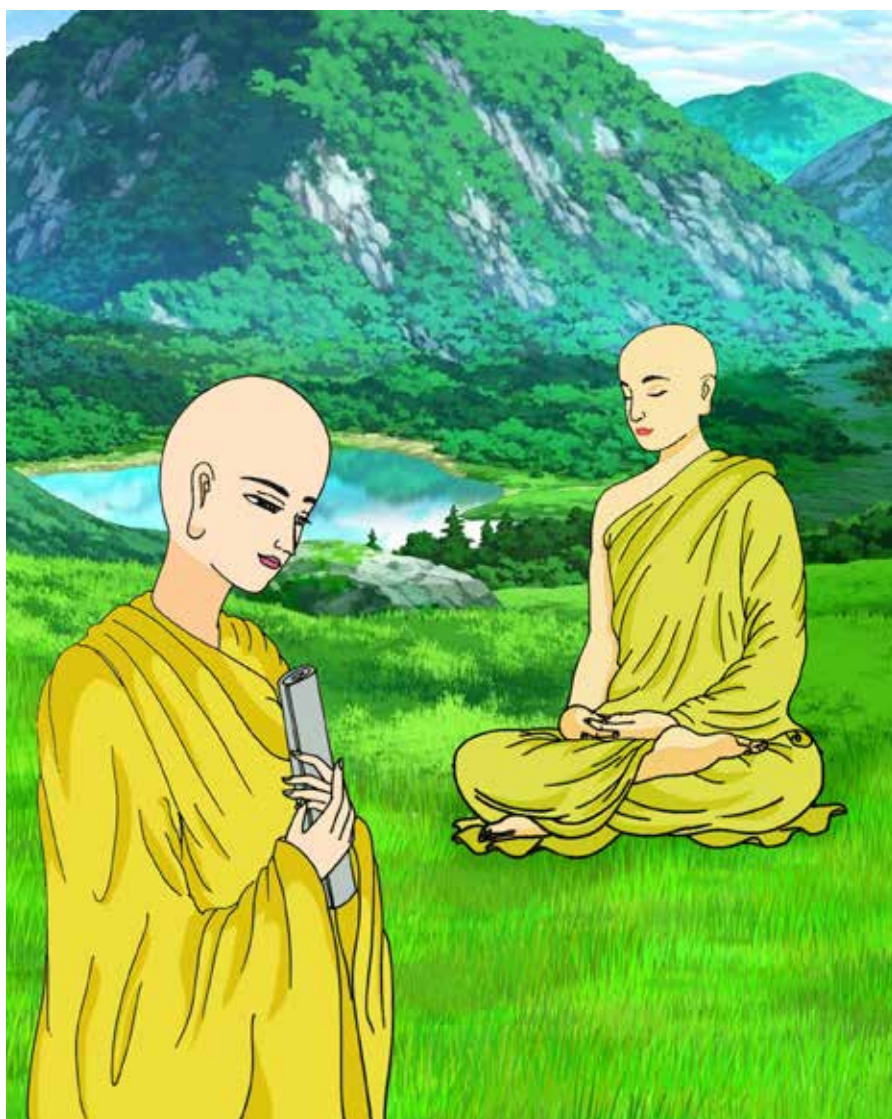
*He who is controlled in hand, in foot, in
speech,
and in the highest (i.e., the head);
he who delights in meditation, and is
composed;
he who is alone, and is contented,
- him they call a bhikkhu. — 362*



363

*Tỷ kheo điều phục lưỡi,
Khiêm ái không tự cao,
Diễn giải nghĩa kinh điển,
Lời êm dịu ngọt ngào.*

*The bhikkhu who is controlled in tongue,
who speaks wisely, who is not puffed up,
who explains the meaning and the text,
- sweet, indeed. is his speech. -- 363*



364

*Tỷ kheo trụ chánh pháp,
Quý pháp, thường hành thiền,
Niệm pháp, tâm tỉnh chuyên,
Ắt không rời Chánh pháp.*

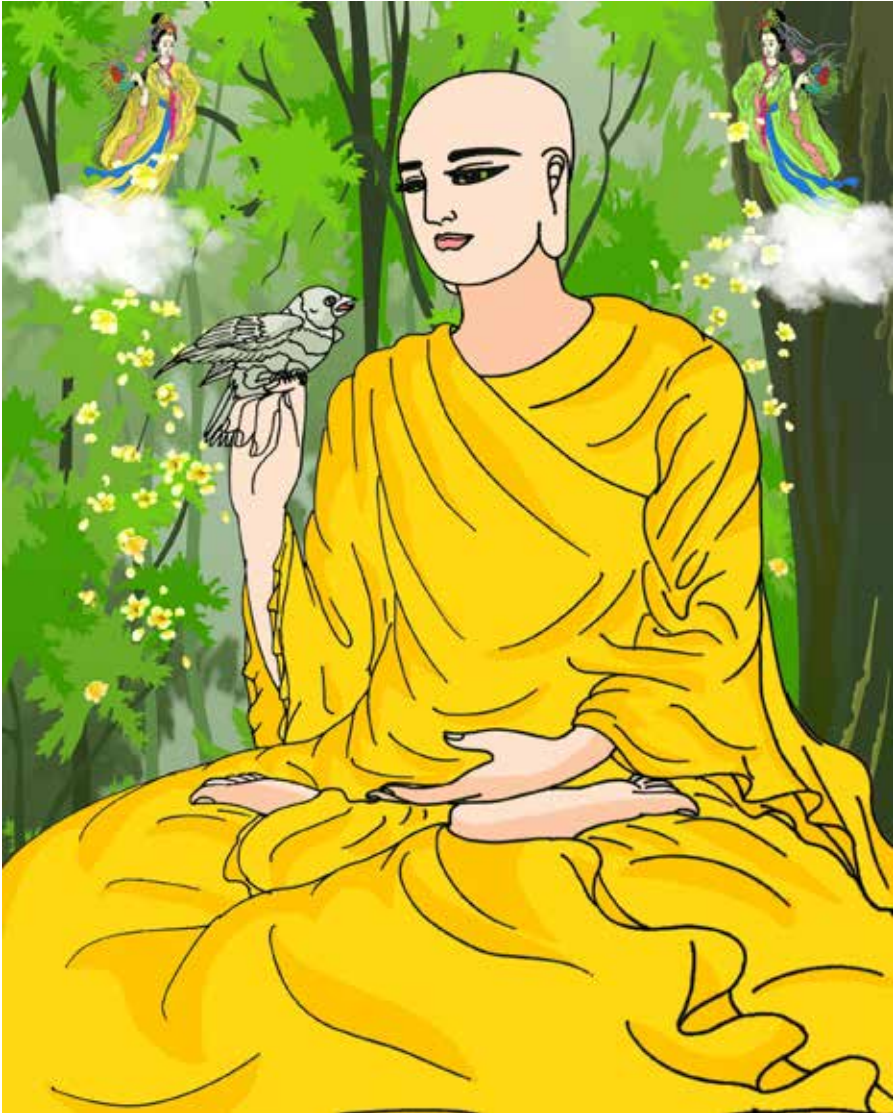
*That bhikkhu who dwells in the Dhamma,
who delights in the Dhamma,
who meditates on the Dhamma,
who well remembers the Dhamma,
does not fall away from the sublime
Dhamma. -- 364*



365

*Chớ chê điều mình đạt,
Chớ ganh ghét của người;
Tỷ kheo vọng tâm tư,
Không sao vào chánh định.*

*Let him not despise what he has received,
nor should he live envying (the gains of) others.
The bhikkhu who envies (the gains of) others
does not attain concentration. -- 365*



366

*Tỷ kheo dù nhận ít,
Nhưng tâm không khinh thường,
Sống thanh tịnh, tinh tấn,
Chư thiên cũng tán dương.*

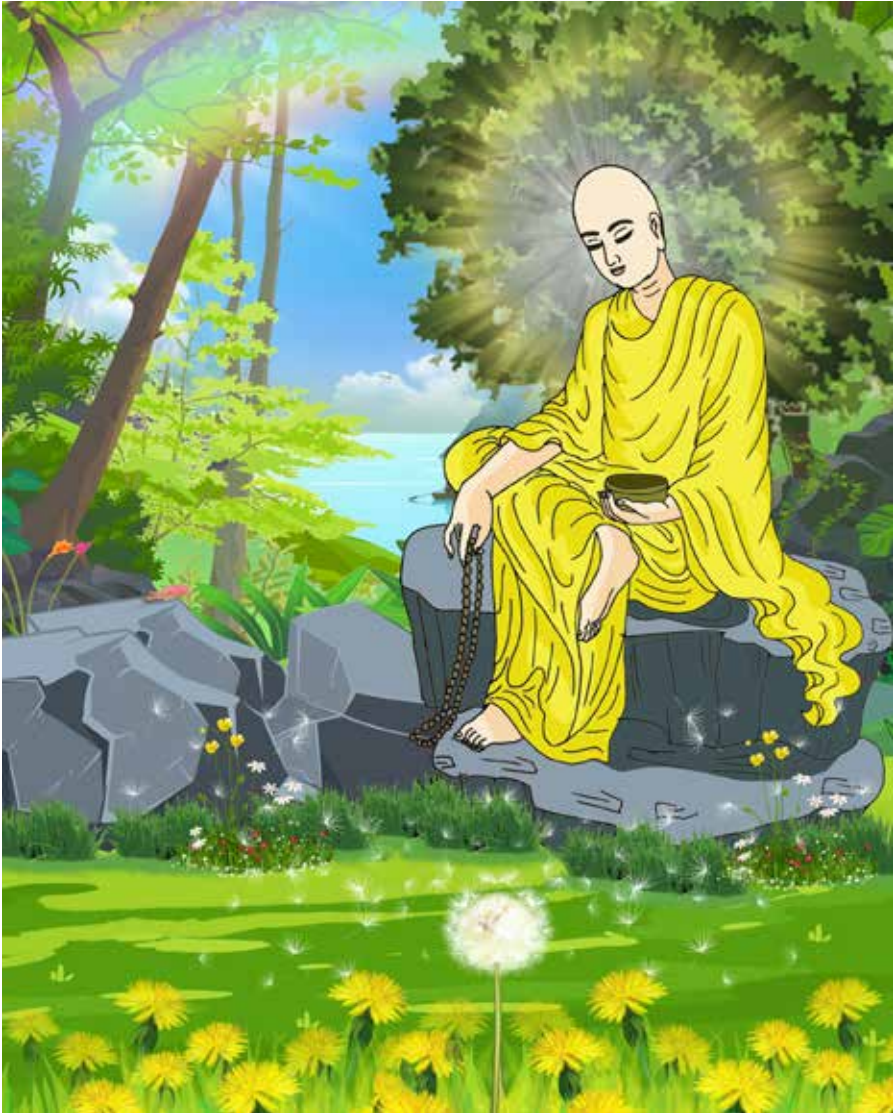
*Though receiving but little,
if a bhikkhu does not despise his own gains,
even the gods praise such a one
who is pure in livelihood and is not
slothful. -- 366*



367

*Đối với cả thân tâm,
Không chấp ta, của ta,
Không buồn điều không có,
Đó gọi là tỳ kheo.*

*He who has no thought of "I" and "mine"
whatever towards mind and body,
he who grieves not for that which he has not,
he is, indeed, called a bhikkhu. -- 367*



368

*Tỷ kheo vui pháp Phật,
An trụ tâm từ bi,
Chứng đạt cảnh an tịnh,
Giải thoát pháp hữu vi.*

*The bhikkhu who abides in loving-kindness,
who is pleased with the Buddha's Teaching,
attains to that state of peace and happiness,
the stilling of conditioned things. -- 368*



369

*Tỷ kheo tát sạch nước,
Thuyền này nhẹ lướt nhanh,
Trừ tham dục, sân hận,
Niết bàn tất viên thành.*

*Empty this boat, O bhikkhu!
Emptied by you it will move swiftly.
Cutting off lust and hatred,
to Nibbana you will thereby go. -- 369*



370

*Tỷ kheo đoạn diệt năm, (1)
Bỏ năm (2), tu tập năm (3)
Vượt qua năm vòng xích (4),
Xứng gọi bậc vượt dòng.*

- (1) Tham, sân, thân kiến, giới cấm thủ, nghi.
(2) Sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh.
(3) Tín, tấn, niệm, định, huệ.
(4) Tham, sân, si, mạn, tà kiến.

*Five cut off, five give up, five further
cultivate.*

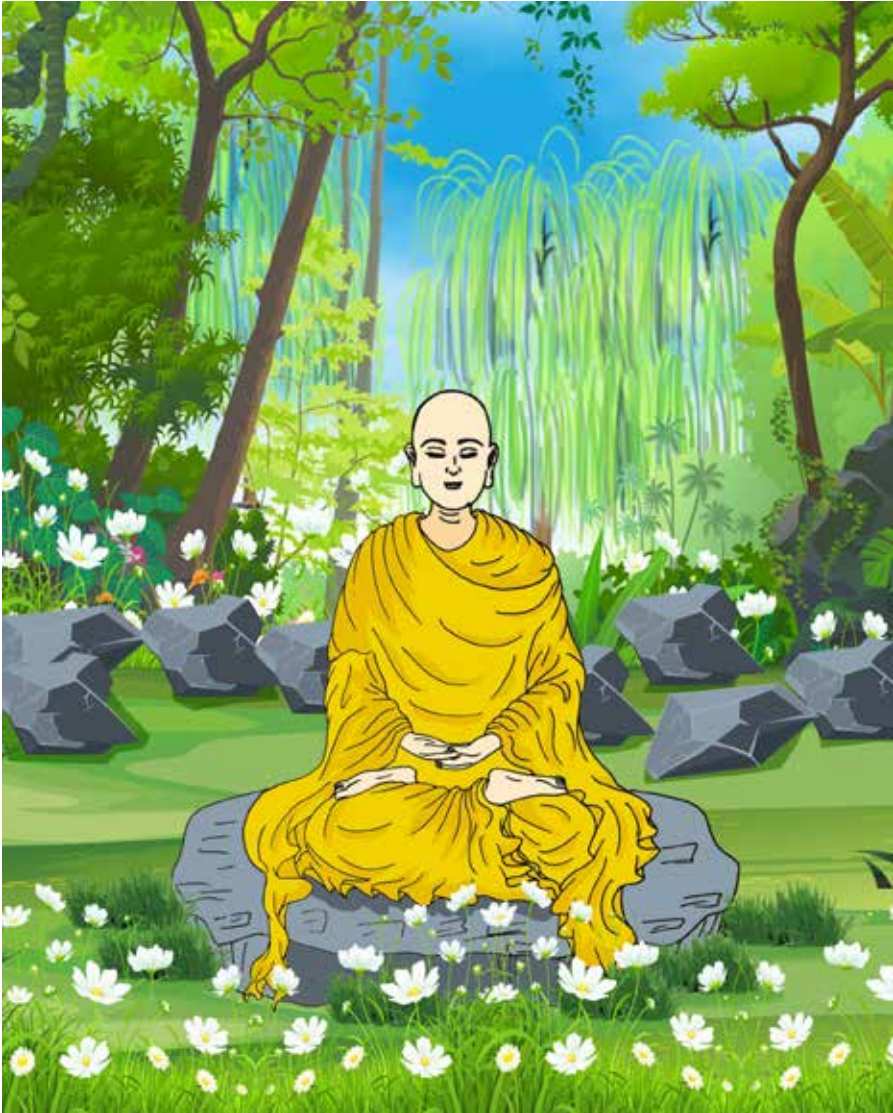
*The bhikkhu who has gone beyond
the five bonds
is called a "Flood-Crosser". -- 370*



371

*Chớ buông lung, dục lạc,
Tỷ kheo, hãy tu thiền.
Phóng dật, nước sắt nóng,
Bị đốt chớ than phiền!*

*Meditate, O bhikkhu! Be not heedless.
Do not let your mind whirl on sensual
pleasures.
Do not be careless and swallow a ball of lead.
As you burn cry not "This is sorrow". – 371*



372

*Không trí tuệ, không định,
Không định, không trí tuệ;
Người có tuệ, có định,
Đạt Niết bàn viên tịnh.*

*There is no concentration in one who lacks
wisdom,
nor is there wisdom in him who lacks
concentration.*

*In whom are both concentration and wisdom,
he, indeed, is in the presence of Nibbana.*

— 372



373

*Tỳ kheo sống đơn độc,
An định được nội tâm,
Trực quán theo chánh pháp,
Vui nguồn vui siêu nhân.*

*The bhikkhu who has retired to a lonely
abode,
who has calmed his mind,
who perceives the doctrine clearly,
experiences a joy transcending that of men.*

-- 373



374

*Người nhiếp tâm thường niệm,
Các uẩn thường diệt sanh,
Thọ hưởng niềm an lành,
Đạt cảnh giới bất tử.*

*Whenever he reflects on the rise and fall
of the Aggregates,
he experiences joy and happiness.
To “those who know”
that (reflection) is Deathless. -- 374*



375

*Tỷ kheo có trí tuệ,
Thường phòng hộ các căn,
Trì túc, giữ giới bổn,
Chân cần các bạn lành,
Sống nỗ lực tinh tấn,
Hợp chánh mạng cao thành.*

*And this becomes the beginning here
for a wise bhikkhu:
sense-control, contentment, restraint
with regard to the Fundamental Code
(Paatimokkha),
association with beneficent and energetic friends
whose livelihood is pure. -- 375*



376

*Người hành xử chân thành,
Tác phong thật đoan chánh,
Hưởng nguồn vui phạm hạnh,
Dứt sạch mọi khổ đau.*

*Let him be cordial in his ways and
refined in conduct;
filled thereby with joy,
he will make an end of ill. – 376*



377

*Tỷ kheo hãy vứt bỏ,
Mọi ý niệm tham sân,
Như hoa lài tàn úa,
Rời rụng khỏi cành thân.*

*As the jasmine creeper sheds its withered
flowers,
even so, O bhikkhus,
should you totally cast off lust and hatred.*

– 377



378

*Tỷ kheo thường điềm tĩnh,
Chân - khẩu - ý tịch tịnh,
Từ bỏ mọi việc đời,
Vững danh bậc an tịnh.*

*The bhikkhu who is calm in body,
calm in speech, calm in mind,
who is well-composed,
who has spewed out worldly things,
is truly called a "peaceful one". – 378*

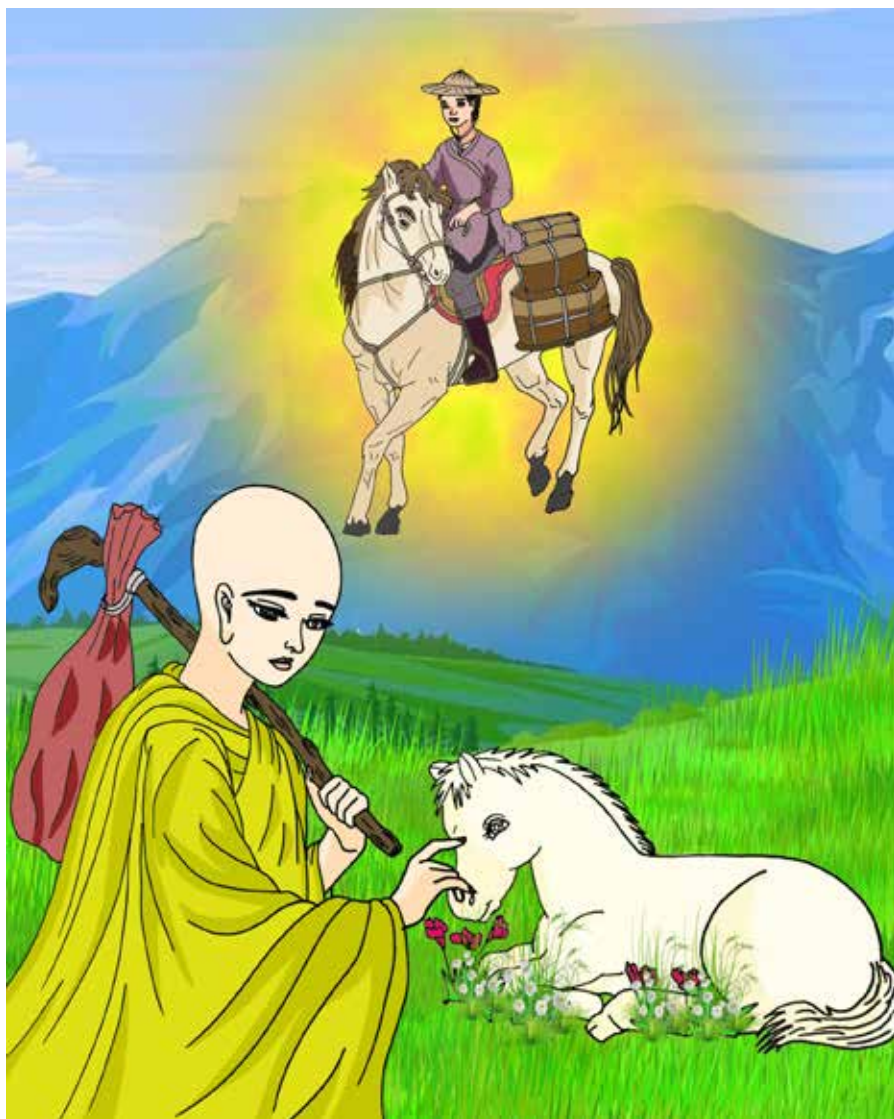


379

*Tự mình kiểm điểm mình,
Tự mình xem xét mình,
Tự phòng hộ, chánh niệm,
Tỷ kheo sống khương nình.*

*By self do you censure yourself.
By self do you examine yourself.
Self-guarded and mindful,
O bhikkhu, you will live happily.*

-- 379

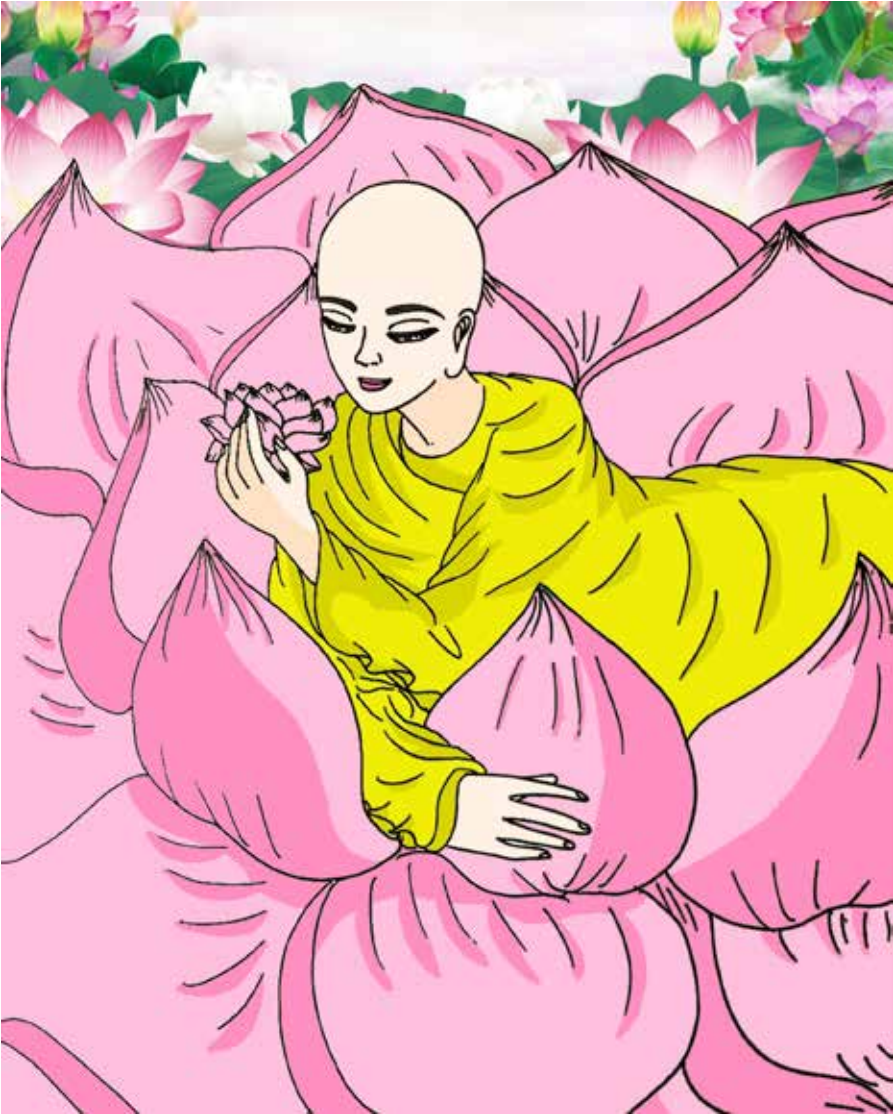


380

*Chính ta bảo vệ ta,
Chính ta nương tựa ta,
Chính ta tự điều phục,
Như ngựa theo thương gia.*

*Self, indeed, is the protector of self.
Self, indeed, is one's refuge.
Control, therefore, your own self
as a merchant controls a noble steed.*

-- 380



381

*Tỷ kheo thường hoan hỷ,
Thành tín pháp Phật-đà,
Chúng đạt cảnh an tịnh,
Các hành an lạc ra.*

*Full of joy, full of confidence in the
Buddha's Teaching,
the bhikkhu will attain the Peaceful State,
the stilling of conditioned things,
the bliss (supreme). -- 381*



382

*Tỳ kheo tuy trẻ tuổi,
Chuyên tu pháp Phật-đà,
Như trăng thoát mây chắn,
Sôi sáng trần gian ta.*

*The bhikkhu who, while still young,
devotes himself to the Buddha's Teaching,
illuminates this world like the moon
freed from a cloud. -- 382*



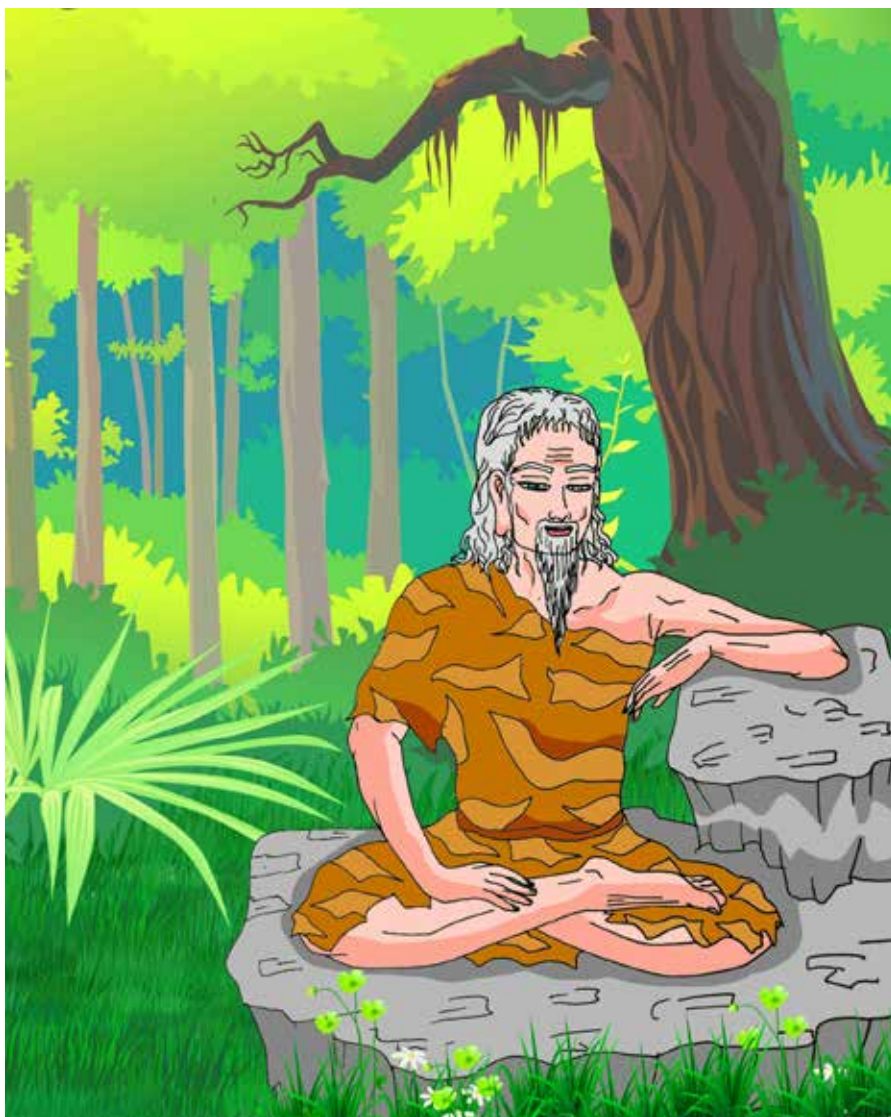
PHẨM XXVI
PHẨM BÀ LA MÔN
(THE BRAHMANA)



383

*Này đây Bà la môn,
Hãy đoạn dòng tham ái,
Thấu triệt pháp suy hoại,
Chúng đạt bậc Vô sanh.*

*Strive and cleave the stream.
Discard, O braahma.na, sense-desires.
Knowing the destruction of conditioned
things,
be, O braahma.na, a knower
of the Unmade (Nibbaana). – 383*



384

*Bà la môn trí tuệ,
An trụ hai pháp lành, (*)
Vượt sang bờ bên đó,
Dứt phiền não mới mạnh.*

() Chỉ và Quán*

*When in two states a braahma.na
goes to the Farther Shore,
then all the fetters of that "one who knows"
pass away. -- 384*



385

*Không bờ kia, bờ này,
Không hai bờ đó đây (*),
Không khổ đau buộc trói,
Ta gọi Bà la môn.*

(*) Sáu căn và sáu trần

*For whom there exists
neither the hither nor the farther shore,
nor both the hither and the farther shores,
he who is undistressed and unbound,
- him I call a brahma.na. — 385*



386

*Ấn cư, thiền, thanh tịnh,
Vô lậu, tu viên thành,
Đạt đến đích tối thượng,
Ta gọi Bà la môn.*

*He who is meditative, stainless and secluded,
he who has done his duty and is free from
corruptions,
he who has attained the Highest Goal,
- him I call a braahma.na. -- 386*



387

*Mặt trời sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Bình khí sáng vương tưng,
Thiền sáng Bà la môn;
Riêng hào quang đức Phật,
Rực sáng cả ngày đêm.*

*The sun shines by day; the moon is
radiant by night.
Armoured shines the warrior king.
Meditating the braahma.na shines.
But all day and night the Buddha
shines in glory. -- 387*



388

*Đứt ác gọi Phạm Chí,
An tịnh gọi sa môn,
Trừ sạch mọi cấu uế,
Gọi ẩn sĩ tu hành. (*)*

() Bậc xuất gia*

*Because he has discarded evil,
he is called a braahma.na;
because he lives in peace,
he is called a samana;
because he gives up the impurities,
he is called a pabbajita (recluse). – 388*



389

*Chớ đánh đập Phạm Chí,
Phạm chí chớ hận sân,
Xấu thay đánh Phạm Chí,
Sân hận càng xấu hơn.*

*One should not strike a braahma.na,
nor should a braahma.na vent (his wrath)
on one who has struck him.
Shame on him who strikes a braahma.na!
More shame on him who gives vent (to his
wrath)! -- 389*



390

*Đối với Bà là món,
Điều này lợi không nhỏ,
Tâm yêu thương từ bỏ,
Ý độc hại dứt ngay,
Điều phục được thế này,
Khổ đau hẳn đoạn tuyệt.*

*Unto a braahma.na that (non-retaliation)
is of no small advantage.
When the mind is weaned from things dear,
whenever the intent to harm ceases,
then and then only doth sorrow subside.
– 390*



391

*Người không tạo ác hạnh,
Bằng chính thân khẩu ý,
Ba nghiệp được chế chỉ,
Ta gọi Bà la môn.*

*He that does no evil through body, speech
or mind,
who is restrained in these three respects,
- him I call a braahma.na. — 391*



392

*Nhờ ai ta hiểu pháp,
Bậc chánh giác thuyết mình,
Vị ấy ta tôn vinh,
Như Phạm chí thờ lửa.*

*If from anybody one should understand
the doctrine
preached by the Fully Enlightened One,
devoutly should one reverence him,
as a brahmin reveres the sacrificial fire.*

– 392



393

*Được mệnh danh Phạm Chí,
 Dầu phải dầu bện tóc,
 Dầu phải vì gia tộc,
 Dầu phải gốc họ sanh,
 Người chánh, tịnh, chân thành,
 Chặt xứng danh Phạm chí.*

*Not by matted hair, nor by family, nor by
 birth
 does one become a braahma.na.
 But in whom there exist both truth and
 righteousness,
 pure is he, a braahma.na is he. -- 393*



394

*Ô kìa kẻ ngu si!
Thắt tóc bím ích chi?
Khôác da nai ích gì?
Trong chứa đầy tham dục,
Ngoài trang điểm dung nghi!*

*What is the use of your matted hair, O
witless man?*

*What is the use of your antelope skin
garment?*

*Within, you are full of passions;
without, you embellish yourself. -- 394*



395

*Người đắp y chấp vá,
Gầy ốm gân lộ ra,
Thiền định giữa rừng già,
Bà la môn ta gọi.*

*The person who wears dust-heap robes,
who is lean, whose veins stand out,
who meditates alone in the forest,
- him I call a braahma.na. -- 395*



396

*Không gọi Bà la môn,
Vì thai sanh, mẹ sanh,
Chỉ gọi đấng tánh danh,
Nếu tâm còn điên đảo,
Không chấp thủ, phiền não,
Ta gọi Bà la môn.*

*I do not call him a braahma.na
merely because he is born of a (brahmin) womb
or sprung from a (brahmin) mother.
He is merely a "Dear-addreser",
if he be with impediments.
He who is free from impediments, free from
clinging,
- him I call a braahma.na. -- 396*



397

*Đoạn hết mọi kiết sử,
Không khiếp sợ kinh hồn,
Vượt xiềng xích, đấm trước.
Ta gọi Bà la môn.*

*He who has cut off all fetters, who trembles
not,
who has gone beyond ties, who is unbound,
- him I call a braahma.na. – 397*



398

*Cắt dây cương (1), đai da (2),
Dứt dây (3), đồ phụ xa (4),
Bỏ trục ngang (5), giác ngộ,
Ta gọi Bà la môn.*

*(1) Ái dục; (2) Sân hận;
(3) Tà kiến; (4) Tùy miên
(5) Vô minh*

*He who has cut the strap (hatred),
the thong (craving), and the rope (heresies),
together with the appendages (latent
tendencies),
who has thrown up the cross-bar (ignorance)
who is enlightened (Buddha),
- him I call a braahma.na. — 398*



399

*Hi chịu đựng không oán,
 Trước hũy báng, áp bức,
 Lấy nhân làm quân lực,
 Ta gọi Bà la môn.*

*He who, without anger,
 endures reproach, flogging and punishments,
 whose power and the potent army is patience,
 - him I call a braahma.na. - 399*



400

*Giữ giới đức, lý ái,
Tròn bốn phận không sân,
Lần cuối tự điều thân,
Bà la môn ta gọi.*

*He who is not wrathful, but is dutiful,
virtuous, free from craving, self-controlled
and bears his final body,
- him I call a brahma.na. -- 400*



401

*Như nước trên lá sen,
 Dầu kim hạt cải mền,
 Dục lạc không vướng mắc,
 Ta gọi Bà la môn.*

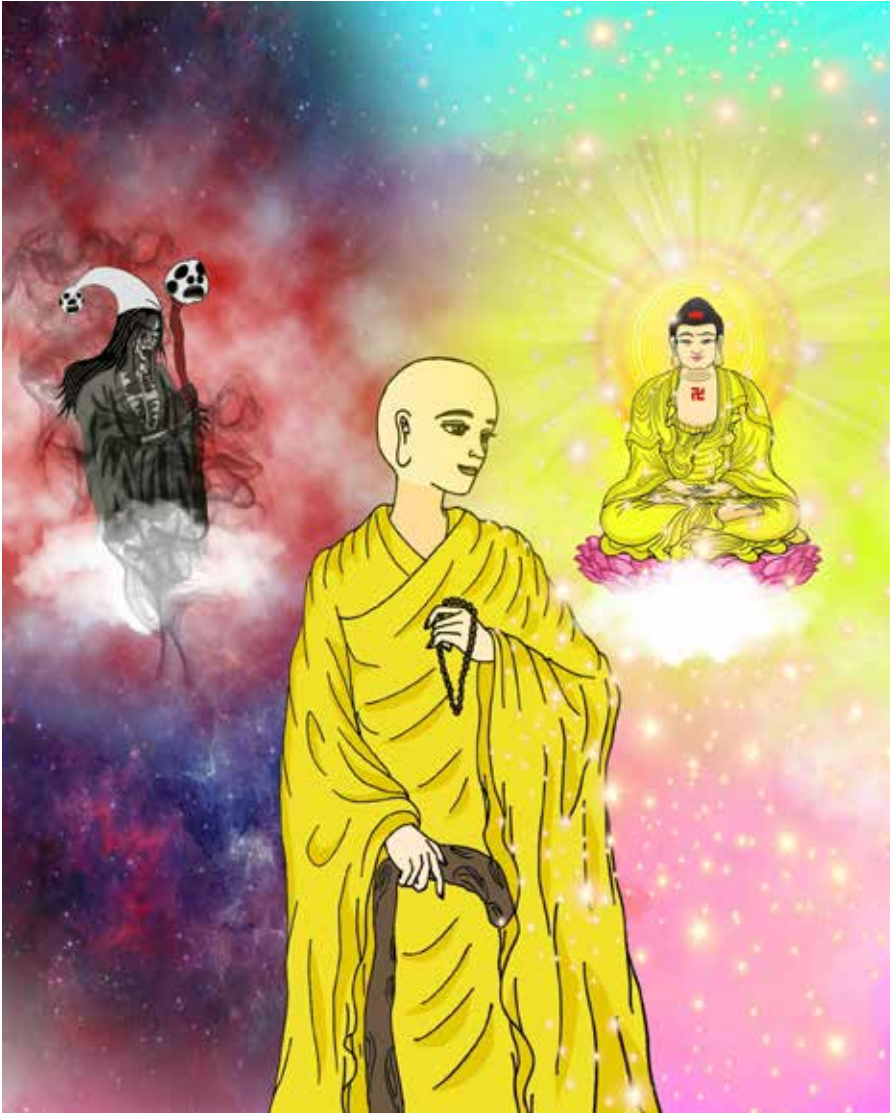
*Like water on a lotus leaf,
 like a mustard seed on the point of a needle,
 he who clings not to sensual pleasures,
 - him I call a braahma.na. -- 401*



402

*Hi tại thế gian này,
Chứng đắc sự diệt khổ,
Bỏ gánh nặng, siêu độ,
Ta gọi Bà la môn.*

*He who realizes here in this world
the destruction of his sorrow,
who has laid the burden aside and is
emancipated,
- him I call a braahma.na. -- 402*



403

*Người trí tuệ sâu xa,
Quán triệt đường chánh tà,
Đạt đến đích tối thượng,
Ta gọi Bà la môn.*

*He whose knowledge is deep, who is wise,
who is skilled in the right and wrong way,
who has reached the highest goal,
- him I call a braahma.na. — 403*



404

*Chẳng quan tâm thân thiện,
Hàng thế tục, xuất gia,
Sống vô dục, không nhà,
Ta gọi Bà la môn.*

*He who is not intimate either with
householders
or with the homeless ones,
who wanders without an abode,
who is without desires,
- him I call a braahma.na. -- 404*



405

*Không đánh đập chúng sanh,
Mạnh khỏe hay yếu đuối,
Không sát hại tàn rụi,
Ta gọi Bà la môn.*

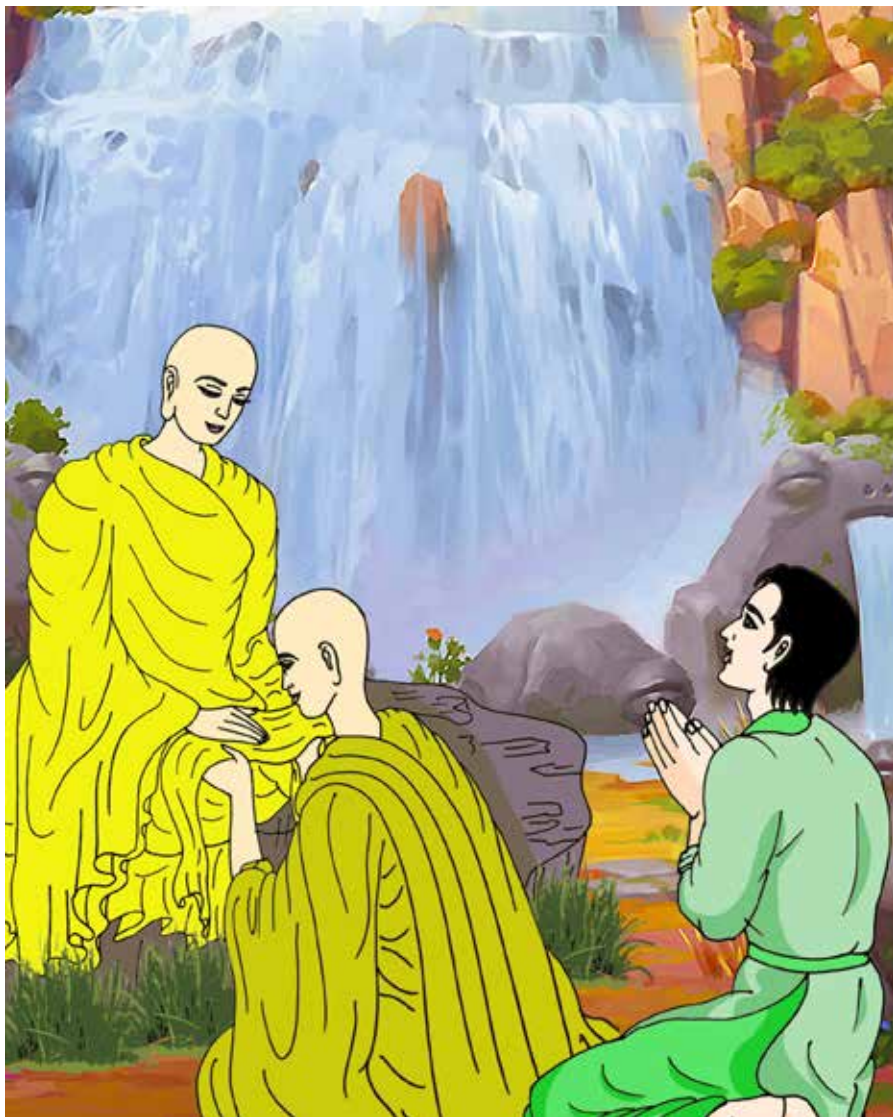
*He who has laid aside the cudgel
in his dealings with beings,
whether feeble or strong,
who neither harms nor kills,
- him I call a braahma.na. -- 405*



406

*Ôn hòa giữa bạo động,
Thân thiện giữa địch thù,
Buông xả giữa chấp thủ,
Ta gọi Bà la môn.*

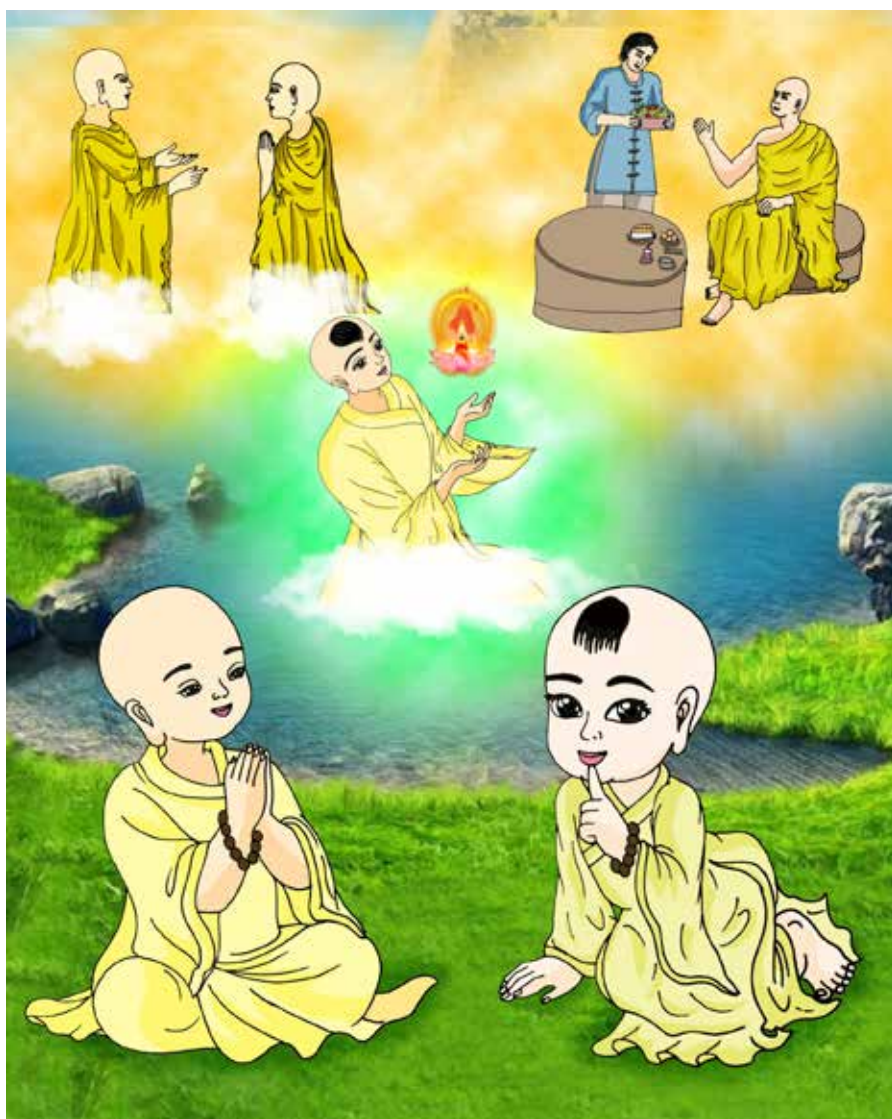
*He who is friendly amongst the hostile,
who is peaceful amongst the violent,
who is unattached amongst the attached,
- him I call a braahma.na. -- 406*



407

*Vất tham dục, sân hận,
Bề kiêu mạn, tị hiềm,
Như hạt cải đầu kim,
Bà la môn ta gọi.*

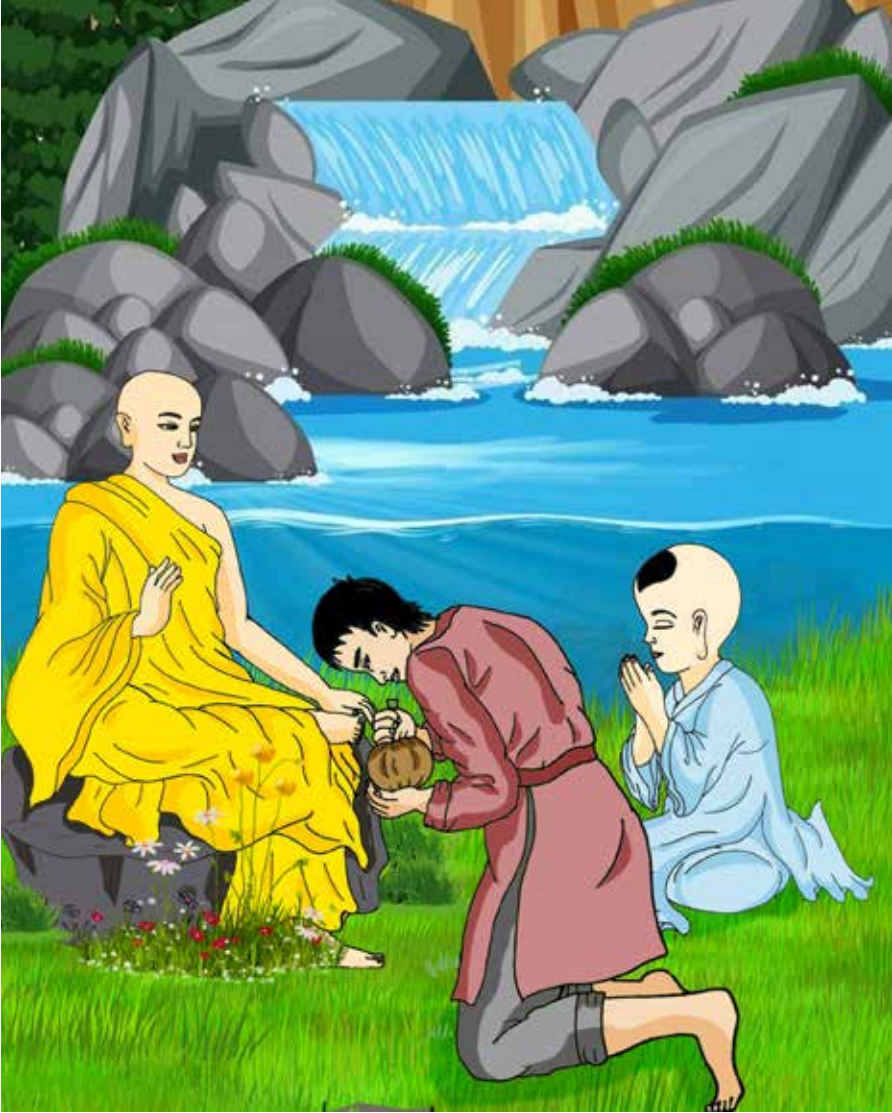
*In whom lust, hatred, pride, detraction
are fallen off
like a mustard seed from the point of a
needle,
- him I call a braahma.na. -- 407*



408

*Người nói lời chân thật,
Sẽ lợi và từ hòa,
Không xúc phạm ai cả,
Ta gọi Bà la môn.*

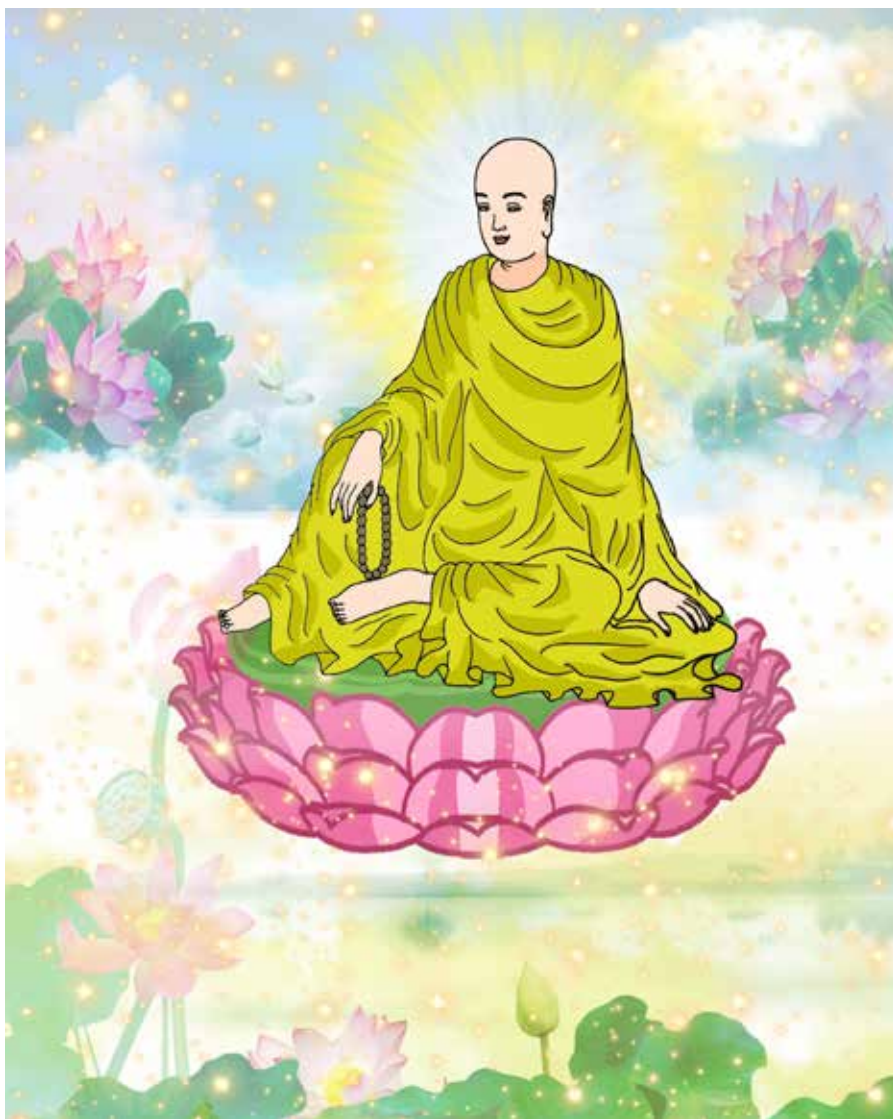
*He who utters gentle, instructive, true
words,
who by his speech gives offence to none,
- him I call a braahma.na. -- 408*



409

*Vật ngắn, dài, lớn nhỏ,
Đẹp, xấu có trên đời,
Không cho, không động tới,
Ta gọi Bà la môn.*

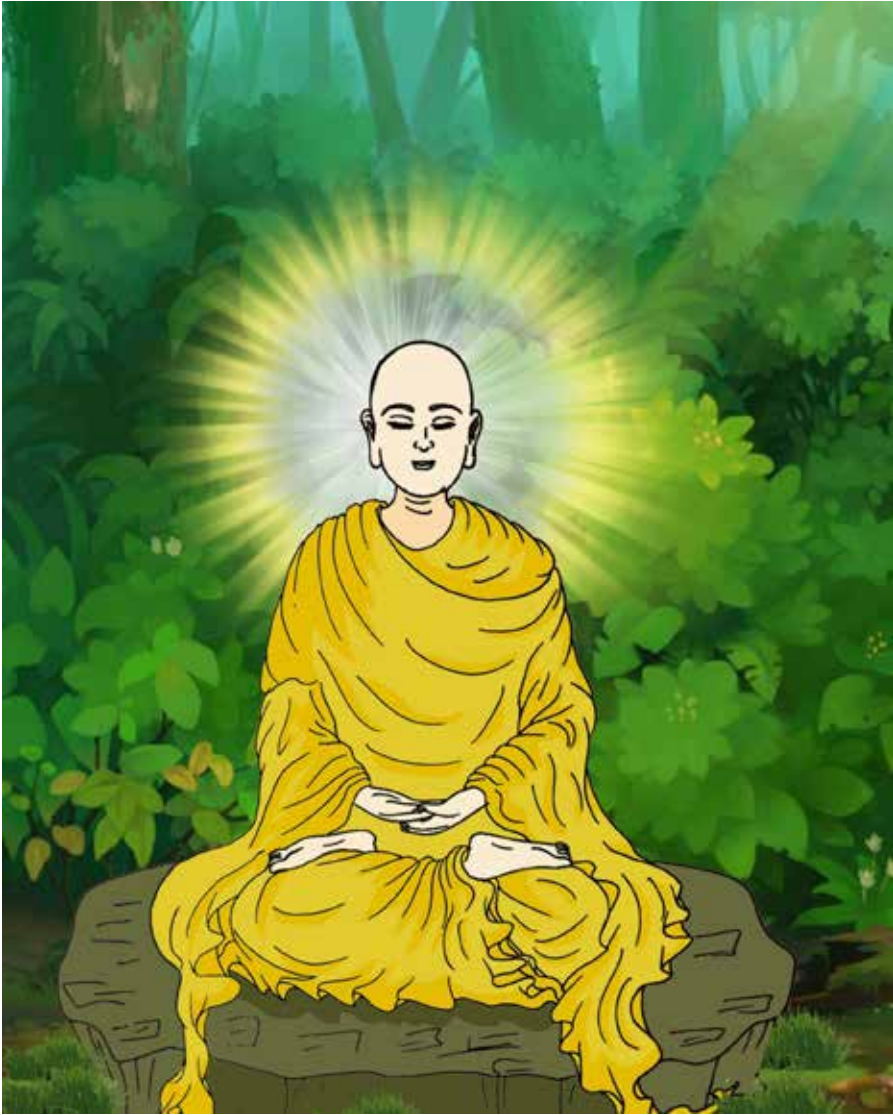
*He who in this world takes nothing that is
not given,
be it long or short, small or great, fair or foul,
- him I call a braahma.na. -- 409*



410

*Cả đời nay, đời sau,
Không vọng cầu thời thức,
Giải thoát hết tham dục,
Ta gọi Bà la môn.*

*He who has no longings,
pertaining to this world or to the next,
who is desireless and emancipated,
- him I call a braahma.na. -- 410*



411

*Không mong cầu, nghi hoặc,
Nhờ trí tuệ viên minh,
Đạt bất tử vô sinh,
Bà la môn ta gọi.*

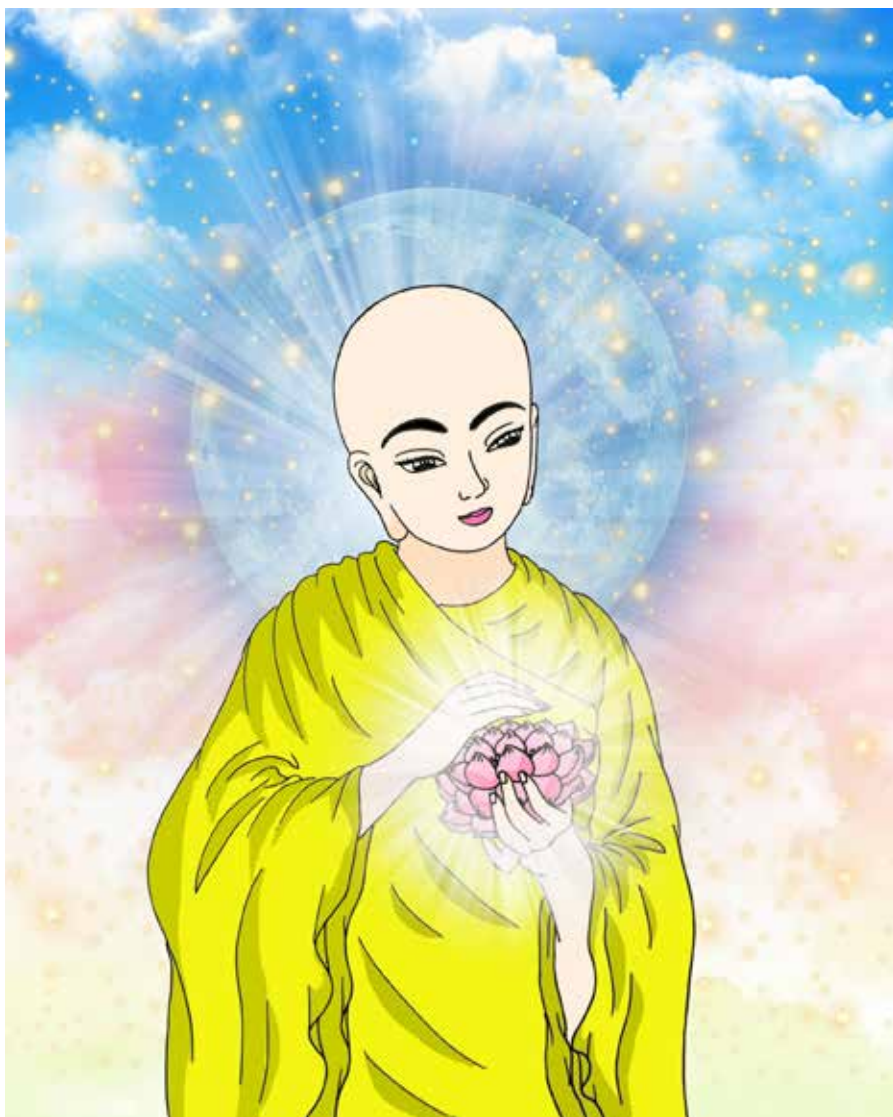
*He who has no longings,
who, through knowledge, is free
from doubts,
who has gained a firm footing in the
Deathless (Nibbana),
- him I call a braahma.na. -- 411*



412

*Người siêu việt thiện ác,
Đứt phiền não buộc ràng,
Thanh tịnh sống thênh thang,
Bà la môn ta gọi.*

*Herein he who has transcended
both good and bad
and the ties as well,
who is sorrowless, stainless, and pure,
- him I call a braahma.na. -- 412*



413

*Như mặt trăng lồng lộng,
Không dao động, sáng, trong,
Người diệt ái hữu xong,
Bà la môn ta gọi.*

*He who is spotless as the moon,
who is pure, serene, and unperturbed,
who has destroyed craving for becoming,
- him I call a braahma.na. -- 413*



414

*Vượt sinh lầy đường hiểm,
Thoát sinh tử, si mê,
Thiền định, sang bờ kia,
Đoạn nghi, diệt trừ ái,
Chứng Niết bàn, vô ngại,
Ta gọi Bà la môn.*

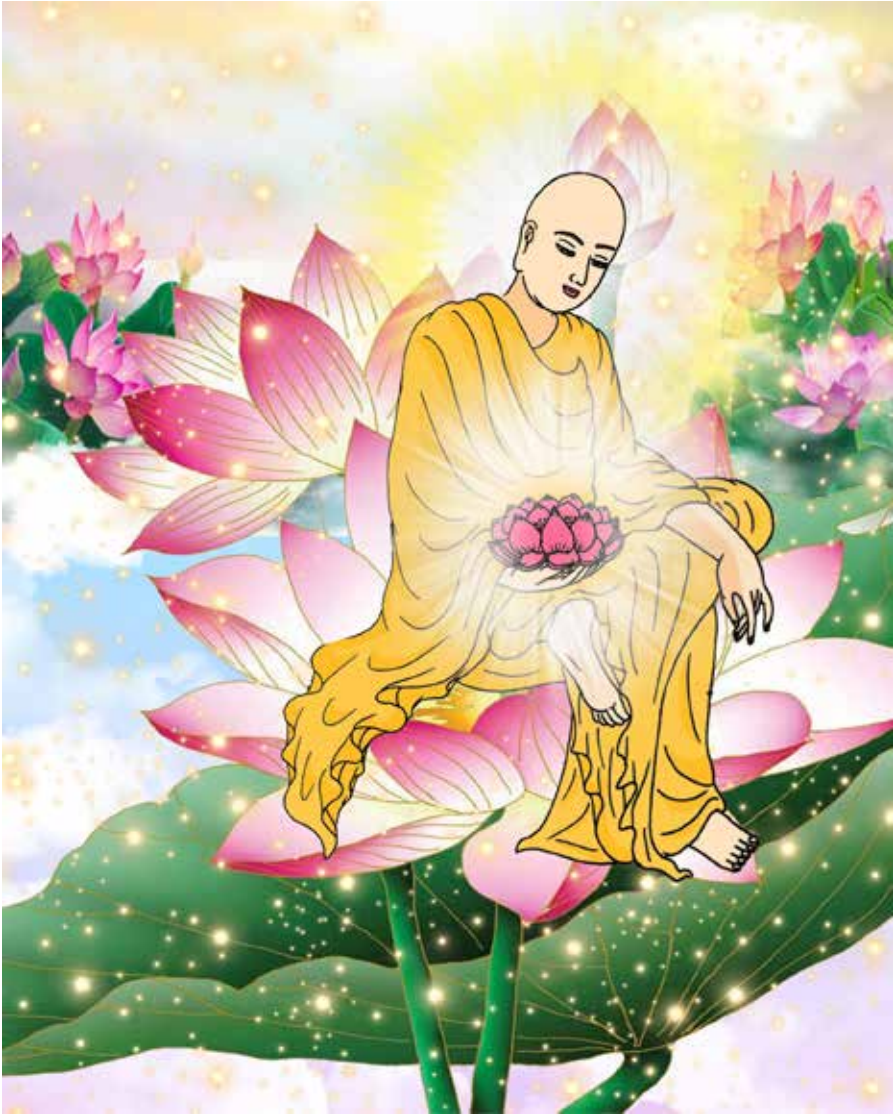
*He who has passed beyond this quagmire,
this difficult path, the ocean of life (sa.msaara),
and delusion,
who has crossed and gone beyond,
who is meditative, free from craving and doubts,
who, clinging to naught, has attained Nibbaana,
- him I call a braahma.na. — 414*



415

*Từ bỏ mọi dục lạc,
Xuất gia làm sa môn,
Đoạn diệt sạch dục, hữu,
Ta gọi Bà la môn.*

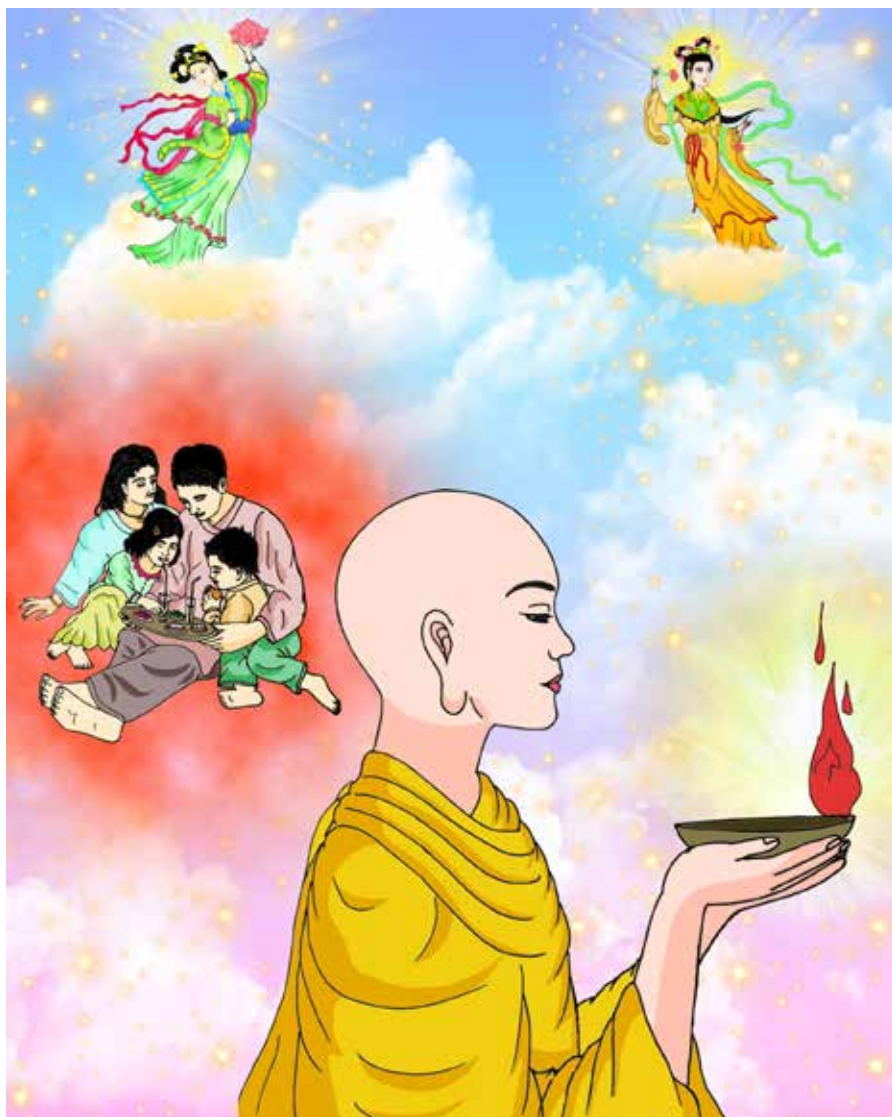
*He who in this world giving up sense-desires,
would renounce worldly life and become a
homeless one,
he who has destroyed sense-desires and
becoming,
- him I call a braahma.na. – 415*



416

*Từ bỏ mọi tham ái,
Xuất gia làm sa môn,
Đoạn diệt sạch ái, hữu,
Ta gọi Bà la môn.*

*He who in this world giving up craving,
would renounce worldly life
and become a homeless one,
he who has destroyed craving and becoming,
- him I call a braahma.na. – 416*



417

*Bỏ trôi buộc nhân gian,
Đứt buộc ràng thiên thượng,
Vượt thoát mọi lụy vương,
Ta gọi Bà la môn.*

*He who, discarding human ties
and transcending celestial ties,
is completely delivered from all ties,
- him I call a brahma.na. -- 417*



418

*Từ bỏ niềm ưa ghét,
Thanh lương, không nhiễm ô,
Quyết nhiếp phục thế giới,
Ta gọi Bà la môn.*

*He who has given up likes and dislike,
who is cooled and is without defilements,
who has conquered the world and is
strenuous,*

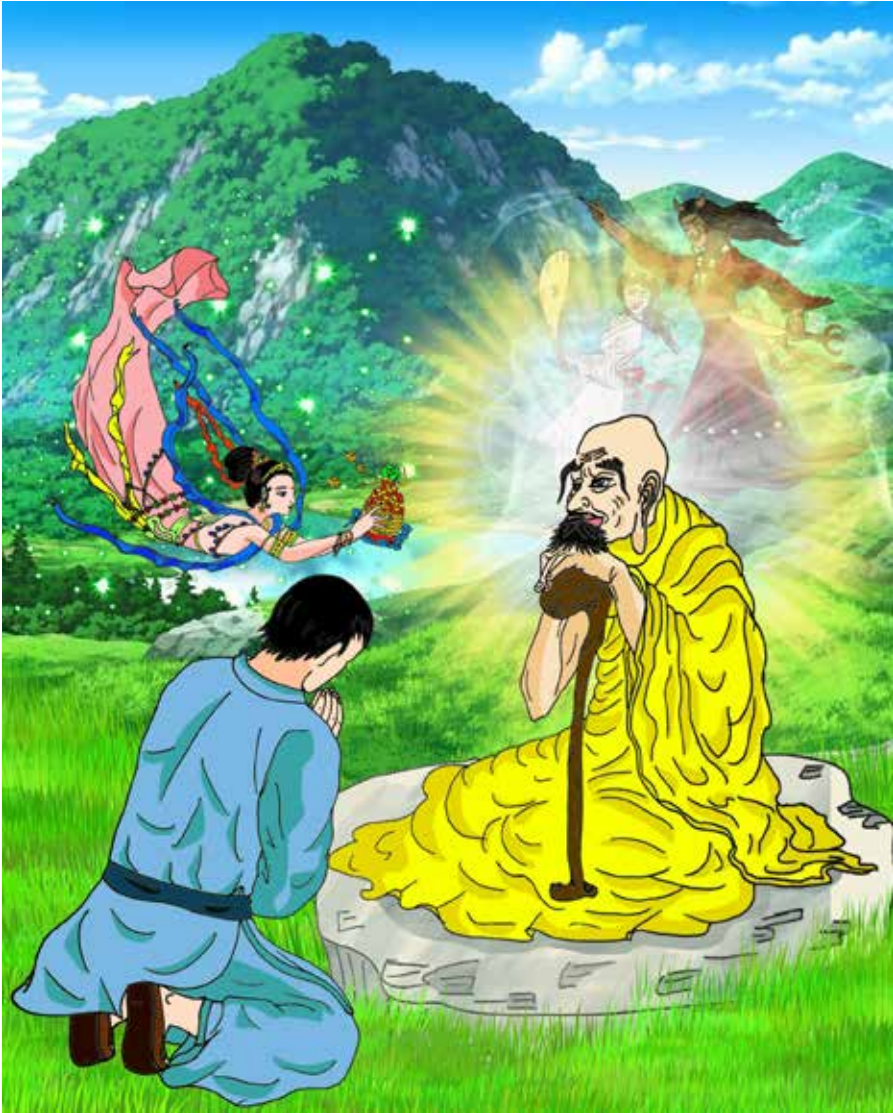
- him I call a braahma.na. – 418



419

*Lê sanh tử chúng sanh,
Hiếu rõ, không chấp trước,
Tự giác ngộ, siêu vượt,
Ta gọi Bà la môn.*

*He who in every way knows the death
and rebirth of beings,
who is non-attached, well-gone, and
enlightened,
- him I call a braahma.na. -- 419*



420

*Trời người, Càn thất bà,
Không nhận ra số kiếp,
Bác La hán lậu diệt,
Ta gọi Bà la môn.*

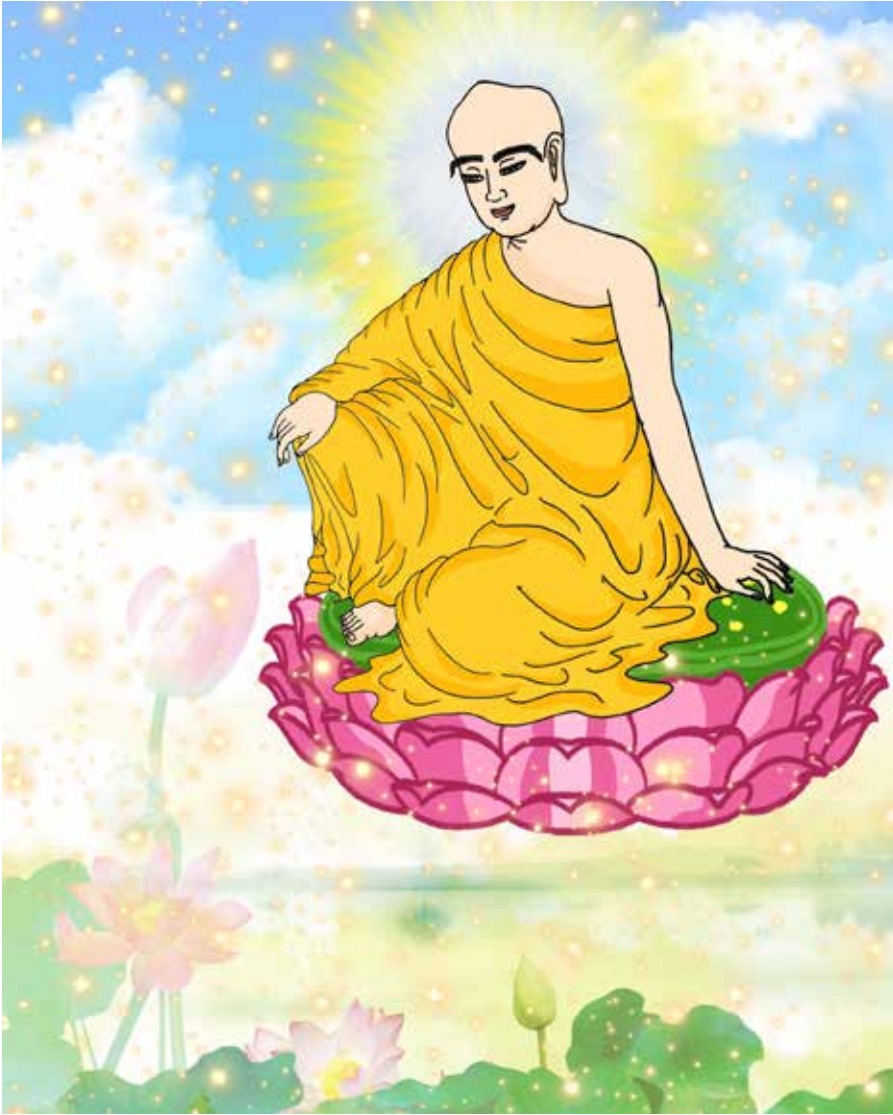
*He whose destiny neither gods nor gandhabbas
nor men know,
who has destroyed all corruptions,
and is far removed from passions (Arahant),
- him I call a brahma.na. — 420*



421

*Hi quá-hiện-vị lai,
Ngũ uẩn không bám trụ,
Không cầu mang, chấp thủ,
Ta gọi Bà la môn.*

*He who has no clinging to Aggregates
that are past, future, or present,
who is without clinging and grasping,
- him I call a braahma.na. -- 421*



422

*Bậc cao thượng, vô úy,
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc điều phục, vô tham,
Bậc thanh tẩy, giác trí,
Tất cả các bậc ấy,
Ta gọi Bà la môn.*

*The fearless, the noble, the hero,
the great sage, the conqueror,
the desireless, the cleanser (of defilements),
the enlightened,
- him I call a braahma.na. – 422*



423

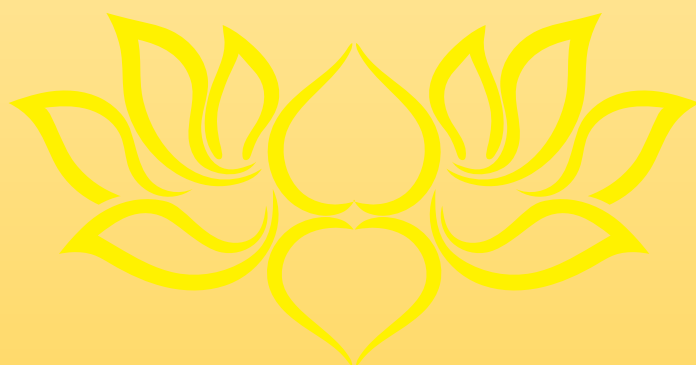
*Hi biết được kiếp trước,
Thấy thiên giới ngục tù,
Đoạn sanh tử luân hồi,
Viên thành vô thượng trí,
Thành tựu bậc đạo sĩ,
Ta gọi Bà la môn.*

*That sage who knows his former abodes,
who sees the blissful and the woeful states,
who has reached the end of births,
who, with superior wisdom,
has perfected himself,
who has completed (the holy life),
and reached the end of all passions,
- him I call a braahma.na. -- 423*

MỤC LỤC

		Trang
LỜI GIỚI THIỆU		3
PHẨM I	PHẨM SONG YẾU	5
PHẨM II	PHẨM TINH CẦN	27
PHẨM III	PHẨM TÂM Ý	41
PHẨM IV	PHẨM HOA HƯƠNG	55
PHẨM V	PHẨM NGU SI	73
PHẨM VI	PHẨM HIỀN TRÍ	91
PHẨM VII	PHẨM A-LA-HÁN	107
PHẨM VIII	PHẨM MUÔN NGÀN	119
PHẨM IX	PHẨM ÁC HẠNH	137
PHẨM X	PHẨM HÌNH PHẠT	153
PHẨM XI	PHẨM GIÀ YẾU	173
PHẨM XII	PHẨM TỰ NGÃ	187
PHẨM XIII	PHẨM THỂ GIAN	199
PHẨM XIV	PHẨM PHẬT ĐÀ	213
PHẨM XV	PHẨM AN LẠC	233
PHẨM XVI	PHẨM HỖ ÁI	247
PHẨM XVII	PHẨM PHẢN NỘ	261

PHẨM XVIII	PHẨM CẦU UẾ	277
PHẨM XIX	PHẨM PHÁP TRỤ	301
PHẨM XX	PHẨM CHÁNH ĐẠO	321
PHẨM XXI	PHẨM TẬP LỤC	341
PHẨM XXII	PHẨM ĐỊA NGỤC	359
PHẨM XXIII	PHẨM VOI RỪNG	375
PHẨM XXIV	PHẨM THAM ÁI	391
PHẨM XXV	PHẨM TỶ KHEO	419
PHẨM XXVI	PHẨM BÀ LA MÔN	445





TRANH MINH HOẠ
KINH PHÁP CÚ

Tịnh Minh dịch

Biên soạn:

© *Tranh vẽ: TkN - Thích nữ Tịnh Chúc*

Mail: *tinhhuc2020@gmail.com*

Gmail: *tranhhoathinhphatgiao@gmail.com*

© Tác giả giữ bản quyền

Điện thoại: **0901819985**

Mã vùng Việt Nam: **+84**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi, Q. Hoàn kiếm, Hà Nội
Đt: 024.37822845 - Fax: 024. 37822841

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc: **ThS. Nguyễn Hữu Có**

Biên tập: **Nguyễn Thị Hà**

Số lượng in: 5.000 bản khổ 14cm x 20cm
In tại: Công ty Cổ phần Thương mại in Nhật Nam. Địa chỉ: 007 Lô I,
KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.
Số ĐKXB: 3874-2023/CXBIPH/01-148/TG.
Số QĐXB: 707/QĐ-NXBTG ngày 3
tháng 11 năm 2023. Mã ISBN: 978-604-61-9957-1.
In xong và nộp lưu chiếu năm 2023.